

NGỌC PHƯƠNG NAM.



Jules Verne



nhà xuất bản  
TRẺ



nhà xuất bản  
HỘI NHÀ VĂN

Jules Verne

-NGỌC PHƯƠNG NAM-

BẢO CHÂN *dịch*



NHÀ XUẤT BẢN  
HỘI NHÀ VĂN





*Thông tin sách*

*Tên sách:* **Ngọc Phương Nam**

*Nguyên tác:* **L'Étoile du sud (1884)**

*Tác giả:* **Jules Verne**

*Người dịch:* **Bảo Chân**

*Nhà phát hành:* **Nhã Nam**

*Nhà xuất bản:* **NXB Hội Nhà Văn**

*Khối lượng:* **400g**

*Kích thước:* **14 x 20,5 cm**

*Ngày phát hành:* **06/2013**

*Số trang:* **316**

*Giá bìa:* **76.000đ**

*Thể loại:* **Tiểu thuyết Giả tưởng - Lãng mạn**

## Thông tin ebook

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Type+Làm ebook: thanhbt

Ngày hoàn thành: 12/10/2016

Dự án ebook #250 thuộc Tủ sách BOOKBT



### Giới thiệu

**Ngọc Phương Nam** xứng đáng được độc giả hâm mộ tác phẩm Jules Verne quan tâm nhiều hơn, vì tuy không nổi tiếng bằng *Tám mươi ngày vòng quanh thế giới*, *Hai vạn dặm dưới đáy biển* hay *Năm tuần trên kính khí cầu*, nhưng **Ngọc Phương Nam** lại chứa đựng một số phương diện hiếm thấy ở ngôi bút nhà văn vĩ đại của dòng văn chương khoa học viễn tưởng.

Tác phẩm đưa ta vào thế giới kỳ bí, vừa hoang sơ vừa hùng tráng, vừa thô mộc vừa diễm lệ của những viên kim cương, đưa ta vào công việc lao động chân tay và cuộc sống chật phác, lao khổ của người thợ mỏ kim cương, cuộc sống ấy được đặt bên cạnh và tương phản mãnh liệt với tính chất phù phiếm tột cùng của thế giới đá quý. Dĩ nhiên, Jules Verne cũng đặt màu da đen của người Phi đối lập với những người da trắng chủ mỏ. Và trên tất cả, **Ngọc Phương Nam** cho ta thấy ngay cả người sáng lập dòng văn chương khoa học viễn tưởng hiển hách cũng không thể tránh có lúc bàn tới (và bàn rất hay) về tình yêu.



**Jules Verne** sinh ngày 8 tháng hai năm 1828 tại Nantes, mất ngày 24 tháng Ba năm 1905 tại Amiens (Pháp). Ông là nhà văn Pháp nổi tiếng, người đi tiên phong trong lịch sử thể loại Khoa học viễn tưởng.

Năm 1863, cuốn tiểu thuyết đầu tay *Năm tuần trên kính khí cầu* của Jules Verne được xuất bản tại nhà xuất bản Pierre- Jules hetzel, một trong những nhân vật quan trọng nhất trong ngành xuất bản Pháp thời bấy giờ và đã gặt hái thành công vang dội vượt ra ngoài biên giới nước Pháp. Sau thắng lợi đầu tiên đó, Jules Verne đã ký với hetzel hợp đồng 20 năm sáng tác các tiểu thuyết cho tờ *Tap chí giáo dục và giải trí* chuyên dành cho giới trẻ. Trong vòng 40 năm, Jules Verne đã sáng tác loạt tiểu thuyết *Những chuyến du hành kỳ thú* (Voyages extraordinaires) bao gồm 62 tiểu thuyết và 18 truyện ngắn.

Các tiểu thuyết của Jules Verne được đánh giá rất cao; chúng tiên đoán về cuộc sống hiện đại và các thành tựu khoa học kỹ thuật. Jules Verne đã viết về những chuyến du hành bằng máy bay hay tàu ngầm trong không gian, dưới lòng đất hay dưới nước... trước khi những phương tiện này được phát minh. Theo *Index Translationum*, ông là tác giả thứ hai được dịch nhiều nhất trên thế giới với tổng số 4.702 bản dịch các thứ tiếng, chỉ sau Agatha Christie. Năm 2011, ông là tác giả Pháp được dịch nhiều nhất trên thế giới.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày mất của tác giả, năm 2005 được gọi là “Năm Jules Verne”.

# CHƯƠNG 1: NGƯỜI PHÁP THẬT LÀ ĐƯỜNG ĐỘT

“Nói đi, chàng trai, tôi đang nghe.

“Thưa ngài, tôi xin hân hạnh được cầu hôn tiểu thư Watkins, con gái ngài.”

“Cầu hôn Alice ư?...”

“Vâng, thưa ngài. Lời cầu hôn của tôi có vẻ làm ngài sững sốt. Tuy vậy, xin ngài thứ lỗi nếu tôi thấy hơi chút khó hiểu vì sao nó làm ngài thấy kỳ lạ. Tôi đã hai sáu tuổi. Tôi tên Cyprien Méré. Tôi là kỹ sư mỏ, tốt nghiệp hạng nhì trường Bách Khoa. Gia đình tôi danh giá và được kính nể, dù không giàu có. Ngài lãnh sự Pháp ở tỉnh Cap sẽ chứng thực điều đó giúp tôi nếu ngài muốn, và bạn tôi, Pharamond Barthès, chàng thợ săn dũng cảm mà ngài quen thân, cũng như mọi người ở Griqualand, cũng có thể xác nhận điều đó. Tôi đến đây để công tác khoa học đại diện cho Viện hàn lâm Khoa học và cả Chính phủ Pháp. Năm ngoái, tôi đã đạt giải houdard ở Viện, cho công trình nghiên cứu về cấu tạo hóa học của đá núi lửa vùng Auvergne. Luận án của tôi với đề tài mỏ kim cương ở Vaal, sắp được hoàn thành, chỉ có thể được giới bác học nồng nhiệt đón nhận mà thôi. Khi trở về sau chuyến công tác này, tôi sẽ được bổ nhiệm làm trợ giảng tại trường Mỏ Địa chất Paris, và tôi đã nhờ thuê được căn hộ ở phố Đại học, số 104 trên tầng tư. Lương của tôi vào tháng Giêng tới đây sẽ đạt bốn nghìn tám trăm franc. Thế chẳng phải giàu có lắm, tôi biết, nhưng với những nghiên cứu cá nhân, công việc kiểm định, giải thưởng hàn lâm, và việc cộng tác với các tạp chí khoa học, mức thu nhập đó sẽ tăng thêm gần gấp đôi. Mặt khác, tôi có lối sống giản dị nên không cần nhiều tiền hơn để sống hạnh phúc. Thưa ngài, tôi xin hân hạnh được cầu hôn tiểu thư Watkins, con gái ngài.”



Chỉ nghe cái giọng rần rỏi và quả quyết trong đoạn diễn thuyết ngắn trên cũng dễ thấy Cyprien Méré, trong mọi tình huống, đã quen đi thẳng vào vấn đề và ăn nói thẳng thắn.

Diện mạo của chàng không đối nghịch với ấn tượng do ngôn từ của chàng tạo ra. Đó là diện mạo của một chàng trai trẻ luôn bận tâm với những quan niệm khoa học cao siêu nhất, và chỉ thốt ra những lời kiêu căng hào nhoáng vào đúng thời điểm thực sự cần thiết.

Mái tóc màu hạt dẻ của chàng, húi cua, bộ ria vàng cạo sát da mặt, nét giản dị trong bộ y phục có áo choàng hình nón<sup>[1]</sup> bằng vải cutin xám, chiếc mũ rom đáng giá mười xu mà chàng lịch thiệp đặt trên ghế khi đi vào - mặc cho người đang đối thoại với chàng vẫn điềm tĩnh đội mũ với vẻ phớt tình Ăng lê thường thấy - mọi thứ từ Cyprien Méré chứng tỏ một tư cách đứng đắn, cũng như ánh mắt trong sáng của chàng cho thấy một tấm lòng trong sạch và lương tâm ngay thẳng.

Ngoài ra, phải nói rằng chàng trai Pháp nói tiếng Anh thật hoàn hảo, như thể chàng đã sống lâu năm ở những hạt bản xứ nhất của Vương Quốc Anh.

Ông Watkins ngồi trên ghế bành gỗ, chân trái gác lên một ghế đầu bằng rom, cùi chỏ tựa trên một góc bàn thô kệch, trước mặt có hũ rượu gin và một ly rượu rót lưng, vừa lắng nghe chàng vừa hút một tẩu thuốc dài.

Ông vận chiếc quần tây trắng, áo vest vải thô màu xanh, áo sơ mi flanen vàng nhạt, không áo gi lê cũng chẳng đeo cà vạt. Ẩn dưới chiếc mũ phớt rộng như thể gắn chặt vào mái tóc xám của ông, là khuôn mặt phị tròn ửng đỏ tương chừng như có đắp lớp thạch màu hồng sẫm. Khuôn mặt ấy chẳng mấy hấp dẫn, điểm đây đó một lớp râu cụt ngắn màu cỏ gà, kết hợp với đôi mắt nhỏ xám, không gợi lên vẻ nhẵn nại và lòng nhân từ.

Phải nói ngay, để bào chữa cho ông Watkins, rằng ông mắc chứng bệnh thống phong nặng khiến ông phải bó chân trái bằng vải, và - ở nam Phi

cũng chẳng hơn gì các nước khác - bệnh thống phong gặm nhấm khớp xương không phải là thứ bệnh làm người ta thuần tính hơn.

Cảnh tượng ấy diễn ra nơi tầng trệt ở trang trại ngài Watkins, vào khoảng vĩ độ 29 về phía nam xích đạo và kinh độ 22 về phía Đông của kinh tuyến Paris, trên đường biên giới Tây của Tiểu bang độc lập orange, phía Bắc của tỉnh Cap thuộc địa Anh Quốc, ở trung tâm vùng nam Phi hay vùng châu Phi thuộc địa của Anh-hà Lan. Xứ sở này, với hữu ngạn sông orange tạo mốc biên giới phía nam của sa mạc Kalakari rộng lớn, có tên là Griquas trên những bản đồ xưa, khoảng chục năm nay được gọi bằng cái tên phù hợp hơn, “Diamond-Field”, Cánh đồng Kim cương.

Phòng tiếp khách, nơi diễn ra cuộc hội kiến xã giao ấy, đáng chú ý bởi cả vẻ xa hoa không thích đáng của một vài đồ vật trong nhà cũng như sự nghèo nàn của một số chi tiết nội thất khác. Chẳng hạn như, nền nhà chỉ đơn giản bằng đất nện nhưng một số chỗ lại được trải thảm dày và da lông thú quý. Trên tường, tuyệt nhiên không hề dán giấy phủ tường, lại treo một đồng hồ quả lắc bằng đồng khắc chạm tuyệt đẹp, các loại vũ khí quý giá khác nhau, những bìa sách cổ Anh được đóng trong khung lộng lẫy. Một chiếc ghế sofa bọc nhung đặt cạnh cái bàn gỗ trắng, loại bàn chỉ thích hợp nhất cho việc bẻ nút. Máy cái ghế bành, chuyển thẳng từ châu Âu, đang mời gọi ông Watkins ngồi lên, nhưng ngài thì thích ngồi cái ghế cũ do chính tay ngài đẽo gọt trước đây hơn. Tuy vậy, nhìn tổng thể, việc các đồ vật giá trị chồng chất lên nhau, nhất là mớ hỗn độn mấy thứ da báo, beo, hươu cao cổ và mèo rừng phủ trên các loại đồ đạc, tạo cho căn phòng một vẻ giàu sang kịch cỡm.

Và lại, nhìn cấu tạo của trần, hẳn nhiên căn nhà này không có lầu và chỉ gồm một tầng trệt. Cũng giống như các ngôi nhà khác ở xứ này, nó được xây dựng bằng ván, đất sét, lợp bằng những tấm kẽm xẻ rãnh, đặt lên bộ khung nhẹ.

Ngoài ra, ta còn nhận thấy ngôi nhà này vừa được hoàn thành. Thật thế, chỉ cần nghiêng người nhìn qua một trong các cửa sổ của ngôi nhà là có thể

thấy, bên phải cũng như bên trái, có năm hay sáu công trình bị bỏ hoang, tất cả đều cùng một kiểu nhưng tuổi đời khác nhau, và tình trạng mục nát tăng dần. Đó là những căn nhà ông Watkins đã lần lượt xây, ở rồi bỏ hoang, cùng với sự giàu lên về của cải của ông ta, nói cách khác chúng thể hiện các nấc thang thăng tiến.

Căn nhà ở xa nhất chỉ được dựng đơn giản từ các mảng cỏ, và chỉ đáng được xem như túp lều. Căn tiếp theo làm từ đất sét - căn thứ ba làm từ đất và ván ghép - căn thứ tư làm từ đất sét lợp kẽm. Ta có thể thấy ông Watkins đã thăng tiến thế nào nhờ các vận may trong công việc của ông.

Những ngôi nhà ấy, bị hư hỏng ít nhiều, được xây dựng trên một gò đất gần hợp lưu sông Vaal và sông Modder, hai nhánh chính của dòng orange ở vùng nam Phi này. Ở các khu phụ cận, trong tầm nhìn xa nhất có thể, ta chỉ nhìn thấy, về phía Tây nam và mạn Bắc, đồng bằng buồn hiu và trơ trọi. Le Veld - theo người xứ này bảo - được hình thành từ nền đất đỏ nhạt, khô cằn, bụi bặm, hiếm hoi lắm mới thấy rải rác đó đây một nhánh cỏ thưa và một vài bụi cây gai. Sự vắng bóng hoàn toàn của cây xanh là đặc điểm nhận diện xứ sở u buồn này. Từ đó, vì nơi này không hề có than đá, giao thông đường biển lại chậm chạp và khó khăn, nên ta không lạ gì chuyện thiếu chất đốt, và dân ở đây, để phục vụ cho các sinh hoạt gia đình, buộc phải đốt phân gia súc.

Trong khung cảnh đơn điệu ấy, với dáng vẻ gần như thê lương, hai nhánh sông trải dài thật phẳng lặng, ít bị kẹp giữa hai bờ dốc đứng, ta gần như không hiểu sao hai sông kia không chảy ngang qua đồng bằng.

Chỉ về đằng Đông, chân trời như bị khứa hình răng cưa bởi hai rặng núi xa xa, rặng Platberg và Paardeberg, đứng ở chân núi, nếu nhìn tinh có thể thấy khói, bụi, những chấm trắng li ti vốn là những túp lều hay lán trại, và quanh đấy, cơ man những sinh vật sống.

Chính ở đằng kia, là xứ Veld ấy, tập trung các mỏ kim cương đang khai thác, mỏ Du Toit's Pan, mỏ New-Rush, và Vandergaart-Kopje, có lẽ là mỏ

giàu nhất trong các mỏ. Những mỏ lộ thiên và gần như ngang mặt đất khác nhau ấy, được gọi với tên chung “dry-digging,” tức là mỏ khô, từng cung cấp, từ năm 1870, lượng kim cương và đá quý trị giá khoảng bốn trăm triệu. Chúng nằm tập trung trong một đường tròn có bán kính lớn hơn hai, ba cây số. Ta nhìn thấy chúng rất rõ bằng ống nhòm từ cửa sổ trang trại Watkins, chỉ cách đó bốn dặm Anh<sup>[2]</sup>.

Vả chăng, từ “trang trại” không thích hợp lắm để gọi tên cơ sở này, bởi chẳng hề thấy có bất cứ sự trông trọt nào quanh đây. Cũng giống những người tự xưng chủ trang trại ở vùng đất nam Phi này, ông Watkins là một chủ chăn nuôi, người sở hữu nhiều đàn bò, đàn dê và cừu thì đúng hơn là người quản lý một cơ sở sản xuất nông nghiệp thực thụ.

Tuy vậy, ông Watkins vẫn còn chưa đáp lại lời cầu hôn vô cùng lịch lãm được Cyprien Méré diễn đạt vô cùng rành mạch. Sau khi dành ít nhất ba phút để suy nghĩ, cuối cùng ông ta cũng quyết định rút tẩu thuốc ra khỏi khoe môi rồi đưa ra ý kiến như sau, nó hẳn nhiên quá xa rời với câu chuyện:

“Tôi nghĩ thời tiết sắp thay đổi, anh bạn trẻ thân mến! Chưa bao giờ chúng bệnh thống phong làm tôi đau đớn như buổi sáng nay!”

Chàng kỹ sư trẻ nhú mày, ngoảnh mặt đi trong chốc lát, cố gắng không lộ rõ sự thất vọng của mình.

“Có lẽ ngài nên bỏ rượu gin, thưa ngài Watkins!” chàng vừa đáp khá sảng giọng vừa chỉ cái hũ sành đã cạn trong chốc lát vì ông ta cứ liên tục rót.

“Bỏ rượu gin à! Lạy Chúa tôi<sup>[3]</sup>! Anh giấu tôi đấy hả! ông chủ trang trại hét lên. Đã bao giờ rượu gin làm hại người lương thiện chưa?... phải, tôi biết anh muốn nói gì rồi!... Anh lại sắp thao thao cái phương pháp mà bác sĩ khuyên vị đô trưởng bị bệnh thống phong chứ gì! - Nay vị bác sĩ đó tên gì nhỉ? Tôi nhớ là Abernethy thì phải! ‘Ông muốn duy trì sức khỏe không? hẳn ta vẫn nói thế với bệnh nhân. Vậy mỗi ngày hãy tiêu tốn một bảng Anh

và hãy kiếm số tiền đó bằng công việc cá nhân!’ Chuyện này nghe hay và tốt quá! nhưng vì nước Anh cổ kính của chúng ta, nếu để giữ gìn sức khỏe, chỉ sống qua ngày với một bản Anh, vậy thì làm giàu để làm gì?... Đó là những điều ngốc nghếch không xứng với một người tài trí như anh, anh Méré thân mến!... Thế nên đừng nhắc chuyện đó với tôi nữa, xin anh đấy!... Với tôi, anh thấy đấy, tôi sẽ muốn chui xuống đất ngay tức thì biết chừng nào!... Ăn ngon, uống đầy, hút tẩu mỗi khi thèm, tôi chẳng còn niềm vui sống nào hơn thế trên thế gian, còn anh thì muốn tôi phải thôi những thứ đó?”

“Ồ! Tôi chẳng hề muốn thế!” Cyprien thẳng thắn trả lời. Tôi chỉ nhắc ngài nhớ lời châm ngôn về sức khỏe mà tôi cho là đúng đắn! nhưng thôi, nếu ngài muốn, ta bỏ qua chủ đề này, thưa ngài Watkins, và ta hãy trở lại mục đích chính của cuộc gặp gỡ của tôi.”

Ông Watkins, lúc này thao thao bất tuyệt là thế, giờ ngồi câm nín và lặng lẽ phả từng bùm khói thuốc.

Đúng lúc này, cánh cửa bật mở. Một cô gái trẻ bước vào, tay bưng khay trên đó có một cái ly.

Cô nàng xinh đẹp ấy, thật quyến rũ trong chiếc mũ vải lớn hợp mốt của những phụ nữ chủ trang trại xứ Veld, vận chiếc đầm vải in hoa nhỏ giản dị. Nàng trạc mười chín đôi mươi, da trắng nõn, với mái tóc đẹp vàng óng mượt mà, đôi mắt to xanh, dáng hình thù mị và tươi tắn. Nàng là hiện thân sự khỏe khoắn, duyên dáng và tinh thần tươi vui.

“Chào anh Méré!” nàng nói bằng tiếng Pháp, pha chút âm sắc Anh.

“Chào tiểu thư Alice!” Cyprien Méré đứng dậy khi thấy cô gái trẻ bước vào và nghiêng người đáp lại.

“Tôi thấy anh đến, anh Méré ạ,” tiểu thư Watkins trả lời, nàng cười duyên dáng để lộ hàm răng đẹp tuyệt, “và vì biết anh không thích dùng thứ rượu

gin khó nuốt của cha tôi nên tôi mang nước cam cho anh, hy vọng anh thấy thức uống này tươi mát!”

“Tiểu thư thật vô vàn tốt bụng!”

“À! Có chuyện này, anh không tin nổi chú đà điều của tôi, Dada ấy, sáng nay, đã nuốt phải thứ gì đâu!” nàng bắt chuyện không chút kiêu cách. “Là viên bi bằng ngà của tôi dùng để mạng bút tất!... Vâng!... Chính là viên bi bằng ngà!... Nó cũng lớn chứ, anh cũng biết đấy, anh Méré, tôi mua được nó trực tiếp từ hiệu bi-da New-Rush đấy!... Thế đấy! Con Dada háu ăn kia đã nuốt chửng nó như uống một viên thuốc vậy! Kỳ thực, không sớm thì muộn, con vật lấu linh ấy sẽ làm tôi chết khô mắt.”

Khi kể lại câu chuyện, ánh mắt xanh biếc của tiểu thư Watkins thoáng lộ nét tươi vui, một nét tươi vui dường như không biểu lộ cái ham muốn lạ lùng rằng lời tiên đoán bi ai kia sẽ thành sự thực, ngay cả về sau này. Nhưng rồi, bỗng nhiên, bằng trực giác sắc bén của phụ nữ, nàng kinh ngạc vì sự câm lặng của cha nàng và chàng kỹ sư trẻ, cũng như vẻ bối rối của hai người khi có mặt nàng.

“Thưa các quý ông, có lẽ con đang quấy rầy mọi người!” Nàng nói. “Các vị biết đấy, nếu có chuyện bí mật mà con không nên nghe thì con xin phép ạ!... Vả lại, con không có nhiều thì giờ! Con phải tập luyện bản xô nát trước, sau đó lo bữa ăn tối!...”





“Nào!... rõ là hôm nay các vị không thích chuyện trò! Vậy các vị cứ toan tính mưu đồ đen tối đi ạ!”

Nàng đã đi rồi, nhưng chợt quay lại, và nói thật duyên dáng, cho dù chủ đề có vẻ rất nghiêm túc:

“Anh Méré này,” nàng nói, “khi nào anh muốn hỏi tôi về khí ôxy, tôi sẽ rất sẵn lòng. Tôi đã đọc đi đọc lại ba lần chương mục hóa học mà anh giao cho tôi học, và cái ‘chất ở thể khí, không màu, không mùi và không vị’ chẳng còn gì bí ẩn đối với tôi nữa!”

Nói xong, tiểu thư Watkins cúi người chào lịch lãm rồi biến mất nhanh như sao băng.

Một lát sau, những hợp âm dương cầm hay tuyệt, vọng lại từ một trong những căn phòng cách xa phòng tiếp khách nhất, báo hiệu rằng cô gái đang hoàn toàn thả mình vào bài tập âm nhạc.

“Vâng, thưa ngài Watkins, ngài có thể trả lời cho lời cầu hôn mà tôi vinh hạnh thỉnh cầu ngài lúc này?” Cyprien lên tiếng, sự xuất hiện duyên dáng này có lẽ đã nhắc chàng nhớ lời thỉnh cầu của mình, như thể chàng đã quên nó rồi.

Ông Watkins rút cái tẩu ra khỏi khoe môi, phun khói xuống nền đầy vẻ oai nghiêm, rồi chợt hất đầu lên, và nhìn soi mói chàng trai trẻ:

“Này anh Méré, anh đã tình cờ nói hết chuyện này với nó chưa?” ông ta hỏi.

“Nói chuyện gì!... Nói với ai ạ?”

“Chuyện anh vừa nói?... Đã nói với con gái tôi chưa?”

“Ngài nghĩ tôi là ai, thưa ngài Watkins!” chàng kỹ sư trẻ đáp lại với vẻ sốt sắng khiến ta không thể nghi ngờ sự chân thành của chàng. “Tôi là người Pháp, thưa ngài!... Xin ngài đừng quên điều đó!... Ngài nên biết rằng tôi không bao giờ cho phép mình nói chuyện hôn nhân với tiểu thư con gái ngài khi chưa được sự đồng tình của ngài!”



Ánh mắt ông Watkins dịu lại, và, bỗng chốc, ông ta như được mở lời.

“Vây thì tốt!... Chàng trai can đảm!... Tôi chẳng mong gì hơn sự thận trọng của anh với Alice!” ông ta trả lời bằng giọng gần như thân tình. “Vây thì, cũng bởi tôi có lòng tin ở anh, anh sẽ hứa sau này không nói chuyện đó với con gái tôi nhé!”

“Tại sao lại như vậy, thưa ngài?”

“Bởi vì đám cưới này không thể, và tốt nhất là anh đừng tính đến chuyện đó nữa!” ông Watkins đáp. “Anh Méré này, anh là chàng thanh niên trung thực, người thực sự hào hoa, nhà hóa học tài giỏi, vị giáo sư đáng kính và đầy triển vọng - tôi chẳng nghi ngờ gì - Nhưng anh sẽ chẳng cưới được con gái tôi, bởi lẽ tôi đã chuẩn bị cho con gái những kế hoạch hoàn toàn khác!”

“Tuy vậy, thưa ngài Watkins...”

“Đừng cố nài nỉ!... Chỉ vô ích thôi!...” ông chủ trang trại đáp lời. “Dù anh có trở thành Công tước hay Thượng nghị sĩ nước Anh, anh cũng không phù hợp với tôi! Mà thực ra anh còn chẳng phải công dân Anh, hơn nữa anh cũng đã tuyên bố cực kỳ thẳng thắn rằng anh chẳng có tí gia sản nào! hãy xem, với lòng thiện chí nhất, anh thực tâm nghĩ tôi nuôi dưỡng Alice bấy lâu nay, tìm cho con những thầy giỏi nhất xứ Victoria và Bloëfontein, chỉ để khi nó hai mươi tuổi, gửi nó sang Paris, trên phố Đại học, ở tầng bốn, sống với một anh chàng mà thậm chí tôi chẳng hiểu được ngôn ngữ của anh ta?... Hãy suy nghĩ xem, anh Méré, và hãy đặt mình vào vị trí của tôi!... Giả sử anh là chủ trang trại John Watkins, chủ sở hữu mỏ Vandergaart-Kopje, còn tôi, tôi là quý anh Cyprien Méré, nhà bác học trẻ người Pháp đang công tác tại tỉnh Cap!... Giả sử ngay tại đây, giữa căn phòng khách này, ngồi nơi ghế bành này, nhấp nháp ly rượu gin và hút tẩu thuốc hambourg: có giây phút nào anh chấp nhận... chỉ một giây phút thôi!... ý định gả con gái anh cho tôi?”

“Chắc chắn là có, thưa ngài Watkins,” Cyprien trả lời, và không chút do dự, “nếu tôi tìm thấy nơi ngài những phẩm chất tốt có thể khiến con tôi hạnh phúc!”

“VẬY ĐÂY! Anh nhầm rồi, anh chàng đáng mến, nhầm to rồi!” ông Watkins đáp. “Anh đang hành xử như một người chẳng xứng đáng sở hữu mỏ Vandergaart-Kopje, mà đúng hơn anh sẽ chẳng bao giờ làm chủ khu mỏ đó được! Rốt cuộc chắc anh nghĩ rằng nó rơi vào tay tôi một cách dễ dàng? Anh tưởng tôi chẳng cần thông minh cũng chẳng phải lanh lợi để tìm ra nó và nhất là để đảm bảo quyền sở hữu nó sao?... Vậy đây anh Méré ạ, trí thông minh tôi từng chứng tỏ trong hoàn cảnh đáng nhớ và quyết định ấy, tôi vẫn vận dụng trong tất cả mọi hành vi đời tôi và đặc biệt trong những quyết định liên quan đến con gái tôi!... Chính vì vậy tôi nhắc lại với anh: đừng tính đến chuyện đó nữa!... Alice không dành cho anh!”

Đến câu kết đặc chí này, ông Watkins cảm ly rồi uống cạn một hơi.

Chàng kỹ sư trẻ, bối rối, chẳng biết đáp lại ra sao. Thấy vậy, ông ta càng được thể lần tới.

“Người Pháp các anh thật lạ lùng!” ông ta nói tiếp. “Anh chẳng may may nghi ngờ lời tôi nói! Anh như thể rơi từ trên cung trăng xuống chỗ cùng kiệt ở nơi Griqualand này, làm sao anh dám đến nhà một người trung hậu chẳng hề nghe nói đến anh ba tháng trước đây, và gặp anh chưa được mười lần trong vòng chín mươi ngày qua! Anh đến gặp và nói với ông ta: thưa ngài John Stapleton Watkins, ngài có một cô con gái quynh rũ, được nuôi dạy hoàn hảo, được mọi người xem là viên ngọc trai của vùng này, và thêm một lợi thế nữa, đó là người con gái duy nhất thừa kế quyền sở hữu mỏ kim cương giàu có nhất Kopje des Deux-Mondes! Còn tôi, tôi là quý anh Cyprien Méré, đến từ Paris, kỹ sư, và tôi có bốn nghìn tám trăm franc thu nhập mỗi tháng!... Vậy nên, xin ngài vui lòng gả cô nàng trẻ trung ấy cho tôi, để tôi đưa nàng về nước tôi và rồi ngài chẳng nghe nhắc đến nàng nữa, chỉ thi thoảng nhận tin qua thư từ hay điện tín mà thôi!... Và anh xem đó là điều hoàn toàn tự nhiên?... Tôi thì tôi thấy chuyện thật động trời!”

Cyprien đứng dậy, mặt tái xanh. Chàng cầm mũ và chuẩn bị đi ra.

“Đúng đấy!... Động trời quá,” ông chủ trang trại nhắc lại. “Chao ôi! Tôi chẳng phỉnh phờ làm gì!... Tôi là người Anh thế hệ xưa, anh ạ!... Nhìn tôi thế thôi, trước đây tôi còn nghèo hơn anh, thật đấy, nghèo hơn rất nhiều!... Tôi đã làm qua rất nhiều nghề!... Tôi từng là thủy thủ tàu hàng, thợ săn trâu ở Dakota, thợ mỏ vùng Arizona, chăn cừu xứ Transvaal!... Tôi đã kinh qua cái nóng, cái lạnh, cái đói, cái mệt!... Trong vòng hai mươi năm, bằng chính mồ hôi công sức mình, tôi kiếm ăn từ vụn bánh bích quy chỉ đủ cho bữa tối!... Lúc tôi cưới bà Watkins quá cố, mẹ của Alice, một cô gái gốc Pháp người Boër<sup>[4]</sup> - Nhân thể tôi muốn nói, cũng như anh vậy - cả hai chúng tôi, chúng tôi không có đủ thức ăn để nuôi một con dê! nhưng tôi đã làm việc!... Tôi đã không nhụt chí!... Giờ đây tôi giàu có và tôi muốn hưởng thụ những thành quả lao động vất vả của tôi!... Tôi muốn giữ con gái tôi, nhất là - để chăm sóc căn bệnh thống phong của tôi và chơi nhạc cho tôi nghe buổi tối, lúc tôi buồn chán!... Nếu lúc nào nó kết hôn, nó sẽ thành thân ngay tại xứ này, với một chàng trai bản xứ cũng giàu có như nó, chủ trang trại hoặc thợ mỏ như chúng tôi đây, và anh chàng đó không nói đến chuyện đi sống đói khổ trong căn hộ tầng bốn ở đất nước mà chẳng đời nào tôi muốn đặt chân đến: chẳng hạn, nó sẽ cưới James Hilton, hay một chàng trai nào khác hoạt bát cương nghị như thế!... Người cầu hôn thì không thiếu đâu, tôi chắc với anh đấy!... Tóm lại, một chàng người Anh tử tế không ngại rượu gin và song hành cùng với tôi khi tôi hút tẩu!”

Cyprien đã đặt tay lên nắm xoay cửa để rời khỏi căn phòng làm chàng thấy ngọt ngọt này.

“Ít nhất thì cũng đừng để bụng nhé!” ông Watkins hét với theo chàng. “Tôi chẳng trách giận anh chút nào, anh Méré ạ, và tôi luôn thoải mái gặp anh, như khách trọ hoặc như bạn bè!... Mà này, tối nay chúng tôi đón tiếp vài người bạn đến ăn tối!... Anh có muốn tham dự cùng chúng tôi không?...”

“Thưa không, cảm ơn ngài!” Cyprien lạnh lùng trả lời. “Tôi còn thư từ phải viết xong để kịp giờ gửi bưu điện.”

Rồi chàng bước đi.

“Đường đột, người Pháp... quả là đường đột!” ông Watkins vừa nhắc đi nhắc lại vừa châm lại tẩu thuốc bằng một đầu dây phết hắc ín để mỗi lửa, vốn luôn ở ngay tầm tay của ông.

Rồi ông rót một ly rượu gin lớn.

# CHƯƠNG 2: KHU MỎ KHAI THÁC KIM CƯƠNG

Điều xúc phạm chàng kỹ sư trẻ nặng nề nhất trong câu trả lời ông Watkins vừa đưa ra, chính là ông ta đã không ngại bóc tách vấn đề đến tận cùng của lý tính với kiểu thô lỗ quá đáng. Thậm chí khi nhớ lại chuyện chàng vẫn còn kinh ngạc, bởi chàng đã không tự mình tiên liệu những lý lẽ bác bỏ mà ông chủ trang trại dùng để phản pháo chàng, và chàng cứ liệu mình đón nhận sự cự tuyệt thẳng thừng đến vậy.

Nhưng thực ra, cho đến lúc ấy, chàng chưa từng nghĩ đến khoảng cách giữa cô gái trẻ và chàng do khác biệt về gia tài, dòng tộc, giáo dục, giai cấp. Đã năm sáu năm nay rồi, chỉ quen nhìn các khoáng vật dưới góc độ thuần túy khoa học, dưới mắt chàng, kim cương chỉ đơn giản là một loại cacbon, chỉ đẹp để trưng bày ở bảo tàng của trường Mỏ Địa chất. Ngoài ra, cũng vì ở Pháp chàng theo đuổi một đời sống xã hội thanh cao hơn nhiều so với gia đình Watkins, nên chàng hoàn toàn không nhận ra giá trị vật chất của mỏ quặng giàu có thuộc sở hữu của ông chủ trang trại. Vì thế chẳng lúc nào trong tâm trí chàng nghĩ đến sự chênh lệch giữa cô con gái ông chủ Vandergaart- Kopje và một kỹ sư người Pháp. Thậm chí ngay cả khi vấn đề đó có hiển hiện trong tâm tưởng chàng, trong suy nghĩ một chàng trai Paris vốn là cựu sinh viên trường Bách Khoa, thì có lẽ chàng mới chỉ nghĩ đến điều người ta thường gọi là “không môn đăng hộ đối”.

Lời cảnh cáo sỗ sàng của ông Watkins là lời đánh thức đầy đau đớn khỏi những ảo tưởng kia. Cyprien có thừa lương tri để không chấp nhận những lý do đánh thép của lời cảnh cáo, và chàng cũng thừa lịch sự để không nổi cáu trước phán quyết mà thực ra chính chàng cũng phải công nhận là đúng.

Nhưng chuyện này không phải nhờ thế mà bớt đau buồn khi giờ đây phải xa rời Alice, chàng bỗng nhận thấy trong vòng chưa đầy ba tháng mà nàng đã trở nên thân thuộc với chàng biết bao.

Quả thật, Cyprien quen biết nàng chỉ mới ba tháng thôi, tức là chỉ từ khi chàng đến xứ Griqualand này.

Vậy mà mọi chuyện dường như xa xăm lắm rồi! Sau một ngày khủng khiếp, nóng nực và bụi bặm, chàng thấy mình vừa kết thúc chuyến du hành dài từ bán cầu này sang bán cầu khác.

Chàng đã đến đây cùng anh bạn Pharamond Barthès, một người bạn học cũ hồi trung học đi đến vùng nam Phi lần này là lần thứ ba để săn bắn giải trí, tới tỉnh Cap thì Cyprien chia tay với bạn. Pharamond Barthès đi đến vùng đất của người Bassouto, ở đó anh bạn tuyển một đội quân da đen nhỏ, đi theo hỗ trợ anh ta trong các cuộc săn bắn. Còn chàng, Cyprien, thì ngồi trên toa xe nặng nề do mười bốn ngựa kéo trên đường đến vùng Veld, và chàng đi về hướng các mỏ kim cương.

Năm hay sáu hòm gỗ lớn - một phòng thí nghiệm hóa học và khoáng vật thực thụ mà chàng chẳng muốn rời - cấu thành nên công cụ làm việc của nhà bác học trẻ. Nhưng người lái xe ngựa chỉ chấp nhận mỗi khách được mang năm mươi cân hành lý, và tình thế buộc chàng để những chiếc hòm quý giá ấy sang bên xe bò, để chuyển chúng đến Griqualand với sự chậm chạp kiểu Pháp.

Cỗ xe ngựa này, loại xe ngựa chở khách cỡ lớn mười hai chỗ có bạt che bằng vải, được lắp trên bốn chiếc bánh xe khổng lồ, liên tục bị nước sông nơi xe chạy qua làm cho ướt nhẹp. Đám ngựa, được gắn từng đôi vào cỗ xe và có khi có thêm con la để tiếp sức, được hai người đánh xe điều khiển vô cùng khéo léo, họ ngồi cạnh nhau trên băng ghế; một người kéo dây cương, trong khi một người lái phụ cầm roi tre rất dài, tựa như cần câu lớn, anh ta không chỉ dùng nó để thúc ngựa tiến lên mà còn để điều khiển cỗ xe.





Lộ trình có ngang qua Beaufort, một thành phố nhỏ xinh xắn được xây dựng dưới chân núi nieuweveld, sau đó băng qua dãy núi, đến thành phố Victoria và cuối cùng là hopeTown - Thành-phố-hy-vọng - Nằm bên dòng

orange, rồi từ đây dẫn đến Kimberley và các mỏ khai thác kim cương chính, chỉ cách đó có vài dặm.

Quả là một chuyến du hành nhọc nhằn và nhàm chán kéo dài tám đến chín ngày xuyên qua xứ Veld trơ trụi. Cảnh quan hầu như lúc nào cũng mang vẻ náo nê nhất - Những đồng bằng đất đỏ, đá nằm rải rác như được trang trí bằng những khối băng tích, những tảng đá xám lộ ra ngang mặt đất, một loại cây cỏ lơ thơ màu vàng, những bụi cây èo uột. Không thấy có trồng trọt cũng chẳng có vẻ đẹp thiên nhiên. Thi thoảng lại xuất hiện một trang trại tồi tàn, người chủ trang trại kia vốn được chính phủ thuộc địa nhượng quyền sử dụng đất, đổi lấy nghĩa vụ cho khách lữ hành cư trú. Nhưng việc cư trú ấy luôn chỉ gồm vài thứ cơ bản nhất. Ở những quán trọ đặc biệt này, không có giường cho khách cũng chẳng có chuồng cho ngựa. Chỉ có một vài đồ ăn đóng hộp, đã được vận chuyển qua khắp thế giới và đắt như vàng!

Chính vì thế, đối với việc ăn uống, bầy ngựa được thả ngoài đồng, nơi đây chúng chỉ tìm thấy một vài bụi cỏ mọc dưới đá. Đến lúc khởi hành tiếp thì việc tập hợp chúng lại là một vấn đề lớn, một sự hao tổn đáng kể về thời gian.

Và thật gian nan với cỗ xe ngựa nguyên sơ này, với dặm dài đường đi còn nguyên sơ hơn thế! Ghế ngồi chỉ đơn giản là bề mặt những rương gỗ dùng để đựng mớ hành lý ít ỏi, và trên đó suốt một tuần dằng dặc kẻ bắt hạnh ngồi giống như ngồi lên chiếc búa hơi cơ học đập dềnh. Không thể đọc sách, cũng không thể ngủ và càng không thể trò chuyện! Bù lại, đa số hành khách cứ ngày và đêm phì thuốc như những ống khói nhà máy, rồi họ uống rượu cho đến hực cả hơi và khắc nhổ lung tung.





Như vậy, Cyprien Méré ở đây với một lựa chọn đủ xem là điển hình cho nhóm cư dân trôi nổi này, họ ồ ạt từ khắp nơi trên hành tinh đến các mỏ vàng hay kim cương, ngay khi được thông báo. Một gã người Napôli cao lớn núng nính, với mái tóc đen dài, da mặt trông như tờ giấy da, đôi mắt đáng gờm, tự xưng tên là Annibal Pantalacci, một tay Do Thái Bò Đào nha tên gọi Nathan, chuyên gia về kim cương, cứ ngồi rất trầm lặng trong góc của mình và nhìn đời như một triết gia, một anh thợ mỏ vùng Lancashire, Thomas Steel, anh chàng hoạt bát cao lớn có râu đỏ hung và eo lưng lực lưỡng, từ bỏ than đá để thử làm giàu ở Griqualand, một tay người Đức, herr Friedel, nói sang sảng và đã rành rẽ những gì dính tới việc khai thác kim cương, mặc dù chưa hề tìm được viên kim cương nào trong quặng của gã.

Một tay người Hoa Kỳ môi mỏng, chỉ trò chuyện với cái chai bọc da của mình, chắc hẳn hẳn ta vừa mới mở tại vùng đất được nhượng quyền này một trong những căng tin nơi rõ ràng để cánh thợ mỏ tiêu số lợi nhuận kiếm được. Một chủ trang trại bên bờ hắt, một anh chàng người Boër của tiểu bang tự trị orange, một tay môi giới ngà voi đi từ xứ sở namaquas, hai di dân người Transwivil và một người Trung hoa tên Lee - đúng kiểu tên gọi của người Hoa - Họ bỏ sung vào một đoàn ô hợp nhất, lồi thối lếch thếch nhất, mờ ám nhất, huyền ảo nhất, đi cùng với đội ấy chẳng hề là dịp may cho một người đứng đắn.

Sau một lát vui thú với diện mạo và cử chỉ của bọn họ, Cyprien nhanh chóng thấy chán ngấy. Chỉ có Thomas Steel, với vẻ khỏe khoắn và nụ cười nở rộng, và anh chàng người Hoa tên Lee, dáng vẻ hiền lành và yếu điệu là chàng vẫn còn quan tâm. Còn gã người Napôli, với những lời nhả cọt ác ý của hẳn ta, khuôn mặt chữ T, làm chàng cảm thấy ghê tởm không thể chịu nổi.

Một trong những trò đùa yêu thích của người này hai ba ngày qua, là cột một túm đồ bẩn thỉu, nào búi cỏ, nào lõi bắp cải, nào đuôi bò, nào mẫu xương bò nhặt trên đồng, vào đuôi bím tóc sau lưng theo phong tục đất nước của anh chàng Trung hoa.

Lee, thản nhiên như không, gỡ cái khúc thừa nối ở bím tóc dài của anh, nhưng anh không một lời, cũng không một cử chỉ nào, càng không có cả một ánh mắt tỏ rõ rằng trò đùa cợt ấy vượt quá giới hạn cho phép. Khuôn mặt da vàng, đôi mắt xé nhỏ, ẩn chứa vẻ bình thản bất di bất dịch như thể anh xa lạ với mọi điều xung quanh mình. Hẳn là ta có thể nghĩ rằng anh chẳng hiểu những gì đoàn tùy tùng<sup>[5]</sup> đi đến vùng Griqualand đang nói.

Phải chăng vì thế mà Annibal Pantalacci không quên thêm vào, bằng thứ tiếng Anh tệ hại của mình, những lời bình thay đổi theo từng trò đùa hạ cấp của gã.

“Các anh có nghĩ bệnh vàng da của hắn dễ lây lan không?” gã cao giọng hỏi người bên cạnh.

Hay là:

“Giả dụ tôi dùng kéo cắt mất bím tóc của hắn, các anh sẽ thấy hắn tức điên lên cho mà xem!”

Và đám hành khách phá lên cười. Điều nhân đôi sự thích thú của bọn họ, chính là mấy người Boër mãi một lúc mới hiểu hết gã Napôli nói gì; rồi, họ bỗng phá lên cười, muộn hơn những người còn lại trong đoàn hai đến ba phút.

Cuối cùng, Cyprien nổi cáu với việc mãi vẫn cứ lòi anh Lee tội nghiệp ra làm lá chắn, và nói với Pantalacci rằng cách cư xử của hắn ta chẳng độ lượng. Gã kia có vẻ sắp đáp lại một câu xác xược, nhưng một câu nói của Thomas Steel cũng đủ làm hắn thận trọng thôi không buông ra lời mỉa mai cay độc nữa.

“Thôi! Cư xử như vậy với anh chàng đáng thương ấy chẳng phải tử tế gì đâu, anh ta thậm chí còn chẳng hiểu các anh nói gì cơ mà!” chàng trai gan dạ ấy lên tiếng, bởi anh trách mình đã vào hùa cùng cười với những kẻ khác.

Sự việc vì thế chấm dứt tại đó. Nhưng, một lát sau, Cyprien ngạc nhiên khi bắt gặp ánh mắt tinh tế và hơi mỉa mai - tất nhiên kèm theo sự hàm ơn - mà anh người Hoa gửi đến cho chàng. Trong ý nghĩ của chàng, có lẽ Lee hiểu tiếng Anh tốt hơn nhiều cách anh ta cố tỏ ra bên ngoài.

Nhưng, ở trạm dừng tiếp theo, Cyprien cố bắt chuyện với anh ta cũng vô ích. Anh chàng người Hoa thản nhiên và câm lặng. Từ đó, con người kỳ lạ ấy cứ kích thích trí tò mò của chàng kỹ sư trẻ như một ẩn ngữ cần tìm lời giải. Chẳng thế mà Cyprien thường xuyên phân tích tỉ mỉ khuôn mặt da vàng nhẵn nhụi ấy, cái miệng sắc lẹm như dao hé mở trên hàm răng trắng

phau, chiếc mũi tẹt và héch, vàng trán rộng, đôi mắt xếch luôn nhìn xuống như để dập tắt những tia ranh mãnh.

Lee độ khoảng bao nhiêu tuổi? Mười lăm hay sáu mươi? Điều này không thể nói được. Nếu hàm răng, ánh mắt và mái tóc đen bờ hóng của anh ta thiên về tuổi trẻ, thì những nếp nhăn trên trán, trên hai má và cả nơi khoe miệng có vẻ cho thấy anh ta cũng đã có tuổi. Anh ta có vóc nhỏ bé, mảnh mai, bề ngoài lạnh lợi, nhưng có những nét già dặn và có thể nói là ngờ nghệch.

Anh ta giàu hay nghèo? Lại là một câu hỏi không chắc chắn khác. Chiếc quần vải bố xám, áo khoác có khăn trùm vàng, chiếc mũ vải bện, đôi giày đế dẹt, đôi tất màu trắng ngà, cũng có thể là của một viên quan lại đầu triều hay một thường dân. Hành lý anh ta chỉ gồm một chiếc hòm gỗ đỏ, với địa chỉ viết bằng mực đen:

*H. Lee,*

*From Canton to the Cap*

Có nghĩa là: H. Lee, từ Quảng Đông, đến Cap.

Thêm nữa, anh người Hoa này cực kỳ sạch sẽ, không hút thuốc, chỉ uống nước và luôn tận dụng lúc nghỉ chân để cạo râu một cách chăm chú.

Cyprien chẳng thể biết nhiều hơn thế và nhanh chóng thôi không còn quan tâm đến vấn đề sống động này.

Tuy vậy, nhiều ngày trôi qua, dậm cứ tiếp nối dậm. Nhiều khi đoàn ngựa đi nhanh. Nhiều khi khác, tưởng không thể khiến chúng rảo bước được. Nhưng dần dần, hành trình cũng hoàn tất, và, một ngày đẹp trời, cỗ xe ngựa chở khách đã đến hope-Town. Thêm một chặng nữa và đi qua khỏi Kimberley. Rồi những túp lều gỗ hiện ra ở phía chân trời.

Đó là New-Rush.

Ở đó, tại những nước mới mở cửa với nền văn minh, trại của cánh thợ mỏ chẳng khác gì mấy những thành phố tạm bợ, mọc lên từ đất rất kỳ diệu.

Những ca bin ghép bằng ván, phần lớn rất bé và trông giống mây túp lều của công nhân sửa đường trên các công trình châu Âu, một vài lều trại, khoảng một chục hàng cà phê hoặc căng tin, một quán bi da, một quán tên Alhambra hay chính là câu lạc bộ khiêu vũ, những cửa hiệu hay bách hóa tổng hợp bán nhu yếu phẩm - thoát tiên đó là những gì đập vào mắt.

Có mọi thứ trong các cửa hàng này - áo quần và đồ gỗ, giày dép và ly thủy tinh, sách vở và yên ngựa, vũ khí và vải vóc, chổi quét và đạn dược sẵn bắn, chăn đắp và thuốc xì gà, rau củ tươi và tân dược, cày và xà bông vệ sinh, bàn chải móng tay và sữa đặc, cháo chiên xào và tranh ảnh in - tóm lại đủ thứ, chỉ ngoại trừ khách mua.

Vì rằng dân cư của trại vẫn còn bần rộ ngoài mỏ, cách xa New-Rush ba hay bốn trăm mét.

Cyprien Méré, cũng giống như những người mới đến, vội vã đến các cửa hàng đó trong khi người ta chuẩn bị bữa tối trong một căn lều được trang trí lòe loẹt có tên *Khách Sạn Continental*.

Bây giờ là khoảng sáu giờ chiều. Mặt trời bao phủ đường chân trời bằng làn hơi nước vàng óng. Chàng kỹ sư trẻ quan sát, thêm một lần nữa, đường kính vĩ đại của vầng thái dương, cũng như của nguyệt lượng, nhìn từ độ cao vùng miền nam này, mà chẳng tìm được lý giải thích đáng cho hiện tượng ấy. Đường kính ấy có vẻ như rộng ít nhất gấp hai lần so với ở châu Âu.



Nhưng một cảnh tượng còn mới lạ hơn với Cyprien Méré đang chờ đợi chàng ở Kopje, tức là ở mỏ khai thác kim cương.

Khi khởi đầu công trình, khu mỏ tạo nên một gò thấp lè tè, làm thành khoảng đất ụ trên vùng đồng bằng này, trong khi mọi nơi khác đều bằng phẳng như mặt biển lặng. Nhưng giờ đây, đây là một hố trũng khổng lồ có vách loe ra, kiểu như một trường đấu hình e líp và có diện tích khoảng bốn mươi mét vuông, đâm xuyên xuống vị trí này. Mặt bằng này bao gồm không ít hơn ba hay bốn trăm “khu đất có quặng quý” hoặc đất nhượng quyền có cạnh dài ba mươi một piê<sup>[6]</sup>, mà người được nhượng quyền tùy ý khai khẩn theo ý thích.



Vả lại, công việc chỉ đơn giản là dùng cuốc chim và cuốc bàn đào xới nền để lấy đất, thường được cấu tạo từ cát đỏ lẫn sỏi. Một khi được đưa lên đến miệng hố, đất được chuyển tới những bàn phân loại để rửa nước, tán nhuyễn, sàng sảy, và cuối cùng được xem xét kỹ lưỡng xem nó có chứa đá quý không.

Những khu đất này, vì cứ đào riêng lẻ chỗ này chỗ kia, tự nhiên tạo nên các hố có độ sâu khác nhau. Có những hố sâu đến cả trăm mét và hơn nữa, chạm sâu xuống lòng đất, lại có những hố chỉ sâu mười lăm, hai mươi hay ba mươi.

Để phục vụ cho nhu cầu công việc và vận chuyển, mỗi một khu đất được ràng buộc theo các quy định chính thức, chừa một phần ở bờ trên miệng hố một khoảng rộng bảy piê không được đào bới. Không gian này, cộng với khoảng rộng tương ứng của hố bên cạnh, được dành làm thành một kiểu mặt đường hoặc thành con đường đắp, ngang tầm với độ cao ban đầu của nền đất. Trên các ụ nổi ấy, người ta đặt theo chiều ngang một dãy rào xà, tràn ra hai bên mỗi bên chừng một mét và tạo ra phần bề rộng vừa đủ cho hai chiếc xe bò đi qua mà không húc phải nhau.

Thật không may cho độ bền của con đường treo ấy và cả sự an toàn cho cánh thợ mỏ, vì các chủ khu đất đã không bỏ lỡ dịp đào khoét sâu thêm dưới chân thành hố, những công trình càng ngày càng lún sâu thêm, đến nỗi con đường đắp rốt cuộc có dạng kim tự tháp chúc ngược đứng tựa trên đỉnh, nó nhô lên với độ cao có khi gấp đôi độ cao của các tháp nhà thờ Đức Bà. Hậu quả của vị thế sai lệch này rất dễ đoán định. Đó là chuyện sạt lở thường xuyên của các thành hố, hoặc vào khi mùa mưa, hoặc vào khi có sự thay đổi nhiệt độ đột ngột tạo thành các đường nứt trong đất. Nhưng sự tái diễn có chu kỳ của những tai nạn đó không ngăn nổi những người khai thác mỏ khinh suất cứ tiếp tục đào khoét cho đến giới hạn tận cùng của bờ vách.

Cyprien Méré, khi tiến lại gần mỏ, thoát tiên chỉ thấy các xe ba gác, đầy hoặc trống không, qua lại trên các lối đi treo. Nhưng khi chàng đến khá gần rìa đường đi để có thể nhìn sâu xuống bên trong dạng công trình này, chàng

nhìn thấy một đám đông thợ mỏ đủ các chủng tộc màu da, trang phục, đang hăng say làm việc dưới đáy các hố khai thác. Dưới đó có dân da đen, dân da trắng, người âu và người Phi, người Mông Cổ và người Xentơ - phần lớn mình trần trụi trực, hoặc chỉ mặc độc chiếc quần vải thô, hoặc áo vải flanen, hoặc quần xà lỏn vải bông, và đội mũ rom thường cắm lông đà điểu.

Những người này đổ đầy đất vào xô bằng da, rồi chuyền lên miệng mỏ theo dây cáp dài bằng sắt, dưới sức kéo của vòng dây thừng bện da bò, quán quanh những tang trống lắp bằng các thanh gỗ thừa. Tại đó, các xô được nhanh chóng đổ sang xe ba gác, rồi lại được chuyền ngay xuống lòng hố để mang lên mẻ mới.

Những sợi cáp sắt dài, căng chéo trên chiều sâu các hình hộp hình thành từ việc khai thác mỏ, tạo nên diện mạo thật khác lạ cho “dry-digging” còn gọi là mỏ kim cương khô. Nom chẳng khác nào những hàng tơ dài của một mạng nhện khổng lồ chẳng đỡ dang nhưng bị ngưng trệ đột ngột.

Trong một lúc Cyprien thích thú ngắm kỹ cái tổ kiến con người này. Rồi chàng quay lại New-Rush, nơi chuông báo giờ ăn nhanh chóng vang lên. Ở đó, cả buổi tối chàng được thỏa thích lắng nghe những người này kể về các cuộc khám phá kỳ diệu, về những người thợ mỏ khôn khổ đột nhiên giàu có chỉ nhờ một viên kim cương, còn những người kia thì ngược lại, than vãn về “vận rủi”, về lòng tham của những tay môi giới, về sự bất trung của những người da đen nam Phi làm việc ở mỏ, họ ăn cắp những loại đá đẹp nhất, và còn các chủ đề thảo luận khác về kỹ thuật. Họ nói toàn chuyện kim cương, cara, hàng trăm bảng Anh.

Nhìn chung, cả thế giới này có vẻ khá là khôn khổ, và hễ có một người “đào vàng” hạnh phúc ờ ã gọi một chai sâm banh để uống mừng sự may mắn, thì có tới hai mươi gương mặt dài thượt của những người chủ thiếu não chỉ uống mỗi lon bia nhỏ.

Thi thoảng, một viên đá được chuyền tay quanh bàn, để được ước lượng, xem xét, ước tính, cuối cùng thì quay lại và được nhét vào trong thắt lưng



của người sở hữu nó. Viên đá màu xám và mờ xỉn ấy, chẳng sáng hơn một mẩu đá lửa bị cuốn trôi trong dòng thác, chính là viên kim cương còn lẫn quặng bần.

Vào nửa đêm, các quán cà phê chật ních người, và cũng các cuộc chuyện trò ấy, những thảo luận ấy đã làm bữa ăn tối thêm vui, cứ thế tiếp tục tốt đẹp hơn quanh những ly rượu gin và rượu brandy.

Còn Cyprien, chàng đi ngủ sớm trên chiếc giường đã dành sẵn cho chàng ở trong lều bên cạnh khách sạn. Ở đó, chàng ngủ thiếp đi nhanh chóng, trong tiếng ồn ào của buổi vũ hội ngoài trời của cánh thợ mỏ da đen nam Phi diễn ra xung quanh, trong tiếng kèn đồng âm ỉ khởi đầu những điệu nhảy thu giãn của các quý ông da trắng trong phòng vũ hội công cộng.

# CHƯƠNG 3: PHÚT KHOA HỌC TRONG NHỮNG BUỔI HỌC THÂN TÌNH

Phải nói ngay, vì danh dự, chàng kỹ sư trẻ không đến Griqualand để tiêu phí thời gian tại nơi ngập đầy tham lam, say xin và hút xách này. Chàng được giao đo vẽ địa hình và địa chất ở một vài nơi trong vùng, thu thập những mẫu đá và mẫu đất có chứa kim cương, tiến hành tại chỗ các phân tích tỉ mỉ. Vậy nên mỗi bận tâm đầu tiên của chàng là phải tìm được một nơi ở yên tĩnh, để chàng có thể lắp đặt phòng thí nghiệm của mình nói đúng hơn một trung tâm khảo sát xuyên suốt hạt khai thác mỏ.

Gò đất cao nơi có trang trại nhà Watkins ngay lập tức khiến chàng chú ý như một vị trí đặc biệt thuận lợi cho các công việc của chàng. Cách khá xa khu lán trại của thợ mỏ để ít bị tiếng ồn hàng xóm tra tấn, ở đó Cyprien chỉ còn cách các mỏ xa nhất thuộc Kopje khoảng một giờ đi bộ - vì rằng chu vi hạt khai thác kim cương không vượt quá mười đến mười hai cây số. Vậy nên phải chọn một trong các ngôi nhà bỏ hoang của John Watkins, thương lượng việc thuê nhà, và dọn vào đó ở - với chàng kỹ sư trẻ tất cả chuyện ấy mất nửa ngày trời. Và lại, ông chủ trang trại đã tỏ ra khá dễ chịu. Thực ra, ông cũng vô cùng buồn chán trong sự cô độc của mình, và thực sự thấy vui khi thấy sống gần mình là một chàng trai trẻ ắt hẳn sẽ mang đến vài thú tiêu khiển cho ông.

Nhưng, nếu như ông Watkins định xem anh chàng thuê nhà như người bạn ăn cùng bữa hay là bằng hữu luôn bên ông để xử lý hũ rượu gin thì ông quá sai lầm. Vừa sắp xếp xong tất cả đồ nghề lụng cụng nào lò cát, nào lò nung, nào các chất phản ứng trong túp lều bỏ hoang theo ý đồ của chàng - và ngay cả trước khi những bộ phận chính của phòng thí nghiệm đến nơi -

Cyprien đã bắt đầu những cuộc thăm dò địa chất trong khu vực. Cũng vậy, buổi tối khi chàng trở về mệt nhoài, mang theo đầy những mẫu đá trong hộp kẽm, trong bị dết của chàng, trong các túi và đến cả trong mũ của chàng, chàng tức thì muốn buông mình xuống giường rồi ngủ hơn là đến hầu chuyện ngồi lê đôi mách cũ rích cùng ông Watkins. Hơn nữa, chàng ít hút thuốc, lại càng ít uống rượu. Những yếu tố đó đã chẳng hề tạo nên người bằng hữu vui tính mà ông chủ trang trại từng mơ ước.

Tuy vậy, Cyprien trung thực thể và tốt bụng thể, tính cách và tình cảm giản dị thể, uyên bác thể và khiêm nhường thể, đến mức không thể thường xuyên tiếp xúc chàng mà không gắn bó với chàng được. Vậy nên ông Watkins - có lẽ không nhận thấy điều này - cảm thấy nể trọng chàng kỹ sư trẻ hơn, thứ tình cảm ông chưa từng bao giờ dành cho bất cứ ai. Có điều, giá mà chàng thanh niên ấy biết uống rượu suông! nhưng bạn muốn làm gì với chàng trai chẳng bao giờ hớp một giọt rượu gin vào họng? Đây luôn là những phán xét cuối cùng mà ông chủ trang trại dành cho người thuê nhà trọ của mình.

Về phần tiểu thư Watkins, nàng xây dựng ngay với chàng bác học trẻ một tình bạn chân thành và đẹp đẽ. Tìm thấy ở chàng phong cách tao nhã, trí tuệ vượt trội mà nàng chẳng tìm thấy ở ai trong những người xung quanh, nàng vội nắm ngay cơ hội bất ngờ dành cho mình để bổ sung thêm kiến thức vững chắc và rất đa dạng mà nàng có nhờ đọc sách khoa học, với những khái niệm hóa học thực nghiệm.

Phòng thí nghiệm của chàng kỹ sư trẻ, với các máy móc kỳ lạ, hết sức lôi cuốn nàng. Nàng đặc biệt vô cùng tò mò tìm hiểu tất cả những gì liên quan đến bản chất của kim cương, loại đá quý đóng vai trò thật quan trọng trong các cuộc trò chuyện và trong việc giao thương ở xứ này. Thực tế, Alice khá thiên về xu hướng chỉ xem loại đá quý ấy như một viên đá tầm thường. Còn Cyprien - Nàng không phải là không nhận thấy - về điểm này, chàng cũng có sự xem thường như nàng vậy. Phải chăng vì thế nên sự tương đồng ý kiến ấy không hoàn toàn xa lạ với tình bạn được đan kết nhanh chóng nơi

hai người. Ta có thể mạnh dạn khẳng định, họ là những người duy nhất ở Griqualand không nghĩ rằng mục đích duy nhất trong cuộc đời là phải tìm kiếm, phải gọt giũa, phải kinh doanh những viên đá nhỏ kia, những thứ được các nước trên thế giới vô cùng khao khát thềm muốn.

“Kim cương chỉ đơn giản là cacbon nguyên chất, một hôm chàng kỹ sư nói vậy với nàng. Đó là một mẫu than kết tinh, không là gì khác. Ta có thể đốt nó như một mẫu than thông thường, và chính ngay đặc tính dễ cháy này, lần đầu tiên, đã gây nên hoài nghi về bản chất thực sự. Newton, người đã quan sát nhiều vật chất đến thế, từng ghi chép rằng kim cương được gọt giũa khúc xạ được ánh sáng nhiều hơn bất cứ vật thể trong suốt nào khác. Thế nhưng, vì ông biết tính chất này thuộc hầu hết các chất dễ cháy, ông đã suy ra từ hiện tượng này, với sự táo bạo thường có, một kết luận rằng kim cương ‘phải’ là chất dễ cháy. Và thí nghiệm đã chứng minh ông đúng.

“Nhưng anh Méré này, nếu kim cương chỉ là than, tại sao người ta bán nó đắt thế? cô gái trẻ thắc mắc.”

“bởi vì nó rất hiếm, cô Alice à, và vì nó mới chỉ được tìm thấy trong tự nhiên với số lượng cực nhỏ, Cyprien trả lời. Bây lâu nay người ta chỉ khai thác nó từ Ấn Độ, từ Braxin và từ đảo Bornéo. Và chắc chắn cô vẫn còn nhớ rõ vào thời điểm, lần đầu tiên, người ta tìm thấy kim cương ở tỉnh này của nam Phi, vì lúc ấy cô độ khoảng bảy hoặc tám tuổi.”

“Chắc chắn rồi, tôi nhớ lúc đó chứ! tiểu thư Watkins đáp. Khi đó mọi người ở Griqualand như phát điên lên! Ta chỉ gặp toàn người trang bị nào xêng nào cuộc đào xới các khu đất, chuyển hướng các dòng chảy của suối để khảo sát lòng đất, chỉ mơ về, chỉ bàn đến kim cương! Khi ấy tôi còn bé quá, nhưng dám chắc với anh rằng đã có lúc tôi thấy bực bội Vì chuyện ấy đây anh Méré! nhưng lúc này anh nói kim cương đắt Vì nó hiếm... Đây có phải là phẩm chất duy nhất của nó?”

“Không, không hẳn như vậy đâu cô Watkins. Còn có tính trong suốt của nó, sự lấp lánh của nó, khi nó được gọt giũa sao cho khúc xạ được ánh sáng,

thậm chí còn khó khăn trong việc gọt giũa, và cuối cùng là độ cứng quá mức đã làm nên một vật thể thú vị đối với nhà khoa học, và, tôi muốn nói thêm, rất hữu ích cho công nghiệp. Cô có biết rằng nó chỉ có thể được đánh bóng bằng chính bột của nó, và độ rắn quý giá ấy đã cho phép ta sử dụng nó, từ vài năm nay, để khoan thủng các tảng đá. Không có sự trợ giúp của loại đá quý này, không những sẽ rất khó khăn trong gia công thủy tinh và nhiều chất cứng khác, mà cả việc mở đường hầm, những hầm mỏ, những giếng phun cũng sẽ rất mệt mỏi!”

“Bây giờ thì tôi hiểu rồi, Alice nói, nàng chợt cảm nhận được một dạng tình cảm yêu mến dành cho những viên kim cương đáng thương mà nàng đã xem thường đến giờ này. Nhưng anh Méré, chất than này, anh khẳng định là thành phần ở dạng kết tinh cấu tạo nên kim cương - phải nói như vậy, đúng không nhỉ? - chất than này, tóm lại là gì vậy?”

“Đó là một đơn chất, phi kim, và là một trong những chất phổ biến nhất trong tự nhiên, Cyprien đáp. Tất cả các cấu tạo hữu cơ, không có ngoại lệ, gỗ, thịt, bánh mì, cây cỏ, hàm chứa một tỉ lệ lớn chất ấy. Thậm chí phải nhờ vào sự hiện diện của than hay còn gọi là cacbon trong các nguyên tố tạo thành chúng mà ta quan sát để biết mối quan hệ vật chất giữa chúng.”

“Thật là kỳ diệu! tiểu thư Watkins nói. Thế là những bụi cây ở kia, cỏ trên bãi chăn thả gia súc này, cây cho ta trú ngụ, da thịt chú đà điểu Dada của tôi, và ngay cả tôi đây, và anh nữa, anh Méré, chúng ta phần nào đó được tạo ra từ than... cũng như kim cương sao? Vậy tất cả trên thế giới này chỉ đều là than sao?”

Quả thật vậy, thưa cô Alice, ta đã cảm nhận chuyện đó từ khá lâu rồi, nhưng khoa học đương đại đang ngày càng nhắm đến chứng minh điều đó rõ ràng hơn! hay, nói đúng hơn, khoa học ngày càng có khuynh hướng giảm bớt số lượng các đơn chất, số lượng lâu nay vẫn được xem như bất biến. Những phương pháp quan sát phổ học, về phương diện này, gần đây đã khoác lên ngành hóa học một diện mạo mới. Thế nên phải chăng sáu mươi hai chất, đến nay được sắp xếp như các đơn chất cơ bản hay chủ yếu, có thể

chỉ là một thực thể nguyên tử duy nhất, có thể là hydro - dưới các dạng thức khác nhau: điện, chuyển động, nhiệt!

“Ôi! anh làm tôi sợ với những từ đao to búa lớn ấy, anh Méré ạ!” tiểu thư Watkins kêu lên. “Anh hãy nói với tôi về than thì hơn! Còn các anh, những nhà hóa học, các anh không thể nào làm kết tinh than như các anh làm với lưu huỳnh mà anh đã cho tôi xem những lá kim xinh xắn hôm nọ ư? như thế sẽ tiện lợi hơn là đi đào hố trong lòng đất để tìm kim cương!”

“Người ta vẫn cố gắng thực hiện điều cô đang nói,” Cyprien đáp, “và họ nhắm đến sản xuất kim cương nhân tạo bằng cách làm kết tinh than nguyên chất. Tôi cần nói thêm rằng ở chừng mực nào đó chúng tôi cũng đã thực hiện được. Nhà bác học Despretz, vào năm 1853, và mới đây thôi, ở nước Anh, một nhà bác học khác đã sản xuất bụi kim cương bằng cách cho dòng điện rất mạnh, trong chân không, chạy qua các ống xy lanh chứa than, đã được loại bỏ mọi khoáng chất và điều chế với đường phèn. Nhưng đến nay, quy trình vẫn chưa tìm ra giải pháp công nghiệp. Và chẳng, có thể giờ đây chỉ là vấn đề thời gian. Nay mai, và có thể ngay lúc tôi đang nói với cô, cô Watkins à, quy trình sản xuất kim cương đã được phát minh!”

Cứ thế, họ vừa trò chuyện cùng nhau vừa đi dạo trong sân cát trải dọc theo trang trại, hoặc vào buổi tối, cùng ngồi nơi hiên nhà, vừa ngắm sao nhấp nháy trên bầu trời miền cực nam.





Rồi, Alice từ biệt chàng kỹ sư trẻ quay về trang trại, khi nàng không đưa chàng đi thăm bầy đà điểu nuôi ở một khu được rào kín xung quanh, ngay dưới chân gò cao có nhà của John Watkins. Những cái đầu nhỏ xíu màu

trắng của chúng, trên thân mình đen, những cặp đùi béo chắc, những chỏm lông vàng nhạt tô điểm nơi đầu cánh và đuôi, từ một hay hai năm nay, những thứ đó thu hút cô gái trẻ, làm cô vui thú, khi nuôi đầy vườn giống chim cao cẳng to lớn này.

Thông thường, người ta chẳng thuần hóa loài động vật này, và các chủ trang trại tỉnh Cap cứ để chúng sống gần như hoang dã. Họ bằng lòng với việc nhốt chúng vào bãi quây trên những khu đất rộng rào kín, được bảo vệ bằng lớp rào chắn cao bằng sợi đồng thau giống như loại rào chắn ở một số nơi khác người ta dựng lên dọc đường sắt. Những chú đà điểu, vốn không có cấu tạo cơ thể để bay, không thể vượt qua nổi các khu đất rào kín ấy. Ở đó, quanh năm, chúng sống trong giam cầm mà không biết ăn những gì tìm thấy và tìm kiếm những nơi vắng vẻ để đẻ trứng, luật pháp nghiêm minh bảo vệ khỏi đám trộm. Chỉ vào mùa thay lông, khi phải thu hoạch những bộ lông chim được phụ nữ châu Âu vô cùng ưa chuộng, những người thợ lừa dần dần bện đà điểu vào một loạt các chuồng càng lúc càng hẹp dần, cho đến khi họ dễ dàng bắt được chúng để nhổ lông.

Từ vài năm nay, ở các vùng thuộc tỉnh Cap, ngành công nghiệp này đã bắt đầu khuếch trương mạnh mẽ, và ta có quyền ngạc nhiên một cách chính đáng rằng nó chỉ mới được du nhập vào Algérie, nơi ấy hiệu quả cũng sẽ không kém hơn. Như vậy, bọn đà điểu bị biến thành nô lệ theo cách ấy, mỗi con mang lại cho chủ của nó, chẳng cần tốn thêm chi phí nào, khoản lợi nhuận hằng năm từ hai trăm đến ba trăm franc. Để hiểu được điều này, phải biết rằng một bộ lông vũ lớn, nếu có chất lượng tốt, được bán tầm sáu mươi đến tám mươi franc - thời giá thị trường - và các bộ lông trung bình và nhỏ cũng có giá trị khá lớn.

Nhưng chỉ là vì thú vui cá nhân mà tiểu thư Watkins thả nuôi khoảng một chục con chim lớn này. Nàng thích thú khi xem chúng ấp những quả trứng khổng lồ, hoặc ngắm chúng khi đi ăn cùng đàn con, cũng giống mấy con gà mái hay gà tây trống. Thi thoảng Cyprien đi theo nàng, và chàng thích âu yếm một trong những con đẹp nhất bầy, đó là một chú đà điểu đầu đen, mắt



vàng óng - chính xác là cục cưng Dada ấy đấy, đã nuốt chứng viên bi ngã Alice thường dùng để khâu vá.

Tuy vậy, dần dà, Cyprien nhận thấy trong chàng nảy sinh một tình cảm sâu đậm hơn và dịu dàng hơn đối với cô gái trẻ này. Chàng tự nhủ, để sẽ chia công việc và những suy nghiệm, sẽ chẳng bao giờ chàng tìm được một người bạn đời có tâm hồn trong sáng hơn, có trí thông minh sắc bén hơn, đáng yêu hơn, giỏi giang hơn về mọi mặt. Quả thật, bị mò côi mẹ sớm, phải quán xuyến việc nhà cho cha, tiểu thư Watkins là một người nội trợ thành thạo đồng thời cũng là một phụ nữ cao quý thực thụ. Thậm chí chính sự pha trộn đặc biệt giữa sự ưu tú hoàn hảo và tính ngây thơ đầy lôi cuốn đã cho nàng vẻ rất duyên dáng. Không hề có tính tự phụ ngốc nghếch như nhiều cô gái thanh lịch của thành thị châu Âu, nàng không ngại dùng đôi tay nỡ nà nhồi bột để làm bánh pudding, chăm lo bữa ăn tối, sắp xếp tươm tất các thứ đồ vải vóc trong nhà. Và điều đó chẳng cản trở nàng chơi các bản nhạc của Beethoven có khi còn hay hơn nhiều người khác, nói thành thạo hai hoặc ba ngôn ngữ, thích đọc sách, biết cảm nhận những kiệt tác của mọi nền văn học, và cuối cùng nàng rất được hoan nghênh trong các buổi gặp mặt thượng lưu, thỉnh thoảng được tổ chức ở nhà một số chủ trang trại giàu có trong hạt.

Không phải vì những phụ nữ tao nhã rất hiếm trong các cuộc gặp gỡ ấy. Ở Transvaal cũng như ở Mỹ, ở Úc và các nước mới khác, những công việc chân tay mà một nền văn minh mới áp đặt thu hút hoạt động của nam giới, văn hóa trí thức là một độc quyền gần như dành riêng cho nữ giới hơn nhiều so với ở châu Âu. Phải chăng vì thế họ thường hơn chồng và con trai họ rất nhiều, về trình độ văn hóa phổ thông và sự tinh tế nghệ thuật. Đã có lúc, du khách không khỏi ngạc nhiên khi gặp phu nhân của một thợ mỏ Úc hay của một chủ chăn nuôi cừu miền Viễn Tây, có tài năng âm nhạc hạng nhất, lại còn rành rẽ về văn chương và khoa học. Con gái một người nhật hạnh đồ vải cũ ở Omaha, hay một người bán thịt ở Melbourne sẽ thẹn khi nghĩ rằng mình thua kém một công nương của châu Âu xưa về hiểu biết, về tư cách, về “sự giỏi giang” toàn diện. Ở tiểu bang tự trị orange, giáo dục nữ

giới đã từ lâu bình đẳng với giáo dục nam giới, nhưng ở đây nam giới lại rời ghế nhà trường rất sớm, thì sự tương phản giữa hai giới còn rõ hơn ở những nơi khác. Người đàn ông, trong gia đình, là “bread-winner”, người kiếm bánh mì; với sự thô bạo bẩm sinh, đàn ông lưu giữ những đặc tính thích hợp với công việc ngoài trời, có đời sống mệt nhọc và nguy hiểm. Trái lại, ngoài những bổn phận gia đình, phụ nữ coi văn hóa nghệ thuật và văn chương như lĩnh vực của mình, lĩnh vực người chồng vẫn xem thường và không quan tâm.



Và đôi khi có một bông hoa mỹ miều, tao nhã và duyên dáng, lại nở rộ bên bờ sa mạc; đó chính là trường hợp của con gái chủ trang trại John Watkins.

Cyprien từng tự nhủ tất cả chuyện ấy, và, vì chàng luôn đi thẳng vào mục tiêu, chàng đã không ngần ngại đến bày tỏ lời cầu hôn.

Nhưng than ôi! Giờ đây chàng như rơi từ giấc mơ cao vợi xuống, và lần đầu tiên, chàng nhận ra hố sâu khó vượt qua chia cách chàng với Alice. Phải chăng vì thế nên chàng trở về nhà, sau cuộc gặp gỡ định mệnh ấy, với trái tim nặng trĩu ưu phiền. Nhưng chàng không phải là người dễ bỏ cuộc vì một nỗi tuyệt vọng vô phương ; chàng đã quyết đấu tranh trên đất này, và trong khi chờ đợi, chàng sẽ sớm tìm quên trong công việc.

Sau khi ngồi xuống bên chiếc bàn nhỏ, chàng kỹ sư trẻ đã hoàn thành, với nét chữ viết nhanh và quả quyết, lá mật thư dài viết dở sáng nay gửi đến người thầy đáng kính của chàng, M.J... thành viên Viện hàn lâm Khoa học và là giáo sư thực thụ của trường Mỏ Địa Chất:

“... Điều em nghĩ không nên ghi vào luận án chính thức của mình, chàng viết cho thầy, bởi vì với em nó mới chỉ là một giả thuyết, đây chính là ý kiến mà em thử đưa ra cho riêng mình, theo những quan sát địa chất của em, trên quy trình thực tế của sự tạo thành kim cương. Không phải là giả định nó có nguồn gốc từ núi lửa, cũng không phải quy kết cho việc nó xuất hiện trong mỏ đang khai thác nhờ vào hoạt động của gió lốc dữ dội, sẽ có thể làm em thỏa mãn hơn thầy, thưa giáo sư đáng kính, và em không cần phải nhắc thầy những lý do khiến chúng ta chưa tiếp cận được chúng. Sự hình thành kim cương tại chỗ, bởi hoạt động của lửa, là một lý giải quá mơ hồ và không làm em hài lòng chút nào. Bản chất của lửa này là gì, và tại sao nó đã không làm biến đổi các loại lớp đá vôi ở đủ dạng khác nhau thường có trong quặng kim cương? Điều đó với em có vẻ ấu trĩ, chỉ xứng với loại lý thuyết luân quản hoặc lấp liếm.



“Lời giải thích duy nhất làm em hài lòng, nếu không muốn nói là hoàn toàn thỏa mãn, ít ra trong chừng mực nào đó, chính là do sự vận chuyển các

nguyên tố đá quý bằng chuyển động của nước, và việc tạo thành tinh thể sau đó được thực hiện tại chỗ. Em rất ấn tượng bởi mặt cắt đặc biệt, gần như đồng đều, của các quặng khác nhau mà em đã xem xét và đo đạc thật tỉ mỉ. Tất cả đều ít nhiều cho một dạng chung có hình dáng một loại cốc, bình hình chỏm, hay đúng hơn, nếu tính đến các lớp vỏ bao bọc, thì có hình bầu của một bi đông nước nằm nghiêng. Tựa như một bể chứa ba mươi hay bốn mươi nghìn mét khối, trong đó tuôn trào một tập hợp các loại cát, bùn và đất phù sa, chứa trong tầng đá nguyên thủy. Tính chất này rõ nét nhất ở khu mỏ Vandergaart-Kopje, một trong những mỏ mới được phát hiện gần đây nhất, nhân thể nói, thuộc sở hữu của chính ông chủ nhà trọ nơi em đang ngồi viết thư cho thầy.”

“Khi đổ vào bình một chất lỏng có chứa vật thể lạ không hòa tan, điều gì xảy ra? Đó là các vật thể lạ đặc biệt hay lắng xuống đáy và bám xung quanh thành bình. Vâng! Chính xác đó là hiện tượng xảy ra trong khu mỏ Kopje. Đặc biệt chính là ở đáy và về phía trung tâm của khu mỏ, cũng như ở ven thành mỏ, là nơi kim cương tụ lại. Và hiện tượng này được nhận thấy rất rõ, với việc các hố khai thác trung gian rút giá nhanh chóng, trong lúc các khu đất trung tâm hoặc giáp ranh các thành mỏ thì nhanh chóng đạt những giá trị lớn, một khi mỏ khai thác được định hình. Vậy nên phép loại suy thiên về sự vận chuyển vật liệu dưới tác động của nước.”

“Mặt khác, thầy sẽ thấy phần lớn các trường hợp được liệt kê trong luận án của em, đều nhằm cho thấy sự hình thành tại chỗ của các tinh thể, nhất là quá trình chuyển sang trạng thái hoàn hảo của chúng. Chỉ cần kể ra hai hoặc ba trường hợp, thì hầu như kim cương luôn tập trung thành từng nhóm đồng chất và đồng màu, điều này chắc chắn không thể xảy ra nếu sau khi đã được tạo thành chúng mới bị mang theo trong dòng thác. Chúng ta thường tìm thấy từng đôi ghép sát nhau, nhưng dễ tách ra khi có tác động nhẹ. Vậy làm sao chúng có thể chịu được lực ma sát và những gập ghềnh trong chuyển động của dòng nước? hơn nữa, những viên kim cương lớn hầu như luôn được tìm thấy dưới các tầng đá, điều đó chứng tỏ rằng ảnh hưởng của đá - bức xạ nhiệt của nó hoặc các nguyên nhân khác - đã tạo điều kiện cho



quá trình kết tinh. Cuối cùng, hiếm khi, thậm chí rất hiếm khi kim cương lớn và nhỏ cùng tập trung một chỗ. Tất cả những lần ta tìm được một viên đá đẹp thì đều là viên đá đơn lẻ. Như thể những yếu tố thuộc về kim cương trong ô chỉ tập trung dồn lại trong một tinh thể duy nhất, dưới tác động của các nguyên nhân đặc thù.”

“Vậy nên những lý do này và còn nhiều lý do khác cho phép em thiên về giả thuyết sự tạo thành tại chỗ của các yếu tố kết tinh, sau khi được dòng nước vận chuyển.”

“Nhưng các dòng nước cuốn vụn hữu cơ biến đổi thành kim cương xuất phát từ đâu? Đó là điều em đã không thể xác định, cho dù em đã cẩn trọng thực hiện nghiên cứu trên các địa hình khác nhau.”

“Tuy vậy khám phá vẫn có tầm quan trọng của nó. Quả thật, nếu ta tìm thấy đường của dòng chảy thì tại sao lại không đi ngược dòng tìm đến đầu nguồn nơi kim cương xuất phát, nơi chắc chắn có trữ lượng lớn hơn nhiều những hồ chứa nhỏ hiện đang được khai thác? Đó sẽ là một minh chứng đầy đủ cho lý thuyết của em, và em sẽ vô cùng hạnh phúc vì điều ấy. Nhưng em không phải là người sẽ thực hiện nghiên cứu, bởi lẽ nhiệm vụ của em ở đây sắp kết thúc, và em đã không thể tìm ra kết luận nghiêm túc nào cho vấn đề này.”

“Em đã gặp nhiều thuận lợi hơn trong các phân tích mẫu đá...”

Và chàng kỹ sư trẻ, để tiếp tục câu chuyện về các công việc của chàng, bắt đầu đi vào những chi tiết kỹ thuật mà với chàng cũng như vị giáo sư chắc hẳn là mối quan tâm lớn, nhưng với một độc giả ngoại đạo có lẽ sẽ không có cùng suy nghĩ. Bởi vậy, có lẽ nên thận trọng để tránh cho độc giả điều này.

Vào nửa đêm, sau khi hoàn thành bức thư dài, Cyprien tắt đèn, nằm duỗi trên võng của chàng và ngủ ngon giấc.

Công việc đã lấn át buồn đau - ít nhất là trong khoảng vài giờ - Nhưng một hình ảnh duyên dáng lại một lần nữa ám ảnh những giấc mơ của nhà bác học trẻ, và dường như nó mách bảo chàng đừng vội tuyệt vọng!

# CHƯƠNG 4: KHU MỎ VANDERGAART KOPIE

Hôm sau, trong lúc làm vệ sinh, Cyprien Méré tự nhủ, “Quả thật, ta phải đi, phải đi khỏi Griqualand thôi! Sau những gì ta để ông già kia nói, ở đây thêm một ngày nào nữa cũng sẽ là hèn yếu! Ông ta không muốn gả con gái cho ta? Có thể ông ta đúng! Dù sao, ta chẳng phải loại người cố bào chữa cho mình bằng các tình tiết giảm nhẹ! Ta phải biết mạnh mẽ chấp nhận phán quyết này, cho dù đau đớn thế nào, và tin tưởng vào những sự hồi tâm chuyển ý trong tương lai!”

Không ngần ngại hơn nữa, Cyprien lo việc đóng máy móc vào những thùng chàng vẫn giữ lại để sử dụng thay cho tủ và kệ. Chàng hăng say bắt đầu công việc và tích cực làm đã một hay hai giờ đồng hồ, cũng lúc ấy, qua cửa sổ, trong không khí ban mai, một giọng tươi trẻ và trong vắt cất cao từ dưới sân như tiếng hót chim chiền chiện văng vẳng đến tai chàng, ngân nga một trong những giai điệu quyến rũ nhất của thi sĩ Moore:

*It is the last rose of summer,*

*Left blooming alone*

*All her lovely companions*

*Are faded and gone, etc.*

“Đó là đóa hồng cuối của mùa hạ, - đóa duy nhất còn nở hoa; - Những bạn hoa yêu kiều kia - đã tàn phai và héo úa.”

Cyprien chạy đến bên cửa sổ và nhìn thấy Alice đang đi về Khoáng sân nuôi đà điểu, tạp dề của nàng chứa đầy kẹo bánh cho chúng. Chính nàng

đang ngân nga hát lúc bình minh.

*I will not leave thee, thou lone one!*

*To pine on the stem,*

*Since the lovely are sleeping,*

*Go sleep with them...*

“Ta sẽ không rời xa, - không để nàng cô đơn, - Héo hon trên cành. - Bởi những mỹ nữ đã ngủ, - đi nào, hãy đi ngủ cùng họ.”

Chàng kỹ sư trẻ chưa bao giờ nghĩ mình đặc biệt nhạy cảm với thơ ca, ấy vậy mà, đoạn thơ ấy thấm sâu vào chàng. Chàng đứng gần nơi cửa sổ, nín thở lắng nghe, hay, nói đúng hơn, chàng uống từng lời dịu dàng ấy.

Bài hát ngưng bật. Tiểu thư Watkins đang rải thức ăn cho bọn đà điểu và thật thích thú khi thấy bọn chúng thò những chiếc cổ dài ngoằng và đám mỏ vụng về ra trước bàn tay nhỏ bé hay chọc ghẹo chúng của nàng. Rồi, lúc nàng cho chúng ăn xong, nàng đi lên, vẫn luôn ngân nga:

*It is the last rose of summer,*

*Left blooming alone...*

*Oh! who would inhabit*

*This black world alone?...*

“Đó là đóa hồng cuối của mùa hạ, - đóa duy nhất còn nở hoa; - Ôi! nào ai muốn sống cô đơn trên cõi đời buồn bã này?...”

Cyprien vẫn đứng nguyên tại chỗ, đôi mắt ngân ngấn, bất động trước nét quyến rũ đó.

Tiếng hát xa dần, Alice sắp quay về trang trại, nàng còn cách đấy chưa đầy hai mươi mét, bỗng những tiếng bước chân vội vã khiến nàng quay lại, rồi đột ngột dừng bước.

Cyprien, bước đi dù không hề suy nghĩ nhưng chàng không thể ngăn được mình, đầu trần rời khỏi căn nhà và chạy theo nàng.

“Cô Alice!...



“Anh Méré...?”



Giờ thì họ đang mặt đối mặt, dưới ánh mặt trời đang lên, trên lối đi bao quanh trang trại. Bóng họ duyên dáng in rõ trên hàng giậu gỗ màu trắng, trong khung cảnh trơ trụi ấy. Giờ đây khi đã đuổi kịp cô gái trẻ, Cyprien dường như bất ngờ vì hành xử của mình và chàng im lặng, ngập ngừng.

“Anh có điều gì muốn nói với tôi, phải không anh Méré? nàng hỏi với vẻ quan tâm.

“Tôi phải từ biệt cô, cô Alice à!... Ngay hôm nay tôi phải đi!” chàng đáp bằng một giọng không chắc chắn lắm.

Làn da mềm mại phớt hồng tươi tắn của tiểu thư Watkins đột nhiên biến sắc.

“Đi à?... Anh nói phải đi...đi đâu?...” Nàng hỏi, vẻ rất bối rối.

“Về quê tôi... về nước Pháp,” Cyprien trả lời. “Công việc của tôi nơi đây đã hoàn tất!... Chuyến công tác của tôi đã hết hạn... Tôi chẳng còn gì làm ở Griqualand, và tôi buộc phải trở về Paris...”

Nói đến đây, chàng ngắt quãng, chàng nói với giọng của người có tội đang xin tha thứ.

“À!... Vâng!... Đúng rồi!... Đành vậy thôi!...” Alice áp úng vì chẳng biết phải nói gì.

Cô gái trẻ sững sờ. Tin vừa nghe khiến nàng sững sốt như một tai họa bất ngờ trong khi nàng đang ngập trong niềm hạnh phúc vô thức. Bất chợt, dòng nước mắt dâng tràn lên hai hàng mi dài rậm. Và, như thể sự bùng phát của buồn đau đưa nàng quay về thực tại, nàng lấy chút sức lực còn lại để mỉm cười:

“Đi ư?... Nàng hỏi lại. Vậy, vậy còn cô học trò tận tâm của anh, anh muốn ra đi để cô ta dở dang các bài học hóa học sao?... Anh muốn tôi chỉ học đến

bài khí ôxy và những bí ẩn của khí nitơ với tôi mãi là bài chưa học sao?...  
Làm vậy chẳng hay chút nào, anh quý mến!”

Nàng cố tỏ thái độ bình tĩnh và đùa cợt, nhưng âm điệu giọng nói nàng thì ngược lại. Trong lời nói bông đùa ấy ẩn giấu lời trách móc sâu kín, tấn công trực diện vào trái tim chàng. Nàng nói tiếp với chàng bằng những lời dung dị:

“Vậy rồi, vậy còn tôi?... Vậy ra anh chẳng coi tôi ra gì ư?...”

“Anh đơn giản là nhận chìm tôi vào hư vô rồi đấy!... Anh đến nơi này, giữa đám dân Boër và thợ mỏ tham lam, và tỏ ra mình là một người cao quý và ưu việt, bác học, hãnh tiến, không vụ lợi, siêu đẳng!... Anh để tôi tham gia vào nghiên cứu của anh và công việc của anh!... Anh mở lòng với tôi và chia sẻ những tham vọng lớn lao của anh, niềm yêu thích văn học của anh, sở thích nghệ thuật của anh!... Anh phá bỏ khoảng cách giữa một học giả như anh và những kẻ có hai tay bao quanh tôi!... Anh vận dụng tất cả để được ngưỡng mộ và yêu quý!... Anh đạt được tất cả rồi!... Rồi sau đó, đột nhiên anh đến báo tôi biết rằng anh ra đi, rằng đã kết thúc, rằng anh sắp quay về Paris và nhanh chóng quên lãng tôi!... Và anh nghĩ tôi sẽ đón nhận kết cục này với thái độ quân tử?”

Đúng vậy, tất cả những điều Alice vừa nói ra ấy cũng được diễn đạt rõ ràng qua đôi mắt ngân ngấn của nàng, khiến Cyprien rất muốn đáp lại những lời trách thềm nhưng hùng hồn ấy. Thiếu chút nữa chàng đã hét lên:

“Đành vậy thôi!... Hôm qua tôi đã thỉnh cầu cha nàng để nàng thành thân với tôi!... Ông ấy đã từ chối, mà chẳng cho tôi hy vọng!... Giờ thì nàng hiểu vì sao tôi phải đi chứ?”

Đúng lúc ấy chàng nhớ lại lời hứa của mình. Chàng đã hứa không bao giờ tỏ lộ mơ ước của mình cho con gái John Watkins, và chàng sẽ tự trách mình đáng khinh bỉ vì đã không giữ lời hứa.

Thế nhưng cùng lúc ấy, đột nhiên chàng khựng lại vì thất vọng với chính bản thân mình, chàng thấy rằng ý định ra đi ngay thật tàn nhẫn, gần như là dã man. Chàng nhận ra không thể rời bỏ ngay lập tức mà không có sự chuẩn bị cho cô bé duyên dáng chàng yêu quý - điều quá rõ như ban ngày - Nàng đã thể hiện tình cảm thật chân thành và thật sâu sắc nhường nào!

Giải pháp ra đi ấy, chàng đã buộc phải chọn lựa hai giờ trước đây, mang tính chất cần thiết cấp bách nhất, giờ đây làm chàng thấy ghê rợn. Chàng thậm chí còn chẳng dám thú nhận điều đó nữa.

Rồi chàng chợt từ bỏ ý định.

“Cô Alice à, khi tôi nói ra đi, chàng nói, tôi nghĩ, không phải ngay trong sáng nay... cũng chẳng phải ngay hôm nay!... Tôi vẫn còn một số ghi chép cần làm... một số chuẩn bị phải bỏ sung!... Dù sao, tôi rất hân hạnh gặp lại cô và chuyện trò với cô... về kế hoạch học tập của cô!”...

Đến đây, Cyprien chợt quay bước chạy trốn như một kẻ khùng, chàng, quay trở lại căn nhà trọ, thả mình trên ghế bành gỗ và bắt đầu suy nghĩ sâu xa.

Dòng suy nghĩ của chàng đã thay đổi.

“Từ bỏ một cô nàng duyên dáng đến thế chỉ vì thiếu chút tiền thôi ư!” chàng tự nhủ. “Bỏ cuộc ngay từ trở ngại đầu tiên à! Phải chăng thế là dũng cảm như ta vẫn tưởng? nên chẳng phải hy sinh một vài thành kiến và tốt hơn nên gắng để mình xứng đáng với nàng? ... Nhiều người đã trở nên giàu có chỉ trong vài tháng tìm kiếm kim cương! Tại sao ta không làm như thế? Ta cũng vậy thôi, nào ai ngăn được ta đào được một viên kim cương trăm cara, hết như những kẻ khác hay tốt hơn nữa là khám phá ra một mỏ quặng mới? Chắc chắn ta có nhiều kiến thức lý thuyết và thực tiễn hơn đa phần những người kia! Không lẽ khoa học không giúp ta đạt được những gì công việc mang lại cho họ, nhờ chút ít vào sự may mắn?... Sau cùng, ta cũng chẳng mất mát lớn lao nếu làm thử!... Ngay cả đối với chuyên công tác của ta, bắt tay vào cầm cuộc làm thử công việc thợ mỏ có thể không vô ích với

ta chẳng!... Và nếu ta thành công, nếu ta trở nên giàu có nhờ phương cách nguyên thủy này, biết đâu John Watkins sẽ chịu nhún nhường và sẽ xét lại quyết định ban đầu của ông ta? Kết quả đạt được cũng đáng cho ta thử phiêu lưu lắm chứ!...”

Cyprien đi lại trong phòng thí nghiệm; nhưng lần này tay buông lỏng, chỉ có trí óc chàng đang làm việc.

Đột ngột, chàng dừng lại, đội mũ rồi đi ra.

Sau khi men theo đường mòn dẫn xuống đồng bằng, chàng sải bước nhanh về phía khu mỏ Vandergaart-Kopje.



Chưa đầy một tiếng, chàng đến nơi.

Lúc này, thợ mỏ lũ lượt quay về trại để dùng bữa trưa. Cyprien, nhìn kỹ những khuôn mặt rám nắng ấy, tự nhủ mình sẽ hỏi ai để có được thông tin cần thiết cho chàng, khi đó, chàng nhận ra trong một nhóm thợ khuôn mặt trung thực của Thomas Steel, anh thợ mỏ Lancashire ngày trước. Chàng đã có dịp gặp anh ta hai hay ba lần rồi, từ dạo họ cùng nhau đến Griqualand một lượt, và thấy anh chàng trung hậu này trông bề ngoài có vẻ phát đạt, chỉ cần nhìn vẻ mặt tươi tắn, áo quần mới toanh, và nhất là chiếc thắt lưng da bản rộng đeo trên hông anh ta là đủ rõ.

Cyprien quyết định bắt chuyện với anh ta và nói về những dự định của chàng - chuyện ấy chỉ cần vắn tắt trong vài câu.

“Thầu một mỏ khai thác à? Chẳng có gì dễ hơn, nếu anh có tiền! anh thợ mỏ trả lời chàng. Có một cái ở ngay sát mỏ của tôi kìa! Bốn trăm bảng<sup>[7]</sup>, quá rẻ! Thêm năm hoặc sáu tay thợ da đen làm việc cho anh, chắc chắn là ở đó mỗi tuần anh sẽ “kiếm” được số kim cương trị giá ít nhất bảy hoặc tám trăm franc!

“Nhưng tôi chẳng có đến mười nghìn franc, và chẳng có lấy một tay thợ da đen quèn nào!” Cyprien nói.

“VẬY thì, mua một phần mỏ thôi, một phần tám hoặc thậm chí chỉ một phần mười sáu - và tự anh khai thác lấy! Một nghìn franc là đủ để tậu được!”

“CÓ lẽ phù hợp với khả năng tôi hơn, chàng kỹ sư trẻ đáp. Nhưng riêng anh, anh Steel, anh đã làm như thế nào, nếu tôi không quá tò mò? Vậy là anh có mang theo một số vốn đến đây chẳng?”

“Tôi đến đây với hai bàn tay và ba đồng vàng trong túi,” anh ta đáp, “nhưng tôi đã may mắn. Thoạt đầu tôi làm việc, bằng cách chia lòi, trong một phần tám của một mỏ có người chủ thích la cà quán cà phê hơn là chăm lo việc kinh doanh. Chúng tôi đã thỏa thuận là sẽ chia nhau số lượng tìm thấy, và tôi đã kiếm được khá nhiều - chính xác một viên năm cara bán được hai trăm bảng! Thế rồi tôi chán làm cho cái gã lười ấy và tôi đã mua



một phần mười sáu mỏ khác và tự mình khai thác lấy. Vì ở đây tôi chỉ nhặt toàn đá nhỏ, nên tôi bán lại nó mười ngày trước. Tôi lại mới khai thác theo hình thức chia lời với một tay người Úc trên mỏ của anh ta, nhưng chúng tôi hầu như chỉ mới kiếm được năm bảng cho cả hai trong tuần lễ đầu.”

“Nếu tôi tìm thấy một phần mỏ tốt để mua, không quá đắt, anh có sẵn sàng hợp tác với tôi để khai thác không?” chàng kỹ sư trẻ hỏi.

“Sẵn sàng thôi,” Thomas Steel đáp “tuy nhiên với một điều kiện: mỗi chúng ta sẽ giữ riêng phần mình tìm được! Không phải vì tôi không tin, anh Méré à! nhưng anh thấy đây, từ lúc đến đây, tôi thấy mình luôn thua lỗ trong những vụ chung chia, vì tôi dùng rất thạo cuộc bàn và cuộc chim, và tôi luôn kiếm gấp đôi hoặc gấp ba số sản phẩm so với những kẻ kia!”

“Tôi thấy vậy cũng công bằng,” Cyprien trả lời.

“À này!” bất chợt anh chàng người Lancashire cắt ngang. “Có ý này, và có thể ý hay đây!... Giả sử hai chúng ta cùng mua, một trong những mỏ khai thác của John Watkins?”

“Sao cơ, mua một trong các mỏ của ông ta à? Lẽ nào khu đất Kopje không hoàn toàn của ông ta?”

“Hẳn nhiên rồi, anh Méré, nhưng anh biết đấy, chính phủ thuộc địa đã chiếm khu đó ngay khi biết ở đây có quặng kim cương. Chính phủ quản lý khu đất ấy, đo đạc và chia nhỏ thành từng mỏ khai thác, họ giữ lại phần lớn nhất giá nhượng và chỉ trả cho chủ khu đất một khoản tiền cố định theo định kỳ. Trên thực tế, trên khu đất rộng lớn đến như đồi Kopje, thì khoản tiền kia vẫn là một phần thu nhập khá cao đấy, và mặt khác, ông chủ đất luôn thích mua lại một số lượng lớn các mỏ để ông ta có thể thuê khai thác. Đó chính là trường hợp của John Watkins. Ông ta có nhiều mỏ đang khai thác, ngoài quyền sở hữu trên giấy tờ toàn bộ khu mỏ. Nhưng ông ta không thể khai thác tốt như ý muốn, vì lẽ bệnh thống phong không cho phép ông

đi đến từng nơi, và tôi nghĩ ông ta sẽ tạo điều kiện tốt cho anh nếu như anh đề nghị mua một phần mỏ.”

“Tôi muốn thỏa thuận mua bán chỉ diễn ra giữa anh và ông ta hơn,” Cyprien trả lời.

“Không hề gì, Thomas Steel đáp. Chúng ta sẽ sớm biết đích xác thôi!”

Ba tiếng sau, phân nửa mỏ khai thác số 942, phân ranh hợp lệ bằng cọc và được công nhận trên bản đồ, được nhượng theo đúng thủ tục cho hai anh chàng Méré và Thomas Steel thuê, với giá ưu đãi chín mươi bảng<sup>[8]</sup>, cộng thêm khoản thuế môn bài phải nộp cho nhân viên thuế. Ngoài ra, hợp đồng thuê mỏ quy định cụ thể rằng những người hưởng nhượng quyền phải chia cho John Watkins các thành phẩm từ hoạt động khai thác và sẽ phải nộp cho ông ta trên danh nghĩa “tiền phần trăm hoa lợi” ba viên kim cương đầu tiên nặng trên mười cara mà họ tìm được. Chẳng gì có thể chứng minh rằng khả năng này sẽ xảy ra, nhưng tóm lại vẫn có thể sẽ xảy ra - mọi chuyện đều có thể.

Nhìn chung, sự việc có thể được xem cực kỳ tốt đẹp với Cyprien, và khi cùng ly cùng chàng sau khi ký hợp đồng, ông Watkins tuyên bố với chàng bằng sự thẳng thừng thường thấy.

“Anh đã đi đúng hướng, chàng trai trẻ!” ông ta vừa nói vừa vỗ vai chàng. “Anh có tài năng đấy! Tôi sẽ không bất ngờ nếu anh trở thành một trong những thợ mỏ tài năng nhất Griqualand!”

Cyprien không thể ngăn mình cảm thấy trong những lời ấy một điềm lành cho tương lai.

Và tiểu thư Watkins cũng hiện diện trong cuộc gặp mặt này, đôi mắt xanh của nàng như ẩn chứa một tia nắng rực rỡ! Không! họ không thể tin rằng mới sáng hôm nay thôi họ đã từng khóc lóc.

Mặt khác, với một thỏa thuận ngầm, họ không cần giải thích gì về cảnh tượng buồn bã sáng hôm ấy. Hẳn nhiên, Cyprien tiếp tục ở lại, và nói chung, đó là điều cốt yếu.

Cứ như thế chàng kỹ sư trẻ ra về lòng nhẹ nhõm, để chuẩn bị chuyển chỗ ở, vả chăng chỉ mang theo nhiều nhất là vài bộ quần áo trong một va li nhẹ, bởi chàng định ở luôn ngoài chòi ở Vandergaart-Kopje và chỉ quay về trang trại để nghỉ ngơi giải trí.

# CHƯƠNG 5: LẦN ĐẦU KHAI THÁC MỎ

Ngay buổi sáng hôm sau, hai người hùn vốn bắt đầu làm việc. Mỏ khai thác của họ nằm gần rìa đồi Kopje và chắc hẳn phải phong phú nếu lý thuyết của Cyprien Méré có căn cứ. Rủi thay, mỏ này từng được khai thác ồ ạt và sâu khoảng năm mươi mấy mét trong lòng đất.

Tuy nhiên, xét trên một số phương diện, đây là một lợi thế, bởi lẽ, nếu ở sâu hơn các mỏ bên cạnh, nó sẽ thụ hưởng, theo quy luật của khu đất, mọi loại đất đá và kết quả là tất cả thủy kim cương xung quanh sẽ rơi vào đó.

Công việc rất đơn giản. Hai công sự bắt đầu bằng cách dùng cuốc chim và cuốc bàn, rất đều đặn, xới một lượng đất nhất định. Rồi sau đó, một trong hai người leo lên miệng hố và anh ta kéo những xô đất được chuyển từ bên dưới lên theo dây cáp sắt.

Đất này được chở bằng xe ba gác đến chòi của Thomas Steel. Ở đó, sau khi được nghiền thô bằng những thanh củi lớn, rồi loại bỏ các loại đá vô giá trị, họ cho sàng qua một cái rây có mắt lưới mười lăm milimét để tách ra những viên đá nhỏ hơn, mà họ kiểm tra cẩn thận trước khi bỏ đi. Sau cùng, đất được sàng lọc qua một sàng lỗ dày để loại bỏ bụi, và cuối cùng nó đã ở trong điều kiện tốt để được chọn lọc.



Khi đất được trút lên bàn nơi hai chàng thợ mỏ ngồi, với một loại dụng cụ cạo được làm từ một miếng thiếc, hai người xem xét vô cùng tỉ mỉ từng



nhím một, và rồi họ thả xuống dưới bàn, từ đó nó được vận chuyển ra ngoài và bỏ đi, khi việc xem xét hoàn thành.





Tất cả các thao tác này nhằm mục đích tìm thấy một vài viên kim cương, nếu có, và đôi khi chỉ lớn bằng nửa hạt đậu. Ít nhất hai cộng sự vẫn thấy họ rất may mắn khi vẫn chưa tìm thấy một viên nào mà ngày thì vẫn chưa hết. Họ say sưa lao vào công việc này và phân loại rất tỉ mỉ đất lấy từ mỏ, nhưng trên thực tế, kết quả khá bi quan trong những ngày đầu tiên.

Nhất là Cyprien dường như kém may mắn. Nếu có một viên kim cương nhỏ tìm được trong đất, hầu như Thomas Steel luôn là người nhìn thấy. Viên đầu tiên chàng sung sướng tìm được thì chẳng nặng bao nhiêu, một phần sáu cara bao gồm cả quặng bản.

Cara nặng khoảng bốn gơ ranh<sup>[9]</sup>, gần tương đương một phần năm của một gram<sup>[10]</sup>. Một viên kim cương nước tốt nhất, có nghĩa là rất tinh khiết, trong suốt, không màu, sau khi chế tác, nếu nó nặng một cara, trị giá khoảng hai trăm năm mươi franc. Nhưng nếu kim cương nhỏ hơn có giá trị vô cùng thấp theo tỉ lệ, thì kim cương càng lớn có giá trị tăng lên bội phần. Người ta ước tính, thông thường, giá cả thị trường một viên đá nước đẹp bằng bình phương của trọng lượng nó, được tính bằng cara, nhân với mức giá thời điểm của một cara. Hệ quả là, nếu ta giả sử rằng giá của một cara là hai trăm năm mươi franc, một viên đá mười cara có cùng chất lượng như thế sẽ trị giá gấp trăm lần, tức là hai lăm nghìn franc.

Nhưng loại đá mười cara, thậm chí loại một cara, vô cùng hiếm. Chính vì lý do ấy nên chúng đắt giá đến thế. Và mặt khác, kim cương ở Griqualand hầu như có màu vàng - điều đó làm giảm đáng kể giá trị của chúng trong ngành chế tác nữ trang.

Việc tìm thấy viên đá nặng một phần sáu cara, sau bảy hay tám ngày lao động, quả là một phần thưởng nghèo nàn cho những vất vả nhọc nhằn chàng đã phải trả giá. Có lẽ với tỉ suất ấy, cày xới đất trồng, chặn giữ bày gia súc hoặc khai phá đường sẽ lợi hơn. Đó chính là điều Cyprien tự nhủ trong lòng. Tuy nhiên, hy vọng tìm thấy một viên kim cương đẹp làm phần thưởng bất ngờ cho công việc vất vả của nhiều tuần thậm chí nhiều tháng đã tiếp thêm sức cho chàng giống như hy vọng đã từng nâng đỡ những

người thợ mỏ, ngay cả những anh chàng thiếu tự tin nhất. Về phần Thomas Steel, - ít nhất trông vẻ bề ngoài, anh ta làm việc như cái máy chẳng hề suy tính do đã quen với cường độ.

Hai cộng sự thường ăn trưa cùng nhau, họ bằng lòng với bánh mì kẹp thịt và bia mua từ một quầy bán hàng ăn ngoài trời, nhưng bữa tối họ ăn com thán ở một trong rất nhiều những nhà hàng nơi khách hàng trong vùng thường đến. Buổi tối, sau khi chia tay đường ai nấy đi, Thomas Steel đi đến các quán bi da, còn Cyprien thì ghé về trang trại một hai giờ đồng hồ. Ở đó, chàng kỹ sư trẻ thường thấy khó chịu khi gặp mặt đối thủ của chàng, James Hilton, một anh chàng cao lớn tóc đỏ, da trắng, khuôn mặt lấm tấm những vết người ta hay gọi là tàn nhang. Tay đối thủ kia chắc chắn nhanh chóng chiếm được tình cảm của John Watkins vì hắn uống rượu gin nhiều hơn và hút thuốc hambourg còn nhiều hơn ông ta, điều đó chẳng còn nghi ngờ gì.

Đúng ra là Alice hình như chỉ coi thường sự lịch thiệp quê mùa và những cuộc trò chuyện tầm thường của chàng trai trẻ Hilton mà thôi. Nhưng sự hiện diện của anh ta đối với Cyprien không vì thế mà bớt phần khó chịu. Thế nên, đôi khi, vì không thể chịu đựng nổi, tự cảm thấy khó kiềm chế mình, chàng tạm biệt mọi người và ra đi.

“Anh chàng Pháp không hài lòng đấy! John Watkins vừa nói như vậy vừa nháy mắt với anh bạn của mình. Có vẻ như kim cương không tự tìm đến với anh ta!”

Và James Hilton phá lên cười một cách ngốc nghếch nhất trên đời.

Vào những buổi tối như vậy, Cyprien thường quay về hàn huyên chuyện trò sau bữa tối tại nhà một ông lão trung hậu người Boër ở ngay gần trại, tên Jacobus Vandergaart.

Tên của khu đất Kopje chính là từ họ của ông mà ra, ngày trước chính ông là người quản lý khu đất trong thời kỳ đầu nhượng quyền. Thậm chí, nếu theo lời ông kể, chính vì một vụ tòa án từ chối xét xử thực sự mà ông ấy bị

tước quyền sở hữu khu đất ấy về tay John Watkins. Giờ đây ông hoàn toàn bị phá sản, sống trong căn chòi đất cũ kỹ, ông kiếm sống bằng nghề chế tác kim cương mà ông từng làm ở Amsterdam, thành phố quê hương ông.

Quả thật, thường có nhiều thợ mỏ, vì tò mò muốn biết đích xác trọng lượng còn lại của viên đá sau khi cắt, mang chúng đến nhờ ông, hoặc gọt theo lớp kết tinh, hoặc thực hiện nhiều thao tác tỉ mỉ hơn. Nhưng công việc ấy đòi hỏi đôi tay khỏe và thị lực tốt, và ông lão Jacobus Vandergaart, người thợ thiên tài thuở trước, ngày nay thực hiện các yêu cầu này khó khăn hơn.

Cyprien, khi đến nhờ ông đánh một chiếc nhẫn với viên kim cương đầu tiên tìm được, đã nhanh chóng có cảm tình với ông. Chàng thích đến ngồi trong cái xưởng xoàng xĩnh của ông, để chuyện vãn một chút hay đơn giản chỉ để ngồi cùng ông lão, xem ông làm việc ở bàn cắt kim cương. Jacobus Vandergaart, với chòm râu bạc, đầu hói, đôi mắt nhắm nhắm nhưng đen, chiếc mũi dài đeo cặp kính đen tròn, có dáng vẻ hoàn toàn giống một nhà giả kim thời thế kỷ mười lăm, giữa bộn bề công cụ kỳ cục và các lọ axit.

Trong một cái bát gỗ, trên chiếc bàn thợ đặt trước cửa sổ, tập trung những viên kim cương thô đôi khi có giá trị lớn, mà người ta giao cho Jacobus Vandergaart. Trong số đó thí dụ ông muốn gọt một viên kết tinh không được hoàn hảo, ông bắt đầu bằng việc quan sát kỹ lưỡng, dưới kính lúp, hướng các khe nứt phân tinh thể thành những lát song song ; tiếp theo, với lưỡi kim cương đã đeo gọt, ông rạch một đường theo hướng như ý muốn rồi đưa lưỡi dao nhỏ bằng thép vào đường rạch ấy, và cắt một nhát dứt điểm.

Viên kim cương đã được gọt một mặt, và thao tác được lặp lại như thế trên các mặt khác.

Trái lại, nếu Jacobus Vandergaart muốn “cắt” đá, hay nói rõ hơn là mài đá theo một hình dạng định sẵn, ông bắt đầu định dạng các mặt góc dự kiến theo như ý muốn bằng cách vạch phân trên lớp quặng bao ngoài viên đá. Sau đó ông đặt lần lượt từng mặt một tiếp xúc với một viên kim cương thứ

hai, và ông để chúng cọ xát kéo dài mặt này lên mặt kia. Hai viên đá mài lẫn nhau, và các mặt giác dần dần hình thành.

Như thế, Jacobus Vandergaart đã tạo cho viên đá quý một trong những hình dạng, được công nhận theo quy ước ngày nay và đều thuộc phạm vi ba loại phân cấp chính như sau: hình “tròn đôi”, hình “tròn đơn” và “hoa hồng”.

Kim cương hình tròn đôi bao gồm sáu mươi tư mặt giác, một mặt trên phẳng ngang và một đáy bầu.

Kim cương hình tròn đơn chỉ bằng phân nửa một viên tròn đôi.

Kim cương hình hoa hồng gồm mặt đáy phẳng và mặt trên dạng vòm có nhiều mặt giác.

Đặc biệt hơn, Jacobus Vandergaart đã phải chế tác một viên “giọt lệ”, nghĩa là một viên kim cương không có cả mặt đáy lẫn mặt trên, hình trái lê nhỏ. Ở Ấn Độ, người ta thường khoan một lỗ trên các viên giọt lệ, về phía điểm vuốt thon, để xỏ dây qua đó.

Đối với các viên hình “ô van”, mà người mài ngọc già thường có nhiều dịp cắt, chúng bằng phân nửa viên hình giọt lệ với mặt trên phẳng ngang và đáy bầu, có nhiều mặt giác ở phía trước.

Kim cương khi đã được cắt xong thì chỉ cần đánh bóng nữa là công việc hoàn tất. Thao tác này được thực hiện nhờ vào một đĩa mài, loại đĩa bằng thép, đường kính khoảng hai mươi tám xăng ti mét, đặt nằm trên bàn, và xoay quanh một trục đứng nhờ tác động của một bánh xe lớn và một tay quay, với tốc độ từ hai đến ba nghìn vòng trên phút. Jacobus Vandergaart mài các mặt của viên đá lên trên đĩa này, vốn được tẩm dầu và rắc đầy bụi kim cương thu lại từ những lần cắt trước, hết mặt này đến mặt khác cho đến khi chúng đạt được độ bóng hoàn hảo. Tay quay này được quay, khi thì bởi một cậu bé dân bộ lạc hottentot do ông thuê theo ngày khi cần thiết, lúc thì

bởi một người bạn như Cyprien, người chẳng hề từ chối làm giúp ông chỉ vì thuần túy vui lòng.

Trong khi làm việc, họ chuyện trò. Thông thường, Jacobus Vandergaart, hất kính lên trán, dùng chốc lát để kể một câu chuyện gì đó trong quá khứ. Hẳn nhiên, ông biết mọi thứ về vùng nam Phi nơi ông sinh sống từ bốn mươi năm nay. Và điều làm cuộc trò chuyện với ông thêm lôi cuốn, chính vì nó tái hiện lại truyền thống của đất nước - một truyền thống vẫn còn mới mẻ và sống động.

Trên hết, người thợ mài ngọc già không ngừng kêu ca phàn nàn về lòng ái quốc và chuyện đời tư. Người Anh, theo quan điểm của ông, là những kẻ cưỡng đoạt tàn bạo nhất mà trái đất này dung túng. Tuy nhiên, nên để ông chịu trách nhiệm về quan điểm của mình, có hơi phóng đại một chút - và nên bỏ qua cho ông chuyện đó.

“Chẳng gì bất ngờ, ông ấy vui vẻ lặp đi lặp lại, nếu hợp Chúng Quốc hoa Kỳ tuyên bố độc lập, cũng như Ấn Độ và Úc rồi sẽ sớm làm việc ấy! Còn dân tộc nào muốn tha thứ cho một chế độ chuyên chế như thế!... Ôi! anh Méré này, nếu cả thế giới biết hết những bất công mà người Anh, vốn tự hào đến thế về đồng tiền vàng và sức mạnh hải quân của họ, đã gieo rắc trên địa cầu, có lẽ không còn đủ từ ngữ sỉ vả trong ngôn ngữ nhân loại để chửi vào mặt bọn họ đâu!”

Cyprien không tán thành cũng chẳng phản đối, cứ lắng nghe chẳng hề đáp lại.

“Anh muốn tôi kể anh nghe điều bọn họ đã làm với tôi, người đang ngồi nói chuyện với anh đây không? Jacobus Vandergaart hăng hái nói tiếp. Nghe tôi đây, và anh sẽ nói xem có thể có hai ý kiến về vấn đề ấy không nhé!”

Và vì Cyprien trấn an ông rằng không gì làm anh thích hơn nghe chuyện của ông, ông lão tiếp tục câu chuyện theo đà ấy:

“Tôi sinh năm 1806 tại Amsterdam, trong một chuyến du hành đến đó của bố mẹ tôi. Về sau, tôi quay lại nơi ấy để học nghề, nhưng suốt thời thơ ấu tôi sống ở tỉnh Cap, nơi gia đình tôi sống di cư từ năm mười năm về trước. Chúng tôi là người Hà Lan và rất tự hào về nguồn gốc ấy, lúc nước Anh xâm chiếm thuộc địa - tạm thời, theo lời họ nói! nhưng John Bull không hề buông những gì ông ta đã chiếm được ra, và năm 1815, chúng tôi được trọng thể thông báo thuộc quyền cai quản của hoàng gia Anh, tại Quốc hội châu Âu!

“Thử hỏi anh nhé châu Âu thì có quyền gì xen vào chuyện các tỉnh châu Phi nào!

“Thuộc quyền Anh quốc, nhưng chúng tôi chẳng hề muốn vậy, anh Méré a! Từ đó, vì nghĩ rằng lãnh thổ châu Phi khá rộng lớn để cho chúng tôi một tổ quốc thuộc về chúng tôi - chỉ của riêng chúng tôi! - chúng tôi đã bỏ tỉnh thuộc địa Cap đi sâu vào các vùng đất còn hoang sơ quanh khu vực phía Bắc. Người ta gọi chúng tôi là ‘Boër,’ nghĩa là những nông dân, hoặc gọi là ‘Voortrekker,’ tức là những người khai khẩn tiên tiến.

“Khi chúng tôi vừa khai hoang những vùng đất mới và đồng thời tạo dựng một cuộc sống độc lập, bằng lao động miệt mài thì chính phủ Anh tuyên bố đất đai đó thuộc về họ - luôn với cái cớ là chúng tôi thuộc quốc tịch Anh!

“Thế nên đã diễn ra cuộc di cư lớn của chúng tôi. Đó là vào năm 1833. Một lần nữa, chúng tôi di cư hàng loạt. Sau khi chất lên cỗ xe bò nào là đồ đạc, công cụ và các loại hạt ngũ cốc của mình, chúng tôi đã đi sâu hơn vào sa mạc.”

“Vào thời đó, lãnh thổ Natal hoàn toàn thừa thớt dân. Một kẻ chinh phục khát máu tên gọi Tchaka thực sự là một bạo chúa Attila<sup>[11]</sup> da đen đối với tộc người Zoulous, đã hủy diệt hơn một triệu con người nơi đây từ năm 1812 đến năm 1828. Người kế vị hắn là Dingaan vẫn trị vì nơi ấy với chính sách khủng bố. Chính tên vua tàn bạo đó đã cho phép chúng tôi định cư trong vùng nơi các thành phố Durban và cảng Natal mọc lên ngày nay.”



“Nhưng chính với ý đồ sâu kín sẽ tấn công chúng tôi khi nhà nước chúng tôi phát triển thịnh vượng nên tên vua xảo quyệt DingVi n đã chấp nhận chúng tôi! Vì vậy, mỗi chúng tôi đều tự trang bị vũ khí cho mình để chống trả, và chỉ nhờ vào những nỗ lực phi thường, và tôi cũng có thể nói, nhờ điều kỳ diệu quý giá trong hơn một trăm trận đánh có cả sự chung sức chiến đấu của vợ và con chúng tôi, chúng tôi đã có thể duy trì quyền sở hữu những vùng đất vốn thấm đẫm mồ hôi và máu của chúng tôi.”

“Thế nhưng, chúng tôi vừa mới chiến thắng tên vua da đen chuyên chế bạo ngược và đánh đổ thế lực của hắn, thì thống đốc tỉnh Cap đã liền gửi đến một chính quyền thuộc địa Anh với nhiệm vụ cai quản vùng đất natal, nhân danh nữ hoàng Anh Quốc!... Anh thấy đấy, chúng tôi vẫn cứ thuộc về người Anh! Đó là vào năm 1842.”

“Những dân di cư khác đồng hương của chúng tôi cũng đã chinh phục Transvaal và xóa bỏ chính quyền của bạo chúa Moselekatze bên dòng orange. Họ cũng đã chứng kiến, chỉ trong một phiên họp nghị sự, quê hương mới chinh phục bằng nhiều khổ đau lại bị cưỡng đoạt!”

“Tôi đã lược bớt nhiều chi tiết. Cuộc đấu tranh ấy kéo dài hai mươi năm. Chúng tôi càng đi xa đến đâu, người Anh càng vươn dài bàn tay tham lam của họ theo đến đó, như theo những nông nô trên lãnh địa của họ, ngay cả khi chúng tôi đã bỏ đất rồi!”



“Cuối cùng, sau vô số những khổ nhục và chiến đấu đẫm máu, nền độc lập của chúng tôi đã có thể được công nhận ở Tiểu bang tự trị orange. Bản tuyên ngôn hoàng gia được nữ hoàng Victoria ký ngày 8 tháng Tư năm

1854 đã đảm bảo cho chúng tôi quyền tự do sở hữu đất đai của chúng tôi và quyền tự quản hành chính tùy ý chúng tôi. Vậy là chúng tôi chính thức phát triển thành nền Cộng hòa, và ta có thể nói rằng nhà nước của chúng tôi, thành lập dựa trên việc nghiêm cẩn tôn trọng pháp luật, dựa trên sự tự do phát triển năng lực cá nhân và phổ cập giáo dục rộng rãi trong mọi tầng lớp, có thể được xem là mẫu mực cho nhiều quốc gia cứ tự xưng rằng họ văn minh hơn một quốc gia bé nhỏ ở nam Phi!”

“Thành phố Griqualand cũng là một phần trong nhà nước ấy. Chính vì thế mà tôi đến sống, với tư cách chủ trang trại, ở căn nhà mà ta đang ngồi đây lúc này, cùng với cô vợ đáng thương và hai con của tôi! Và thời ấy tôi đã dựng lên bãi rào nuôi súc vật tức là khu nuôi gia súc ngay tại vị trí của mỏ anh hiện khai thác! Mười năm sau đấy, John Watkins đến xứ này và dựng túp lều đầu tiên của ông ta. Khi đó người ta không biết có kim cương ở khu đất ấy, và về phần tôi, từ hơn ba mươi năm rồi, tôi hiếm có dịp làm lại nghề cũ của mình, đến nỗi hầu như không nhớ đến sự tồn tại của những viên đá quý này!”

“Rồi bỗng nhiên, khoảng năm 1867, tin đồn lan truyền rằng đất đai của chúng tôi có chứa kim cương. Một người Boër ở bên bờ hart đã tìm thấy kim cương ngay cả trong phân đà điểu, ngay cả bên trong tường đất sét của trang trại nhà anh ta<sup>[12]</sup>.”

“Ngay lúc ấy chính phủ Anh, vốn trung thành với thể chế cướp đoạt bất chấp mọi hiệp ước và mọi quyền, đã tuyên bố rằng Griqualand thuộc về nước Anh.”

“Nhà nước Cộng hòa chúng tôi phản đối trong vô vọng!... Nhà nước cũng đệ trình mỗi tranh chấp nhờ một nguyên thủ quốc gia châu Âu làm trọng tài phân xử thật hoài công!... Nước Anh từ chối trọng tài phân xử và chiếm lãnh thổ chúng tôi.”

“Ít nhất chúng ta có thể hy vọng những quyền cá thể sẽ được các vị chúa bất công của chúng ta tôn trọng! Về phần tôi, sau một trận dịch bệnh khủng

khiếp năm 1870 đã trở thành góa vợ và không con cái, tôi không còn can đảm để tìm cho mình một quê hương mới, tạo dựng một mái nhà mới - để đến cái thứ sáu hay thứ bảy trong đường đời đằng đẵng của tôi đây! Thế là tôi ở lại Griqualand. Gần như đơn độc nơi xứ này, tôi thờ ơ với cơn sốt kim cương đang lôi cuốn mọi người, tôi tiếp tục trồng trọt vườn rau của mình, làm như mỏ kim cương Du Toit's Pan không phải được khám phá ngay gần nhà tôi vậy!”

“Thế nhưng, vào một ngày tôi không khỏi ngỡ ngàng khi thấy bức tường khu nuôi gia súc, xây bằng đá khô như thường lệ, đã bị phá hủy trong đêm và bị dời ra cách xa hơn ba trăm mét ở giữa đồng bằng. Thay vào chỗ của tôi, John Watkins, được khoảng trăm người nam Phi trợ giúp, đã dựng lên một hàng rào khác, nối liền với hàng rào của hắn ta và quây kín một khoảng dôi đất cát đỏ, trước giờ vẫn thuộc quyền sở hữu của tôi không chối cãi được vào trong khu đất hắn ta.”

“Tôi kêu ca về việc cưỡng đoạt ấy... hắn ta chỉ cười! Tôi dọa thưa kiện... hắn thách tôi đi kiện!”

“Ba ngày sau đó, tôi tìm được lời giải thích cho sự việc mờ ám ấy. Khoảng đất dôi ra đó, trước đây thuộc sở hữu của tôi, là một mỏ kim cương. John Watkins, một khi đã chắc chắn điều này, vội di dời khu hàng rào của tôi; sau đó, hắn đến Kimberley để chính thức đăng ký mỏ dưới tên hắn ta.”





“Tôi đi kiện... Anh chẳng thể biết tôn kém chừng nào để thua kiện ở xứ sở Anh quốc đâu, anh Méré!... Dần dần, tôi mất hết lần lượt từng con bò, ngựa, cừu!... Tôi bán đến cả đồ đạc trong nhà, đến quần áo cũ để nuôi sống

những kẻ hút máu người mà người ta thường gọi là công chứng viên, chương lý, quận trưởng, mõ tòa!... Tóm lại, sau một năm chạy xuôi chạy ngược, chờ đợi, hy vọng rồi liên tục thất vọng, lo âu và bức xúc, vấn đề quyền sở hữu cuối cùng được xử phúc thẩm mà không có kháng cáo cũng không thẩm tra...”

“Tôi thua kiện, và thêm nữa, tôi bị khánh kiệt! Một bản án đúng thể thức tuyên bố những cáo buộc của tôi thiếu căn cứ đã bác bỏ đơn kiện của tôi và cho rằng tòa không thể công nhận rõ ràng quyền tương ứng của các bên nhưng việc quan trọng là phải xác định ranh giới cố định giữa hai bên trong tương lai. Thế nên, người ta ấn định vị trí kinh độ thứ hai lăm, phía Đông đường kinh tuyến Greenwich, làm đường phân ranh giữa hai khu đất. Thửa đất phía Tây của đường kinh tuyến này được giao về John Watkins, và thửa phía Đông được giao cho Jacobus Vandergaart.”

“Điều dường như đã gợi ý cho các thẩm phán đưa ra cái quyết định kỳ lạ ấy chính là, quả nhiên trên bản đồ của hạt, kinh độ thứ hai lăm này chạy xuyên qua khu đất có trại nuôi gia súc của tôi.”

“Nhưng hỡi ôi! Phần mở lại nằm ở phía Tây. Vì thế nó đương nhiên được giao cho John Watkins!”

“Tuy nhiên, để ghi lại dấu ấn khó phai của dư luận trong vùng về phiên xử bất công, người ta vẫn gọi tên khu mở ấy là Vandergaart-Kopje!”

“VẬY ĐÂY, anh Méré, lẽ nào tôi không được quyền nói đám người Anh là bọn người vô lại?” ông lão người Boër nói vậy khi kết thúc câu chuyện vô cùng xác thực của mình.



# CHƯƠNG 6: NHỮNG THÓI ĐỜI Ở KHU TRẠI

Ta sẽ phải công nhận một điều, đề tài cuộc trò chuyện ấy chẳng dễ chịu gì với chàng kỹ sư trẻ. Chàng không thể ưa những thông tin như thế về danh tiếng của người mà chàng vẫn khăng khăng xem là bố vợ tương lai. Phải chăng vì thế chàng nhanh chóng quen với việc xem quan điểm của Jacobus Vandergaart về vụ Kopje như một định kiến của người đi thừa kiện mà anh cần phải giảm đi phần nhiều.

Một ngày nọ, vào lúc chàng thuật lại một phần câu chuyện ấy, ông John Watkins, sau tràng cười thay cho mọi câu trả lời, đưa ngón tay trở lên vừa tự gõ vào trán mình vừa lắc đầu như để nói lão già Vandergaart càng lúc càng mất trí!

Quả thật, có khi nào do áp lực của việc tìm kiếm mỏ kim cương, ông lão tự nghĩ trong đầu mà không chứng cứ rõ ràng rằng mỏ thuộc quyền sở hữu của ông? Chung quy lại thì tòa án đã phán xử rằng ông sai hoàn toàn, và việc thẩm phán đã không áp dụng những điều luật thỏa đáng nhất có vẻ không thực tế lắm. Đó chính là điều chàng kỹ sư tự nhủ để tự bào chữa cho mình bởi chàng vẫn duy trì quan hệ với John Watkins, sau khi biết Jacobus Vandergaart nghĩ thế nào về ông ta.

Một hàng xóm khác ở khu trại, một chủ trang trại tên gọi Mathys Pretorius, nổi danh trong giới thợ mỏ ở Griqualand; Cyprien cũng thích lui tới nhà ông khi có dịp, bởi chàng tìm thấy ở đây sắc thái độc đáo của đời sống người Boër.

Cho dù vừa mới bước sang tuổi bốn mươi nhưng Mathys Pretorius, cũng đã từng ngao du nhiều năm ở lưu vực sông orange rộng lớn trước khi đến sống

ở xứ này. Nhưng cuộc sống du mục trước đây chẳng hề làm ông kiệt quệ và cẩu gắt, khác với ông lão Jacobus Vandergaart. Đúng hơn nó khiến ông lần thân và làm ông béo phì đến nỗi khó cất bước đi. Ta có thể ví ông như một con voi.

Hầu như lúc nào cũng ngồi trong chiếc ghế bành gỗ to bè được đóng riêng để vừa với thân hình bệ vệ của mình, Mathys Pretorius chỉ ra ngoài bằng một loại xe kéo bằng liễu giỏ do một con đà điểu khổng lồ kéo. Chú chim cao cẳng thoải mái kéo theo sau nó một cỗ xe to lớn khiến ta hình dung rõ ràng về sức mạnh cơ bắp của nó.

Mathys Pretorius thường đến trại để bán cho các chủ nhà ăn một vài món rau củ. Ở đây ông ta rất nổi tiếng, dù rằng trong thực tế đó là một sự nổi tiếng ít ai mong muốn, bởi nó phát xuất từ tính nhát gan quá mức của ông. Thế nên, đám thợ mỏ thích thú dọa cho ông sợ chết khiếp bằng cách kể toàn chuyện điên rồ.

Khi thì họ loan tin cho ông sắp xảy ra cuộc chiếm đóng vùng Bassoutos hay Zoulou! Khi khác, lúc ông có mặt, họ vờ như đọc thấy trên báo một dự luật về án tử hình áp dụng trên lãnh thổ thuộc địa Anh cho những ai cân nặng quá ba trăm livơ<sup>[13]</sup>! hoặc có khi họ thông báo có con chó dại vừa được phát hiện trên đường Driesfontein, và Mathys Pretorius tội nghiệp, vốn buộc phải đi đường ấy để về nhà mình, đã phải tìm cả nghìn lý do để ở lại trại.

Nhưng những nỗi sợ viễn vông ấy chẳng thấm gì so với nỗi kinh hãi thực sự của ông khi thấy mỏ kim cương được tìm thấy trong khu đất của mình. Ông tự vẽ ra một viễn cảnh tồi tệ sẽ xảy đến, liệu những kẻ tham lam có chiếm khu vườn của ông, có xới tung bồn hoa của ông không, thêm vào đó, trưng dụng gia tài của ông! Bởi sao không hoài nghi được số phận ông rồi cũng giống như Jacobus Vandergaart! người Anh rồi sẽ tìm được lý lẽ chứng tỏ rằng đất của ông thuộc về họ.

Những suy nghĩ u ám này, mỗi khi xâm chiếm trí não ông đều làm ông điếng hồn. Giả dụ, chẳng may, trông thấy một “Người thăm dò”<sup>[14]</sup> lớn vờn gần nhà mình là ông mất ăn mất ngủ!... Ấy vậy mà ông vẫn cứ béo ra mãi!

Một trong những kẻ quấy nhiễu tệ hại nhất giờ đây chính là Annibal Pantalacci. Gã người Napôli nham hiểm ấy đã phát hiện ra điểm yếu của người Boër bất hạnh này - Nói thêm ở đây, có vẻ hấn giàu lên như ý muốn, bởi hấn thuê ba người da đen nam Phi làm việc cho mỏ của hấn và đeo một viên kim cương to tướng ngay trước áo sơ mi. Thế nên, ít nhất mỗi tuần một lần, hấn bày trò mua vui kỳ cục tầm thường bằng cách tiến hành thăm dò hoặc đào xới đất xung quanh trang trại của Pretorius.

Khu đất này trải rộng bên tả ngạn sông Vaal, nằm phía trên khu trại khoảng hai dặm, và quả thật, nó bao gồm nhiều thửa đất bồi có khả năng chứa kim cương cho dù đến nay vẫn chưa gì được tìm thấy.

Annibal Pantalacci, vì muốn đóng đạt trò hài ngớ ngẩn ấy, đã cẩn thận đi lại ở những chỗ dễ thấy, trước mấy ô cửa sổ nhà Mathys Pretorius, và hầu như lúc nào hấn cũng dẫn theo vài đồng bọn nhằm cho chúng cái thú cùng tham gia trò bịp bợm này.

Khi đó ta có thể thấy người đàn ông đáng thương, lấp ló sau rèm vải bông, lo âu theo dõi mọi cử động của bọn chúng, rình rập từng cử chỉ của bọn chúng, sẵn sàng chạy vào chuồng rồi thắt cổ xe đà điều để chạy trốn nếu thấy nguy cơ xảy ra một cuộc xâm chiếm khu đất của ông.

Phải chăng, vì thế con người bất hạnh đó đã thổ lộ với một trong những người bạn của mình rằng ngày lẫn đêm ông luôn thắt sẵn con chim kéo xe và thùng xe của ông thì đầy những đồ dự trữ, để sẵn sàng bỏ chạy ngay từ dấu hiệu chắc chắn đầu tiên?

“Tôi sẽ đi đến làng của người Bushmen<sup>[15]</sup>, phía Bắc tỉnh Limpopo!” ông nói. “Cách đây mười năm tôi từng buôn bán ngà voi với họ, và tôi dám chắc với anh là sống giữa những con người Hoang dã, sư tử và chó rừng

còn tốt gấp trăm lần sống giữa đám Mngười Anh lòng tham không đáy này!”

Thế mà, kẻ được con người bất hạnh ấy tâm tình đã chẳng có gì vội vã hơn - theo thói thường lệ bất biến của kẻ được tâm tình - Nhanh chóng rêu rao cho mọi người biết. Khỏi phải nói liệu Annibal Pantalacci có lợi lộc gì không trong trò đùa lố nhất của đám thợ mỏ ở Kopje.

Một nạn nhân thường xuyên khác của những trò lố do gã người Napôli bày ra trước đây từng như vậy rồi, chính là anh chàng Lee người Hoa.

Anh ta cũng vậy, đến sống ở Vandergaart-Kopje, ở đó anh đơn giản là mở một tiệm giặt ủi, và ta biết quá rõ con cháu của Đế quốc Trung hoa rất rành cái nghề này!

Quả nhiên, cái hòm đồ nổi tiếng trước kia, từng khiến Cyprien tò mò bao nhiêu trong những ngày đầu của chuyến đi từ Cap đến Griqualand, không chứa gì ngoài những bàn chải, chất tẩy rửa, xà bông cục và chất nhuộm xanh. Tóm lại, không cần nhiều hơn những thứ ấy để một người Trung hoa thông minh làm giàu ở xứ này!

Thật vậy, Cyprien không nhịn được cười mỗi khi chàng gặp Lee, luôn luôn tĩnh lặng và giữ khoảng cách, mang cái giỏ lớn đựng đầy áo quần mà anh mang đi giặt.



Nhưng điều làm chàng phẫn nộ, chính là Annibal Pantalacci thực sự bắt nắn với anh chàng đáng thương này. Hắn quăng các lọ mực vào chậu giặt của anh, chằng dây ngang qua trước cửa để anh vấp ngã, găm con dao vào

vạt áo khoác khiến anh như bị đóng đinh vào ghế băng. Nhất là, hấn ta không quên, vừa đá một cú vào chân anh vừa gọi anh “đồ chó tà đạo!”

Mỗi khi có dịp và nếu hấn ta có dẫn khách đến cho anh thì cũng là cố tình tìm dịp để làm cái trò ấy hằng tuần. Hấn chẳng bao giờ công nhận áo quần sạch sẽ cho dù Lee có giặt sạch và ủi phẳng phiu. Chỉ vì một hấn li bé tẹo, hấn giận sùng sục và đánh anh chàng người Hoa bất hạnh như thể anh này là nô lệ của hấn vậy. Những trò vui thô bỉ ở trại là thể đấy; nhưng đôi khi cũng biến thành bi kịch. Giả sử một anh da đen làm thuê ở mỏ bị buộc tội ăn cắp kim cương, thì mọi người đều có nghĩa vụ vừa giải tên phạm tội đến tòa vừa đánh đập dã man từ trước. Bởi vậy, giả dụ quan tòa tuyên bố trắng án, thì những cú đánh đối với anh ta cũng không được đền bù! Mặt khác, phải nói rằng trường hợp như vậy hiếm khi được xử trắng án. Thậm chí thường tuyên bố phạt nuốt một phần tư quả cam trộn muối - một trong những món được ưa thích trong vùng. Bản án thường là phạt mười lăm ngày lao động khổ sai và hai mươi roi *cat of nine tails*, tức là “mèo chín đuôi”<sup>[16]</sup>, một loại roi da bện có nhiều nút thắt mà người ta vẫn sử dụng ở Anh và ở các vùng lãnh thổ thuộc Anh để đánh đập tù nhân.

Nhưng có một tội mà các chủ mỏ khó lòng dung tha hơn cả tội ăn cắp, là tàng trữ đồ ăn cắp.

Ward, một tay người Mỹ đến Griqualand cùng thời điểm với chàng kỹ sư trẻ, một ngày kia đã nếm trải kinh nghiệm đau xót vì đã mua kim cương từ một tay da đen nam Phi. Thế nhưng, một tay da đen nam Phi không có quyền sở hữu hợp pháp kim cương, luật pháp cấm anh ta mua bán kim cương tại mỏ hay chế tác gia công kim cương cho anh ta.

Sự việc đã không được phát hiện sớm - vào buổi tối, lúc cả khu trại đang bàn tán xôn xao sau bữa ăn - một đám đông hung tợn đi về căng tin của kẻ phạm tội, phá tan tành cửa hàng rồi châm lửa đốt và gần như muốn treo cổ anh người Mỹ lên giá mà một số người đã có thiện ý dựng sẵn, thật quá may mắn cho anh này, khoảng mười hai cảnh sát cưỡi ngựa đi đến vừa đúng lúc để cứu anh ta bằng cách giam vào tù.



Hơn thế nữa, nhiều cảnh bạo lực thường diễn ra trong đám cư dân hỗn hợp, hung hăng và dã man ấy. Ở đây, mọi chủng tộc gặp nhau trong một đám đông xô bồ! Ở đây, cơn khát vàng, thói say xin, tác động của khí hậu nóng như thiêu, những nỗi thất vọng và niềm cay đắng, góp phần khích động đầu óc và làm vẩn đục lương tri! Có lẽ, nếu tất cả những con người ấy may mắn trong cuộc tìm kiếm của mình, có lẽ họ sẽ giữ bình tĩnh hơn và nhẫn nại hơn! nhưng, thi thoảng một ai trong số họ may mắn tìm thấy đâu đó một viên đá có giá trị lớn, thì có đến vài trăm người sống leo lắt khổ sở, chỉ kiếm chút ít đủ cho những nhu cầu của họ, cho dầu họ chưa rơi vào cảnh khốn cùng tăm tối nhất! Mỏ như một canh bạc, họ đi đến đấy không chỉ có nguy cơ mất hết vốn liếng mà cả thời gian, công sức và sức khỏe. Và những người may mắn được số phận đưa đẩy đến khai thác mỏ ở Vandergaart-Kopje quả thật ít ỏi!

Cyprien ngày càng nhận thấy điều đó rõ ràng hơn, và chàng tự hỏi liệu có nên tiếp tục hay không một công việc thu nhập ít ỏi đến thế mà lại còn phải thay đổi loại hình công việc.

Một sáng nọ, chàng chạm mặt với một toán khoảng mười hai người da đen nam Phi đến trại để cố tìm việc làm.

Những người tội nghiệp ấy đến từ miền núi xa xăm ngăn cách tỉnh Cafrerie và các tỉnh thuộc vùng Bassoutos. Họ đi bộ hơn một trăm năm mươi dặm, xuôi dòng orange, đi thành một hàng dài, ăn thứ gì tìm thấy dọc đường, tức là rễ cây, quả mọng, châu chấu. Bọn họ đều thân hình xác ve, trông giống mấy bộ xương di động hơn là con người. Những cẳng chân gầy còm, mình trần dài ngoằng, da xù xì như thể bao bọc một bộ khung trống rỗng, xương sườn lòi ra, má thì hõm sâu, trông họ có vẻ sẵn sàng ngấu nghiến miếng bít tết thịt người hơn là đảm đương tốt ngày công lao động. Thế nên chẳng ai có ý tuyển mộ họ, và họ cứ ngồi chồm hõm bên đường, trù trù, ừ ê, u mê vì đói khát.



Cyprien cảm thấy mũi lòng sâu sắc trước dáng vẻ của họ. Chàng ra hiệu cho họ đợi rồi quay về khách sạn nơi chàng thường dùng bữa, mua một nồi lớn cháo bột ngô khuấy trong nước sôi, thêm một vài hộp thịt và hai chai

rượu rum, rồi chàng sai mang đến cho những con người nghèo khổ đáng thương ấy.

Sau đó, chàng tự cho mình hưởng niềm vui đứng xem họ lao vào bữa yến tiệc chưa từng có trong đời họ.

Trông thật giống những nạn nhân đắm tàu được vớt lên một chiếc bè sau mười lăm ngày nhịn đói và kinh hoàng! họ ăn hết chừng đó chỉ trong chưa đầy mười lăm phút, bụng họ có thể bị nổ tung như trái pháo. Để đảm bảo cho sức khỏe, lẽ ra họ cần phải ăn từ tốn hơn, nếu không muốn nhìn thấy cả bọn đều bị chết vì nghẹn!

Chỉ duy một trong số người da đen ấy, với tướng mạo thông minh và thanh tú - trẻ nhất trong bọn họ, như ta có thể ước chừng - biết kiềm chế phần nào sự thỏa mãn cơn thèm khát của mình. Và, còn hiếm thấy hơn nữa, cậu ta còn nhớ cảm ơn ân nhân mình, điều mà những người kia chẳng hề nghĩ đến. Cậu ta tiến lại gần Cyprien, cầm lấy tay chàng với cử chỉ ngây thơ và duyên dáng, rồi đặt nó lên mái tóc xoăn của mình.

“Cậu tên gì?” xúc động vì cử chỉ biết ơn đó, chàng kỹ sư trẻ buột miệng hỏi thử xem.

Cậu bé nam Phi, tình cờ hiểu một vài từ tiếng Anh, đáp trong giây lát: “Matakit”.

Ánh mắt cậu ta trong ngần và tự tin làm Cyprien hài lòng. Thế nên, chàng có ý muốn thuê cậu bé cao lớn hoạt bát này làm việc ở mỏ của chàng, và đây chỉ có thể là một ý tưởng tốt.

Dù gì, chàng tự nhủ, mọi người trong vùng đều làm vậy! Đối với cậu bé đáng thương kia có một ông chủ như ta đây còn hơn là gặp phải một tay nào đó như Pantalacci!

“Vậy thì, Matakit này, cậu đang tìm việc, đúng không? “ chàng hỏi cậu bé.

Cậu bé nam Phi gật đầu khẳng định.

“Cậu muốn làm ở chỗ ta không? Ta nuôi cậu ăn uống, ta cung cấp công cụ làm việc, và ta trả công cậu hai mươi silinh một tháng!”

Đây chính là mức giá thông thường, và Cyprien biết rằng chàng không thể trả cao hơn để khỏi làm mọi người ở trại nổi trận lôi đình với chàng. Nhưng chàng đã định đợi khi có dịp sẽ bù lại mức thù lao ít ỏi này bằng cách cho áo quần, đồ dùng nhà bếp và những thứ mà chàng biết là quý giá theo suy nghĩ của người nam Phi.

Thay cho câu trả lời, Matakít nhoen cười để lộ hai hàng răng trắng và thêm lần nữa đặt lên đầu mình bàn tay của người bảo hộ. Họp đồng được ký.

Cyprien lập tức đưa người giúp việc mới về nhà mình. Chàng lấy trong va li một chiếc quần lanh, một áo sơ mi flanel, một chiếc mũ cũ rồi đưa cho Matakít, cậu bé không tin vào mắt mình. Được mặc một bộ đồ lộng lẫy thế ngay khi vừa đến trại vượt xa những giấc mơ táo bạo nhất của chàng trai nghèo đáng thương. Cậu không biết làm thế nào để bày tỏ lòng biết ơn và niềm vui sướng của mình. Cậu vừa nháy mắt mừng rỡ, vừa cười, vừa khóc.

“Này Matakít, tôi thấy cậu là chàng trai tốt! Cyprien nói. Tôi thấy rõ cậu hiểu chút ít tiếng Anh!... Vậy cậu có biết nói từ nào không? “

Cậu bé nam Phi lắc đầu.

“Vậy à! Đã vậy, tôi khuyến khích cậu học tiếng Pháp!” Cyprien nói tiếp.

Rồi không cần phải đợi lâu hơn, chàng dạy cậu học trò bài học đầu tiên, chỉ cho cậu ta tên các đồ vật thông dụng rồi bắt cậu ta lặp lại.

Nhưng Matakít không chỉ là cậu bé trung hậu mà còn thông minh và, có một trí nhớ thật tuyệt vời. Trong vòng chưa đầy hai giờ, cậu đã học được hơn một trăm từ và phát âm khá chuẩn.

Chàng kỹ sư trẻ, kinh ngạc trước sự mau mắn đến vậy, thề hứa sẽ tận dụng điều đó sao cho có ích.

Phải mất bảy đến tám ngày nghỉ ngơi và ăn uống tâm bổ cậu bé nam Phi mới lấy lại sức sau những mệt nhọc của chuyến đi và có đủ sức làm việc. Nhưng tám ngày ấy đã được thầy trò cậu tận dụng hữu ích đến nỗi vào cuối tuần, Matakit đã có khả năng diễn đạt ý mình bằng tiếng Pháp - thực tế thì không chuẩn lắm, nhưng nhìn chung hoàn toàn hiểu được. Thế nên, Cyprien nhân cơ hội bắt cậu ta kể chuyện đời mình. Câu chuyện cũng thật đơn giản thôi.

Matakit thậm chí không biết tên xứ sở mình, xứ sở trên những dãy núi phía mặt trời mọc. Những gì cậu có thể nói là ở nơi ấy họ rất khốn khổ. Vì vậy, cậu muốn làm giàu như một số chiến binh của bộ tộc của mình đã ra nước ngoài và như họ, cậu đi đến các Cánh Đồng Kim Cương.

Cậu hy vọng kiếm được gì nơi đây? Thật ra thì chỉ một chiếc áo ca pô đỏ và mười lăm đồng bạc.

Quả nhiên người nam Phi xem thường tiền vàng. Điều này xuất phát từ một định kiến thâm căn cố đế, gieo rắc bởi những người châu Âu đầu tiên đã giao thương với họ.

Và cậu sẽ làm gì với những đồng tiền bạc ấy, cậu bé Matakit đầy tham vọng?

Ừ thì, cậu ta sẽ mua một áo ca pô đỏ, một khẩu súng trường và thuốc súng, sau đó trở về làng mình. Nơi ấy, cậu sẽ mua một cô gái, làm việc cho cậu, chăm sóc con bò giúp cậu và trông bấp giúp cậu. Với những điều kiện thế này, cậu sẽ trở thành một người đàn ông quan trọng, một ông chủ lớn. Mọi người sẽ khao khát khẩu súng trường của cậu và gia tài đồ sộ của cậu, cậu sẽ chết lúc về già và được kính trọng. Có còn gì phức tạp nữa đâu.

Cyprien vô cùng tự lự khi nghe kế hoạch rất giản dị ấy. Phải chăng nên điều chỉnh kế hoạch ấy, mở rộng tầm nhìn cho cậu bé hoang dã tội nghiệp này, chỉ ra cho công việc của cậu những mục đích quan trọng hơn một chiếc áo ca pô đỏ và một khẩu súng trường đạn đá? hay tốt hơn là cứ mặc kệ cậu với sự vô tri ngây thơ, để cậu trở về nơi làng quê mình thanh thản sống hết cuộc đời? Câu hỏi nghiêm túc, này chàng kỹ sư không dám trả lời, thế nhưng Matakít sẽ sớm phải quyết định.

Quả nhiên, chỉ vừa lĩnh hội được vài yếu tố cơ bản của tiếng Pháp, cậu bé nam Phi đã chứng tỏ sự hiếu học lạ lùng. Cậu không ngớt hỏi, cậu muốn biết tất cả, tên của từng đồ vật, cách dùng, xuất xứ. Rồi đến tập đọc, tập viết, tính toán, đều làm cậu say mê. Thực sự, cậu ta không biết chán là gì!

Cyprien nhanh chóng có quyết định riêng của mình. Trước một thiên hướng hiển nhiên đến vậy, chàng không cần do dự. Vì vậy, chàng quyết định mỗi tối dạy học một giờ cho Matakít, ngoài công việc ở mỏ cậu bé tập trung học tập vào mỗi lúc rảnh rỗi.

Phần tiểu thư Watkins, nàng cũng cảm động vì sự hiếu học hiếm thấy đó, nhận lời ôn bài cho cậu bé nam Phi. Mặt khác, cậu ta tự mình nhắm lại bài suốt ngày, hoặc vào lúc đang đào xới đất trong mỏ, hoặc lúc kéo các xô đất hay đang phân loại đá dăm. Sự kiên cường của cậu bé trong công việc có sức mạnh lan tỏa, đến nỗi nó truyền sang mọi người như một kiểu lây lan, và công việc khai thác mỏ có vẻ được tiến hành chu đáo hơn.

hơn nữa, qua giới thiệu của Matakít, Cyprien đã thuê một người nam Phi khác cùng làng với cậu bé, tên Bardik, cũng rất hăng hái và thông minh.

Chính thời điểm ấy chàng kỹ sư trẻ đã gặp một may mắn chàng chưa từng có trước đây: chàng tìm thấy một viên đá gần bảy cara rồi bán liền với giá năm nghìn franc, hoàn toàn thô, cho tay trung gian tên Nathan.

Đó thực sự là một giao dịch tốt đẹp. Một người thợ mỏ, chỉ quan tâm đến sự trả công thông thường từ thành quả công việc mình, lẽ ra phải biểu lộ vẻ



thỏa mãn chính đáng. Thật vậy! hãn nhiên thế, nhưng Cyprien thì không như vậy.

“Nếu cứ hai hoặc ba tháng mới gặp được may mắn như vậy, chàng tự nhủ, liệu ta có tiến triển nhanh hơn chẳng? Ta không chỉ cần một viên kim cương bảy cara, mà phải một nghìn hay một nghìn năm trăm viên như thế... nếu không nàng Watkins sẽ vượt khỏi tay ta mà thuộc về James Hilton kia hoặc một đối thủ nào đó không xứng đáng hơn là mấy!”

Thế nhưng, một ngày kia khi Cyprien đang đắm mình trong những suy tư buồn phiền ấy, lúc trở lại Kopje sau bữa ăn trưa, trong một ngày bừng bừng nóng nực bụi bặm - lớp bụi đỏ kia, mịt mù, cứ mãi lênh bênh trong bầu khí quyển ở khu mỏ kim cương - đột nhiên, khi đi đến góc rẽ qua một túp lều biệt lập, chàng kinh hãi lùi lại. Một cảnh tượng thảm thương đập vào mắt chàng.

Một người đàn ông bị treo cổ trên càng một xe ba gác dựng thẳng đứng vào tường của túp lều, đuôi xe chúc xuống đất và càng hướng lên trời. Bất động, chân thõng xuống, hai tay dờ ra, cơ thể ấy lủng lẳng như một sợi dây rọi, tạo với càng xe một góc hai mươi độ dưới làn ánh sáng chói chang.

Trông thật ghê rợn.

Cyprien, thoát đầu sững sờ, khi nhận ra đó là anh người Hoa tên Lee bị treo cổ bằng chính bím tóc dài của anh ta giữa thanh thiên bạch nhật, bỗng cảm nhận niềm thương hại mãnh liệt.

Chàng kỹ sư trẻ không chần chừ làm một việc trước tiên phải làm. Chàng trèo lên đầu càng xe kia, dùng tay đỡ lấy cơ thể nạn nhân, kéo anh ta lên để tránh tác động của việc thắt cổ rồi cắt đứt bím tóc bằng con dao bỏ túi của chàng - việc ấy với chàng chỉ mất nửa phút. Xong xuôi, chàng cẩn thận trượt xuống và đặt thân thể ấy vào chỗ râm trong căn lều.



Thật đúng lúc. Người Lee vẫn chưa lạnh ngắt. Tim anh ta tuy đập yếu ớt, nhưng vẫn còn rõ nhịp. Một lát sau anh ta mở mắt, và, điều kỳ lạ là anh ta có vẻ tỉnh táo ngay khi vừa mở mắt.

Trên khuôn mặt thản nhiên của kẻ nghèo hèn đáng thương, ngay cả lúc vừa thoát khỏi thử thách kinh khủng này, không một vẻ khiếp sợ cũng không một vẻ kinh ngạc được biểu lộ. Có thể nói anh ta vừa mới thức tỉnh sau một giấc ngủ nhẹ nhàng.

Cyprien cho anh ta uống mấy giọt nước pha thêm vài giọt giấm mà chàng mang theo trong bị đông.

“Bây giờ anh nói được rồi chứ?” chàng hỏi một cách máy móc mà quên rằng Lee không hiểu lời chàng.

Tuy nhiên anh kia lại ra dấu trả lời có.

“Ai đã treo cổ anh thế kia?”

“Tôi,” anh người Hoa đáp, không tỏ vẻ ngờ vực rằng anh ta đã làm gì khác thường hoặc đáng trách.

“Là anh sao?... Anh đang cố tự sát sao, anh bạn bất hạnh?... Và tại sao chứ?”

“Lee nóng quá!... Lee chán chường!...” anh người Hoa trả lời.

Và anh ta nhắm mắt lại ngay, như để chạy trốn những câu hỏi khác.

Cyprien, đúng lúc này, nhận ra rằng cuộc đối thoại đang diễn ra bằng tiếng Pháp trong tình huống kỳ lạ thế này.

“Anh cũng nói được tiếng Anh chứ?” chàng hỏi tiếp.

“Vâng,” Lee hé mắt nhìn rồi trả lời.

Ta thấy như hai lỗ khuy chéo, mở ra hai bên chiếc mũi ngắn và tẹt của anh ta.

Cyprien cảm giác gặp lại trong ánh mắt ấy một chút mìa mai thi thoảng đã bắt gặp trong chuyến đi từ Cap đến Kimberley.

“Những lý do của anh thật phi lý! chàng nghiêm nghị nói với anh ta. Người ta không tự tử chỉ vì trời quá nóng!... Hãy nói nghiêm túc với tôi!... Tôi cá là ẩn dưới chuyện này còn do những đòn xấu của Pantalacci?”

Anh chàng hoa cúi đầu.

“hắn muốn cắt bím tóc của tôi, anh ta kê, giọng chùng xuống, và tôi chắc rằng hắn sẽ làm được, chỉ là vấn đề ngày một ngày hai thôi!”

Cũng đúng lúc này, Lee nhìn thấy cái bím tóc yêu quý của mình trong tay Cyprien và nhận ra rằng nỗi bất hạnh anh ta từng e ngại trên tất cả mọi thứ đã thành sự thật.

“Ôi! Ông... Gì thế!... Ông... ông cắt mất của tôi rồi!... anh ta thét lên não ruột.

“Phải vậy mới có thể gỡ anh xuống, anh bạn à!” Cyprien trả lời. “Nhưng, quý thật! anh sẽ chẳng vì thế mà giảm thêm chút giá trị nào ở cái đất này đâu!... Yên tâm thế đi!”

Anh người Hoa tỏ vẻ sầu não vì việc cắt bím tóc ấy đến nỗi Cyprien, vì sợ anh tìm cách tự sát lần nữa, đã quyết định đưa anh theo về nhà mình.

Lee ngoan ngoãn đi theo chàng, ngồi cạnh người đã cứu mình lắng nghe thuyết giảng, hứa không tái diễn mưu đồ của mình, và với công hiệu của một tách trà nóng hổi, anh ta còn kể một vài thông tin mơ hồ về tiểu sử của mình.

Lee, sinh ra ở Quảng Châu, được nuôi dạy để buôn bán trong một gia đình Anh. Sau đó, anh đã sang Ceylan, rồi đi đến Úc và cuối cùng đến châu Phi. Không ở đâu anh gặp may mắn để làm giàu. Nghề giặt ủi ở khu khai thác mỏ không khá hơn gì hai chục nghề khác anh đã kinh qua. Nhưng kể mà

anh thấy ghét nhất chính là Annibal Pantalacci. Gã kia khiến anh ta khôn  
đôn, và nếu không có hắn, có lẽ anh cũng tự dàn xếp được cuộc sống bấp  
bênh này ở Griqualand! Tóm lại, để chạy trốn những cuộc truy hại của hắn  
mà anh muốn kết liễu đời mình.

Cyprien an ủi anh chàng đáng thương, hứa sẽ bảo vệ anh trước gã Napôli,  
nhờ anh giặt tất tẩy áo quần chàng tìm thấy, rồi tiễn anh ta về, anh không  
chỉ được an ủi mà còn chữa dứt bệnh mê tín đối với bím tóc.

Và ai biết được chàng kỹ sư trẻ đã làm thế nào? Thật đơn giản, nhưng cũng  
trịnh trọng, chàng tuyên bố với Lee rằng sợi dây treo cổ mang lại may mắn,  
rằng vận rủi của anh sẽ sớm qua đi, vì giờ đây anh có bím tóc cất trong túi  
mình.

“Dù sao chẳng nữa Pantalacci sẽ chẳng cắt nó được!”

Lập luận ấy, hết mực theo lối tư duy Trung hoa, đã hoàn tất đợt chữa trị.

## CHƯƠNG 7: SẬP MỎ

Đã năm mươi ngày rồi Cyprien không tìm được viên kim cương nào ở mỏ của mình. Thế nên càng lúc càng chán ngấy công việc thợ mỏ này, với chàng như một canh bạc, khi ta không có đủ vốn để mua đất mỏ thuộc loại hàng đầu và thuê khoảng một chục thợ nam Phi có khả năng lao động.

Thế là, một buổi sáng, để Matakít và Bardik đi làm cùng Thomas Steel, Cyprien ở lại lều một mình. Chàng muốn trả lời thư cho anh bạn Pharamond Barthès, người đã gửi đến chàng tin tức của mình qua một người buôn bán ngà voi đi ngang tỉnh Cap.

Pharamond Barthès rất hạnh phúc với cuộc sống săn bắn và phiêu lưu. Anh đã săn được ba sư tử, mười sáu voi, bảy cọp, thêm không biết bao nhiêu là hươu cao cổ, linh dương, ấy là chưa tính đến các loại thú nhỏ.

“Giống như những kẻ chinh phục trong lịch sử, anh nói, anh nuôi sống chiến tranh bằng chiến tranh. Không những anh có thể, từ những đồ săn bắn được, bảo bọc cả một đội lính viễn chinh anh mang theo, mà anh còn dễ dàng kiếm nhiều lợi nhuận đáng kể, nếu anh muốn, nhờ bán lông thú và ngà, hoặc trao đổi hàng hóa với các bộ tộc nam Phi nơi anh đi qua.”

Để kết thúc anh nói:

“Cậu không đến làm một chuyến dọc bờ dòng Limpopo cùng tôi được sao? Tôi sẽ đến đó vào cuối tháng tới và có ý định đi xuống đến vịnh Delagoa, rồi bằng đường biển quay về Durban, từ đó tôi bắt đầu đến vùng Bassoutos của tôi... Vậy nên hãy quên xứ Griqualand kinh khủng của cậu vài tuần và đến đây cùng tôi...”





Cyprien đang đọc lại lá thư ấy, thì một tiếng nổ kinh động, tiếp theo là tiếng ồn náo náo khắp cả khu trại khiến chàng vụt đứng dậy rồi vội lao ra khỏi lều.

Đám đông thợ mỏ, nháo nhào và náo động, chạy về phía mỏ.

“Sập mỏ!” họ hét lên từ mọi phía.

Đêm trước, quả thật trời rất lạnh, gần như có băng, ấy vậy mà ngày hôm trước được xem là một trong những ngày nóng nhất mà người ta từng chịu từ trước đến giờ. Thông thường, chính sau những lần thay đổi nhiệt độ đột ngột, hệ quả là những co rút ngay giữa các nền đất dày lộ thiên, xảy ra những tai nạn thế này.

Cyprien vội vã chạy về phía đồi Kopje.

Vừa đến nơi, chàng đã thấy ngay chuyện gì xảy ra.

Nguyên một vạt đất lớn, cao ít nhất sáu mươi mét, dài hai trăm mét, bị nứt theo chiều thẳng đứng tạo nên một kẽ giống như đường hồng của một thành lũy bị phá vỡ. Hàng trăm tấn sỏi rời ra, ào vào các hố khai thác, lấp đầy các hố bằng cát, đất, đá. Những gì còn lại bên trên, lúc này đây, người, bò, ba gác, chỉ một bước thì đổ nhào xuống và bị đè bẹp dưới hố.

May thay, phần lớn số thợ vẫn chưa xuống dưới nền đất bên dưới mỏ, nếu không có lẽ phải một nửa số nhân công của trại bị chôn vùi trong đồng đồ nát dưới ấy.

Đầu tiên Cyprien nghĩ ngay đến cộng sự của chàng, Thomas Steel. Rồi chàng nhanh chóng vui mừng nhận ra anh trong đám người đang cố thuật lại thảm họa trên bờ khe nứt. Chàng liền chạy ngay về phía anh hỏi.

“Vâng, chúng tôi đã thoát chết ngoạn mục! anh bạn người Lancashire vừa nói vừa nắm tay chàng.

“Còn Matakít đâu?” Cyprien hỏi.

“Cậu bé đáng thương còn dưới đó! Thomas Steel vừa trả lời vừa chỉ đồng hồ nát đang chắt đầy khu đất chung của họ. Tôi chỉ vừa sai cậu ta xuống dưới và chờ cho cậu xúc đầy xô đất đầu tiên để kéo lên, thì đúng lúc vụ sạt lở xảy ra!”



“Nhưng ta không thể đứng đây mà chẳng cố làm gì để cứu cậu ta!” Cyprien thét lên. “Có thể cậu ta còn sống!...”

Thomas Steel lắc đầu.

“Chuyện cậu ta còn sống dưới mười lăm đến hai mươi tấn đất thật hi hữu!” anh ta nói. “Hơn nữa, phải có ít nhất mười người làm việc trong hai ba ngày để đào xới mỏ!”

“Sao cũng được!” chàng kỹ sư trẻ trả lời kiên quyết. “Sẽ không ai trách ta đã để một con người bị chôn vùi trong cái mỏ đất ấy mà không tìm cách cứu cậu ta ra!”

Rồi, thông qua Bardik chàng nói với một anh thợ nam Phi đang đứng đó, chàng thông báo sẽ trả thù lao tận năm siling một ngày cho những ai muốn làm việc theo lệnh chàng để dọn dẹp hầm mỏ.

Khoảng ba mươi người da đen nhận lời ngay, và không mất thêm giây nào, họ bắt tay vào việc. Những cuốc chim, cuốc bàn, xẻng không hề thiếu; những xô và dây cáp đã rất sẵn sàng, những xe ba gác cũng vậy. Một số rất đông thợ mỏ da trắng, nghe chuyện đào đất để lôi kẻ khôn khổ đáng thương bị chôn vùi do sạt lở thành mỏ, cũng tình nguyện tham gia hợp tác. Thomas Steel, kích động trước sự hăng hái của Cyprien, là người hoạt động rất tích cực trong công tác cứu hộ này.

Đến giữa trưa, họ đã đào xới lên vài tấn cát lẫn đá bị dồn nén dưới lòng hồ.

Lúc ba giờ, Bardik thét lên giọng khản đặc: cậu vừa thấp thoáng thấy, dưới lưỡi cuốc, một bàn chân da đen lộ ra.

Họ nỗ lực gấp bội, và vài phút sau đó, toàn bộ thân thể Matakít được đào lên. Cậu bé nam Phi bất hạnh nằm ngửa, bất động, trông bề ngoài dường như đã chết. Do một sự tình cờ lạ thường, một trong những xô bằng da cậu thường dùng trong công việc, đã đổ lên mặt cậu và úp lại như thể chiếc mặt nạ.



Cyprien nhận thấy ngay tức khắc chi tiết ấy và chàng nghĩ rằng có thể đưa kẻ bất hạnh trở lại với đời; nhưng trên thực tế, hy vọng ấy quá mong manh, bởi rằng tim không đập nữa, thân người lạnh, tứ chi đờ ra, bàn tay quắp lại đau đớn, và khuôn mặt với sắc xanh tím tái của dân da đen - co rúm lại khủng khiếp vì ngạt thở.



Cyprien không để nguội lòng nhiệt tình. Chàng sai chuyển Matakít vào lều của Thomas Steel là lều ở gần đó nhất. Họ đặt cậu bé nằm dài trên mặt bàn thường ngày vẫn dùng để sàng lọc đất đá, và cậu được xoa bóp đúng phương pháp, nhận những cú sốc mạnh lên ngực, nhằm tạo ra sự hô hấp nhân tạo mà người ta thường vận dụng để làm nạn nhân đuối nước tỉnh lại.



Cyprien biết rằng phương pháp này cũng áp dụng được cho các trường hợp bị ngạt, và trong trường hợp hiện tại thì chẳng còn gì khác phải làm, bởi chẳng có vết thương nào, chẳng có chỗ gãy nào, thậm chí còn không thấy có dấu hiệu của một chấn động mạnh nào.

“Nhìn này, anh Méré, cậu ta còn nắm trong tay một cục đất!” Thomas Steel đang hỗ trợ hết mình để xoa bóp thân thể da đen cao lớn này, chỉ cho chàng thấy.

Và anh làm việc ấy với cả tấm lòng, chàng trai trung hậu xứ Lancashire! Giá mà anh đang “dồn hết sức lực”, như người ta thường nói, đánh bóng trục quay của một máy hơi nước công suất một nghìn hai trăm mã lực thì anh đã có thể thao tác mạnh mẽ hơn!

Những nỗ lực đó nhanh chóng mang lại một kết quả đáng kể. Cái xác cứng đờ của cậu bé nam Phi dần dần mềm ra. Thân nhiệt có thay đổi rõ rệt. Khi xem xét ở phần tim để tìm dấu hiệu nhỏ nhất của sự sống, Cyprien có cảm giác nhìn thấy dưới bàn tay cậu một cử động yếu ớt mang lại niềm lạnh.

Ngay sau đó, các triệu chứng rõ rệt hơn. Mạch bắt đầu đập, một hơi thở nhẹ gần như khó nhận thấy nâng ngực Matakít lên; rồi một hơi thở hắt ra mạnh hơn chứng tỏ có sự hồi ứng trở lại của các chức năng sống.

Đột nhiên, hai cái hắt hơi mạnh làm thân hình da đen cao lớn ấy, mới lúc này vẫn hoàn toàn trơ lì, rung từ đầu đến chân. Matakít mở mắt, hít thở, tỉnh lại.

“Hoan hô! hoan hô! Cậu bé thoát nạn rồi! Thomas Steel đang đăm đăm mồ hôi liền ngưng xoa bóp, hét lớn. Xem này, anh Méré, cậu ta vẫn không thả cục đất đang nắm chặt trong bàn tay co quắp!”

Chàng kỹ sư trẻ có nhiều việc khác để làm hơn là dừng lại quan sát chi tiết này! Chàng cho bệnh nhân uống một thìa rượu rum, rồi chàng nâng cậu dậy để cho dễ thở. Cuối cùng, khi thấy cậu đã thực sự tỉnh lại, chàng quán

người cậu trong chăn, và với sự trợ giúp của ba hay bốn người tình nguyện, chàng chuyển cậu về nhà riêng của mình ở trang trại Watkins.

Ở đây, cậu bé nam Phi đáng thương nằm trên giường của chàng. Bardik cho cậu ta uống một tách trà nghi ngút khói. Mười lăm phút sau, Matakít chìm dần vào giấc ngủ nhẹ nhàng và thanh bình: cậu ta đã được cứu sống.

Cyprien cảm thấy niềm vui sướng trong lòng ấy không gì sánh bằng, sau khi giành giật sự sống con người từ nanh vuốt thần chết. Trong lúc Thomas Steel và những người trợ giúp, vô cùng nhọc sức vì nhiều động tác cấp cứu, cùng nhau ăn mừng thành tích của mình ở một hàng ăn gần nhất bằng cách tẩm trong bia lai láng thì Cyprien muốn ở lại với Matakít, cầm một quyển sách, chỉ thi thoảng ngừng đọc để quan sát cậu bé ngủ như một người cha trông con trai ngủ dưỡng sức.

Matakít phục vụ chàng đã được sáu tuần, Cyprien chỉ có thể hài lòng và thậm chí là kinh ngạc vì cậu. Trí thông minh, sự ngoan ngoãn, lòng hăng say lao động của cậu chẳng ai sánh bằng. Là một cậu bé trung hậu, tốt bụng, ân cần, tính cách hiền hòa và vui vẻ khác thường. Chẳng việc gì làm cậu nề hà, chẳng khó khăn nào làm cậu nhụt chí. Điều đó để nói rằng, đôi khi một người Pháp có những tư chất ấy cũng không đạt đến độ chín về mặt xã hội như cậu! Và những tư chất quý báu đó lại đến trú ngụ dưới làn da đen sì và mái đầu xoắn tít của một cậu bé da đen nam Phi chất phác!

Tuy nhiên Matakít có một khuyết điểm - một khuyết điểm rất nghiêm trọng - Hẳn là bắt nguồn từ sự giáo dục ban đầu và do thói quen bị ảnh hưởng từ thời hy Lạp cổ mà cậu ta có lúc còn ở làng. Có nên nói ra chẳng? Matakít có tính ăn cắp vặt, nhưng một cách gần như vô thức. Hễ thấy một đồ vật hợp ý, cậu tự nhiên biến nó thành của mình.

Chủ cậu ta, lo lắng khi thấy khuynh hướng ấy, đã trách mắng cậu bằng những lời nghiêm khắc nhất cũng hoài công! Chàng đe dọa đuổi việc nếu cậu còn tái phạm cũng vô ích! Matakít hứa sẽ không mắc lỗi đó nữa, cậu

khóc, cậu khẩn nài chàng tha thứ, và ngay ngày hôm sau, nếu cơ hội đưa đây, cậu lại tái phạm.

Máy đồ cậu ăn cắp vặt thường chẳng mấy quan trọng. Những thứ đặt biệt khơi gợi thèm muốn nơi cậu chẳng có giá trị gì lớn: một con dao, một chiếc cà vạt, một ống cắm bút chì, một vật nhỏ đại loại như thế. Nhưng Cyprien cũng không kém phần ngao ngán khi nhận thấy tật xấu như thế trong một bản chất dễ mền đến vậy.

“Đợi xem!... Hy vọng nào! chàng tự nhủ. Có thể mình sẽ khiến cậu ta hiểu lấy cắp như vậy xấu thế nào!”

Và Cyprien vừa nhìn cậu ta ngủ vừa nghĩ về những đôi nghịch vô cùng khác lạ ấy vốn được lý giải bởi cuộc sống quá khứ của Matakít giữa những đồng loại hoang dã!

Lúc màn đêm buông xuống, cậu bé nam Phi tỉnh dậy tươi tỉnh, khoan khoái dường nào, như thể cậu không hề chịu đựng việc phải ngừng thở gần như hoàn toàn trong hai hay ba tiếng đồng hồ. Bây giờ cậu ta có thể kể lại chuyện đã xảy ra.

Cái xô vô tình ụp lên mặt cậu và một cái thang dài tạo nên mái vòm chống trên đầu cậu, thoát đầu đã bảo vệ cậu khỏi các tác động cơ học của sự sạt lở, sau đó giúp cậu không bị nghẹt thở trong thời gian khá lâu bằng cách đó giữ lại chút ít khí dự trữ trong lúc cậu bị chôn sâu dưới đất. Cậu đã thấy được tình tiết may mắn này và cố mọi cách để tận dụng nó, bằng cách thở thật ít. Nhưng dần dần, không khí cũng cạn. Matakít cảm thấy tối sầm mặt mũi. Rồi cậu rơi vào tình trạng mê man đầy sợ hãi, và cậu chỉ thi thoảng thoát ra để cố đốc sức bình sinh mà hít thở. Và rồi, tất cả bị nhận chìm. Cậu mất luôn cả ý thức về việc đang đến với mình, và cậu đã chết... bởi thực sự đúng là cậu vừa trở về từ cõi chết!

Cyprien để cậu kể chuyện một lúc rồi cho cậu ăn uống, và bắt cậu ngủ qua đêm trên chiếc giường cậu đang nằm, mặc cho cậu phản đối. Cuối cùng, vì

chắc chắn từ phút ấy mọi nguy hiểm đã qua, chàng để cậu lại một mình để ghé thăm nhà Watkins như thường lệ.

Chàng kỹ sư trẻ cần phải kể cho Alice nghe những cảm nhận của chàng trong ngày, việc chàng chán ghét hầm mỏ - sự chán ghét càng tăng thêm sau tai nạn tồi tệ ban sáng. Chàng thấy ghê sợ khi nghĩ đến việc dùng mạng sống của Matakít đổi lấy cơ hội mong manh kiếm được mấy viên kim cương xúi quẩy.

“Tự mình làm việc này thì còn bỏ qua được! chàng tự nhủ. Nhưng trả thù lao rẻ mạt thuê một kẻ nam Phi bất hạnh, kẻ chẳng mắc nợ gì mình, rồi bắt hắn làm việc này thì thật bỉ ổi!”

Cứ thế chàng kể nàng nghe những bất mãn và những chua chát của mình. Chàng kể về lá thư chàng nhận được từ Pharamond Barthès. Quả thật, lẽ nào sẽ tốt hơn nếu chàng nghe theo lời khuyên của bạn mình? Chàng mất mát gì đâu nếu đi một chuyến đến vùng Limpopo và thử vận làm giàu bằng săn bắn? Có lẽ sẽ thanh tao hơn, hẳn thế rồi, là đi đào đất như một kẻ hà tiện, hay là phải thuê những người khôn khéo tội nghiệp đào đất giúp ta?

“Cô nghĩ thế nào, tiêu thư Watkins, chàng hỏi, cô vốn là người đầy khôn ngoan và có óc thực tế? hãy cho tôi lời khuyên! Tôi cần lắm! Tôi đang mất cân bằng về mặt tinh thần rồi! Tôi cần một bàn tay thân thiết để lấy lại thăng bằng!”

Chàng bày tỏ với tất cả lòng thành, tự thấy một niềm vui không diễn tả được, vì bình thường chàng rất dè dặt khi bày tỏ nỗi khôn khéo về những do dự của mình trước cô bạn tâm tình dịu dàng và duyên dáng này.

Cuộc trò chuyện tiếp diễn bằng tiếng Pháp được vài phút rồi, và mang vẻ rất thân mật trong tình huống giản dị ấy, cho dù John Watkins, đã ngủ lim dim được một quãng khi hút đến tẩu thuốc thứ ba, chẳng hề quan tâm gì đến chuyện các bạn trẻ nói tiếng Anh hay tiếng gì khác. Alice thì lắng nghe Cyprien với niềm cảm thông sâu sắc.



“Tất cả những điều anh nói với tôi, nàng đáp, từ lâu tôi đã suy nghĩ giúp anh, anh Méré à! Tôi khó có thể hiểu làm sao một chàng kỹ sư, một nhà khoa học như anh, có thể thanh thản theo đuổi một cuộc sống như thế! Phải



chẳng đây là một tội ác chống lại bản thân anh và phản khoa học? hy sinh thời gian quý giá cho công việc chân tay vốn chỉ cần một người nam Phi hay một anh chàng hottentot tầm thường cũng làm tốt hơn anh, điều ấy tệ thật, tôi cam đoan với anh đó!”

Cyprien có lẽ chỉ có một lời duy nhất để giải thích với nàng về vấn đề làm nàng kinh ngạc và sốc mạnh thế kia. Và thậm chí ai mà biết, nếu nàng không phóng đại một chút sự phẫn nộ của nàng để khiến chàng phải thú nhận một điều?... Nhưng lời thú nhận kia, chàng đã thề chỉ giữ riêng cho chàng, chàng sẽ khinh bỉ bản thân mình nếu tỏ bày; dù muốn nói thành lời nhưng chàng đành kìm nén. Tiểu thư Watkins nói tiếp:

“Nếu anh muốn tìm kiếm kim cương đến thế, anh Méré à, anh chỉ nên tìm kiếm đúng ở nơi anh có nhiều cơ may tìm thấy chúng thì hơn - trong lò nung của anh chẳng hạn? Lạ chưa! Anh là nhà hóa học, anh biết rõ hơn ai hết bản chất những viên đá đáng rỏ rúng kia là như thế nào, những viên đá mà người ta gán cho nhiều giá trị, thế mà anh lại trông cậy vào việc lao động khổ nhọc bạc bẽo và máy móc để tìm kiếm ư? Với tôi, tôi vẫn giữ quan điểm: nếu tôi là anh, tôi sẽ tìm cách chế tạo kim cương hơn là đi tìm kiếm những viên đá có sẵn!”

Alice sôi nổi nói với một niềm tin vào khoa học và tin vào chính bản thân Cyprien, đến mức con tim chàng trai trẻ như được tắm trong sương mai tươi mát.

Chẳng may, đúng lúc ấy John Watkins tỉnh ngủ và hỏi thăm tin tức về mỏ Vandergaart-Kopje. Vậy nên phải quay lại nói tiếng Anh, gián đoạn cuộc chuyện trò riêng đầy lời cuốn. Sự quyến rũ bị phá vỡ.

Nhưng lời của nàng gieo vào tai chàng như hạt giống ươm vào đất màu mỡ hẳn sẽ nảy mầm. Chàng kỹ sư trẻ, trong lúc trở về nhà, suy nghĩ về những lời đầy rung động nhưng vô cùng đúng đắn mà tiểu thư Watkins đã nói chàng nghe. Không còn những lời nghe có vẻ huyền hoặc mà thay vào đó là những lời độ lượng, tin tưởng và thực sự dịu dàng.



“Sau cùng, tại sao không nhỉ?” chàng tự nhủ. “Việc sản xuất kim cương, có thể là không tưởng cách đây một thế kỷ, thì giờ đây có thể xem là một việc có thể thực hiện được! ngài M. Frémy và Peil ở Paris đã làm ra hồng ngọc, ngọc lục bảo và ngọc lam, chỉ từ các tinh thể của nhôm ôxít được nhuộm màu khác nhau! ngài Mac-Tear ở Glasgow, ngài J. Ballantine hannay ở cùng thành phố, đã tạo ra, vào năm 1880, tinh thể cacbon mang tất cả các đặc tính của kim cương và chỉ còn một nhược điểm duy nhất là giá thành đắt khủng khiếp - đắt hơn nhiều lần kim cương tự nhiên từ Braxin, từ Ấn Độ hay từ Griqualand - và kết cục thì không đáp ứng được nhu cầu kinh doanh! nhưng, một khi giải pháp khoa học của một vấn đề được tìm thấy thì giải pháp công nghiệp của nó cũng không mấy xa vời! Sao ta không đi tìm nó?... Những nhà bác học kia, đến giờ vẫn còn thiếu nó, vốn là những nhà lý luận, những con người của văn phòng và phòng thí nghiệm. Họ đã không nghiên cứu kim cương tại chỗ, trong lòng đất tự nhiên có thể nói là nơi khởi đầu của kim cương! Còn ta, có thể thừa hưởng từ công trình nghiên cứu của họ, kinh nghiệm của họ và cũng từ kinh nghiệm riêng ta nữa! Chính tay ta đã chiết lọc kim cương! Ta đã phân tích, nghiên cứu tất cả các dạng thái đất chứa kim cương! nếu một ai đó, với đôi chút may mắn, có thể vượt lên những khó khăn sau cùng, thì đó chính là ta... người đó phải là ta thôi!”

Đây chính điều Cyprien tự nhắc đi nhắc lại, và là điều chàng suy đi nghĩ lại gần như cả đêm.

Chẳng bao lâu sau chàng đã ra quyết định. Ngay sáng hôm sau, chàng thông báo với Thomas Steel - rằng ít nhất là tạm thời, chàng không định khai thác cũng không thuê người khai thác mỏ cho mình nữa. Chàng còn thỏa thuận với anh ta, nếu anh ta muốn rút lại phần mình, anh ta sẽ được tự do làm điều đó; từ đó chàng tự giam mình trong phòng thí nghiệm và suy nghĩ về những dự án mới.

# CHƯƠNG 8: THÍ NGHIỆM LỚN

Trong lúc thực hiện những nghiên cứu xuất sắc về độ tan của chất rắn trong khí - Những nghiên cứu đã làm chàng bận tâm suốt cả năm ngoài - Cyprien đã không khỏi nhận thấy rằng một số chất, chẳng hạn, silic điôxít và nhôm ôxít, không hòa tan trong nước nhưng, lại hòa tan trong hơi nước ở áp suất lớn và nhiệt độ rất cao.

Từ đây, chàng quyết định thoát đầu sẽ theo giải pháp này nếu như không thể tìm được chất trợ dung thể khí của cacbon, để sau đó đạt được dạng kết tinh.

Nhưng những cố gắng của chàng theo hướng này không có kết quả, và sau nhiều tuần thử nghiệm vô ích, chàng đã phải quyết định thay đổi cách bài binh bố trận.

Cách bài binh bố trận chính là từ phải dùng, bởi rằng, ta sắp thấy một nòng đại bác phải phát huy vai trò trong đó.

Những phương pháp loại suy khác nhau buộc chàng kỹ sư phải thừa nhận rằng kim cương rất có thể hình thành ở các mỏ vùng Kopje theo cùng cách thức của lưu huỳnh hình thành trong đất phun khí lưu huỳnh. Thế nhưng, ta biết rằng lưu huỳnh là kết quả của quá trình ôxy hóa một nửa phân tử hydrô sunfua; sau khi một phần đã chuyển thành axit sunfua, phần kia đọng lại dưới dạng tinh thể trên thành đất phun khí lưu huỳnh.

“Ai biết được, có khi các mỏ kim cương ấy không thực sự là mỏ cacbon? Vì rằng hỗn hợp hydrô và cacbon cần phải chảy về đó, theo dòng nước và cặn bồi ở dạng khí mêtan, tại sao không là hiện tượng ôxy hóa khí hydrô, kết hợp với ôxy hóa từng phần cacbon, sẽ dẫn đến quá trình kết tinh cacbon dư?”

Từ ý tưởng này đến việc thử đưa một chất bất kỳ, vào một phản ứng tương tự nhưng nhân tạo dựa trên chức năng lý thuyết của khí ôxy, không xa vời mấy đối với một nhà hóa học.

Và Cyprien đã cương quyết thực hiện ngay lập tức dự định ấy.

Trước tiên, phải nghĩ ra một thiết bị thí nghiệm, càng giống các điều kiện giả định của sự tạo thành kim cương tự nhiên càng tốt. Ngoài ra, thiết bị thí nghiệm này cũng phải cấu tạo rất đơn giản thôi. Mọi thứ được hình thành với số lượng lớn trong tự nhiên hay trong nghệ thuật đều mang đặc tính này. Còn gì kém phức tạp hơn những sự khám phá đẹp đẽ nhất chinh phục bởi nhân loại - lực hấp dẫn, la bàn, ngành in, máy hơi nước, máy điện tín?

Cyprien đích thân đi đến tận sâu trong mỏ để chọn loại đất mà chàng nghĩ là có chất lượng đặc biệt thuận lợi cho thử nghiệm của chàng. Sau đó, chàng trộn đất này thành vữa đặc, rồi phết cẩn thận bên trong một ống thép dài nửa mét, dày năm phân và phi tám.

Cái ống ấy không gì khác hơn chính là một đoạn nòng đại bác không sử dụng chàng đã mua ở Kimberley từ một toán quân tình nguyện đã bị thải hồi sau chiến dịch chống các bộ tộc nam Phi lân cận. Nòng đại bác vừa nhắc, được cưa theo kích thước phù hợp tại xưởng của Jacobus Vandergaart, rõ ràng đã cung cấp cho chàng thiết bị cần thiết, tức là một bể chứa đủ chắc để chịu được áp lực lớn bên trong.

Sau khi đặt trong ống này, trước đó đã được bít kín một đầu, vài mẫu đồng và khoảng hai lít nước, Cyprien đổ khí mê tan vào; rồi chàng cẩn thận trám lại ống, và siết ốc ở hai đầu khóa nòng kim loại một cách chắc chắn để vượt qua mọi thử thách.

Vậy là máy đã được chế xong. Chỉ còn phải cho nó chịu nhiệt lượng mãnh liệt.

Vì thế nó được đặt trong một lò phản xạ lớn, lửa của lò phải luôn cháy ngày đêm trong hai tuần để nó được nung nóng đến trắng ra.

Mặt khác, ống và lò được bọc trong một lớp đất chịu nhiệt dày, thiết kế để giữ nhiệt càng kín càng tốt, và chỉ nguội dần dần theo thời gian cần thiết.

Tất cả trông khá giống một tổ ong lớn hoặc một túp lều của người Esquimo.

Matakit giờ đây đã có thể phụ giúp ông chủ mình vài việc. Cậu tập trung cao độ theo dõi tất cả những bước chuẩn bị thí nghiệm, và khi biết liên quan đến việc chế tạo kim cương, cậu cũng tỏ ra là người hăng hái nhất tham gia vào sự thành công của công việc. Cậu sớm học cách nhóm lửa, khéo đến mức cậu được giao cho trách nhiệm nhóm và giữ lửa.

Tuy vậy, khó mà tưởng tượng được rằng các thiết bị ấy vốn cũng chẳng phức tạp gì mấy, lại khó lắp đặt và tốn thời gian biết bao. Ở Paris, trong một phòng thí nghiệm lớn, thí nghiệm có thể được đưa vào thực hiện chỉ hai giờ sau khi được hình dung, trong khi Cyprien phải mất đến gần ba tuần ở xứ sở nửa hoang dã này để hiện thực hóa ý tưởng của mình mà vẫn chưa đâu vào đâu. Tuy nhiên chàng đặc biệt nhờ vào những tình huống thuận lợi, như việc tìm thấy đúng lúc không những một nòng đại bác cũ mà còn tìm được lượng than cần thiết. Quả vậy, chất đốt này vô cùng hiếm ở Kimberley đến mức để thu thập được một tấn thì phải liên hệ cùng lúc với ba thương lái.

Cuối cùng, mọi khó khăn đều được vượt qua, và khi lần đầu tiên ngọn lửa được nhóm lên, Matakit phụ trách việc giữ cho nó đừng tắt.

Cũng cần phải nói rằng chàng trai trẻ nam Phi rất tự hào về những công việc này. Tuy nhiên chúng không phải mới mẻ gì với cậu, hẳn là vậy, cậu vốn đã quen tay với kiểu bếp lò ít hay nhiều cũng nóng ghê người ấy lúc còn sống ở bộ lạc.



Quả nhiên, không chỉ một lần Cyprien nhận ra, từ lúc Matakít làm việc cho chàng, rằng trong số dân nam Phi cậu ta thực sự nổi tiếng là phù thủy. Một vài bí quyết về giải phẫu cơ bản, vài ba trò ảo thuật học được từ cha mình,

tạo nên cả một hành trang của ảo thuật gia. Nhưng người ta đến tìm cậu để khám những căn bệnh có thực hoặc tưởng tượng, để lý giải những giấc mơ, để giải quyết tranh chấp. Chẳng bao giờ chịu bó tay, Matakit luôn hướng dẫn một đơn thuốc nào đó, dự báo một điềm gì đó, đưa ra một câu châm ngôn nào đó. Những đơn thuốc đôi khi quái dị, những châm ngôn kỳ quái, nhưng những người đồng hương cậu lại hài lòng. Cần gì hơn thế nữa?

Phải nói thêm rằng những lò cát và chai lọ bao quanh cậu trong phòng thí nghiệm của chàng kỹ sư trẻ, chưa kể những công việc bí ẩn mà cậu được giao phó đã góp phần không nhỏ giúp nâng cao uy thế cậu.

Thi thoảng, Cyprien không thể nhịn cười trước vẻ trang trọng mà cậu bé trung hậu thể hiện mỗi khi làm các công việc đơn giản như đốt lò, điều chế tiếp than trong lò, cời lửa, phủ bụi các ống nghiệm và chén nung. Và tuy nhiên, có vẻ gì đó khiến ta mỉm lòng ngay trong sự trang nghiêm ấy: chính là biểu hiện ngây ngô với thái độ trân trọng dành cho khoa học ở một kẻ dung tục, nhưng thông minh và khao khát tri thức.

Matakit, vả chăng, đã chơi đùa tinh nghịch và vui vẻ, đặc biệt khi cậu ở cùng với Lee. Cho dù khác nhau về nguồn gốc, một tình bạn thân thiết đã hình thành giữa hai kẻ ấy trong những lần Lee ghé thăm trang trại Watkins, giờ đã trở nên khá thường xuyên. Cả hai đều nói kha khá tiếng Pháp, cả hai đều được Cyprien cứu thoát khỏi cái chết trong gang tấc, và họ vẫn mang ơn chàng sâu sắc. Thế nên thật tự nhiên khi họ cảm thấy người này hướng đến người kia bằng một sự đồng cảm chân thành, và sự đồng cảm ấy nhanh chóng chuyển thành tình thân mến.

Giữa họ với nhau, Lee và Matakit đặt cho chàng kỹ sư trẻ một tên gọi cảm động và giản dị, diễn đạt chính xác bản chất tình cảm mà họ dành cho chàng. Họ gọi chàng là “ông trẻ”, chỉ nói về chàng bằng ngôn từ thể hiện sự ngưỡng mộ và lòng tận tâm cao nhất.

Lòng tận tâm ấy biểu lộ từ Lee qua sự chăm chút chu đáo khi anh giặt là quần áo cho Cyprien, từ Matakit qua sự cẩn thận chu đáo khi cậu thực hiện



chính xác những chỉ dẫn của ông chủ mình.

Nhưng, đôi khi, hai anh bạn hơi quá đà trong việc say sưa làm hài lòng “ông trẻ”. Chẳng hạn, có lần, Cyprien thấy trên bàn mình - bây giờ chàng dùng bữa ở nhà - Nhiều trái cây hay kẹo bánh chàng chẳng hề mua, và chẳng biết chúng từ đâu ra, vì rằng ta chẳng thấy chúng được bày bán ở các cửa hàng. Hay có khi, những chiếc sơ mi sau khi được giặt là lại có thêm mấy chiếc cúc vàng không rõ nguồn gốc. Lại có khi, thi thoảng, một chiếc ghê thanh lịch và tiện lợi, một chiếc gối thêu, một tấm da beo, một món đồ mỹ nghệ đắt giá xuất hiện một cách bí hiểm xen vào số đồ đạc trong nhà.

Và khi Cyprien hỏi cả Lee lẫn Matakít vấn đề này, chàng toàn nghe những câu trả lời thoái thác:

“Tôi không biết!... Không phải tôi!... Chẳng liên quan đến tôi!...”

Cyprien lẽ ra có thể thoái mái chấp nhận những đối đãi ân cần ấy; nhưng điều khiến chúng trở nên phiền toái chính là vì chàng tự nhủ xuất xứ của chúng không rõ ràng. Những món quà ấy phải chẳng chẳng thấm tháp gì so với nỗi lo khi phải nhận chúng? Tuy nhiên, chẳng có gì để xác thực những giả định đó, và những cuộc điều tra, thường rất kỹ lưỡng, về các đồ đạc xuất hiện kỳ lạ ấy chẳng mang lại bất cứ kết quả nào.

Và sau lưng chàng, Matakít và Lee trao nhau những nụ cười thoáng qua, những ánh mắt ranh mãnh, những cử chỉ bí hiểm, đương nhiên có ngụ ý:

“Ê! ông trẻ í mà!... Ông ấy chẳng hay biết gì cả!

Mặt khác, còn những mối lo khác nghiêm trọng hơn nhiều đang lấp đầy tâm trí Cyprien. Hình như John Watkins đã quyết định gả chồng cho Alice, và cùng với ý định ấy, bấy lâu nay ông ta biến nơi mình ở thực sự thành nhà triển lãm những kẻ cầu hôn. Không chỉ James Hilton hiện diện thường trực ở đó hàng tối, còn có những thợ mỏ độc thân, mà sự thành công trong khai thác mỏ, trong suy nghĩ của ông chủ trang trại, dường như làm nên những

ưu điểm cần thiết của chàng rể ông ta mơ ước, cũng bị lôi cuốn ở lại nhà ông, bị giữ lại ăn tối, và sau cùng, họ ở đây cho con gái ông chọn lựa.

Tay người Đức Friedel và gã Napôli Pantalacci cũng nằm trong số đó. Hai người họ thuộc vào nhóm những thợ mỏ may mắn nhất khu Vandergaart. Ở khắp nơi, sự đánh giá cao luôn gắn liền với thành công, không sai với bọn họ kể cả ở Kopje lẫn ở trang trại. Friedel thông thái hơn và sắc sảo hơn bao giờ hết kể từ lúc sự độc đoán của hắn dựa trên mấy nghìn bảng Anh. Còn Annibal Pantalacci thì giờ đây biến thành tên công tử thực dân, chói lọi những sợi dây chuyền vàng, nhẫn, cài áo kim cương, hắn vận áo quần vải thô trắng, làm nước da hắn càng vàng hơn và xỉn hơn.

Nhưng với những trò lố cùng mấy câu ví vụng Napôli của hắn và việc tự cho mình là tài trí, con người nực cười ấy cố mua vui cho Alice cũng vô ích. Hắn vậy, nàng không chỉ vô cùng khinh bỉ mà còn tỏ ra nghi ngờ động cơ đưa hắn đến trang trại. Nàng hài lòng với việc cố tình không nghe hắn nói và chẳng mấy may cười trước những lời bông đùa của hắn cũng như trước thái độ của hắn. Mặc dù không biết các nét xấu để thấy lời huyền thuyên của hắn là nhạt nhẽo, nàng chỉ thấy nơi hắn một kẻ qua đường thô tục và không kém chán ngắt hơn phần đông những kẻ khác. Điều này trong mắt Cyprien dường như là tất yếu, và chàng đau khổ vô cùng khi thấy người chàng trân trọng và triu mến đến vậy phải tiếp chuyện với kẻ đáng khinh kia.

Và chàng còn đau đớn hơn vì lòng tự tôn không cho phép chàng tỏ thái độ gì với chuyện ấy, vì tự thấy mất thể diện khi cố hạ nhục một kẻ tình địch mất tư cách đến vậy trong mắt tiểu thư Watkins. Mặt khác chàng có quyền gì nào? những lời chỉ trích của chàng sẽ dựa vào đâu? Chàng nào biết gì về Annibal Pantalacci, và chỉ được mách bảo bởi sự khinh tởm bản năng trong nhận xét ác cảm của chàng về hắn. Muốn vạch trần bản mặt xấu xa của hắn sẽ chỉ biến mình thành trò cười. Đó chính là điều Cyprien hiểu rõ, và chàng có lẽ đã tuyệt vọng nếu Alice biểu lộ chút quan tâm nào đó cho một gã trai như thế.

Và lại, chàng đắm mình say sưa trong một công việc lúi cuồn chàng cả ngày lẫn đêm. Đó không chỉ là một quy trình sản xuất kim cương, mà là mười, là hai mươi thí nghiệm chàng đã chuẩn bị sẵn, vì chàng dự định thực hiện chúng, khi thử nghiệm đầu tiên hoàn thành. Chàng không còn thỏa mãn với các dữ liệu lý thuyết và những công thức mà chàng đã ghi đầy rẫy, qua hàng giờ đồng hồ, trong những tập vở ghi chép của chàng. Vào bất cứ lúc nào, chàng cũng có thể chạy thẳng đến Kopje, mang về những mẫu đá và đất mới, lại bắt đầu những phân tích đã làm cả trăm lần, nhưng với một sự chặt chẽ và chính xác không chừa chỗ cho bất cứ sai lầm nào. Nguy cơ thấy tiểu thư Watkins vượt khỏi chàng càng trở nên cấp bách bao nhiêu thì chàng càng quyết tâm không từ bất cứ thứ gì để chiến thắng bấy nhiêu.

Và tuy nhiên, từ trong sâu thẳm, chính vì sự ngờ vực đối với bản thân mình mà chàng chẳng muốn thổ lộ gì với cô gái trẻ về cuộc thử nghiệm đang tiến hành. Tiểu thư Watkins thì chỉ biết chàng trở lại với hóa học theo lời khuyên của nàng, và nàng vui mừng về điều đó.

# CHƯƠNG 9: MỘT ĐIỀU NGẠC NHIÊN

Ngày mà thí nghiệm dường như đã hoàn thành là một ngày trọng đại.

Hai tuần trước lửa không còn được duy trì nữa - điều đó giúp cho cỗ máy nguội từ từ. Vì cho rằng phải có được sự kết tinh của cacbon nếu nó được hình thành trong những điều kiện ấy, Cyprien đã quyết định bỏ đi lớp đất tạo thành vòm bán cầu xung quanh lò nung.

Phải cuộc thật mạnh vào cái vòm ấy vì nó đã cứng lại như gạch nung trong lò gạch. Nhưng rốt cuộc nó cũng đành khuất phục trước những nỗ lực của Matakít và nhanh chóng để lộ ra, thoát tiên là phần trên của lò - Người ta thường gọi nóc lò - rồi đến toàn bộ lò.

Trái tim chàng kỹ sư đập một trăm hai mươi nhịp một phút lúc cậu bé nam Phi, được Lee và Bardik phụ giúp, lôi cái nóc lò lên.

Thí nghiệm thành công ư, chàng chẳng tin tí nào, vì luôn là người hoài nghi chính mình! nhưng rồi sau mọi chuyện thì cũng có thể lắm chứ! Và nếu được vậy thì còn gì vui hơn! Mọi kỳ vọng của chàng về hạnh phúc, vinh quang, của cải, há chẳng phải đang ẩn chứa trong ống xy lanh đen bụi kia đang hiện ra trước mắt chàng sau nhiều tuần mong chờ đầy sao! Ôi thương thay!... Ống nòng nổ tung.



Đúng vậy! Dưới áp lực rất lớn của hơi nước và của khí mê-tan, được đẩy lên ở nhiệt độ cao nhất, đến cả thép cũng không chịu nổi. Cái ống, cho dù có dày năm phân thì cũng bị bực ra như một ống nghiệm thông thường. Ở



một trong các thành ống gần chính giữa, một đường nứt há hoác như miệng người, đen ngòm, vẹo vọ do lửa rấp, trông giống kiêu cười khẩy ác ý ngay trước mũi chàng bác học đang bối rối.





Thật đen đui biết bao! Bao nhiêu khó nhọc để được kết quả tệ thế này sao! Thực ra, Cyprien sẽ cảm thấy bớt tủi nhục hơn nếu như thiết bị của chàng có thể chịu thử thách dưới lửa, nhờ vào những bao bọc để phòng ban đầu tốt hơn! hẵn nhiên, dù ống nòng kia không có cacbon kết tinh thì chàng cũng đã chuẩn bị tinh thần gấp mười để đón nhận thất vọng này! nhưng, đã đốt nóng, làm nguội, nói tóm lại, chăm chút hơn một tháng nay cái ống thép cũ kỹ ấy mà giờ đây lại thành đồ bỏ đi, thật là xui xẻo tột độ! Lẽ ra, chàng đã muốn đá một phát cho nó lăn xuống sườn đồi nếu cái ống nòng không quá nặng nề để có thể làm việc đó mà không gây phiền!

Vậy là Cyprien đành vứt nó vào lò, rồi thật buồn rầu, chàng chuẩn bị đi đến báo cho Alice về kết quả thảm hại này, đúng lúc ấy sự tò mò của một nhà hóa học vẫn sống sót trong chàng thôi thúc chàng đốt một que diêm đưa lại gần miệng ống để xem xét bên trong.

“Chắc hẳn, chàng nghĩ, đất ta đắp bên trong đã biến thành gạch cũng như lớp vỏ bọc ngoài lò.”

Giả định ấy là có căn cứ. Tuy nhiên, bởi một hiện tượng khá lạ mà thoát đầu Cyprien không thể giải thích, một dạng bong bóng đất sét hình như tách ra khỏi lớp đất áo này, sau khi cứng lại riêng lẻ trong ống lò.

Bong bóng này, màu đỏ sạm đen, có đường kính gần bằng một quả cam, có thể dễ dàng lọt qua đường nứt. Thế nên Cyprien kéo nó ra rồi uể oải cầm lên xem xét. Sau đó, nhận ra đây là một mẫu đất sét tách ra từ vách đã bị nung riêng lẻ, chàng đang định vứt sang một bên thì đúng lúc ấy chàng thấy nó có vẻ rỗng, giống một đồ vật bằng gốm.

Nó có dạng một hũ nhỏ kín bung, trong đó lúc lắc một dạng lõi chuông rất nặng.

“Một ống tiền thật đây!” Cyprien tự nhủ.

Nhưng, nếu như có bức tử đề buộc chàng giải thích sự kỳ lạ này, chàng sẽ chẳng giải thích nổi.

Tuy nhiên, chàng cũng muốn rõ ràng về việc này. Chàng dùng búa đập vỡ ống tiền.

Quả nhiên, đây là một ống tiền và nó đang chứa một kho báu vô giá. Không! Không đến mức phải nhầm lẫn về bản chất viên đá lớn đang hiện ra trước đôi mắt kinh ngạc của chàng kỹ sư trẻ! Viên đá ấy là một viên kim cương, có một lớp quặng bảo bao ngoài, hoàn toàn giống với vỏ bọc của những viên kim cương bình thường, nhưng đây là một viên kim cương kích cỡ vĩ đại, khó tin, chưa từng có!

Hãy xem nó nhé! Viên kim cương này lớn hơn một quả trứng gà, bề ngoài khá giống một củ khoai tây, và nó phải nặng ít nhất ba lạng.

“Một viên kim cương!... Một viên kim cương nhân tạo! Cyprien kinh ngạc khẽ reo lên. Vậy là ta đã tìm ra giải pháp cho vấn đề sản xuất rồi, mặc dù đã xảy ra biến cố với ống lò!... Vậy là ta giàu rồi!... Alice, Alice yêu quý của ta sẽ thuộc về ta!”

Sau đó, chàng như không còn tin vào điều chàng thấy.

“Nhưng không thể!... Đây là một ảo giác, một mộng tưởng!...chàng nhắc lại với nỗi hoài nghi cay đắng. Chà! Ta sớm biết phải tự kiểm chế mà!”

Và thậm chí không kịp dành thời gian để đội mũ, cuống cuống, sừng phát điên lên, giống như Archimedes lao ra khỏi bồn tắm nơi đang ngâm mình, khi ông phát hiện định luật nổi tiếng của mình, Cyprien chạy một mạch trên lối đi của trang trại rồi lao thẳng, như đạn pháo, đến nhà của Jacobus Vandergaart.

Chàng thấy ông thợ ngọc già đang bận kiểm tra những viên đá mà Nathan, một người môi giới, vừa nhờ ông chế tác.

“À! anh Nathan, anh ở đây thật đúng lúc!” Cyprien hét lên. “Anh nhìn này!... và bác cũng nhìn này, bác Vandergaart, hãy nhìn thứ tôi mang đến và nói tôi xem thứ đó là gì!”

Chàng đặt viên đá của chàng xuống bàn rồi khoanh tay. Nathan, người đầu tiên cầm viên đá lên, tái mét vì kinh ngạc, rồi đôi mắt gương tròn, mòm há hốc, anh ta đưa nó cho Jacobus Vandergaart. Đến lượt ông lão, sau khi giơ cao vật ấy lên ngang tầm mắt, dưới ánh sáng nơi cửa sổ, còn xem xét nó qua chiếc kính chuyên dụng của mình. Rồi, ông đặt lại xuống bàn và nhìn Cyprien.

“Cái này, là viên kim cương lớn nhất trên thế giới,” ông bình tĩnh nói.

“Đúng vậy!... lớn nhất đấy! Nathan nhắc lại. Lớn gấp bốn hay năm lần của viên *Koh-i-noor*, viên ‘Sơn Quang’, niềm kiêu hãnh của ngân khố hoàng gia Anh, nặng một trăm bảy mươi chín cara!”

“Lớn gấp hai hoặc ba lần của viên *Đại Mông Cổ*, viên đá lớn nhất từng được biết đến, nặng hai trăm tám mươi cara!” ông thợ ngọc già tiếp lời.

“Gấp bốn hay năm lần viên kim cương Sa hoàng, nặng một trăm chín mươi ba cara!” Nathan lúc này càng kinh ngạc hơn nói thêm vào.

“Gấp bảy hay tám lần viên *Đại Thần*, nặng một trăm ba mươi sáu cara!” Jacobus Vandergaart lại tiếp lời.

“Gấp hai mươi hay ba mươi lần viên kim cương Dresde, chỉ nặng có ba mươi mốt cara!” Nathan hét lên.

Và anh ta nói thêm:

“Theo kích cỡ tôi ước chừng, viên này nặng ít nhất là bốn trăm cara! nhưng sao ta dám liều lĩnh đánh giá một viên đá như viên này cơ chứ! Viên đá này vượt khỏi tầm mọi đánh giá!”

“Sao lại không?” Jacobus Vandergaart trả lời, ông là người bình tĩnh hơn trong hai người họ. “Viên *Koh-i-noor* được định giá ba mươi triệu franc, viên *Đại Mông Cổ* mười hai triệu, viên kim cương Sa hoàng tám triệu, viên *Đại Thần* sáu triệu!... Vậy thì, chắc hẳn viên này đây rẻ nhất phải cả trăm triệu!”

“Mà này! Tất cả còn tùy thuộc vào màu sắc và chất lượng của nó!” Nathan đáp lời, anh ta giờ bắt đầu hoàn hồn và nghĩ có lẽ cần dọn đường cho tương lai, chuẩn bị cho một vụ mua bán. Nếu nó không màu và đục nước nhất, cái giá sẽ là vô giá! nhưng nếu nó màu vàng, như hầu hết những viên kim cương ở Griqualand, giá ấy sẽ thấp hơn rất nhiều!... Tuy nhiên tôi không biết, liệu với một viên đá cỡ ấy, tôi có thích một màu xanh saphia ưa nhìn, giống như màu của viên kim cương Hy vọng, hoặc màu hồng như màu của viên *Đại Mông Cổ*, hay thậm chí xanh ngọc lục bảo như màu của viên kim cương Dresde.

“Mà không!... Không đâu! người thợ ngọc già thốt lên sốt sắng. Tôi, thì tôi thích kim cương không màu! hãy nhắc đến viên *Koh-i-noor* hay viên *Đại Thần*! Đây chính là đá quý thực sự!... Bên cạnh chúng, những viên khác chỉ là những viên đá đặc biệt mà thôi!”

Cyprien không còn nghe gì nữa.

“Này các ông, các ông thứ lỗi cho tôi, chàng vội vã nói, nhưng tôi phải đi ngay thôi!”

Và, sau khi lấy lại viên đá quý của mình, chàng chạy, ngược lên con đường đến trang trại.

Thậm chí quên cả gõ cửa, chàng mở cửa phòng khách và thấy Alice ở đó, rồi không kịp suy nghĩ gì về xử sự quá khích của mình, chàng ôm chầm lấy nàng, hôn lên hai má nàng.

“Ôi trời! Gì thế này?” ông Watkins thét lên phần nộ vì những biểu lộ ngoài mong đợi này.

Ông ta đang ngồi ở bàn, đối diện với Annibal Pantalacci, và đang chơi cờ pikê cùng kẻ ưa chọc ngoáy ấy.

“Tiểu thư Watkins, thứ lỗi cho tôi!” Cyprien áp úng, vô cùng kinh ngạc vì sự táo bạo của chính mình, nhưng rạng rỡ niềm vui sướng. “Tôi thật quá vui mừng!... Tôi phát điên vì hạnh phúc!... Nàng nhìn xem!... Tôi mang đến cho nàng cái này đây!” và chàng gằn như ném chứ không phải đặt viên kim cương xuống bàn, trước mặt hai người đang chơi.

Cũng giống Nathan và Jacobus Vandergaart, những người này lập tức nhận ra đây là thứ gì. Ông Watkins, chỉ mới uống vừa phải khẩu phần rượu gin hàng ngày, vẫn còn ở trạng thái đủ tỉnh táo.

“Anh đã tự... tìm thấy nó... trong mỏ của anh sao? ông ta vồn vã reo lên.

“Tìm thấy nó ư?” Cyprien đáp lời đắc thắng. “Tôi còn làm tốt hơn kia!... Tôi đã tự mình chế ra đây!... À! ngài Watkins này, nói cho cùng, hóa học cũng có mặt tốt nhỉ!”

Rồi chàng cười, rồi chàng nắm chặt những ngón tay mảnh mai của Alice trong tay mình, nàng, quá đỗi bất ngờ về những biểu lộ nồng nhiệt ấy, nhưng thấy hân hoan vì niềm hạnh phúc của bạn mình, dịu dàng mỉm cười.

“Tuy nhiên, thưa tiểu thư Alice, tôi có được khám phá này là chính nhờ cô!” Cyprien nói tiếp. “Ai đã khuyên tôi trở lại với hóa học nào? Ai đã đề nghị tôi tìm cách làm ra kim cương nhân tạo, nếu không phải là tiểu thư duyên dáng của ngài, ái nữ đáng yêu của ngài, thưa ngài Watkins?... Ôi! Tôi có thể tỏ lòng kính phục nàng, như những chàng dũng sĩ cổ đại tỏ lòng trước tình nương của họ, và tuyên bố rằng nàng xứng đáng hưởng mọi thành quả của phát minh!... Tôi chưa bao giờ mơ về điều này mà không có nàng!”

Ông Watkins và Annibal Pantalacci ngắm viên kim cương rồi hai người nhìn nhau, lắc đầu. Họ thực sự ngỡ ngác vô cùng.

“Anh nói anh đã tạo ra cái này... tự mình anh?... John Watkins tiếp lời. Vậy đây là viên đá giả?”

“Một viên đá giả ư?... Cyprien la lên. Vậy thì, đúng đấy!... một viên đá giả đấy!... Thế nhưng Jacobus Vandergaart và Nathan định giá nó sơ sơ năm mươi triệu, và có thể là một trăm! nếu đây chỉ là viên đá nhân tạo, được tạo ra từ một quy trình do tôi sáng chế, thì nó hoàn toàn không thua viên thật!... Ngài nhìn xem có thiếu gì đâu... ngay cả lớp quặng bao bọc!”

“Và anh có nhận làm vài viên kim cương khác giống vậy không?” John Watkins vừa hỏi vừa nài nỉ.

“Tôi nhận chứ, thưa ngài Watkins, nhưng đương nhiên rồi! Tôi sẽ làm cho ngài vô số kim cương!... Tôi sẽ làm cho ngài viên lớn gấp mười lần, gấp trăm lần viên này, nếu ngài muốn!... Tôi sẽ làm cho ngài với số lượng đủ nhiều để ngài có thể lát sân của ngài, để rải những con đường ở Griqualand nếu ngài thích!... Chỉ có bước đầu tiên mới tốn kém thôi, còn một khi viên đá đầu tiên được tạo thành, vấn đề còn lại chỉ là tiêu tiết, chỉ đơn giản là điều chỉnh các thiết bị kỹ thuật!”

“Nhưng nếu quả thật như thế, ông chủ trang trại trở nên nhột nhạt tiếp lời, sẽ là cảnh tan tành sự nghiệp của những chủ sở hữu mỏ, của ta, của cả vùng Griqualand!”

“Dĩ nhiên là thế!” Cyprien hét lớn. “Ngài thấy còn lợi lộc gì mà đào đất để tìm những viên kim cương nhỏ hầu như chẳng giá trị gì, một khi ta có thể sản xuất chúng trong công nghiệp với đủ loại kích thước dễ dàng như làm bánh mì nặng hai kilô vậy!”

“Nhưng thật kinh khủng!...” John Watkins đáp. “Thế là bị ối!... Thế là kinh tởm!... Nếu điều anh nói là có cơ sở, nếu thực tế anh có được bí quyết ấy...”



Ông ta uất ức ngưng lại.

“Ngài thấy đấy,” Cyprien bình thản nói, “tôi không nói vu vơ bởi vì tôi đã mang cho ngài xem sản phẩm đầu tay của tôi!... Và tôi nghĩ nó có kích thước khá đẹp để thuyết phục ngài!”

“Tốt thôi! ngài Watkins, giờ đây đã lấy lại hơi, cuối cùng cũng trả lời, nếu đó là sự thực... ta sẽ phải xử bắn anh ngay lúc này, ngay giữa đường cái quan của khu mỏ, anh Méré à... Chính là suy nghĩ của ta đấy.”

“Và tôi cũng nghĩ giống vậy!” Annibal Pantalacci phụ họa kèm theo một cử chỉ đe dọa.

Tiểu thư Watkins đứng bật dậy, mặt tái xanh.

“Bắn chết tôi bởi vì tôi đã giải quyết một vấn đề hóa học vương mắc từ năm mươi năm nay ư? chàng kỹ sư trẻ nhún vai đáp. Trên thực tế, điều ấy hơi vội vàng đấy!”

“Chẳng có gì buồn cười, anh bạn! ông chủ trang trại điên tiết gắt lên. Anh có nghĩ đến những hậu quả của cái anh gọi là phát minh không... chính là mọi công việc khai thác mỏ sẽ ngưng lại... Griqualand sẽ bị truất bỏ nền công nghiệp lừng lẫy nhất... còn ta, người đang đối thoại với cậu, sẽ thành ăn mày.”

“Thực thế, tôi thừa nhận với ngài tôi đã không hề suy nghĩ về tất cả điều ấy!” Cyprien đáp rất thẳng thắn. “Đó chính là những vấn đề không tránh khỏi của phát triển công nghiệp và khoa học thuần túy không quan tâm vấn đề ấy!... Vả chăng, riêng với cá nhân ngài, thưa ngài Watkins, ngài đừng nên lo sợ! Cái gì của tôi cũng là của ngài, và ngài biết rõ động cơ nào thúc đẩy tôi thực hiện các nghiên cứu theo hướng này!”

John Watkins đột nhiên thấy phần lợi có được từ phát minh của chàng kỹ sư trẻ, và, mặc kệ cho gã người Napôli nghĩ gì, ông ta không ngần ngại trở

mặt, như người ta thường nói, nhanh như trở bàn tay.

“Rót cuộc,” ông ta nói tiếp, “có lẽ anh đúng, và anh nói đúng với bản chất cương trực của mình, anh Méré à! Đúng thế!... Ta nghĩ rồi, ta chắc rằng sẽ có cách để thông cảm cho nhau! Tại sao anh lại phải sản xuất kim cương số lượng dư thừa? Cách đó chắc chắn sẽ làm phát minh của anh trở nên tầm thường! há chẳng phải khôn ngoan hơn nếu giữ cẩn thận bí quyết ấy, sử dụng nó đúng mức, chẳng hạn chỉ tạo ra một hoặc hai viên đá như viên này đây, hay thậm chí anh dừng lại ở thành quả đầu tay này, bởi vì nó lập tức bảo đảm cho anh một số vốn đáng kể và khiến anh trở thành người giàu nhất vùng? ... Theo cách này, mọi người đều hài lòng, mọi thứ vẫn vận hành như cũ, và anh sẽ không làm ngáng trở những khoản lợi nhuận kha khá kia!”

Đây chính là một khía cạnh mới của vấn đề mà Cyprien chưa nghĩ đến. Thế nhưng hai chọn lựa bất ngờ đặt ra trước mắt chàng với sự khắc nghiệt đến tàn nhẫn: hoặc giữ cho riêng chàng bí mật về phát minh của mình, không cho thế giới biết đến nó và tận dụng nó để làm giàu, hoặc như John Watkins đã nói rất có lý, bỗng chốc làm cho cả loạt kim cương tự nhiên và kim cương nhân tạo trở nên tầm thường, và hậu quả, từ bỏ của cải để đạt được... điều gì?... Làm phá sản các chủ mỏ ở Griqualand, ở Braxin, và ở Ấn Độ!

Đặt trước thế phải lựa chọn này, Cyprien có lẽ ngần ngại, nhưng chỉ trong giây lát thôi. Và tuy nhiên, chàng hiểu rằng lựa chọn theo sự chân thành, danh dự, và trung thành với khoa học, đồng nghĩa với từ bỏ không hồi tiếc niềm hy vọng thậm chí từng là động cơ chính cho phát minh của chàng!

Nỗi đau đó thật cay đắng với chàng và cũng xót xa nữa là nó quá bất ngờ, vì từ một giấc mơ đẹp chàng bỗng chốc rớt xuống vực thẳm!

“Thưa ngài Watkins,” chàng nói giọng trầm lại, “nếu giữ cho riêng tôi bí mật phát minh của mình, tôi chỉ còn là kẻ lừa đảo! Tôi buôn gian trọng lượng, tôi dối gạt khách hàng về chất lượng hàng hóa! những thành quả đạt được của một nhà khoa học không thuộc riêng anh ta! Chúng là một phần

trong di sản của nhân loại! Giữ lại cho riêng mình, dù một phần bé nhất, vì tư lợi cá nhân và ích kỷ, sẽ biến mình thành thủ phạm của hành vi xấu xa nhất mà một con người có thể phạm phải! Tôi sẽ không làm vậy!... Không đâu!... Tôi sẽ không đợi đến một tuần lễ, không đến một ngày, để đưa vào tài sản công công thức mà tình cờ, cộng với chút suy luận, đã rơi vào tay tôi! hạn chế duy nhất sẽ là, vì nó công bằng và hợp lý, tôi sẽ công hiến công thức này trước tiên là cho tổ quốc tôi, cho nước Pháp đã cho phép tôi vận dụng nó!... Ngay ngày mai, tôi sẽ gửi đến Viện hàn lâm Khoa học bí quyết quy trình của tôi! Xin từ biệt, thưa ngài, nhờ ngài mà tôi thấy rõ bản phận tôi đã không nghĩ đến!... Tiểu thư Watkins, tôi đã có giấc mộng đẹp!... Hỡi ôi, phải từ bỏ nó thôi!”

Trước khi cô gái trẻ kịp đi về phía chàng, Cyprien đã lấy lại viên kim cương của mình, rồi chào tiểu thư Watkins và cha nàng để ra đi.

# CHƯƠNG 10: NGÀI JOHN WATRING SUY NGHĨ

Rời khỏi trang trại, lòng tan nát nhưng quyết tâm thực hiện điều chàng cho là bổn phận nghề nghiệp, Cyprien quay trở lại nhà Jacobus Vandergaart. Chàng thấy ông lão chỉ còn một mình. Tay buôn Nathan đã nhanh chóng bỏ đi để là người đầu tiên loan khắp khu trại một tin mới hấp dẫn với các thợ mỏ.

Tin mới ấy không hề gây ra lời đồn đại tầm thường, dù rằng họ còn chưa biết viên đại kim cương của “Quý ngài”, người ta vẫn thường gọi Cyprien như vậy, là một viên kim cương nhân tạo. Nhưng “Quý ngài” rất lo ngại về những chuyện ngòi lê đôi mách ở Kopje! Chàng vội vã, cùng bác thợ già Vandergaart, kiểm tra chất lượng và màu sắc của viên đá trước khi bắt tay viết một bản báo cáo về chủ đề này, và chính vì vậy mà chàng quay lại nhà người thợ ngọc.

“Bác Jacobus kính mến, chàng vừa nói vừa lại ngồi gần ông, bác làm ơn cất giúp cháu một mặt giác trên chỗ gò lên ấy, để ta có thể xem sơ qua cái gì ở bên trong lớp vỏ quặng kia.”

“Chẳng có gì khó khăn cả, ông thợ ngọc già vừa đáp vừa cầm lấy viên đá từ tay anh bạn trẻ của mình. Quả thật, anh đã đến rất đúng nơi! ông lão nói thêm cùng lúc quan sát thấy có một chỗ hơi phình trên một mặt của viên đá quý, ngoại trừ khiếm khuyết này, đó là một viên hình bầu dục hầu như hoàn hảo. Nếu gọt trên mặt này, sẽ không gặp phải nguy cơ gì, làm ảnh hưởng về sau!”

Không chần chừ, Jacobus Vandergaart bắt tay ngay vào việc, và sau khi chọn trong bát gổ của ông một viên đá thô khoảng bốn đến năm cara rồi

gắn chặt vào đầu của một dạng tay gạt, ông bắt đầu mài hai mảnh bên ngoài viên này lên viên kia.

“Có lẽ dùng cách chẻ theo thớ sẽ nhanh hơn, ông nói, nhưng ai dám đùa giỡn táng một nhát búa lên viên đá đắt giá đến thế!”

Công việc ấy, rất lâu và đơn điệu, ngón không dưới hai giờ. Khi mặt giác vừa đủ rộng để có thể đánh giá loại đá, phải mài bóng nó trên đĩa mài, và việc này cũng tốn rất nhiều thời gian.

Tuy nhiên, trời vẫn còn sáng, khi những công việc sơ bộ ấy được hoàn thành. Cyprien và Jacobus Vandergaart, cuối cùng không cưỡng được tò mò, tiến lại gần để xem xét kết quả của công việc.

Một mặt giác đẹp đen huyền, nhưng trong suốt và óng ánh không gì sánh bằng đập vào mắt họ.

Viên kim cương màu đen! Đặc tính gần như có một không hai, dù sao cũng vô cùng độc đáo, nếu có thể, còn tăng thêm nữa giá trị của nó.

Đôi tay của Jacobus Vandergaart run run vì xúc động khi đưa nó lên soi trong ánh chiều tà.

“Đây là viên đá quý đặc biệt nhất và đẹp nhất từng phản chiếu ánh sáng ban ngày! ông trang nghiêm nói với thái độ trân trọng kính cẩn. Sẽ thế nào một khi nó khúc xạ được ánh sáng sau khi được đẽ gọt tất cả các mặt!

“Bác sẽ nhận làm công việc này chứ?” Cyprien nồng nhiệt hỏi.

“Ừ, hẳn rồi, cháu yêu quý! Đây sẽ là vinh dự và đỉnh cao trong sự nghiệp bấy lâu của ta!... Nhưng có lẽ tốt hơn cháu nên chọn một đôi tay trẻ trung hơn và rắn rỏi hơn ta?”

“Không ạ!” Cyprien trù mến trả lời. “Chẳng một ai, cháu dám chắc thế, làm việc chăm chút và khéo léo hơn bác đâu! Bác giữ viên kim cương này

đi, bác Jacobus đáng kính, và chế tác nó theo cảm hứng của bác. Bác sẽ tạo nên một tuyệt tác đây! Đó là việc đã quyết định xong.”





Ông già quay qua quay lại viên đá trên những ngón tay và có vẻ ngập ngừng để diễn đạt suy nghĩ của mình.

“Một điều khiến ta lo ngại,” cuối cùng thì ông lên tiếng. “Cháu có biết ta không hề nghĩ có được trong nhà mình một món đồ quý với giá trị nhường ấy! Ta đang cầm trên tay đến năm mươi triệu franc là rẻ nhất, và có thể hơn nữa! Không thận trọng lắm khi nhận một trách nhiệm như thế!”

“Sẽ chẳng ai biết nếu bác không nói, bác Vandergaart ạ, còn về phần mình, cháu đảm bảo với bác sẽ giữ bí mật!”

“Ừm! họ sẽ nghi ngờ thôi! Cháu có thể bị theo dõi khi đi đến đây!... Họ sẽ giả định điều gì họ không biết chắc!... Dân quanh vùng lạ kỳ lắm!... Không! Ta sẽ chẳng thể ngủ yên đâu!”

“Có thể bác nói đúng!” Cyprien, đã hiểu thái độ do dự của ông lão, trả lời. Nhưng giờ thì phải làm gì đây!

“Ta đang suy nghĩ đây!” Jacobus Vandergaart đáp, rồi ông lại chìm vào im lặng trong chốc lát.

Sau đó nói tiếp:

“Nghe này, cháu thân mến,” ông nói. “Điều ta sắp đề nghị cháu thật tế nhị và ta nghĩ rằng cháu tin tưởng tuyệt đối ở ta! nhưng cháu khá hiểu ta để không thấy lạ khi ta thận trọng đến thế!... Ta phải ra đi ngay lúc này cùng với đồ nghề và viên đá này, để lánh mình ở một góc nào đó nơi không ai biết ta - ở Bloemfontein hoặc ở hope-Town chẳng hạn. Ở đó ta sẽ mướn một căn phòng khiêm tốn, và nhốt mình trong đó để làm việc một cách vô cùng bí mật, và ta sẽ trở về một khi hoàn thành công việc. Có thể bằng cách đó ta sẽ đánh lạc hướng được kẻ gian!... Nhưng, ta nhắc lại, ta gần như hồ thẹn khi đề nghị kế hoạch như thế...”

“Cháu thấy bác quá khôn ngoan,” Cyprien trả lời, “và cháu chỉ biết khích lệ bác làm điều đó!”

“Phải tính rằng sẽ lâu đấy, ta cần ít nhất một tháng, và rất có thể xảy ra tai nạn với ta dọc đường đi!”

“Bất kể là gì, bác Vandergaart, nếu bác tin rằng đấy là cách tốt nhất phải chọn! Và sau cùng, lỡ như viên kim cương có bị mất, cũng không phải là mất mát lớn lắm đâu!”



Jacobus Vandergaart nhìn anh bạn trẻ của mình với vẻ lo lắng.

“Vận may nhường này làm cậu ta mất trí rồi sao?” ông tự hỏi.

Cyprien hiểu suy nghĩ của ông và bắt đầu mỉm cười. Chàng giải thích cho ông biết viên kim cương đến từ đâu và từ nay làm thế nào chàng có thể sản xuất những viên khác với số lượng như chàng muốn. Nhưng, hoặc là người thợ ngọc già chỉ tin đại khái vào câu chuyện này, hoặc ông lão có lý do cá nhân để không muốn một mình ở lại trong căn nhà hẻo lánh, đối mặt với viên đá trị giá năm mươi triệu franc, nên đã cương quyết lên đường ngay tức khắc.

Chính vì thế, sau khi gom dụng cụ và áo quần cũ của mình vào một túi xách da cũ, Jacobus Vandergaart gắn vào cửa chính tấm bảng đá có dòng chữ: *Đi công tác xa*, nhét chìa khóa trong túi, cất viên kim cương trong áo gi lê và lên đường.

Cyprien tiễn ông vài ba dặm trên đường đi Bloemfontein, và chỉ rời xa ông vì những lời khẩn khoản lạy đi lạy lại của ông.

Trời đã tối hẳn khi chàng kỹ sư trẻ trở về nhà mình, chàng nghĩ về tiểu thư Watkins nhiều hơn là về phát minh kỳ diệu của chàng.

Tuy nhiên, chẳng mất thì giờ để thưởng thức bữa tối do Matakit chuẩn bị, chàng ngồi vào bàn làm việc và bắt đầu thảo bức thư cho thư ký thường trực của Viện hàn lâm Khoa học mà chàng định gửi vào chuyến thư tín sắp tới. Đó là một bản miêu tả chi tiết và trọn vẹn thí nghiệm của chàng, kèm theo một lý thuyết rất tài tình về phản ứng đã cho ra đời viên tinh thể cacbon kỳ diệu kia.

“Tính chất nổi bật nhất của sản phẩm này,” chàng kể xen giữa những chuyện khác, “đó là nó hoàn toàn giống kim cương tự nhiên, và nhất là nó còn có lớp vỏ quặng bao bọc bên ngoài.”

Thực vậy, Cyprien không do dự giải thích hiệu ứng lý thú ấy bằng việc chàng đã cẩn thận phết một lớp đất được chọn lọc kỹ từ đồi Vandergaart-Kopje trong lòng bình kín. Cách thức một phần lớp đất ấy tách khỏi thành bình để tạo thành lớp vỏ thực thụ bao quanh chất kết tinh thật không dễ giải

thích, và đó chính là điểm mà các thí nghiệm sau này hẳn sẽ làm sáng tỏ được. Thậm chí ta có thể hình dung trong ấy đã xảy ra một hiện tượng hoàn toàn mới giống hiện tượng hóa học, và tác giả dự định thực hiện một nghiên cứu sâu về vấn đề đó. Chàng không có tham vọng ngay lần đầu tiên cho ra một lý thuyết hoàn chỉnh và cố định từ phát minh của chàng. Điều chàng muốn, thoát tiên là sớm thông báo cho giới khoa học, ấn định thời gian gặp nhau tại Pháp và cuối cùng là kêu gọi các cuộc thảo luận và làm sáng tỏ những hiện tượng còn chưa giải thích được và còn mập mờ với chàng.

Báo cáo khoa học này được bắt đầu, công trình nghiên cứu của chàng vậy là được cập nhật, trong lúc còn đợi để có thể hoàn thành nó bằng những nhận xét mới, trước khi gửi nó cho bên liên quan, chàng kỹ sư trẻ ăn tối nhẹ rồi đi ngủ.

Buổi sáng hôm sau, Cyprien ra khỏi nhà đi dạo trên những khu đất mỏ khác nhau, về suy nghĩ rất lung. Một vài ánh mắt, hẳn nhiên là chẳng thân thiện gì, chào đón khi chàng đi qua. Nếu chàng không nhận ra điều ấy, có lẽ là vì chàng đã quên bẵng tất cả hậu quả từ phát minh lớn của chàng, được John Watkins sẵn sàng liệt kê ra hôm trước, tức là sự phá sản, trong thời hạn nhanh hay chậm của những người sử dụng đất nhượng quyền và những khu mỏ nhượng quyền ở Griqualand. Tuy nhiên, điều đó là quá đủ để khiến người ta ăn không ngon ngủ không yên giữa vùng đất bán hoang dã ấy, nơi đó người ta không ngại tự tay báo thù, nơi ấy sự đảm bảo về lao động, và hệ quả là đảm bảo về giao thương từ nguồn lao động ấy là quy tắc tối cao. Giả dụ việc sản xuất kim cương nhân tạo trở thành một ngành công nghiệp thực tiễn, và hàng triệu hố đào trong các khu mỏ ở Braxin cũng như ở nam Phi, chưa kể đến hàng nghìn mạng sống đã hy sinh, sẽ biến mất không cứu vãn được. Hẳn nhiên, chàng kỹ sư trẻ có thể giữ bí mật thí nghiệm của mình; nhưng về chuyện này, tuyên bố của chàng rất rõ: chàng quyết định không làm điều ấy.

Mặt khác, ngay trong đêm - một đêm thần thò John Watkins toàn mơ thấy những viên kim cương không có thực trị giá vài tỉ - Người cha của Alice đã có dịp chiêm nghiệm và suy nghĩ về điều này. Nếu Annibal Pantalacci và những thợ mỏ khác lo âu và giận dữ khi chứng kiến cuộc cách mạng do khám phá của Cyprien mang lại trong việc khai thác mỏ kim cương thì âu cũng là chuyện bình thường, bởi họ khai thác cho riêng họ. Nhưng còn ông ta, người sở hữu trang trại Watkins, hoàn cảnh của ông không giống vậy. Hẳn nhiên, nếu những mỏ khai thác bị bỏ hoang vì đá quý mất giá, nếu tất cả cư dân mỏ này rút cuộc cũng rời bỏ những khu mỏ ở Griqualand, giá trị của trang trại ông sẽ bị sụt giảm với tỉ lệ đáng kể, những sản phẩm của ông sẽ không còn được tiêu thụ dễ dàng, nhà và lều sẽ không được thuê nữa Vì thiếu khách thuê, và có thể một ngày kia ông sẽ buộc phải từ bỏ vùng đất đã thành phi lợi nhuận.

“Tốt thôi!” John Watkins tự nhủ, “trước khi đến tình cảnh ấy, cũng còn vài năm nữa! Sản xuất kim cương nhân tạo vẫn chưa thành hiện thực, ngay cả với quy trình của anh chàng Méré! Có thể công việc của anh ta còn nhiều may rủi! nhưng trong lúc chờ đợi, may rủi hay không, anh ta đã tạo ra không ít hơn một viên đá có giá trị rất lớn, và nếu với những điều kiện của một viên kim cương tự nhiên, nó có giá khoảng năm mươi triệu, nó sẽ đắt giá hơn nữa cho dù được sản xuất nhân tạo! Đúng đấy! Phải giữ chàng trai trẻ này bằng mọi giá! Ít nhất trong một thời gian, phải ngăn anh ta loan báo rộng rãi phát minh vĩ đại của mình! Viên đá ấy phải được đưa vào gia đình Watkins và chỉ được bán ra với con số đáng kể là hàng triệu! Về việc giữ chân kẻ làm ra nó, chuyện ấy thật quá dễ dàng - thậm chí không cần giao ước chính thức! Alice ở đây, và với Alice, ta sẽ biết cách trì hoãn chuyến đi châu Âu của hắn!... Đúng thế!... Ta phải hứa gả nó cho hắn!... Thậm chí ta phải trao nó cho hắn!”

Chắc chắn, John Watkins có thể đi đến nước ấy với áp lực của lòng hám của đang giày vò! Trong toàn bộ vụ việc này, ông chỉ nhìn thấy mình, chỉ nghĩ đến riêng mình! Và nếu lão già ích kỉ có nghĩ đến con gái thì cũng chỉ là tự nhủ:



“Nhưng sau rốt, Alice sẽ chẳng có gì để phàn nàn! nhà khoa học trẻ điên rồ kia vô cùng tốt! Anh ta yêu nó, và ta hình dung được nó không hề vô cảm với tình yêu của anh ta! Thế nên còn gì tốt đẹp hơn việc gắn bó hai tâm hồn được sinh ra là dành cho nhau... hoặc ít nhất để bọn chúng hy vọng về sự tác hợp này cho đến khi nào toàn bộ vụ việc được sáng tỏ!... Ôi! Lạy thánh John, vị thánh bản mệnh của ta, hãy che chở cho anh chàng Annibal Pantalacci và những bạn hữu anh ta, và mỗi người vì bản thân mình, thậm chí che chở cho vùng đất Griqualand!”

John Watkins đã lý luận như thế, bằng cách vận dụng cán cân lý tưởng, trên ấy ông ta đặt tương lai con gái mình ngang bằng với một mẫu cacbon kết tinh đơn thuần, và ông ta sung sướng nghĩ rằng hai bên cán cân sẽ giữ ngang bằng.

Vậy nên, ngày hôm sau, giải pháp của ông được đưa ra: ông sẽ không thúc đẩy chuyện gì, ông sẽ để mọi chuyện tự đến, vì còn chưa chắc mọi chuyện sẽ xảy ra theo chiều hướng nào.

Thoạt tiên, điều quan trọng với ông là gặp lại anh chàng khách trọ - điều này dễ thôi, vì chàng kỹ sư trẻ ghé trang trại mỗi ngày, nhưng vì ông muốn xem lại viên đại kim cương vốn chiếm phần khá lớn trong giấc mơ của ông.

Vậy nên ông Watkins đến căn lều của Cyprien, vào giờ sáng sớm này, chàng vẫn còn ở đó.

“Này, anh bạn trẻ, ông ta nói với chàng bằng giọng vui tươi, đêm qua anh ngủ thế nào... đêm đầu tiên sau phát minh lớn của mình ấy?”

“Ồ, rất ngon, thưa ngài Watkins, rất ngon!” chàng trai trẻ thản nhiên đáp.

“Sao? Anh vẫn ngủ được à!”

“Thì vẫn như mọi ngày!”

“Những mấy triệu bạc, tuôn ra từ cái lò ấy,” ông Watkins nói tiếp, “không xáo trộn giấc ngủ anh sao?”

“Chẳng hề gì,” Cyprien trả lời. “Ngài phải hiểu điều này, viên kim cương kia chỉ trị giá vài triệu với điều kiện là sản phẩm tự nhiên chứ không phải sản phẩm hóa học...”

“Đúng thôi!... Đúng thôi!... Anh Cyprien ạ! nhưng anh có chắc sẽ có thể làm thêm một viên khác... hoặc nhiều viên khác hay không? ... Anh có thể trả lời được không?”

Cyprien do dự vì biết trong một thí nghiệm kiểu này, đôi khi chàng có thể thất vọng.

“Anh thấy chưa!” John Watkins nói tiếp. “Anh không trả lời được!... Bởi vậy. Đến khi có một thử nghiệm mới và thành công, viên kim cương của anh vẫn có giá trị kếch sù!... Ngay từ đây, tại sao phải nói, ít ra là ngay bây giờ, rằng đó là một viên đá nhân tạo?”

“Tôi nhắc lại với ngài,” Cyprien trả lời, “rằng tôi không thể che giấu một bí mật khoa học quan trọng như thế!”

“Phải... phải!... Tôi biết!” John Watkins vừa nói vừa ra hiệu cho chàng trai trẻ im lặng, làm như có ai đó lắng nghe chàng ở bên ngoài. “Phải!... Phải!... Chúng ta sẽ nói về điều đó!... Nhưng anh đừng bận tâm đến Pantalacci và những kẻ khác!... Họ sẽ chẳng nói gì về phát minh của anh đâu, vì lợi ích của họ là không nói ra điều gì!... Hãy tin tôi!... Hãy đợi đã!... Và nhất là hãy nghĩ rằng con gái tôi và tôi, chúng tôi rất hạnh phúc vì thành công của anh!... Đúng!... Rất hạnh phúc!... Thế nhưng, tôi có thể xem lại viên kim cương phi thường ấy không? ... Hôm qua, tôi hầu như không có thời gian để xem nó!... Anh có thể cho phép tôi...”

“Nhưng tôi không còn giữ nó nữa!” Cyprien đáp.

“Anh đã gửi nó sang Pháp rồi à!” Ông Watkins thét lên, chán ngán vì suy nghĩ này.

“Không... vẫn chưa!... Ở tình trạng thô, ta không thể đánh giá vẻ đẹp của nó! ngài hãy yên tâm.”

“Vậy anh đã đưa nó cho ai? hỏi các vị thánh nước Anh, đưa cho ai vậy?”

“Tôi đã giao nó cho Jacobus Vandergaart để cắt gọt, và tôi không biết ông ấy mang nó đi đâu.”



“Anh giao một viên kim cương như thế cho một lão già gàn dở sao?” John Watkins, thực sự điên tiết, hét lớn. “Nhưng đó là một việc làm điên rồ,

chàng trai à! Một việc điên rồ!”

“Ôi dào!” Cyprien trả lời, “ngài muốn Jacobus hay một ai khác làm được gì với một viên kim cương, trị giá ít nhất năm mươi triệu đối với những người không hay biết gì về xuất xứ của nó? ngài nghĩ bí mật bán nó dễ lắm sao?”

Ông Watkins kinh ngạc vì lập luận ấy. Một viên kim cương với giá ngàn ấy, đương nhiên không phải dễ dàng tống khứ đi được. Tuy nhiên, ông chủ trang trại không bình tĩnh, và ông ta đã làm nhiều cách, đúng vậy... nhiều cách!... để anh chàng Cyprien khinh suất không giao nó cho ông lão thợ ngọc... hay ít nhất, để người thợ ngọc già trở về Griqualand cùng với viên đá quý của chàng! nhưng Jacobus Vandergaart đã yêu cầu một tháng, và dù Watkins có nóng lòng thật đấy thì ông ta vẫn phải chờ thôi.

Khỏi phải nói, những ngày tiếp theo, những bạn nhậu thường ngày của ông ta, Annibal Pantalacci, Friedel, tay Do Thái Nathan, không quên nói xấu người thợ ngọc lương thiện. Họ thường nói về ông khi Cyprien vắng mặt, và luôn luôn nhắc nhở John Watkins rằng thời gian thì trôi đi và rằng Jacobus Vandergaart chẳng xuất hiện trở lại.

“Sao ông ta phải trở lại Griqualand chứ, Friedel nói, bởi lẽ ông ta dễ dàng giữ lấy viên kim cương có giá trị lớn đến thế cơ mà, mà chẳng điều gì nói lên nguồn gốc nhân tạo của nó?”

“bởi vì ông ta sẽ không bán được nó!” Ông Watkins nhắc lại đúng lập luận của chàng kỹ sư trẻ nhưng giờ đây chúng chẳng đủ để làm ngài yên lòng nữa.

“Lý lẽ chính đáng!” Nathan trả lời.

“Ừ! Lý lẽ chính đáng!” Annibal Pantalacci chêm vào, “và tin tôi đi, lão cá sấu giờ này đã cao chạy xa bay rồi! Chẳng gì dễ hơn, nhất là với lão ta, làm biến chất và biến dạng viên đá! Các ông thậm chí còn không biết nó có màu

gì cơ mà! Đâu ai ngăn cản lão cắt làm bốn hoặc sáu, và chẻ theo thớ thành nhiều viên kim cương với kích cỡ kha khá?”

Những cuộc thảo luận kiểu này khiến tâm hồn John Watkins xáo động, ông bắt đầu nghĩ rằng Jacobus Vandergaart sẽ không trở lại.

Chỉ duy có Cyprien tin chắc vào lòng trung thực của người thợ ngọc già, và khẳng định rõ ràng ông lão sẽ trở về vào ngày đã hứa. Chàng đã đúng.

Jacobus Vandergaart trở về sớm hơn dự định bốn mươi tám giờ. Chính nhờ sự cần mẫn và niềm hăng say lao động, trong vòng hai mươi bảy ngày, ông đã chế tác xong viên kim cương. Ông trở về trong đêm để đưa nó vào đĩa mài và hoàn thành việc đánh bóng, rồi vào buổi sáng của ngày thứ hai mươi chín, Cyprien thấy ông già xuất hiện ở nhà chàng.

“Viên đá đây này,” ông vừa nói vừa đặt lên bàn một chiếc hộp gỗ nhỏ.

Cyprien mở chiếc hộp ra và thấy choáng ngợp.

Trên nền bông trắng, một viên tinh thể đen khổng lồ, hình bình hành mười hai mặt, tỏa ra ánh phản chiếu lãng kính chói lòa đến mức cả phòng thí nghiệm như rực sáng. Hóa hợp ấy, có màu mực, trong suốt như kim cương, tuyệt đối hoàn hảo, tính năng chiết quang vô song, đang tạo ra những hiệu ứng kỳ diệu và gợi cảm nhất. Ta thấy như đang chứng kiến một hiện tượng thực sự duy nhất, một kỳ quan thiên nhiên có thể gọi là chưa từng có. Ngoài mọi ý niệm về giá trị sang một bên, vẻ lộng lẫy của viên đá tỏa sáng từ chính nó.

“Đây không chỉ là viên kim cương lớn nhất mà là viên đẹp nhất trên thế giới!” Jacobus Vandergaart nghiêm trang nói, với một chút tự hào của người chế tác. “Nó nặng bốn trăm ba mươi hai cara! Cháu có thể tự mãn vì đã tạo ra một kiệt tác, cháu thân mến của ta, và cuộc thử nghiệm của cháu là một thành tích bậc thầy!”



Cyprien lặng thinh trước những lời khen của người thợ ngọc già. Với chàng, chàng chỉ là tác giả của một phát minh lý thú - không gì hơn. Nhiều người khác đã miệt mài thử nghiệm mà chẳng thành công, hẳn nhiên ở đây chàng đã chiến thắng trên địa hạt hóa vô cơ. Nhưng việc sản xuất kim cương nhân tạo mang lại những hệ quả có ích nào cho nhân loại? Khó tránh khỏi, trong một thời gian nhất định, nó sẽ khiến tất cả những ai sống bằng nghề buôn bán đá quý khánh kiệt, và tóm lại, nó chẳng làm giàu cho ai cả.

Khi nghĩ về điều này, chàng kỹ sư trẻ cũng nhớ lại tâm trạng say mê mà chàng đã buông theo trong những giờ đầu tiên sau phát minh của mình. Đúng vậy! Giờ đây, viên kim cương này, đáng ngưỡng mộ nhường ấy qua đôi tay của Jacobus Vandergaart, trong mắt chàng chỉ là một viên đá vô giá trị, và viên đá ấy sẽ sớm mất đi uy tín và thậm chí không còn hiếm nữa.

Cyprien lấy lại hộp đồ, trên đó lấp lánh viên đá quý vô song, và sau khi bắt tay ông lão, chàng đi về trang trại của ngài Watkins.

Ông chủ trang trại ở trong phòng dưới, vẫn lo lắng, vẫn bồn loạn vì chờ đợi sự trở về mà ông ta cho là không chắc chắn, của Jacobus Vandergaart. Con gái ông đang ở bên ông, an ủi ông bằng mọi cách nàng có thể.

Cyprien đẩy cửa và đứng giây lát ở ngưỡng cửa.

“Thế nào?...” John Watkins nhanh miệng hỏi rồi đứng bật dậy luôn.

“Thì, bác Jacobus Vandergaart lương thiện đã về ngay trong sáng nay!” Cyprien đáp.

“Có viên kim cương chứ?”

“Có viên kim cương, được cắt rất chuẩn mực, và vẫn còn nặng bốn trăm ba mươi hai cara!”

“Những bốn trăm ba mươi hai cara!” John Watkins thét lên. “Anh có mang nó theo đây không?”

“Nó đây.”

Ông chủ trang trại cầm lấy hộp đồ rồi mở ra, và đôi mắt to của ông lấp lánh gần như viên kim cương mà ông đang nhìn với vẻ khâm phục ngây dại của một kẻ xuất thần! Rồi, khi ông cầm được nó bằng những ngón tay mình, dưới hình dạng này vừa nhẹ bồng và uyển chuyển, vừa thực tế vừa sáng chói, giá trị to lớn của viên đá quý, sự mê mẩn của ông mang sắc thái cường điệu đến mức chúng trở nên thật buồn cười.

Ông Watkins giọng rung rung nói với viên kim cương như với một sinh vật hiện hữu:

“Ồ! nàng xinh, nàng tuyệt đẹp, hỡi nàng ngọc rực rỡ!..”. ông ta nói. “Vây là nàng đã trở về!... Nàng lóng lánh làm sao!... Nàng mới nạng làm sao! nàng đáng giá biết bao nhiêu tiền vàng ghinê!... Ta sẽ làm gì với nàng, nàng vô cùng xinh đẹp của ta?... Đưa nàng sang tỉnh Cap rồi từ đó về Luân Đôn để nàng được ngắm nhìn và ngưỡng mộ ư?... Nhưng ai sẽ đủ giàu có để mua lấy nàng? ngay đến hoàng hậu cũng chẳng thể cho phép mình sự xa xỉ đến vậy!... Sẽ tiêu tốn mất hai hoặc ba năm thu nhập của bà ấy!... Sẽ cần một cuộc biểu quyết tại Quốc hội, một cuộc quyên góp quốc gia!... Chúng ta sẽ làm thế nhé, nàng cứ bình tâm!... Và cả nàng cũng vậy, nàng sẽ đến ngụ trong Tháp Luân Đôn, bên cạnh viên *Koh-i-noor*, giờ chỉ còn là cậu bé con bên cạnh nàng!... Nàng có thể xứng đáng gì nào, người đẹp của ta?”

Và, sau một hồi tính nhẩm trong đầu:

“Viên kim cương Sa hoàng đã được nữ hoàng Catherine Đệ nhị mua giá một triệu rúp tiền mặt và chín mươi sáu nghìn franc niên kim trọn đời! Chắc chắn là không cường điệu khi ra giá cho viên này một triệu bảng Anh và năm trăm nghìn franc niên kim vĩnh viễn!”

Sau đó, bừng tỉnh với một ý chợt nảy ra:

“Anh Méré này, anh có nghĩ là phải phong thượng nghị sĩ cho người sở hữu một viên đá như vậy không? Mọi loại công trạng đều có quyền hiện diện ở Thượng Viện, và sở hữu một viên kim cương kích cỡ ấy hẳn nhiên không phải là một loại công trạng tầm thường!... Xem đi, con gái ta, con xem đi!... Chỉ có hai mắt thôi thì không đủ để chiêm ngưỡng viên đá như thế!”

Lần đầu tiên trong đời tiểu thư Watkins ngắm một viên kim cương với vẻ thích thú đến vậy.

“Nó thực sự rất đẹp!... Nó tỏa sáng như một mẩu than theo đúng bản chất của nó, nhưng nó như một mẩu than đang cháy sáng rực!” nàng vừa nói vừa nhẹ nhàng nhắc nó ra khỏi lớp bông lót.

Sau đó, bằng một hành động theo bản năng mà mọi cô gái trẻ có lẽ đều làm nếu ở vào vị trí của nàng, nàng tiến lại gần gương soi đặt phía trên lò sưởi rồi ướm vật châu báu huyền diệu lên trán mình, ngay giữa những lọn tóc vàng của nàng.

“Một ngôi sao dát vàng! trái ngược lại với thói quen của chàng, Cyprien lịch thiệp thốt lên lời trang nhã.

“Thật đấy!... Trông thật giống một ngôi sao!” Alice vừa la lên vừa vỗ tay hân hoan. “Vậy nên, phải đặt cho nó cái tên này! Ta hãy gọi nó là ngôi sao *Ngọc Phương Nam* nhé!... Anh có thích không, anh Cyprien? Không phải nó có màu đen như vẻ đẹp bản địa của xứ sở này và lấp lánh như chòm sao trên bầu trời phương nam của chúng ta đó sao?”

“Nhất trí với tên *Ngọc Phương Nam*!” John Watkins nói, ông chỉ xem đặt tên là việc tầm thường. “Mà này, cẩn thận đừng đánh rơi nhé! Ông ta lo sợ nói tiếp khi thấy con gái cử động bất thành linh. Nó sẽ vỡ tan như thủy tinh đấy!”

“Thật sao?... Mong manh đến thế sao?” Alice vừa đáp vừa khinh thường đặt viên đá quý vào hộp nữ trang. “Ngôi sao tội nghiệp, mà chỉ là một tinh

tú để mua vui, một hột cườm to bình thường mà thôi.”

“Một hột cườm to á!...” Ông Watkins uất nghẹn thét lên. Bọn trẻ đúng là chẳng tôn trọng gì cả!...

“Tiểu thư Alice này,” khi đó chàng kỹ sư mới lên tiếng, “chính nàng đã khuyến khích tôi nghiên cứu việc sản xuất kim cương nhân tạo! Vì vậy chính nhờ nàng mà viên đá này mới tồn tại ngày hôm nay!... Nhưng, trong mắt tôi, đây là viên đá quý không còn giá trị vật chất nữa, khi ta biết xuất xứ của nó!... Cha nàng, hẳn nhiên, sẽ cho phép tôi tặng nó cho nàng để kỷ niệm tầm ảnh hưởng tốt lành của nàng lên các nghiên cứu của tôi!”

“Hả!” Ông Watkins thốt lên, không thể che giấu nỗi kinh ngạc của ông ta trước lời đề nghị... ngoài mong đợi ấy.

“Tiểu thư Alice,” Cyprien nói tiếp, “viên kim cương này thuộc về nàng!... Tôi dâng nó cho nàng... Tôi tặng nó cho nàng!” Còn tiểu thư Watkins, thay cho mọi lời đáp, đưa tay về phía chàng trai trẻ và chàng nhẹ nhàng siết tay nàng.

# CHƯƠNG 11: VIÊN NGỌC PHƯƠNG NAM

Tin Jacobus Vandergaart trở về lan truyền nhanh chóng. Chính vì thế nên đám đông khách khứa sớm đổ dồn về trang trại để xem kỳ quan của Kopje. Họ cũng sớm biết rằng viên kim cương thuộc về tiểu thư Watkins, và rằng thậm chí trên cả nàng, cha nàng mới là người sở hữu thực sự. Từ đó dẫn đến sự hiếu kỳ cao độ của đám đông về chuyện viên kim cương này là một sản phẩm nhân tạo chứ không phải tự nhiên.

Cũng cần nói ở đây rằng vẫn còn chưa có gì tiết lộ về xuất xứ nhân tạo của viên kim cương đang được đề cập. Một phần, do cánh thợ mỏ ở Griqualand chẳng dám đại dốt mà tiết lộ một bí mật có thể ngay lập tức khiến họ phá sản. Phần khác, vì không muốn đưa ra điều gì một cách hú họa nên Cyprien chưa nói gì về khía cạnh này, và chàng quyết định không gửi báo cáo khoa học của mình liên quan đến viên *Ngọc Phương Nam*, trước khi xác thực thành quả của chàng bằng thí nghiệm thứ hai. Việc chàng đã làm trong lần thử đầu, chàng muốn chắc chắn sẽ làm lại được một lần thứ hai.

Sự hiếu kỳ của công chúng vì thế bị kích thích cao độ, và John Watkins theo đúng lẽ không thể từ chối thỏa mãn nó, hưởng hồ chính sự hiếu kỳ này càng làm tôn thêm sự kiêu căng của ông ta. Nên ông ta đặt viên *Ngọc Phương Nam* trên một lớp bông lót trắng mỏng, đặt trên đỉnh một cột đá hoa cương nhỏ màu trắng dựng lên ngay giữa lò sưởi nơi phòng khách nhà ông, và, cả ngày, ông ta thường xuyên, ngồi lọt thỏm trong ghế bành, quan sát viên đá quý và chỉ nó cho mọi người xem.

James Hilton là người đầu tiên nói với ông rằng làm như vậy chẳng cần thận tí nào. Liệu ông có nhận thấy những mối họa ông rước vào mình khi phô trương như thế, trước mắt mọi người, một món đồ giá trị khổng lồ

được cất giữ trong nhà ông? Theo Hilton, nhất thiết phải xin tỉnh Kimberley một đội cảnh sát đặc biệt để canh giữ, hoặc đêm sắp tới sẽ khó lòng trôi qua mà không gặp phải rắc rối gì.

Ông Watkins, hoảng sợ trước viễn cảnh ấy, vội vã nghe theo lời khuyên sáng suốt từ vị khách của mình, và chỉ thở phào khi thấy, tối đến, một tiểu đội cảnh sát cuời ngựa tới. Hai mươi lăm con người ấy nghỉ ở các nhà phụ của trang trại.

Dòng người hiếu kỳ ngày càng tăng lên trong những ngày sau đó, và danh tiếng của viên *Ngọc Phương Nam* sắp vượt ra khỏi biên giới của hạt lan truyền đến những thành phố xa xăm nhất. Báo chí thuộc địa dành riêng hết bài báo này đến bài báo khác để miêu tả kích thước, hình dáng, màu sắc và sự lấp lánh của nó. Đường truyền điện tín ở Durban phụ trách chuyển tải những chi tiết này, qua đảo Zanzibar và vịnh Aden, trước tiên đến châu Âu và châu Á, rồi đến hai châu Mỹ và châu Đại Dương. Cánh nhiếp ảnh gia van xin vinh dự được chụp ảnh viên kim cương kỳ diệu. Các họa công đặc phái, nhân danh những tờ báo lẫy lừng, đến để vẽ lại nó. Rốt cuộc, đây là một sự kiện của toàn nhân loại.

Câu chuyện trở nên phức tạp. Những chuyện kể huyền ảo lan truyền khắp giới thợ mỏ về những đặc tính bí ẩn mà họ gán cho nó. Họ rỉ tai nhau rằng viên đá đen sẽ không tránh khỏi việc “gieo vận rủi!” những người có kinh nghiệm thì lắc đầu nói họ thích thấy viên đá quý thần ấy ở trong nhà ông Watkins hơn là ở nhà họ. Tóm lại, những lời bêu xấu và thậm chí cả vu khống, vốn là phần không thể thiếu của sự nổi tiếng, cũng không chừa viên *Ngọc Phương Nam*, - vốn chẳng lo lắng gì về những chuyện ấy, thật tự nhiên, nó vẫn tiếp tục trút... *dòng thác ánh sáng* lên những kẻ báng bỏ mờ ám!





Thế nhưng John Watkins thì không vậy, những chuyện ngòi lê đôi mách cứ nhiều lên thì đã sao. Ông ta thấy hình như những lời đồn đại ấy làm giảm phần nào giá trị của viên đá, và ông ta xem đó là những lời thóa mạ nhằm

vào cá nhân. Từ lúc thống đốc khu thuộc địa, những sĩ quan đồn trú bên cạnh, những quan viên, những viên chức, những phòng ban, đều đến vinh danh viên đá quý của ông, ông gần như thấy trong những lời bình luận tự do mà thiên hạ tự cho phép mình nói về việc của ông có vẻ xúc phạm.

Thế nên, để hồi đáp những điều hão huyền vớ vẩn ấy và cũng vì để thỏa mãn sở thích chè chén của mình, ông quyết định tổ chức một bữa tiệc lớn để vinh danh viên kim cương yêu quý này, vật ông có ý định muốn quy đổi sang tiền mặt - mặc cho Cyprien có thể nói gì, và mặc cho mong muốn của con gái ông là giữ nó như một viên đá quý.

Hỡi ơi, như thế đấy! Với thông báo về bữa tiệc, ảnh hưởng của miếng ăn lên ý kiến của rất nhiều con người đủ để thay đổi dư luận quần chúng ở khu mỏ Vandergaart trong một sớm một chiều. Ta thấy nhiều người, trước đây tỏ ra là những kẻ ác ý nhất đối với viên *Ngọc Phương Nam*, bỗng dung thay đổi giọng điệu, nói rằng rốt cuộc viên đá này quả thật vô tội so với vận rủi người ta gán cho nó, và khiêm tốn ngỏ ý xin một giấy mời đến nhà John Watkins.

Người ta sẽ còn kể dài dài về buổi yến tiệc ấy ở lưu vực sông Vaal. Ngày hôm ấy có tám mươi thực khách tụ họp quanh bàn dưới một căn lều dựng ngay kế bên một mặt của phòng khách, mà bức tường đã bị phá đi để phục vụ cho dịp này. Món “Đùi hoàng cung” hay món rô ti vĩ đại, gồm một miếng đùi bò, nằm chính giữa bàn, kèm theo cừu nguyên con và nhiều miếng thịt của đủ loại thú săn trong vùng. Nhiều tháp rau củ và trái cây, nhiều thùng lớn chứa bia và rượu nho, xếp chồng lên nhau nằm cách quãng và đã được dùi lỗ, được xếp đặt cho bữa tiệc rất chi là linh đình ấy.

Viên *Ngọc Phương Nam* nằm trên bệ của nó với dàn nến thấp sáng bao quanh, tọa lạc đằng sau lưng của John Watkins như đang chủ trì đêm hội long trọng để vinh danh nó.

Việc phục vụ do khoảng hai mươi người da đen nam Phi tập hợp cho dịp này phụ trách, dưới sự giám sát của Matakít, cậu đã tự nguyện đứng ra chỉ

huy họ - với sự cho phép của ông chủ cậu ta.

Ở đây, ngoài đội cảnh sát mà ông Watkins muốn cảm ơn vì đã tham gia giám sát, còn có tất cả các nhân vật quan trọng ở khu mỏ và các vùng lân cận, Mathys Pretorius, Nathan, James Hilton, Annibal Pantalacci, Friedel, Thomas Steel cùng khoảng năm mươi người khác.

Ấy là còn chưa kể đến lũ gia súc của trang trại, đàn bò, bầy chó, và đặc biệt lũ đà điểu của tiểu thư Watkins tham gia vào đêm hội bằng việc đến nhặt nhanh chút thức ăn thừa của bữa tiệc.

Alice, ngồi đối diện với cha nàng, phía cuối bàn, làm vinh dự cho viên kim cương với sự duyên dáng quen thuộc, nhưng không phải không có nỗi buồn ẩn giấu, mặc dù nàng hiểu nguyên do họ vắng mặt: cả Cyprien Méré, lẫn Jacobus Vandergaart đều không dự bữa tiệc này.

Chàng kỹ sư trẻ luôn tránh việc giao du với hội Friedel, Pantalacci và đồng bọn. Mặt khác, từ sau phát minh của chàng, chàng biết rõ ý đồ chẳng mấy thiện tâm của bọn họ đối với chàng, và thậm chí cả những đe dọa từ bọn họ đối với người phát minh ra việc sản xuất nhân tạo này, vốn có thể làm họ phá sản toàn diện. Chính vì thế nên chàng không màng xuất hiện ở bữa tiệc. Về phần Jacobus Vandergaart, dù rằng John Watkins đã có những động thái để cố hòa giải, ông vẫn cao ngạo gạt bỏ tất cả những dịp này.

Yên tiệc đến hồi kết thúc. Nếu như nó đã diễn ra trong cảnh trật tự ổn định nhất, đó là vì sự hiện diện của tiểu thư Watkins đã áp đặt một nghi thức chuẩn mực lên đám thực khách thô lỗ nhất, mặc dù vậy Mathys Pretorius, như mọi khi, luôn là mục tiêu cho những trò đùa dở hơi của Annibal Pantalacci; - gã này thông báo với người đàn ông Boër đáng thương những tin giạt gân nhất! Sẽ có bắn pháo hoa dưới bàn!... Họ chỉ chờ tiểu thư Watkins rút lui để phạt người đàn ông to béo nhất buổi tiệc uống liên tiếp mười hai chai rượu gin!... Họ bàn đến việc kết thúc đêm hội bằng một cuộc ẩu đả lớn và một trận đấu súng tập thể!...

Nhưng hẳn ta bị cắt ngang bởi John Watkins, người với tư cách chủ trì dạ tiệc, vừa đập cán dao xuống bàn để ra hiệu nâng cốc theo truyền thống.

Im lặng bao trùm. Ông chủ tiệc, đứng thẳng dậy, ấn hai ngón tay cái lên cạnh bàn và bắt đầu bài phát biểu với giọng phần nào hơi bối rối vì đã uống quá nhiều.

Ông nói hôm nay là kỷ niệm trọng đại trong cuộc đời thợ mỏ và di cư của ông!... Sau nhiều thử thách đã kinh qua thời trai trẻ, giờ đây gặp nhau ở xứ sở trù phú Griqualand, xung quanh có tám mươi người bạn, hợp mặt đây để ăn mừng viên kim cương to nhất thế giới, chính là một trong những niềm vui không thể quên!... Thật ra mai kia một trong số bạn hữu đáng kính quanh ông đây có thể tìm thấy một viên còn lớn hơn!... Đó chính là sự hấp dẫn và tính thi vị của đời thợ mỏ!... (*Nhiệt liệt tán thành.*) niềm hạnh phúc này, ông thật lòng cầu chúc cho các vị khách mình đạt được!... (*Mỉm cười, vỗ tay.*) Thậm chí ông tin có thể khẳng định rằng một viên kim cương kia khó lòng thỏa mãn ai, ở địa vị ông, sẽ không tỏ ra thỏa mãn về nó!... Để kết thúc, ông mời khách uống mừng sự thịnh vượng của Griqualand, mừng sự ổn định của giá cả kim cương trên thị trường - bất chấp mọi sự cạnh tranh - sau cùng mừng chuyến đi may mắn mà *Ngọc Phương Nam* sắp thực hiện xuyên qua những vùng đất để mang ánh sáng rạng rỡ của mình trước hết đến với tỉnh Cap, sau đó đến với nước Anh!

“Thế nhưng,” Thomas Steel nói, “có nguy hiểm lắm không khi chuyên viên đá giá trị lớn như vậy sang Cap?”

“Ồ! nó sẽ được hộ tống nghiêm ngặt!...” Ông Watkins đáp. Nhiều viên kim cương cũng đã được vận chuyển với những điều kiện ấy và chúng đến nơi bình an vô sự!”

“Ngay cả viên kim cương của ngài Durieux de Sancy,” Alice lên tiếng, “và tuy vậy, không thể không kể đến lòng tận tâm của gia nhân ông ta...”

“Ồ! Vậy thì điều kỳ lạ gì đã xảy đến với nó?” James Hilton hỏi.

“Chuyện là thế này,” Alice kể, không chờ được yêu cầu.

“Ngài de Sancy là nhà quý tộc Pháp của triều đại vua henri Đệ Tam. Ông ta sở hữu một viên kim cương nổi tiếng, ngày nay người ta lấy tên ông ta đặt cho nó. Viên kim cương ấy, phải nói thêm, đã trải qua nhiều cuộc phiêu lưu. Cụ thể là trước đó nó thuộc về Charles-le-Téméraire, người này vẫn mang nó trên mình khi bị giết chết ở thành nancy. Một anh lính Thụy Sĩ đã tìm thấy viên đá trên xác vị công tước xứ Bourgogne và đã bán nó giá một đồng tiền hà Lan cho một linh mục nghèo, vị này lại bán lại giá năm hay sáu đồng cho một người Do Thái. Vào lúc mà nó ở trong tay ngài de Sancy, ngân khố hoàng gia đang gặp rắc rối lớn, và ngài de Sancy chấp thuận thế chấp viên kim cương của mình để vay tiền cho nhà vua. Người cho vay ở thành phố Metz. Vậy nên phải giao viên đá quý cho một gia nhân để anh ta mang nó đi.”

“Ngài không sợ người đàn ông kia trốn sang Đức sao?” người ta hỏi ngài de Sancy.

“Ta tin tưởng anh ta!” ngài đáp.

Mặc cho sự tin tưởng này, cả người đàn ông và viên kim cương đều không đến Metz. Thế nên, triều đình ra sức giễu cợt ngài de Sancy.

“Ta tin tưởng gia nhân của ta, ngài đáp. Có lẽ anh ta đã bị giết!”

Và quả thật, bằng cách truy tìm, rốt cuộc họ tìm được xác anh ta dưới một đoạn hào bên đường.

Mồ anh ta ra! ngài de Sancy ra lệnh. Viên kim cương hẳn là ở trong dạ dày anh ta!

Họ làm theo lời ngài, và lời đoán định của ngài là đúng. Vị anh hùng khiêm nhường kia, người mà lịch sử chẳng hề lưu danh, đã trung thành cho đến



chết với nghĩa vụ và danh dự, đã làm lu mờ khí phách của viên đá quý anh mang theo bằng hành động hiển hách của mình, một sử gia già nua ghi lại.’

“Tôi sẽ rất ngạc nhiên,” Alice nói thêm khi kết thúc câu chuyện, “nếu rơi vào tình huống tương tự, viên *Ngọc Phương Nam* lại không khơi nguồn cho một sự tận tâm như vậy trong chuyến đi của nó lại không.”

Tiếng hoan hô đồng loạt tôn vinh những lời ấy của tiểu thư Watkins, tám mươi cánh tay nâng cao cũng từng ấy ly, và mọi cặp mắt theo bản năng hướng về lò sưởi để vinh danh viên đá quý có một không hai.

Viên *Ngọc Phương Nam* không còn ở trên bệ, nơi mà vừa mới đây, nó hãy còn lung linh sau lưng ông John Watkins!

Vẻ ngạc nhiên của tám mươi khuôn mặt kia lộ rõ đến mức vị chủ tiệc cũng quay lại xem nguyên do tại sao.

Ông vừa nhìn ra thì họ đã thấy ông đổ sụp xuống ghế như thể bị sét đánh.

Họ vội vã đến bao quanh ông, cởi cà vạt ông ra, dội nước lên đầu ông... Cuối cùng ông cũng tỉnh lại sau cú ngất.

“Viên kim cương đâu!...” ông gầm lên như sấm. “Viên kim cương!... Ai đã lấy viên kim cương?”

“Này các ông, không ai được ra ngoài!” đội trưởng đội cảnh sát vừa nói vừa cho người chốt ở các lối ra vào của căn phòng.

Tất cả các thực khách nhìn nhau kinh hãi hoặc thì thầm trao đổi cảm nghĩ với nhau. Chỉ cách đây không đầy năm phút đa số họ vẫn nhìn thấy, hay ít nhất tin rằng đã nhìn thấy viên kim cương. Thế nhưng cũng phải chấp nhận sự thật hiển nhiên: viên kim cương đã biến mất.

“Tôi yêu cầu lục soát mọi người trước khi ra về!” với sự thẳng thắn thường ngày, Thomas Steel đề nghị.



“Đúng thế!... Đúng thế!...” cả hội trường gần như đồng thanh đáp.

Ý kiến này hình như mang lại một tia hy vọng cho John Watkins.

Vì thế viên sĩ quan cảnh sát cho tất cả các thực khách đứng xếp hàng ở một trong mấy góc phòng và tự mình bắt tay làm công việc được yêu cầu. Anh lộn các túi mình ra, tháo giày, để một người khác khám xét áo quần mình. Sau đó, anh tiến hành lục soát tương tự trên người mỗi anh lính của mình. Cuối cùng, từng thực khách một đi lên trước mặt anh và lần lượt chịu sự khám xét kỹ lưỡng.

Cuộc khám xét ấy chẳng mang lại một kết quả nào.

Vậy là mọi ngóc ngách xó xỉnh của phòng tiệc được xem xét cực kỳ cẩn thận... họ chẳng tìm thấy ở đó bất cứ một dấu vết nào của viên kim cương.

“Chỉ còn những người nam Phi phụ trách công tác phục vụ!” viên sĩ quan cảnh sát nói, anh ta vốn không muốn chịu cảnh nhục nhã.

“Rõ là thế rồi!... Chính bọn nam Phi!” ai đó đáp lại. Bọn họ vốn hay ăn cắp nên chắc đã làm trò này rồi!”

Thế nhưng những kẻ khôn khổ tội nghiệp ấy trước giờ nâng cốc của John Watkins đã đi được một lúc, ngay khi người ta không cần đến bọn họ nữa. Họ ngồi xổm, bên ngoài, thành vòng tròn, bao quanh một đống lửa lớn giữa trời, và, sau khi đã ăn no say những thịt thà còn lại từ bữa tiệc, họ bắt đầu một màn hòa nhạc theo cách của họ, theo kiểu nam Phi. Đàn ghi ta thùng hình bầu, sáo thổi bằng mũi, chiêng trống đủ loại, mở màn cho một nghịch âm định tai vốn là màn dạo đầu của mọi sự kiện âm nhạc lớn của người dân nam Phi bản xứ.

Những người nam Phi kia thậm chí còn không biết chính xác người ta muốn gì từ họ lúc người ta gọi họ vào và lục soát đến tận những áo quần ít ỏi trên người họ. Họ chỉ biết là có vụ trộm kim cương giá trị lớn.



Cũng chẳng hơn gì những lần tìm kiếm trước, lần này cũng chẳng ích gì và không mang lại kết quả.

“Nếu kẻ trộm ở trong bọn nam Phi này - và hẳn ta phải nằm trong đám đó - Hẳn có thừa thời gian để giấu vật quý ở một nơi an toàn! một người trong đám thực khách nhận định hết sức chí lý.”

“Hẳn nhiên, sĩ quan cảnh sát nói, và có lẽ chỉ có một cách làm hẳn tự thú, chính là tìm một thầy bói đồng hương với hẳn. Cách này đôi khi có kết quả...”

“Nếu ông cho phép,” Matakít nói, cậu vẫn còn đứng chung với bạn bè mình, “tôi có thể thử nghiệm!”

Đề nghị này được chấp thuận ngay tức khắc, và các thực khách xoay lại vây quanh những người nam Phi; sau đó, Matakít, đã quen với vai trò thầy bói, bắt đầu tiến hành cuộc tìm kiếm của mình.

Trước tiên, cậu khởi đầu bằng hít hai hay ba hơi thuốc từ một tàu thuốc bằng sừng cậu không bao giờ rời xa.

“Bây giờ tôi sắp tiến hành thử bằng đũa!” cậu ta nói, sau màn dạo đầu ấy.

Cậu đi tìm ở một bụi cây kế bên khoảng hai mươi cái que, cậu đo chúng rất nghiêm chỉnh và cắt theo độ dài bằng nhau, khoảng mười hai put<sup>[17]</sup> Anh. Rồi, cậu phát chúng cho những người nam Phi đang đứng xếp thành hàng ngay ngắn, sau khi đã dành riêng một que phần cậu.

“Mọi người sẽ đi đâu đó trong vòng chừng mười lăm phút, cậu ta nói với bạn hữu mình bằng giọng nghiêm nghị, và mọi người chỉ quay trở lại khi nghe tiếng trống! nếu tên trộm ở trong số các vị, đũa của hẳn ta sẽ dài thêm ba đốt tay!”

Những người nam Phi tản ra, rõ ràng rất ấn tượng trước lời lẽ ấy, vì biết rằng với cách thức tố tụng đơn sơ của luật pháp Griqualand, họ sẽ nhanh chóng bị bắt, và chẳng kịp có thời gian để tự bào chữa, họ còn bị treo cổ nhanh hơn.

Về phía các thực khách, những người vốn quan tâm theo dõi chi tiết cảnh tượng ấy, họ thản nhiên mỗi người một ý kiến tranh nhau bình luận.

“Kẻ trộm sẽ không trở lại đâu, nếu hắn ở trong nhóm những người này!” một ai đó bắt bẻ.

“Tốt thôi! Chính cái này sẽ chỉ điểm hắn!” một người khác đáp.

“Ồi! Hắn sẽ khôn hơn Matakít và đành phải cắt ngắn que của hắn bớt ba đốt, để bỏ đi phần dài ra khiến hắn sợ run!”

“Rất có thể đấy chính là điều thầy bói mong đợi, và chính việc cắt ngắn đại đột ấy đủ để tố giác tội phạm!”

Thế nhưng, mười lăm phút đã trôi qua, và Matakít, bất thần đánh trống, tập hợp những nghi phạm thuộc quyền xét xử.

Tất cả bọn họ đều quay trở lại cho đến người cuối cùng, xếp hàng trước mặt cậu và đưa lại những cái que của họ.

Matakít cầm lấy chúng, nắm lại thành một bó và thấy tất cả chúng hoàn toàn bằng nhau. Thế là đang chuẩn bị đặt chúng sang một bên và tuyên bố kết thúc thử thách bảo toàn danh dự của những người đồng hương với cậu, thì bỗng cậu đổi ý và đo những cái que mọi người vừa trả lại cậu bằng cách so sánh với que của cậu.

Tất cả đều ngắn hơn ba đốt!

Những kẻ khốn khổ tội nghiệp đã thận trọng đề phòng việc que dài ra, mà trong ý nghĩ mê tín của họ, rất có thể xảy ra lắm. Điều này không chính xác là biểu thị lương tâm hoàn toàn trong sạch nơi họ, và hẳn nhiên, tất cả bọn họ đều đã ăn trộm viên kim cương nào đó trong ngày.

Một tràng cười phá lên đón nhận kết quả ngoài mong đợi này. Matakít, sụp mắt xuống, ra vẻ không gì si nhục hơn việc một phép thuật vẫn thường linh

nghiệm khi cậu ở làng mình lại thành vô hiệu ở xứ sở văn minh.

“Thưa ngài, chúng ta đành bắt lực!” viên sĩ quan cảnh sát vừa nói thế vừa cúi chào John Watkins, lúc ấy ông đang ngồi trên ghế bành, thiểu não trong tuyệt vọng. “Có lẽ ngày mai chúng ta sẽ may mắn hơn bằng cách treo giải thưởng lớn cho bất kỳ ai báo cho ta biết dấu tích của tên trộm!”

“Tên trộm ư!” Annibal Pantalacci hét lên! “Sao không là tên kia cho dù hắn đã lo việc truy xét đồng bọn hắn?”

“Ý ông muốn nói người nào?” viên sĩ quan hỏi.

“Thì... tên Matakít kia, bằng cách đóng vai thầy bói, đã mong đánh lạc hướng mọi nghi ngờ!”

Vào lúc ấy, nếu để ý đến cậu, có lẽ ta sẽ nhìn thấy Matakít nhả mặt khác thường rồi nhanh lẹ rời phòng tiệc và đi bộ về phía lều của mình.

“Đúng đây! gã người Napôli lặp lại. Hắn cùng với đồng hương hắn phục vụ trong bữa tiệc!... Đó là một đứa láu cá, một đứa gian xảo mà ông Méré đã thương tình, ta chẳng hiểu vì sao!”

“Matakít lương thiện, tôi khẳng định điều đó!” tiểu thư Watkins thét lên sẵn sàng bảo vệ người giúp việc của Cyprien.

“Ồi! Sao con biết được?” John Watkins đáp lại. “Đúng vậy!... Hắn có thể đã cầm viên *Ngọc Phương Nam*!”

“Hắn không thể đi xa được!” viên sĩ quan nói tiếp. “Chốc nữa đây chúng tôi sẽ lục soát người hắn! nếu hắn có viên kim cương, hắn sẽ nhận số roi bằng với số cara, và nếu hắn không chết vì bị đánh, hắn sẽ bị treo cổ sau roi thứ bốn trăm ba mươi hai!”

Tiểu thư Watkins run lên Vì sợ hãi. Tất cả những con người ấy, vốn nửa hoang dã, vừa mới hoan nghênh quyết định ghê tởm của viên sĩ quan.

Nhưng làm sao tìm hãm được những bản chất tàn nhẫn ấy khi không biết hối tiếc và xót thương?

Một lát sau, ông Watkins cùng khách khứa đến trước lều của Matakít, cửa mở toang.

Matakít không còn ở đấy nữa; và họ đợi cậu một cách vô vọng suốt cả đêm.

Sáng ngày hôm sau, cậu không trở lại, và phải thừa nhận rằng cậu đã đi khỏi Vandergaart-Kopje.





# CHƯƠNG 12: CHUẨN BỊ KHỞI HÀNH

Sáng hôm sau, khi Cyprien nghe chuyện xảy ra trong bữa tiệc hôm trước, động thái đầu tiên của chàng là phản đối lời buộc tội nghiêm trọng nhằm vào cậu bé giúp việc của chàng. Chàng không thể chấp nhận chuyện Matakít là thủ phạm của một vụ trộm như vậy, và chàng cũng giống Alice là cùng chung mối hoài nghi về chuyện này. Thực ra, chàng nghi ngờ Annibal Pantalacci, herr Friedel, Nathan hay một người nào khác với chàng vốn là những kẻ không đáng tin!

Tuy nhiên, ít có khả năng một người châu Âu lại phạm loại tội này. Với những ai không biết xuất xứ của nó, viên *Ngọc Phương Nam* là một viên kim cương vĩnh cửu, và chính vì lẽ đó mà giá trị của nó lớn đến mức khó mà bán đi được.

“Thế nhưng, Cyprien lặp đi lặp lại, không thể là Matakít được!”

Nhưng bây giờ, chàng nhớ lại một vài nghi ngờ về những lần ăn cắp vặt mà cậu bé nam Phi vốn đã vài lần vi phạm, thậm chí khi đang làm việc cho chàng. Bất chấp mọi lời cảnh báo của ông chủ - cậu bé này tuân theo bản chất của mình vốn rất thoảng về vấn đề cái của ông cái của tôi - không bao giờ có thể từ bỏ những thói quen đáng bị khiển trách ấy. Thực sự, chuyện này chỉ nhắm vào những đồ vật không có giá trị lớn; nhưng rốt cuộc, không cần gì thêm nữa để tạo nên một lý lịch tư pháp vốn không hiểu khách cho cậu bé Matakít ta đang nhắc đến!

Hơn nữa, trên thực tế cũng có thể suy luận ra, sự hiện diện của cậu bé nam Phi trong phòng tiệc lúc viên kim cương biến mất như phép ảo thuật; rồi thì, một lát sau, đến tình huống khác thường khi người ta không thấy cậu bé

ở lều của cậu nữa; cuối cùng, việc cậu bỏ trốn, có lẽ quá dễ để lý giải, vì rằng không còn nghi ngờ gì nữa cậu ta đã rời khỏi vùng.

Quả nhiên, Cyprien chờ đợi Matakít quay trở lại trong suốt cả buổi sáng cũng vô ích, vì đợi chàng nhất quyết không thể tin vào lời buộc tội cậu bé giúp việc mình; nhưng cậu bé giúp việc không trở lại. Ta thậm chí có thể thấy túi đựng tiền dành dụm, một vài đồ đạc hoặc dụng cụ cần cho một người chuẩn bị đi xuyên qua các miền đất gàn như hoang mạc của nam Phi, đã không còn trong lều. Thế nên không thể hoài nghi thêm nữa.

Khoảng mười giờ, chàng kỹ sư trẻ, có lẽ buồn lòng vì xử sự của Matakít nhiều hơn là việc mất kim cương, đi đến trang trại của John Watkins.

Chàng thấy ở đó đang diễn ra một cuộc bàn bạc quan trọng giữa ông chủ trang trại, Annibal Pantalacci, James Hilton và Friedel. Lúc chàng xuất hiện, Alice, trước đó đã thấy chàng đến, cũng bước vào trong phòng, nơi cha nàng và ba kẻ thân cận ông đang tranh cãi ầm ĩ về quyết định phải làm gì để lấy lại viên kim cương bị ăn trộm.

“Ta phải truy đuổi thằng Matakít kia! tức giận lên cao độ,” John Watkins hét lớn. “Ta phải bắt hắn lại, và, nếu không thấy viên kim cương trên người hắn, ta phải mổ bụng hắn, để xem liệu hắn có nuốt nó không!... Ôi! con gái ta, hôm qua con đã kể câu chuyện ấy thật đúng lúc!... Ta sẽ tìm nó thậm chí trong cả ruột của hắn, tên vô lại ấy!”

“Nhưng mà!” Cyprien đáp với giọng bông đùa, “vốn không làm ông chủ trang trại thích thú gì, để nuốt được viên đá lớn như thế, Matakít phải có dạ dày giống đà điểu!”

“Chẳng lẽ dạ dày của một tên nam Phi không thể chứa mọi thứ sao, anh Méré?” John Watkins đáp lại. “Anh còn thấy thích hợp để cười trong lúc này về chuyện ấy ư!”

“Tôi chẳng cười, ngài Watkins à!” Cyprien nghiêm nghị đáp. “Nhưng nếu tôi có tiêc viên kim cương ấy, thì cũng chỉ là vì ông đã cho phép tôi tặng nó cho tiểu thư Alice...”

“Và tôi biết ơn anh vì điều ấy, anh Cyprien, như là tôi vẫn còn đang sở hữu nó!” tiểu thư Watkins nói thêm.

“Đúng là đầu óc đàn bà!” ông chủ trang trại hét lên. “Dù có biết ơn như thế nó đang còn giữ viên đá đi nữa thì viên kim cương ấy không có viên thứ hai giống thế trên thế giới này đâu!...”

“Thực tế thì, không hoàn toàn giống được!” James Hilton nhận xét.

“Ồ! hoàn toàn không!” Friedel nói thêm.

“Ngược lại ấy chứ, có thể hoàn toàn giống như vậy!” Cyprien đáp, “hãy chờ xem, nếu tôi đã làm ra viên kim cương kia, tôi sẽ biết rõ cách làm một viên khác!”

“Ồ! Anh chàng kỹ sư,” Annibal Pantalacci nói với một giọng đe dọa dữ dằn nhắm đến chàng trai trẻ, “tôi tin rằng tốt hơn anh không nên làm lại thí nghiệm của anh... vì lợi ích của Griqualand... và lợi ích của riêng anh nữa!”

“Thật ư, anh bạn!” Cyprien đáp trả. “Tôi nghĩ mình sẽ chẳng cần xin phép anh trong chuyện này!”

“Ê! Cãi nhau chuyện ấy lúc này hay đấy nhỉ!” Ông Watkins hét. “Anh Méré có chắc sẽ thành công trong thí nghiệm mới hay không? Một viên kim cương thứ hai ra lò từ hệ thống máy móc của anh sẽ có màu sắc, trọng lượng và kết quả là giá trị giống viên đầu tiên không? Thậm chí anh có thể trả lời có khả năng làm lại một viên đá khác, ngay cả là viên có giá trị thấp hơn không? Trong sự thành công của mình, anh có dám khẳng định không có một phần lớn của sự ngẫu nhiên không?”

Điều John Watkins nói quá đúng khiến chàng kỹ sư trẻ không khỏi kinh ngạc. Hơn nữa, điều ấy khẳng định nhiều lý lẽ bác bỏ chàng từng có. Hẳn nhiên, thí nghiệm của chàng hoàn toàn được giải thích với các dữ liệu của hóa học hiện đại; thế nhưng chẳng phải sự ngẫu nhiên đã can thiệp phần nhiều trong thành công đầu tiên này sao? Và nếu làm lại, chàng có chắc sẽ thành công lần thứ hai không?

Trong tình thế này, điều quan trọng là bắt tên ăn trộm bằng mọi giá, và lấy lại vật đã mất là điều còn có ích hơn nữa.

“Trong khi chờ đợi, ta không có dấu vết gì của Matakít sao?” John Watkins hỏi.

“Không dấu vết nào,” Cyprien trả lời.

“Ta đã lục soát khắp khu trại chưa?”

“Rồi, và đã lục soát kỹ càng!” Friedel trả lời. “Tên đầu cẳng ấy đã biến mất, có lẽ ngay trong đêm, và thật khó, nếu không muốn nói không thể, biết được hắn đi theo hướng nào!”

“Ông sĩ quan có khám xét nơi ở của hắn không?” ông chủ trang trại nói tiếp.

“Có đấy,” Cyprien trả lời, “và ông ta không tìm thấy bất cứ dấu vết gì cho phép lần theo kẻ trốn chạy.”

“Ái chà!” Ông Watkins hét, “ta treo giải năm trăm đến một nghìn bảng để người ta tóm lấy hắn!”

“Tôi hiểu điều đó, ngài Watkins!” Annibal Pantalacci đáp. “Nhưng tôi e rằng chúng ta sẽ chẳng bao giờ lấy lại được viên kim cương cũng như sẽ chẳng tóm được kẻ lấy cắp nó!”

“Tại sao thế?”

“Một khi đã ra đi,” Annibal Pantalacci nói tiếp, “Matakit sẽ không đại đến mức dừng lại dọc đường! hấn ta sẽ đi qua Limpopo, nhắm thẳng hướng sa mạc, đi tiếp cho đến Zambèze hoặc đến hồ Tanganayka, nếu cần thiết, thì đi thẳng đến xứ của người Bushmen!”

Khi nói như vậy, tay xảo trá người Napôli liệu có nói thật suy nghĩ của gã chẳng? Chẳng phải hấn đơn giản chỉ muốn ngăn cản người khác truy tìm Matakit, để dành riêng công việc ấy cho chính gã? Đó chính là điều Cyprien tự nhủ khi quan sát hấn.

Nhưng ông Watkins không phải người bỏ cuộc vì khó khăn. Ông ta thực sự đã hy sinh cả gia tài để được sở hữu viên đá vô song ấy, và, qua cửa sổ nhà riêng đang mở, đôi mắt thiếu nhẫn nại, đầy giận dữ, dõi theo tận đôi bờ xanh tươi của dòng Vaal, làm như ông ta hy vọng nhìn thấy kẻ chạy trốn nơi bờ sông!

“Không được! ông ta gào lên, không thể để chuyện xảy ra như thế được!... Ta cần có viên kim cương của ta!... Phải bắt kẻ vô lại ấy!... À! giá mà ta không đau vì bệnh thống phong, sẽ chẳng mất bao lâu đâu, ta khẳng định điều này!”

“Cha ơi!...” Alice vừa nói vừa cố xoa dịu John Watkins.

“Xem nào, ai nhận việc này?” John Watkins vừa hét lên vừa nhìn xung quanh mình. “Ai muốn truy tìm tên nam Phi đó?... Phần thưởng sẽ xứng đáng, ta hứa danh dự đấy!”

Và, vì chẳng ai nói lời nào:

“Này, các anh, ông nói tiếp, các anh ở kia bốn người trẻ tuổi đều muốn cầu hôn con gái ta! Tốt thôi! Tóm cho ta tên ấy cùng với viên kim cương của ta! - giờ đây ông ta nói ‘kim cương của ta!’ - và, lời hứa của Watkins, con gái ta sẽ thuộc về người sẽ mang nó về cho ta!”



“Chấp thuận,” James Hilton la lên.

“Tôi đồng ý!” Friedel đồng dạc.

- Ai chẳng muốn cố giành một phần thưởng quý giá đến vậy?” Annibal Pantalacci thêu thào với nụ cười gượng.

Mặt đỏ bừng, Alice thấy bị nhục mạ sâu sắc khi bị đưa ra làm phần thưởng trong một ván thách đố như thế, mà lại ngay trước mặt chàng kỹ sư trẻ, nàng cố gắng một cách bất lực che giấu nỗi thẹn thùng của mình.

“Tiểu thư Watkins,” Cyprien vừa thì thầm gọi nàng vừa cúi chào trịnh trọng trước mặt nàng, “tôi sẽ tham gia vào hàng ngũ, nhưng tôi có nên làm nếu thiếu sự cho phép của nàng chăng?”

“Anh được phép của tôi, với lời chúc may mắn nhất dành cho anh, anh Cyprien à!” nàng nồng nhiệt đáp.

“Vậy thì tôi sẵn sàng đi tới tận cùng thế giới!” Cyprien vừa hét lên vừa quay về phía John Watkins.

“Thực thế, hẳn là anh nói không sai đâu,” Annibal Pantalacci nói, “và tôi tin rằng Matakít sẽ khiến chúng ta đi đường dài đây! hẳn với vận tốc xe mà hẳn đi, ngày mai hẳn sẽ đến Potchefstrom và hẳn sẽ đi lên vùng cao, thậm chí trước cả khi chúng ta mới chỉ rời khỏi nhà!”

“Vậy có ai ngăn chúng ta đi hôm nay... ngay lúc này?” Cyprien hỏi.

“Ồ! Không phải tôi nhé, nếu lòng anh nghĩ thế!” gã Napôli vặc lại. “Thế nhưng, về phần tôi, tôi sẽ không lên đường mà không chuẩn bị kỹ càng! Một toa xe tiện nghi với khoảng một chục bò kéo xe và hai ngựa cưỡi, đây là điều tối thiểu cần phải có cho chuyến đi như tôi đã dự kiến. Và tất cả những thứ đó chỉ có ở Potchefstrom!”

Lại một lần nữa, Annibal Pantalacci có nói nghiêm túc không đây? Có phải hẳn ta đơn giản chỉ nhằm mục đích làm nản lòng các đối thủ? Rất khó để khẳng định. Có điều chắc chắn là, hẳn hoàn toàn đúng. Không có phương tiện xe kéo như thế, không có những nguồn lực ấy, sẽ là điên rồ nếu cố đi sâu lên phía Bắc của Griqualand!

Tuy nhiên, một đoàn xe bò - Cyprien không phải là không biết - đáng giá rẻ nhất là tám đến mười nghìn franc, thế mà về phần chàng, chàng còn không có nổi bốn nghìn.

“Có ý này!” James Hilton đột nhiên nói, “với phẩm chất của một ‘Africander’<sup>[18]</sup> gốc Ê cốt, đã có một cách suy nghĩ thiên mạnh về tiết kiệm, sao cả bốn chúng ta lại không hợp tác với nhau cho chuyến đi này? Cơ hội của mỗi người sẽ không kém hơn, và ít ra chi phí được chia nhau!”

“Tôi thấy điều này đúng,” Friedel nói.

“Tôi chấp thuận,” Cyprien không do dự đáp.

“Trong tình huống này,” Annibal Pantalacci nhận xét, “phải thỏa thuận rằng mỗi người sẽ bảo đảm sự độc lập của mình và sẽ tự do tách khỏi nhóm vào lúc nào anh ta thấy thích hợp để cố bắt được kẻ chạy trốn!”

“Hẳn nhiên là thế! James Hilton đáp. Chúng ta hùn tiền để mua xe, bò và những đồ dự trữ, nhưng mỗi người vẫn có thể tách riêng khi nào thấy phải lúc! Và càng tốt cho ai, là người đầu tiên, đạt được mục tiêu!”

“Tán thành!” cả Cyprien, Annibal Pantalacci và Friedel cùng đáp.

“Khi nào các anh sẽ đi?” John Watkins hỏi, như vậy sự kết hợp này làm tăng gấp bốn lần cơ may có thể lấy lại viên kim cương của ông ta.

“Ngày mai, đi đến Potchefstrom bằng xe ngựa chở khách,” Friedel đáp. “Đừng mong sẽ đến đó trước cả xe.”

“Nhất trí!”

Tuy nhiên, Alice kéo riêng Cyprien ra rồi hỏi liệu chàng có thực sự tin Matakít là thủ phạm của một vụ trộm như thế.

“Tiểu thư Watkins,” chàng kỹ sư trẻ đáp lại nàng, “tôi buộc phải thú thực rằng tất cả nghi vấn đều chống lại cậu bé, bởi lẽ cậu ta đã chạy trốn! Thế nhưng, tôi hình như đoán chắc một điều, với tôi hình như chính gã Annibal Pantalacci kia mới là người phải giải thích nhiều về sự mất tích của viên kim cương. Một kẻ mặt dày làm sao... và lại là cộng sự lầy lùng của tôi! Kệ thôi! Ra trận là phải xung kích đã! Sau rốt, thà có thể kiểm soát được gã và quan sát những động thái của gã còn hơn để gã hành sự riêng lẻ và theo xếp đặt của gã!”

Bốn chàng cầu hôn nhanh chóng từ biệt John Watkins và con gái ông. Theo lẽ tự nhiên trong những tình huống như vậy, những lời từ già thường ngắn gọn và chỉ được hạn chế bằng việc nắm tay nhau. Những đối thủ ấy, lên đường cùng nhau với mong muốn người này thấy người kia bị loại, còn có thể nói gì với nhau?

Khi trở về nhà mình, Cyprien gặp Lee và Bardik. Cậu bé nam Phi này, từ lúc chàng nhận cậu vào làm việc, vẫn luôn tỏ ra rất nhiệt tình. Anh chàng người Hoa và cậu ta đang tán gẫu nơi thềm cửa. Chàng kỹ sư trẻ thông báo với họ rằng chàng sắp lên đường cùng với Friedel, James Hilton và Annibal Pantalacci để đuổi theo Matakít.

Thế là cả hai cùng đưa mắt nhìn nhau - chỉ một ánh mắt thôi; sau đó, tiến lại gần mà không nói một lời về điều họ nghĩ về kẻ trốn chạy:

“Thưa ông trẻ, họ đồng thanh nói, cho chúng tôi đi theo ông, chúng tôi khẩn khoản xin ông ạ!”

“Cho các anh theo tôi ư?... Và vui lòng nói tôi biết để làm gì?”

“Đề pha cà phê và nấu ăn cho ông ạ,” Bardik nói,

“Đề giặt áo quần cho ông ạ,” Lee nói thêm.

“Và đề ngăn cản mấy kẻ xấu hại ông!” họ nói tiếp, như thể đã bàn nhau từ trước.

Cyprien nhìn họ biết ơn.

“Được! chàng đáp, bởi các cậu muốn, ta sẽ đưa cả hai cậu theo!”

Thế rồi chàng đi từ biệt ông lão Jacobus Vandergaart. Không hề nói tán thành hay không tán thành việc Cyprien tham gia chuyến đi này, ông thân tình bắt tay chàng và chúc chàng thượng lộ bình an.

Sáng ngày hôm sau, khi đi cùng hai kẻ trung thành của mình về hướng khu trại Vandergaart để bắt xe ngựa đi Potchefstrom, chàng trai trẻ ngược mắt nhìn trang trại nhà Watkins vẫn đang chìm sâu trong giấc ngủ.

Liệu đó có phải là ảo ảnh không? Chàng tưởng chừng nhận ra sau lớp vải mút xơ lin trắng của một trong những khung cửa sổ một hình dáng thanh thoát, mà vào lúc chàng bắt đầu xa dần, ra dẫu từ biệt chàng một lần cuối cùng.

# CHƯƠNG 13: HÀNH TRÌNH XUYÊN TRANSVAAL

Khi đến được Potchefstrom, bốn lữ khách nghe kể về một cậu bé nam Phi đã đi qua thành phố hôm trước - cậu bé có những dấu hiệu nhận dạng giống với Matakít. Đây là cơ may cho sự thành công của chuyến đi của họ. Thế nhưng, điều làm hành trình dài hơn, hẳn nhiên chính là vì kẻ chạy trốn đã trang bị một cỗ xe đà điều gọn nhẹ, vì vậy sẽ khó mà đuổi kịp hắn ta.

Thực vậy, không có loài đi bộ nào tốt hơn con vật ấy, cũng không có loài nào dai sức hơn cũng như nhanh nhẹn hơn nó. Phải thêm rằng đà điều kéo xe rất hiếm, ngay cả ở vùng Griqualand, vì chúng không dễ huấn luyện. Bởi vậy Cyprien, cũng không hơn mấy anh bạn đi cùng chàng, đã không thể trang bị thứ ấy cho mình ở Potchefstrom.

Thế mà, chính trong những điều kiện ấy - điều này có thể nhận thấy được - Matakít vẫn tiếp tục lên đường đi phương Bắc, với một đoàn tùy tùng lữ ra cần phải có mười con ngựa để thay phiên.

Vậy nên họ chỉ còn biết chuẩn bị để đuổi theo cậu ta càng nhanh càng tốt. Trên thực tế, kẻ chạy trốn, với đoạn đường đi trước khá xa, có lợi thế về tốc độ hơn nhiều so với tốc độ của phương tiện di chuyển mà các đôi thủ của cậu ta sử dụng. Nhưng tóm lại, sức lực một chú đà điều cũng có hạn. Matakít buộc sẽ phải dừng chân, và có thể bị mất thời gian. Giả sử xảy ra tình huống xấu nhất, họ sẽ bắt được hắn vào cuối chuyến đi.

Cyprien nhanh chóng lấy làm sung sướng vì đã đưa Lee và Bardik đi cùng khi thoát tiên, việc chàng cần làm là trang bị cho chuyến đi. Trong trường hợp như thế này, chọn lựa kỹ những đồ sẽ có thể thực sự hữu dụng không hề là chuyện nhỏ. Không gì thay thế được kinh nghiệm về sa mạc. Cyprien

dù có giỏi tính toán vi phân và tích phân đến đâu cũng không biết những điều sơ đẳng về cuộc sống ở Veld, về cuộc sống trên “cỗ xe bò” hay trên “Những vết xe lăn”, như người ta thường nói đến xứ ấy. Thế mà, không những mấy bạn đồng hành có vẻ không sẵn sàng giúp chàng bằng lời khuyên, mà họ có xu hướng lừa phỉnh chàng hơn.

Với xe chở bao phủ bằng bạt không thấm nước, việc mắc cỗ xe vào máy con bò và chất những đồ dự trữ khác, mọi chuyện diễn ra khá suôn sẻ. Lợi ích chung đòi hỏi phải lựa chọn đúng đắn, và James Hilton hoàn thành tuyệt vời. Nhưng việc của riêng cá nhân mỗi người lại không ổn như thế - chẳng hạn như mua một con ngựa.

Cyprien đã nhìn thấy, ngay ở chợ, một chú ngựa non ba tuổi thật dễ thương, mạnh mẽ, người ta bán lại với giá vừa phải; chàng đã thử leo lên yên và thấy nó đã được luyện rất kỹ, chàng đang chuẩn bị đếm tiền trả theo giá ông bán hàng đã rao thì Bardik kéo chàng ra rồi nói:

“Sao cơ, ông trẻ, ông sẽ mua con ngựa ấy ư?”

“Tất nhiên rồi Bardik à! Đó là con đẹp nhất được bán với giá này mà ta từng thấy!”

“Không nên mua nó, ngay cả khi người ta biểu không cho ông!” cậu bé nam Phi đáp. “Con ngựa ấy không chịu đựng nổi tám ngày du hành xuyên qua Transvaal đâu ạ!”

“Ý cậu muốn nói gì?” Cyprien đáp. “Cậu muốn chơi trò thầy bói với ta à?”

“Không phải, ông trẻ à, nhưng vì Bardik biết vùng sa mạc và báo trước với ông rằng con ngựa ấy chưa ‘nhiễm muối’!”

“Chưa ‘nhiễm muối’ sao? Vậy cậu định khuyên ta mua một con ngựa to như cái thùng sao?”





“Không phải thưa ông trẻ, nhưng điều ấy nghĩa là nó chưa bị nhiễm thứ bệnh của xứ Veld. Rồi nó sẽ sớm mắc phải thôi, và thậm chí, nếu nó không chết vì bệnh ấy, nó sẽ trở nên vô dụng với ông!”

“Ra vậy!” Cyprien thốt lên, rất đỗi kinh ngạc vì lời cảnh báo của cậu bé giúp việc. “Vậy bệnh này là gì nhỉ?”

“Đây là dạng sốt cao kèm theo ho,” Bardik đáp. “Nhất thiết chỉ nên mua những con ngựa đã từng nhiễm bệnh rồi, vốn rất dễ nhận biết qua dáng vẻ chúng - bởi vì , một khi đã lành khỏi bệnh ấy, hiếm khi chúng nhiễm bệnh lần thứ hai!”

Đứng trước tình huống bất trắc có thể xảy ra như thế, chàng chẳng cần do dự. Cyprien ngưng ngay lập tức thương lượng và đi tìm hiểu thông tin. Mọi người đều khẳng định điều Bardik đã nói. Đó là sự việc hoàn toàn hiển nhiên ở trong vùng, đến mức người ta thậm chí chẳng nhắc đến nó.

Vậy nên đề phòng sự thiếu kinh nghiệm của mình, chàng kỹ sư trẻ đâm ra cẩn trọng hơn và trấn an mình bằng cách nghe theo lời khuyên của một vị bác sĩ thú y ở Potchefstrom.

Nhờ vào sự trợ giúp của vị chuyên gia này, chàng có thể trang bị cho mình, chỉ trong mấy tiếng đồng hồ, con vật cưỡi thích hợp cho loại hành trình này. Đây là một con ngựa già lông xám, chỉ có da bọc xương và thậm chí không có lấy một mẩu đuôi riêng. Nhưng chỉ cần nhìn nó thì bảo đảm rằng con ấy, ít nhất, đã “Nhiễm muối”, và mặc dù phi nước kiệu hơi cứng, nó đương nhiên khỏe khoắn hơn nhiều so với vẻ bề ngoài của nó. Templar - chính là tên nó - thực sự có danh tiếng trong vùng, giống như ngựa lao địch, và lúc nhìn thấy nó Bardik, vốn cũng được tham khảo ý kiến, tuyên bố hoàn toàn thỏa mãn.

Về phần cậu, cậu được giao đặc trách điều khiển hướng đi của toa xe và cỗ xe bò, và được anh bạn Lee của cậu giúp đỡ thêm.

Vậy là không phải lo lắng chuyện thặng cỗ xe, kể cả thùng xe lẫn xe bò, việc mà Cyprien có lẽ chẳng bao giờ làm được, vì số tiền phải bỏ ra để mua được con ngựa của riêng chàng.

Vấn đề vũ khí cũng không kém khó khăn. Cyprien đã chọn đúng các loại súng của chàng, một khẩu súng trường tuyệt vời thuộc hệ Martini-henry, và một súng cacbin Remington, không nổi bật bởi sự thanh lịch, nhưng dẻo vừa vặn và tự nạp đạn nhanh. Thế nhưng điều chàng có lẽ chẳng bao giờ nghĩ đến nếu anh bạn người Hoa không gợi ý cho chàng, chính là dự trữ một số đầu đạn. Chàng cũng tưởng mang theo đạn dược với năm hay sáu trăm lần nạp thuốc súng và đạn chì đã là rất đầy đủ, và chàng rất ngạc nhiên khi biết rằng theo yêu cầu của sự thận trọng bốn nghìn phát đạn mỗi súng là con số tối thiểu ở cái xứ sở nhiều ác thú và dân bản địa không kém phần đáng gờm này.

Cyprien cũng phải trang bị hai súng lục dùng đạn nổ và mua một con dao đi săn tuyệt đẹp vốn đã được trưng bày năm năm nay trong tủ kính hiệu buôn vũ khí ở Potchefstrom mà không ai từng có ý định mua để bổ sung vào bộ vũ trang của chàng.

Lại chính là Lee đã cố nài nỉ để Cyprien mua nó, anh ta dám chắc rằng không gì có ích hơn con dao ấy. Mặt khác, sự chăm chút từ đáy anh ta dành để bảo dưỡng lưỡi dao và độ bóng của lưỡi dao ngắn và rộng bản ấy, khá giống thanh gươm lưỡi lê của bộ binh Pháp, chứng tỏ sự tin tưởng của anh dành cho các loại dao mác, sự tin tưởng mà anh có chung với những người cùng giống nòi anh.

Và lại, chiếc rương đồ trữ danh kia vẫn luôn theo anh chàng người Hoa cẩn thận. Trong đó anh ta để, kể bên một dãy hộp và nguyên liệu bí ẩn, sợi dây mềm và mảnh nhưng bền rất chặt dài khoảng sáu mươi mét, mà các lính thủy thường gọi “dây chảo”. Và, khi người ta hỏi anh muốn làm gì với cái đó:

“Giữa sa mạc không phải phơi áo quần như ở nơi khác sao?” anh trả lời thoái thác.

Trong vòng mười hai tiếng đồng hồ, mọi sự sắm sửa đều đã xong. Nhiều tấm khăn trải không thấm nước, nhiều chăn len, nhiều đồ gia dụng, vô số

thực phẩm đóng hộp, ách xe, dây nhợ, đai thay thế, biển thùng sau xe thành kho hàng của cửa hàng tổng hợp. Phần trước xe, đầy những rom, dùng làm giường ngủ và chỗ trú cho Cyprien và những bạn đường của chàng.

James Hilton đã hoàn thành rất tốt nhiệm vụ của mình và hình như chọn lựa rất phù hợp những thứ cần thiết cho cả hội. Anh ta khá kiêu ngạo về kinh nghiệm dân di cư của mình. Phải chăng, để chứng tỏ sự vượt trội của anh ta hơn là tinh thần bạn hữu, anh ta sẵn lòng cung cấp cho các bạn đường của mình những thông tin về các phong tục xứ Veld.

Nhưng Annibal Pantalacci không quên chen ngang và ngắt lời anh ta.

“Anh cần gì chia sẻ vốn kiến thức của anh cho anh chàng Pháp? gã nói với anh giọng khe khẽ. Anh muốn nhìn thấy anh ta thắng cuộc lắm sao? nếu là anh, tôi sẽ giữ cho tôi những gì mình biết và chẳng hề cho biết điều gì!”

Và James Hilton, để đáp lời, nhìn gã Napôli với vẻ ngưỡng mộ thật lòng:

“Thật táo bạo điều anh vừa nói với tôi... rất táo bạo!... Đây là một ý mà tôi không nghĩ ra!”

Cyprien thì không quên trung thực thông báo cho Friedel điều chàng biết về vấn đề ngựa trong vùng, nhưng chàng vấp phải tính tự phụ và sự bướng bỉnh không giới hạn. Anh bạn Đức chẳng muốn nghe điều gì và chỉ hành động theo ý mình. Thế nên anh ta mua một con ngựa non nhất và hung hăng nhất anh ta tìm được - chính là con ngựa Cyprien đã từ chối - và anh ta lo nhất là trang bị dụng cụ đi câu, với lý do là rồi ta cũng sớm chán nản với thú săn thôi.

Cuối cùng, mọi việc chuẩn bị đã hoàn thành, họ có thể lên đường, và đoàn xe sẽ được hình thành theo trật tự chỉ định.

Toa xe được mười hai con bò đỏ và bò đen kéo thoát đầu tiến lên dưới sự điều khiển cao tay của Bardik, cậu bé khi thì đi bên cạnh bọn thú mạnh mẽ

ấy, tay cầm roi, khi thì, để nghỉ ngơi, nhảy lên đầu xe. Ở đấy, ngồi gàn ghề, cậu chỉ cần thả mình theo sự gập ghềnh của đường đi, không lo nghĩ đến mọi thứ khác, và tỏ vẻ hân hoan vì cách di chuyển này. Bốn chàng cưỡi ngựa đi từ trước ra sau đoàn xe. Trừ trường hợp họ xét thấy cần tách ra xa để bắn một con gà gô hay phải thám sát, và cứ như vậy trật tự đoàn xe nhỏ gàn như không đổi trong những ngày dài.





Sau một cuộc hội ý nhanh, họ đồng ý đi thẳng về hướng thượng nguồn dòng Limpopo. Mọi chỉ dẫn đều cho thấy rằng Matakít hẳn đã đi đường này. Quả nhiên, cậu ta không thể đi một con đường nào khác nếu có ý đồ đi



càng xa càng tốt các vùng thuộc địa Anh. Lợi thế mà cậu bé nam Phi có so với những kẻ đuổi theo cậu là vừa hiểu biết sâu sắc về vùng đất vừa có một phương tiện di chuyển giản tiện. Một mặt, cậu biết rõ mình đi đâu và chọn con đường trực tiếp nhất; mặt khác, cậu chắc chắn, nhờ vào những mối quen biết ở phương Bắc, tìm được khắp nơi sự giúp đỡ và sự che chở, thức ăn và chỗ trú - thậm chí những kẻ giúp việc, nếu cần thiết. Và ai có thể đảm bảo cậu ta không lợi dụng ảnh hưởng của mình với nhiều người bản xứ để quay lại chống những kẻ đang theo sát cậu và có thể để khiến họ tấn công bằng vũ khí? Thế nên Cyprien và bạn hữu của chàng càng lúc càng hiểu việc cần thiết phải cùng sát cánh và hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc hành trình này, nếu họ muốn một trong số họ gặt hái được thành quả.

Tỉnh Transvaal, trải dài từ phía nam đến mạn Bắc, là một vùng rộng lớn của nam Phi - ít nhất ba mươi nghìn héc ta - có diện tích trải rộng giữa tỉnh Vaal và tỉnh Limpopo, ở phía Tây dãy núi Drakenberg, của vùng thuộc địa Anh natal, của xứ người Zoulou và những khu thuộc địa Bồ Đào nha.

Hoàn toàn bị đô hộ bởi những người Boër, tức các cựu công dân hà Lan ở tỉnh Cap, vốn đã sản sinh, trong vòng mười lăm hay hai mươi năm, một lớp dân số theo nghề nông gồm hơn một trăm nghìn người da trắng, tỉnh Transvaal vốn dĩ đã kêu gọi sự thèm muốn của nước Anh. Thế nên năm 1877 tỉnh đã bị sáp nhập vào các khu đất thuộc địa ở tỉnh Cap. Thế nhưng những cuộc nổi dậy thường xuyên của người Boër, những người vốn khẳng khái muốn độc lập, càng làm cho số phận vùng đất tươi đẹp này trở nên đáng lo ngại.

Đây là một trong những vùng đẹp nhất, màu mỡ nhất của châu Phi, cũng là một trong những nơi trong lành nhất - và chính điều này giải thích không cần chứng minh cho sự hấp dẫn đến hoạt động chính trị của nước Anh với tỉnh Transvaal.



**BẢN ĐỒ  
 ĐÔNG NAM  
 CHÂU PHI**

Về mặt địa lý, với chính những người dân Boër, thông thường người ta chia tỉnh thành ba vùng chính: vùng núi hay còn gọi là hooge-Veld, vùng đồi hay Banken-Veld, và vùng rừng hay Bush-Veld.

Vùng núi là nơi đậm nét phương nam nhất. Nơi ấy hình thành bởi nhiều dãy núi, ngăn cách với dãy Drakenberg về phía Tây và nam. Đó là khu mỏ của Transvaal nơi có khí hậu lạnh và khô như ở vùng oberland của thành phố Berne<sup>[19]</sup>.

Vùng Banken-Veld là khu vực thuần nông nhất. Trải dài lên mạn Bắc của vùng núi cao, đây là nơi sinh sống đông đảo bộ phận dân cư Hà Lan trong các thung lũng sâu, được tưới mát bởi nhiều dòng suối và rợp bóng cây cối luôn xanh tươi.

Sau cùng là vùng Bush-Veld hay vùng rừng rậm, và, tiêu biểu nhất cho vùng săn bắn, hình thành từ đồng bằng rộng lớn trải dài tận bờ Limpopo, về phía Bắc, để rồi kéo dài đến tận những vùng đất của người da đen nam Phi Betchouana, sang mạn Tây.

Khởi hành từ Potchefstrom, thuộc vùng Banken-Veld, ban đầu những lữ khách đi chéo xuyên qua phần rộng nhất của vùng này, trước khi đến Bush-Veld, và từ đây, gần về mạn Bắc, tới bờ sông Limpopo.

Phần thứ nhất này của Transvaal vốn dĩ là phần dễ đi nhất. Họ vẫn còn trong một vùng nửa văn minh. Những tai nạn lớn nhất chỉ là bánh xe lún dưới sình hoặc là một con bò ngã bệnh. Vịt trời, gà gô, hoẵng, nhan nhản trên đường đi hàng ngày đã cung cấp đồ ăn trưa và tối cho đoàn. Tối đến cả đoàn thường qua đêm trong một trang trại nào đó, người dân nơi ấy, vốn xa lánh với thế giới bên ngoài trong khoảng ba phần tư thời gian trong năm, đón tiếp khách khứa đến nhà họ với niềm vui chân thành.

Ở khắp nơi người dân Boër đều giống nhau, hiếu khách, của vùng đất đối với các vị láng giềng đáng gờm. Nhiều mỏ vàng vừa mới được tìm thấy cũng không phải là không ảnh hưởng ân cần, không vụ lợi. Thực ra, theo lẽ

nghi của vùng yêu cầu, người ta phải trả một khoản tiền để họ cho khách hoặc súc vật trú lại dọc hành trình. Nhưng khoản tiền trả ấy, họ luôn từ chối hầu hết, và thậm chí lúc khách khởi hành họ còn năn nỉ để khách nhận lấy bột, cam, đào sấy ép. Cho dù một chút của người ta để lại coi như để trao đổi giá trị không đáng kể, một món đồ trang thiết bị hay đồ săn bắn bất kỳ nào đó, một cái roi, dây hàm thiếc, một ống đựng thuốc súng hình quả lê, ấy vậy mà họ rất vui.

Những con người trung hậu ấy sống một cuộc sống nhẹ nhàng trong sự cô độc của mình; họ và gia đình họ, sống không nhọc sức bằng sản phẩm từ bầy gia súc, và trồng trọt vừa đủ đất, với sự giúp đỡ của người di cư hottentot hoặc người da đen nam Phi, để thu nhặt hạt và rau củ dự trữ.

Nhà cửa của họ xây dựng rất đơn giản bằng đất và lợp mái rạ dày. Khi trời mưa làm thủng tường - chuyện xảy ra khá thường xuyên - cách khắc phục trong tầm tay. Cả gia đình bắt tay vào nhào đất sét, vốn đã được chuẩn bị một đồng lớn; sau đó, gái và trai, cầm từng nắm đất, trét dần dập lên lỗ thủng cho đến khi nó bị lấp kín.

Bên trong những căn nhà ấy, ta chỉ thấy vài thứ đồ đạc, mấy cái ghế đầu bằng gỗ, cái bàn thô kệch, vài cái giường lớn cho người lớn; bọn trẻ thì bằng lòng ngủ trên những tấm da cừu.

Tuy vậy, nghệ thuật cũng có chỗ đứng trong những đời sống nguyên thủy ấy. Hầu hết người dân Boër là nhạc công, chơi đàn vĩ cầm hoặc thổi sáo. Họ thích nhảy múa, và không gặp khó khăn cũng như mệt nhọc mỗi khi tụ họp - đôi khi họ tụ tập nói nhau thành vòng tròn hai mươi dặm để thực hiện thú tiêu khiển yêu thích của mình.

Những thiếu nữ của họ giản dị và thường rất đẹp với những món đồ trang sức đơn giản của nông dân hà Lan. Các cô lập gia đình sớm, chỉ cần mang theo một tá con bò hoặc dê, một chiếc xe rùa hay một vài cửa cải như thế làm của hồi môn cho vị hôn phu của mình. Người chồng đảm đương việc

xây nhà, khai phá vài mẫu đất xung quanh, và như thế một gia đình hình thành.

Người Boer sống rất thọ, và không đâu trên thế giới, những cụ trăm tuổi nhiều như ở đây.

Một hiện tượng đặc biệt, chưa được giải thích, chính là hầu như tất cả họ đều béo phì ngay từ tuổi trưởng thành, và căn bệnh ấy tác động khiến cơ thể tất cả bọn họ có những tỉ lệ đáng kinh ngạc. Và lại họ có thân hình rất cao lớn, và đặc điểm này cũng xuất hiện ở những người di cư gốc Pháp hoặc Đức, hệt như ở người thuần chủng hà Lan.

Tuy vậy chuyến du hành vẫn tiếp diễn không hề gặp sự cố. Cả đoàn hiếm khi không nghe thấy, ngay cả khi qua đêm ở một trang trại, những tin tức về Matakít. Người ta thấy cậu đi qua khắp nơi, chạy nhanh với cỗ xe đà điểu, lúc đầu là hai hay ba ngày đi trước, rồi đến năm hay sáu ngày, sau đó thì bảy hay tám. Dĩ nhiên, họ vẫn đi theo dấu vết cậu ta, nhưng hẳn nhiên, cậu ta ngày một đi xa hơn những kẻ đuổi theo cậu.

Bốn người truy đuổi không hề thôi tự coi mình như chắc chắn sẽ tóm được cậu. Kẻ trốn chạy rồi cũng dừng chân. Vậy thì việc tóm được hẳn chỉ là vấn đề thời gian.

Thế nên, Cyprien và ba bạn đường của chàng thoải mái đón nhận điều ấy. Họ dần dần bắt đầu buông thả theo những thú vui riêng. Chàng kỹ sư trẻ thân nhất những mẫu đá. Friedel sưu tầm cây cỏ và vỗ ngực cho rằng anh ta nhận biết được, chỉ bằng những đặc điểm bên ngoài, những đặc tính của thứ cây cỏ đang sưu tầm. Annibal Pantalacci thì quấy rối Bardik hoặc Lee, và tự chuộc lỗi cho những trò xấu của mình bằng việc chế biến nhiều món mì ống ngon tuyệt ở mỗi trạm dừng chân. James Hilton đảm trách việc cung cấp thịt thú săn dự trữ; không một buổi nào anh ta không hạ được cả tá gà gô, vô số chim cú, thỉnh thoảng còn có cả một con lợn rừng hay một con linh dương.

Hết chặng này sang chặng khác, cuối cùng họ đến Bush- Veld. Chẳng bao lâu sau những trang trại thưa dần rồi biến mất. Họ đang ở chỗ tận cùng giáp ranh với thế giới văn minh.

Bắt đầu từ nơi này, họ phải cắm trại mỗi tối, nhóm lửa lớn để người và vật ngủ quanh đó nhưng không phải là không cần coi sóc cẩn thận xung quanh.

Cảnh quan càng lúc càng nhuộm màu hoang dã hơn. Những đụn cát nhuộm vàng, những bụi cây gai rậm rạp, cách quãng lại có một con suối bên bờ đầm lầy, hiện ra tiếp sau vẻ tươi xanh của những thung lũng ở Banken-Veld. Thỉnh thoảng, họ phải đi đường vòng để tránh một khu rừng *thorn trees* hay còn gọi là rừng cây gai góc thực sự. Đó là những bụi cây nhỡ, cao từ ba đến năm mét, với lượng lớn cành cây gần như chĩa ngang và tất cả đều có gai, cứng và sắc nhọn như dao găm, dài hai đến bốn ngón tay<sup>[20]</sup>.

Khu vực bên ngoài ấy của Bush-Veld, thường được gọi Lion-Veld - Hay còn gọi khu Veld sư tử - có vẻ chẳng ăn khớp tí nào với cách gọi tên đáng gờm này, vì rằng sau ba ngày du hành, họ vẫn chưa nhìn thấy cũng không nhận thấy bất cứ dấu hiệu nào của loài ác thú ấy.

“Chắc hẳn đây là chuyện đã xưa,” Cyprien tự nhủ, “và bọn sư tử chắc đã lui sâu trong sa mạc rồi!”

Nhưng cũng bởi chàng nói lên suy nghĩ này trước mặt James Hilton, anh chàng này bật cười.

“Anh tưởng không có sư tử sao?” anh ta nói. “Đơn giản là vì anh không biết cách nhìn thấy chúng!”

“Vậy sao! Không biết cách thấy một con sư tử ngay giữa đồng hoang!” Cyprien đáp giọng khá mỉa mai.

“Vậy thì, tôi cá với anh mười bảng,” James Hilton nói, “trong vòng một tiếng, tôi sẽ chỉ anh xem một con mà anh không nhìn thấy được!”



“Về nguyên tắc, tôi chẳng cá cược bao giờ,” Cyprien đáp, “nhưng tôi cũng không đòi hỏi gì hơn là được trải nghiệm!”



Họ đi tiếp khoảng hai lăm hay ba mươi phút, và không ai còn nghĩ đến sự tử nữa, bỗng James Hilton hét lên:

“Các anh, hãy nhìn cái tổ kiến xây phía bên phải đằng kia kìa!”

“Thắng cuộc nhé!” Friedel đáp. “Chúng ta chẳng thấy gì khác ngoài thứ ấy hai ba ngày qua!”

Thực vậy, ở Bush-Veld họ không thấy gì thường xuyên hơn những ụ đất lớn màu vàng, dựng lên bởi vô số kiến, vốn là những con vật duy nhất, cùng với một vài bụi cây hoặc một khóm hoa trinh nữ xơ xác, thi thoảng lại làm gián đoạn sự đơn điệu của vùng đồng bằng.

James Hilton lặng lẽ cười.

“Anh Méré này,” anh ta nói, “nếu anh muốn phi nước đại một lát, để đến gần cái tổ kiến kia - kia kìa, theo tay tôi chỉ - tôi hứa với anh rằng anh sẽ thấy điều anh muốn xem! Tuy nhiên, đừng đến gần nó quá, anh có thể hại thân mình đấy!”

Cyprien thúc mạnh ngựa rồi đi về nơi James Hilton gọi là tổ kiến.

“Ồ đó là một gia đình sư tử đang trú ngụ! Một phần mười, trong những đồng vàng nhạt mà các anh tưởng là ổ kiến, không phải là thứ gì khác đâu!” anh bạn Đức nói thêm ngay lúc Cyprien tách ra xa.

“Chết! Pantalacci hét lên, anh cần phải nhắc anh ta đừng tiến sát nó quá!”

Thế nhưng, vì thấy Bardik và Lee đang lắng nghe mình nói, hắn nói tiếp, xoay suy nghĩ của mình sang ý khác:

“Có lẽ anh bạn Pháp sẽ sợ phát khiếp, còn chúng ta sẽ được xem phim hài!”

Gã Napôli đã nhầm. Cyprien không phải loại đàn ông có thể sợ phát khiếp như lời gã nói. Cách đích chỉ khoảng hai trăm bước, chàng nhận thấy cái tổ

kiến mà chàng phải đối mặt đáng gờm biết bao. Đây là một con sư tử bố khổng lồ, một sư tử mẹ và ba sư tử con nằm xoài thành hình tròn trên đất, như lũ mèo, và đang ngủ yên lành dưới ánh mặt trời.

Vừa nghe tiếng móng guốc của con Templar, sư tử bố mở mắt, ngẩng chiếc đầu to bự của nó lên rồi ngáp, làm lộ rõ, giữa hai hàm răng rất lớn, một hố sâu ngòm có thể nuốt chửng một đứa trẻ mười tuổi. Sau đó, nó nhìn người cưỡi ngựa đang dừng cách nó hai mươi bước.



May mắn thay, con thú dữ không đói bụng, nếu không nó đã không nằm dửng dưng.

Cyprien, tay đặt lên khẩu cạcbin của mình, chờ hai hay ba phút xem đức sư tử cha muốn gì. Nhưng vì thấy con thú ấy không sẵn sàng giao chiến, chàng không nỡ lòng phá vỡ hạnh phúc của gia đình thú vị kia, rồi chàng xoay dây cương, phi nước kiệu về phía các bạn hữu của mình.

Những anh bạn ấy miễn cưỡng công nhận sự điềm tĩnh và tính gan dạ của chàng, đón chàng bằng nhiều tràng vỗ tay.

“Tôi đã thua cược, anh Hilton à,” Cyprien trả lời khiêm tốn.

Cũng tới hôm ấy, họ dừng chân ở hữu ngạn sông Limpopo. Ở đây Friedel ngoan cố muốn câu cá để rán mặc cho James Hilton khuyên can.

“Rất nguy hiểm, anh bạn ạ!” James Hilton nói với anh bạn ấy. “Anh phải biết, ở vùng Bush-Veld, sau khi mặt trời lặn, không nên ở lại bên các dòng suối, cũng không nên...”

“Dào ôi! Dào ôi! Tôi chẳng thấy gì khác sất!” anh bạn Đức trả lời với sự bướng bỉnh đặc trưng của đất nước anh ta.

“Ê!” Annibal Pantalacci hét lên, “ngồi bên dòng nước một hay hai giờ thì có thể có hại gì? Chẳng phải tôi đã từng ở trong nước cả nửa ngày trời, ngâm mình đến tận nách, khi tôi đi săn vịt đó sao?”

“Hoàn toàn chẳng giống nhau!” James Hilton vừa nói tiếp vừa cố năn nỉ Friedel.

“Chỉ toàn lời hão!...” gã Napôli đáp. “Anh bạn Hilton thân mến, tốt nhất anh nên mang phô mai sợi đến cho món mì ống của tôi đây hơn là đi cản trở bạn hữu của chúng ta câu về cho chúng ta một món cá! Ít nhất thì việc đó làm phong phú bữa ăn thường ngày đấy!”

Friedel vẫn đi, không muốn nghe bất cứ điều gì nữa, và anh ta kể cà quăng lười trễ đến mức khi anh ta về đến trại thì đêm đã buông.

Lúc đó, anh chàng cứng đầu ăn tối ngon lành, thưởng thức không chút khách sáo như mọi người món cá do mình câu được, nhưng khi anh chàng ngủ trong xe, bên cạnh những người bạn đường, anh than vãn vì những cơn run lẩy bẩy.

Hôm sau, lúc sáng sớm, khi mọi người thức dậy để khởi hành, Friedel bị một cơn sốt dữ dội hành hạ và cảm thấy không thể leo nổi lên mình ngựa. Tuy nhiên, anh vẫn yêu cầu mọi người lên đường, và khẳng định anh ta sẽ rất khỏe khi nằm trên lớp rom ở cuối xe, họ làm theo ý anh.

Đến giữa trưa, anh ta mê sảng.

Đến ba giờ, anh ta chết.

Căn bệnh của anh ta là một cơn sốt ác tính gây chết người nhanh nhất.

Chúng kiến cái chết quá đột ngột ấy, Cyprien không thể ngăn mình nghĩ rằng Annibal Pantalacci, chịu một phần trách nhiệm nặng nề nhất trong sự việc ấy, vì những lời khuyên tệ hại của gã. Nhưng dường như chẳng ai nghĩ đến việc nhận xét như vậy, ngoại trừ chàng.

“Các anh thấy tôi đã đúng khi bảo đừng đi lang thang dọc dòng nước khi đêm xuống chưa!” James Hilton đành nhắc lại một cách đầy triết lý.

Họ dùng chân chốc lát để hỏa táng cái xác mà họ không thể bỏ mặc cho thú dữ.

Đó là xác của một đối thủ, gần như là kẻ thù, ấy vậy nhưng Cyprien thấy mũi lòng sâu sắc khi tiến hành tang lễ cho anh ta. Bởi rằng cảnh tượng đưa tang, khắp nơi vốn đều uy nghiêm thế và cung kính thế, ở sa mạc lại mang một vẻ uy nghi mới. Đối diện với một thiên nhiên duy nhất, con người mới hiểu đây là thời điểm không tránh khỏi. Xa gia đình, xa tất cả những người



chàng thương yêu, tâm tưởng chàng u sầu hướng về họ. Chàng tự nhủ, chàng cũng vậy, có thể mai đây chàng sẽ ngã quy trên đồng bằng bao la và không đứng dậy được nữa, và rằng, chàng cũng vậy, chàng sẽ bị chôn vùi dưới một tác đất, bên trên đặt một phiến đá trống trơn, và để tiễn đưa chàng lần cuối, sẽ không có nước mắt của em gái hay của mẹ, sẽ không có sự nuối tiếc của bạn bè. Và khi liên tưởng hoàn cảnh riêng của mình với lòng xót thương gọi lên từ số phận của người bạn đường, chàng thấy như một phần nào đó của chính chàng cũng bị chôn vùi dưới mộ kia!

Một ngày sau nghi lễ tang thương ấy, con ngựa của Friedel, đi cùng họ, vốn được thắng ở phía sau toa xe, bị nhiễm bệnh Veld. Phải bỏ nó thôi.

Con vật đáng thương chỉ sống sót được vài giờ sau chủ của nó!



# CHƯƠNG 14: PHÍA BẮC DÒNG LIMPOPO

Phải mất ba ngày tìm kiếm và thăm dò mới đến được chỗ lội qua lòng sông Limpopo. Thế nhưng họ vẫn không chắc liệu có tìm thấy không, nếu không nhờ một số dân nam Phi Macalacca, đang lang thang dọc bờ sông, chịu hướng dẫn cho cuộc hành trình.

Những người nam Phi ấy, là những kẻ khốn khổ cùng cực bị tộc người Betchouana thượng đẳng hơn chiếm giữ làm nô lệ, ép buộc họ làm việc không trả lương, đối xử với họ tàn nhẫn đến cực độ, và quan trọng hơn nữa, cấm họ ăn thịt bằng án tử hình. Những người Macalacca bất hạnh có thể hoàn toàn thoải mái giết thú săn họ gặp trên đường đi, nhưng với điều kiện mang nó về cho lãnh chúa hoặc ông chủ của họ. Các vị ấy chỉ dành lại cho họ mấy bộ lông - gần giống như các thợ săn châu Âu cư xử với lũ chó săn của họ.

Một người Macalacca chẳng sở hữu gì riêng, thậm chí không có lấy một quả bầu hoặc một túp lều. Anh ta ra đi gần như trần trụi, gầy còm, xương xẩu, quàng chéo qua vai lưng lẳng mấy bọng nước mà từ xa người ta tưởng là những đoạn<sup>[21]</sup> lông dòi đen, nhưng thực ra đây là những túi da thuộc chứa nước dự trữ.



Tài năng kinh doanh của Bardik đã sớm bộc lộ trong nghệ thuật thỏa thuận khôn khéo khi cậu ta phát hiện những người kia, dù nghèo khổ, vẫn có một số lông đà điều cất giấu cẩn thận trong một bụi cây gần đó. Ngay lập tức

cậu đề nghị mua chúng, cuộc hẹn cho việc trao đổi đã được thống nhất vào tối hôm đó.

“Vậy là cậu có tiền để trao đổi với họ à?” Cyprien khá ngạc nhiên hỏi cậu ta.

Và Bardik, cười ngoác miệng, đưa cho chàng xem một nắm cúc bằng đồng mà cậu sưu tầm từ một hai tháng nay, cậu ta cất chúng trong một chiếc túi vải.

“Đấy đâu phải tiền thật,” Cyprien đáp, “và ta không thể cho phép cậu trả cho những kẻ đáng thương kia bằng vài tá cúc cũ kỹ ấy!”

Nhưng chàng đã không thể làm Bardik hiểu tại sao dự định trao đổi ấy đáng bị quở trách.

“Nếu những người Macalacca chấp nhận đổi cúc lấy lông vũ, ai có thể bắt bẻ gì chuyện này?” cậu trả lời. “Ông biết rõ rằng có được lông chim với họ chẳng tốn kém gì! họ còn chẳng có quyền sở hữu chúng, vì rằng họ chỉ có thể khoe chúng một cách giấu giếm! Một chiếc cúc, ngược lại, là một vật hữu ích, còn có ích hơn cả chiếc lông đà điểu! Vậy thì tại sao tôi không được đổi một tá hay hai tá cúc để lấy cũng chừng ấy số lượng lông chim?”

Cách lập luận chỉ đúng bề ngoài, nhưng cũng chẳng giá trị hơn bao nhiêu. Điều cậu bé nam Phi không nhìn thấy, chính là những người Macalacca sẽ chấp nhận những chiếc cúc đồng của cậu ta, không phải để sử dụng chúng theo đúng chức năng, bởi rằng họ hầu như không mặc quần áo gì, mà vì giá trị giả định mà họ ước chừng cho những mẫu kim loại tròn rất giống với tiền xu. Như vậy trong việc đổi chác này đúng là có sự lừa dối.

Tuy vậy, Cyprien phải thừa nhận rằng ý nghĩa ấy quá tinh tế để một cậu chàng có đầu óc hoang dã kia có thể hiểu được, cậu vốn rất thoảng trong mọi thương lượng, và chàng để mặc cậu ta tự do hành động theo ý muốn.

Chính là vào buổi tối, dưới ánh sáng ngọn đuốc, vụ trao đổi của Bardik diễn ra. Những người Macalacca hẳn nhiên đã mang nỗi lo rất chính đáng bị người bán hàng lừa, vì họ không bằng lòng với ánh lửa sáng của những người da trắng, họ đến, mang đầy những bó thân cây ngô, cắm chúng xuống đất rồi đốt sáng.

Thế là những tay bản xứ này bày lông đà điều ra và bắt đầu kiểm tra những chiếc cúc của Bardik.

Lúc này, giữa bọn họ, với nhiều cử chỉ và những tiếng la, một cuộc thảo luận sôi nổi nhất bắt đầu về bản chất và giá trị của những miếng kim loại tròn ấy.

Chẳng ai hiểu nổi từ nào mà họ nói trong ngôn ngữ liền thoắng của họ; nhưng chỉ cần nhìn những gương mặt họ đỏ rần, những cái nhăn mặt đầy biểu cảm của họ, vẻ giận dữ rất nghiêm trọng của họ, thì chắc chắn với họ cuộc tranh luận là mối quan tâm lớn nhất.

Đột nhiên, cuộc tranh luận say sưa bị gián đoạn vì một sự xuất hiện ngoài mong đợi.

Một tay da đen cao lớn - trang nghiêm khoác chiếc áo choàng tòi tàn bằng vải bông đỏ, trán quấn một loại vành đầu bằng dây ruột cừ, loại các chiến binh nam Phi thường quấn - chui ra từ lùm cây ngay gần nơi diễn ra vụ trao đổi; sau đó, hắn ta lao như tên về phía những người Macalacca đang bị bắt quả tang trao đổi buôn bán.

“Lopèpe!... Lopèpe!...” những con người Hoang dã bắt hạnh hét lên rồi chạy dạt khắp mọi phía như một bầy chuột.

Nhưng một nhóm chiến binh da đen mai phục theo hình tròn, bất ngờ vụt ra từ các bụi cây bao quanh chỗ đóng trại, siết chặt vòng vây rồi bắt họ.

Ngay lập tức Lopèpe buộc họ đưa cúc áo; anh ta cẩn thận xem xét chúng dưới ánh đuốc bấp, rồi nhét chúng vào cùng túi đựng tiền bằng da của mình với vẻ thỏa mãn không giấu giếm. Rồi, anh ta tiến đến gần Bardik, sau khi lấy lại từ tay cậu mấy chiếc lông chim đà điều đã được giao hàng, anh ta cũng cất vào túi như đã làm với mấy chiếc cúc.

Những người da trắng có mặt đứng bất động chứng kiến cảnh ấy, và họ đang không biết có nên can thiệp vào chuyện này hay không, thì Lopèpe đã giải quyết khúc mắc ấy bằng cách tiến về phía họ. Thế là, dừng chân cách vài bước, bằng một giọng hống hách anh ta diễn thuyết với họ khá dài, cho dù họ hoàn toàn không hiểu.

James Hilton chỉ biết một vài từ thổ ngữ betchouana, tuy vậy cũng hiểu được đại ý của bài nói ấy và truyền đạt lại cho các bạn hữu của mình. Nội dung chính của bài diễn thuyết ấy chính là vị thủ lĩnh nam Phi trách họ để mặc Bardik buôn bán lừa bịp với người Macalacca, những người này vốn không thể sở hữu thứ gì cho riêng họ. Để kết thúc, anh ta tuyên bố tịch thu những hàng hóa phi pháp ấy và hỏi liệu người da trắng có điều gì chê trách mình không.

Mấy người bạn họ, ai nấy đều có cùng quan điểm. Annibal Pantalacci muốn rằng tạm thời họ nhường bước để không gây bất hòa với thủ lĩnh Betchouana. James Hilton và Cyprien, dù đều cùng thừa nhận rằng phương cách ấy có mặt tốt, lại lo sợ nếu tỏ ra quá dĩ hòa vi quý trong vụ việc sẽ càng khơi gợi thêm tính cao ngạo của Lopèpe, và có thể, nếu những yêu sách của hắn đi xa hơn nữa, nguy cơ xảy ra một cuộc ẩu đả là không tránh khỏi.

Trong cuộc hội ý thì thầm, chớp nhoáng, họ nhất trí chấp thuận mất mấy chiếc cúc vào tay thủ lĩnh Betchouana, nhưng họ đòi những chiếc lông chim.

Chính James Hilton vội vàng giải thích cho anh ta, khi thì dùng điệu bộ, khi thì dùng một vài từ thổ ngữ nam Phi.

Lopèpe trước tiên tỏ vẻ ngoại giao và có vẻ do dự. Nhưng khi thấy những nòng súng châu Âu sáng loáng trong bóng tối, anh ta đã sớm quyết định, đưa trả lông chim.

Từ lúc ấy, vị thủ lĩnh này, trên thực tế rất thông minh, tỏ ra mềm mỏng hơn. Anh ta tặng ba người da trắng, Bardik và Lee, một nhúm trong hộp to đựng thuốc hít của mình, rồi ngồi lại trong trại. Một ly rượu mạnh do gã Napôli mời rót cuộc cũng giúp tâm trạng anh ta vui vẻ; sau đó, khi anh ta đứng dậy, sau một tiếng rưỡi đồng hồ gần như trôi qua trong sự im lặng hoàn toàn với bên này cũng như bên kia, là để mời cả đoàn đến thăm anh ta vào ngày hôm sau, tại làng của anh ta.

Họ hứa với anh ta, và sau khi bắt tay chào từ biệt, Lopèpe oai nghiêm rút lui.

Một lát sau khi anh ta đi, mọi người ngả lưng, ngoại trừ Cyprien, sau khi đã cuộn mình trong chăn, vừa ngắm sao vừa mơ mộng. Đêm đó không trăng, nhưng có vô số vì tinh tú đang lấp lánh. Lửa đã tắt mà chàng kỹ sư không để ý đến.

Chàng nghĩ đến những người thân của chàng, những người chẳng hề ngờ, vào khoảnh khắc này, một chuyến phiêu lưu thể này đưa chàng đến giữa sa mạc của nam Phi, nghĩ đến nàng Alice kiều diễm, nàng cũng vậy, có lẽ đang ngắm sao, sau cùng nghĩ đến tất cả những ai thân thiết với chàng. Rồi thả mình lang thang trong cơn mộng mơ êm dịu được sự tĩnh lặng tuyệt đối nơi đồng bằng thi vị hóa êm đềm, chàng chuẩn bị thiếp đi thì nghe có tiếng giẫm móng guốc, một tiếng náo động kỳ lạ, vẳng lại từ phía bãi nhốt đám bò thặng xe, đánh thức chàng khiến chàng đứng bật dậy.

Khi đó Cyprien ngỡ đã nhìn thấy trong bóng đêm một bóng dáng thấp hơn, mập tròn hơn bóng của mấy con bò, và hẳn nhiên, chính nó đã gây nên sự náo động này.



Không nhận biết rõ đây là con gì, Cyprien vợ lấy một ngọn roi nằm ngay tầm tay chàng rồi thận trọng đi về phía bãi nhốt thú.

Chàng không hề lầm. Rõ ràng ở kia, giữa đám bò, một con vật ngoài mong đợi đã đến quấy rối giấc ngủ bọn chúng.

Nửa mê nửa tỉnh, thậm chí trước khi kịp suy nghĩ nên làm gì, Cyprien giơ cao roi, và, phồng chùng, chàng quất một cú thật mạnh vào mồm của con vật lạ.

Một tiếng gầm khùng khiếp đột ngột tiếp đáp lại vụ tấn công này!... Đó là một con sư tử mà chàng kỹ sư trẻ vừa xử lý như một con chó bông.



Thế nhưng chàng mới chỉ kịp đặt tay lên khẩu súng đang đeo ở thắt lưng và thành linh nhảy sang một bên, thì con thú sau khi bật lên lao hụt phía chàng, vội lao tiếp về phía cánh tay chàng đang đưa ra.

Cyprien cảm nhận được những móng vuốt nhọn hoắt cào lên da thịt chàng, và chàng lăn tròn trong bụi đất cùng với con mãnh thú đáng gờm. Một tiếng nổ chột vang lên. Cơ thể con sư tử gãy giữa trong cơn co giật kinh khiếp rồi đờ ra và rớt xuống bất động.

Bằng bàn tay thoải mái cử động còn lại, Cyprien, không hề mất bình tĩnh, đã áp súng vào tai con quái vật, và một viên đạn nổ đã bắn nát đầu nó.

Những người đang ngủ, bị đánh thức bởi tiếng gầm rồi cả tiếng súng nổ sau đó, đến ngay hiện trường. Họ giải thoát cho Cyprien đang bị đè bẹp nửa người dưới trọng lượng của con thú khổng lồ, họ xem xét những vết thương trên người chàng, may mắn chỉ là những vết thương ngoài da. Lee băng bó chúng bằng vài mảnh vải có tẩm rượu mạnh, sau đó chàng được dành riêng chỗ ngủ tốt nhất ở cuối toa xe, lát sau mọi người đều ngủ lại trong sự canh giữ của Bardik, cậu muốn thức đến sáng.

Ánh dương chỉ vừa ló lên cũng là lúc có tiếng của James Hilton, cầu xin bạn hữu đến giúp mình, cho họ thấy lại xảy ra một sự cố. James Hilton vốn nằm ngủ để nguyên quần áo ở ngang tấm bạt, phía trước xe chở đồ, đang nói với giọng khiếp sợ run rẩy nhất, không dám phác một cử động nào.

“Có con rắn đang quấn quanh đầu gối chân phải, dưới ống quần của tôi!” anh ta nói. “Các anh đừng động đây nếu không tôi sẽ chết mất! Tuy nhiên, các anh xem có thể làm được gì không!” Đôi mắt anh ta trợn tròn vì khiếp sợ, khuôn mặt anh ta xanh mét. Ở đầu gối chân phải của anh ta, quả nhiên họ nhìn rõ dưới lớp vải quần xanh có một vật thể lạ - một loại dây cáp quấn quanh cẳng chân anh ta.

Tình hình quả rất nghiêm trọng. Đúng như James Hilton nói, chỉ cần anh ta nhúc nhích, con rắn sẽ không chần chừ cắn anh ngay!

Thế nhưng, giữa tâm trạng lo âu và do dự chung, Bardik chịu trách nhiệm hành động. Sau khi rút con dao săn của chủ cậu ra mà không gây tiếng động, cậu tiến đến gần James Hilton, với một động tác gần như rất khó

nhận thấy được, như kiểu sâu bò. Sau đó, ghé mắt đúng ngang tầm với con rắn, trong vài giây, cậu dường như nghiên cứu cẩn thận vị trí của loài bò sát nguy hiểm kia. Chắc hẳn, cậu đang cố xem cái đầu của con vật đặt ở đâu.

Đột nhiên, bằng động tác chớp nhoáng, cậu ta đứng vụt lên, cánh tay cậu nhanh chóng phất xuống, và lưỡi dao thép cắt một nhát nhanh và mạnh vào đầu gối của James Hilton.

“Ông có thể hất con rắn xuống!... Nó chết rồi!” Bardik vừa nói vừa cười ngoác miệng khoe hết cả hai hàm răng.

James Hilton máy móc làm theo và rung căng chân anh ta... Con bò sát rơi xuống bàn chân anh ta.

Đó là một con rắn độc đầu đen, đường kính khoảng một tấc, nhưng một vết cắn nhỏ nhất của nó cũng đủ gây chết người. Cậu bé nam Phi đã cắt đầu nó với một độ chính xác tuyệt hảo. Chiếc quần dài của James Hilton chỉ cho thấy một vết rạch vừa vụn sáu xentimét và da anh ta thậm chí không hề bị trầy xước.

Có một điều kỳ cục khiến Cyprien bất bình sâu sắc, đó là James Hilton dường như không hề nghĩ đến chuyện cảm ơn người đã cứu mình. Giờ đây khi đã hết bị lôi thôi rồi thì anh ta thấy việc làm ấy cũng hoàn toàn đương nhiên thôi. Anh ta cũng chẳng hề có ý cầm lấy cánh tay đen nhẻm của một người da đen nam Phi rồi nói với anh ta: Tôi mang ơn cứu mạng của anh!

“Dao của cậu sắc thật đấy!” anh ta chỉ nhận xét đơn giản như vậy trong lúc Bardik cắt nó lại vào bao, cả cậu nữa, cậu bé dường như cũng không cho rằng việc cậu vừa làm là quan trọng.

Bữa ăn sáng nhanh chóng xóa tan những ấn tượng về một đêm đầy biến động. Bữa ấy, chỉ có duy nhất một quả trứng đà điều trộn bơ nhưng quá đủ để thỏa mãn cơn đói của năm người ăn.

Cyprien sốt nhẹ và những vết thương làm chàng hơi đau. Tuy nhiên chàng cố nài nỉ để đi cùng Annibal Pantalacci và James Hilton đến làng của Lopèpe. Do đó trại được giao lại cho Bardik và Lee canh giữ, họ phụ trách lột da con sư tử - một con quý dữ thực thụ thuộc loài mõm chó. Ba chàng kỵ sĩ bắt đầu lên đường.

Thủ lĩnh người Betchouana đứng đợi họ ở cổng làng, xung quanh là những chiến binh của anh ta. Sau lưng họ, đứng ở hàng thứ hai, là phụ nữ và trẻ em xúm xít lại vì tò mò muốn xem người nước ngoài. Tuy thế, một vài người trong số những bà nội trợ da đen ấy vẫn tỏ vẻ thờ ơ. Ngồi trước căn lều hình bán cầu của mình, các bà tiếp tục chăm chú vào công việc. Vài ba bà đan lưới bằng đoạn cỏ sợi dài xe lại thành sợi như dây thừng.

Quang cảnh chung thật khôn khổ, dù rằng những căn lều được xây khá vững chắc. Căn của Lopèpe, dựng tại nơi gần như trung tâm của làng, rộng hơn những căn khác, bên trong trải thảm rơm bện.

Vị thủ lĩnh mời khách vào nhà, chỉ cho họ ba cái ghế đầu và đến phiên anh ta ngồi xuống trước mặt họ, trong khi đội lính gác danh dự đứng vây tròn sau lưng anh ta.

Họ bắt đầu bằng những phép xã giao thông thường. Tóm lại, nghi thức thường chỉ là uống một tách đồ uống lên men, do chính xưởng thủ công của thủ lĩnh tự sản xuất lấy; nhưng, để chứng minh phép xã giao ấy không che giấu những dự định hiểm ác, anh ta luôn bắt đầu bằng cách nhấp đôi môi dày của mình vào ly trước khi chuyển các bạn người ngoại quốc. Từ chối uống sau lời mời duyên dáng đến thế có lẽ là sự sỉ nhục chết người. Thế nên ba người khách da trắng uống cạn thứ bia nam Phi kia, Annibal Pantalacci không phải không nhăn mặt, như gã quay ra nói đồng rằng gã thích uống “một ly rượu Lê Chúa lacryma-christi hơn là tách sâm banh betchouana xoàng xĩnh vô vị này!”





Sau đó, họ nói về công việc. Lopèpe muốn mua một khẩu súng trường. Thế nhưng họ không thể thỏa mãn yêu cầu này của anh ta, cho dù anh ta muốn đổi bằng một con ngựa khá đực và một trăm năm mươi đồng tiền gà. Trên thực tế, luật pháp xứ thuộc địa rất nghiêm ngặt về vấn đề này đã cấm



người châu Âu không được chuyển nhượng vũ khí cho người nam Phi ở biên giới, trừ khi được sự cho phép đặc biệt từ quan toàn quyền. Bù lại, ba vị khách của Lopèpe đã mang cho anh ta một chiếc sơ mi vải flanen, một sợi dây xích bằng thép và một chai rượu rum, tất cả tạo thành một món quà tuyệt diệu đã khiến anh ta thích thú thấy rõ.

Phải chăng vì thế nên vị thủ lĩnh Betchouana tỏ ra hoàn toàn sẵn sàng cung cấp mọi thông tin mà mọi người hỏi anh ta, theo cách rất dễ hiểu, thông qua James Hilton.

Và trước tiên, có một lữ khách mang đủ dấu hiệu tương đồng với Matakít đã đi qua khu làng năm ngày trước. Đó là tin đầu tiên về kẻ chạy trốn mà đoàn du hành có được từ hai tuần nay. Thế nên họ đón nhận tin ấy vui vẻ. Cậu bé nam Phi có lẽ đã mất vài ngày để tìm nơi lội qua dòng Limpopo, và giờ thì cậu ta đi về phía dãy núi phương Bắc.

Còn phải đi mấy ngày đường trước khi đến được dãy núi kia?

Nhiều nhất là bảy hoặc tám ngày.

Lopèpe có phải là bạn của thống lĩnh của vùng đất ấy, nơi Cyprien và những bạn đồng hành sắp bị buộc phải dấn bước vào không?

Lopèpe thì lấy làm hãnh diện về điều này! Và lại, ai lại không muốn làm người bạn đáng kính và kẻ liên minh trung thành của người hùng onaïa, kẻ chinh phạt bất khả chiến bại những vùng đất nam Phi?

Tonaïa có đón tiếp niềm nở những người da trắng không? Có chứ, vì rằng, anh ta cũng như những thống lĩnh khác của vùng, biết rằng người da trắng không bao giờ ngại trả thù nếu người của họ bị xúc phạm. Có ích gì khi muốn chống lại người da trắng chứ? Chẳng phải họ luôn mạnh hơn nhờ những khẩu súng trường sặc tự động sao? Cách tốt nhất là hòa bình với họ, đón tiếp họ chu đáo và thật lòng trao đổi chui hàng hóa với họ.

Tóm lại, những thông tin Lopèpe cung cấp là như thế đấy. Thông tin duy nhất quan trọng: Matakít đã phải mất vài ngày đi bộ trước khi băng qua được sông, và nhờ thế họ luôn theo sát dấu của hắn.

Khi trở về trại, Cyprien, Annibal Pantalacci và James Hilton thấy Bardik và Lee đang kinh sợ hãi hùng.

Họ kể lại, một chiến binh nam Phi lực lưỡng của một bộ tộc khác với bộ tộc Lopèpe đến hỏi thăm, lúc đầu ông ta vây hai người lại, sau đó tiến hành một cuộc hỏi cung thực sự. Cả bọn đến vùng này làm gì? Phải chăng để theo dõi người Betchouana, thu thập thông tin về họ, nhận biết số lượng bọn họ, sức mạnh của họ, vũ khí của họ? Bọn nước ngoài thật sai lầm khi dấn thân vào công việc như thế! Dĩ nhiên đại thủ lĩnh Tonaïa chẳng có gì để nói chừng nào họ chưa xâm nhập vào lãnh thổ của ngài; thế nhưng ngài cũng có thể nhìn mọi việc bằng con mắt khác nếu bọn họ có ý định xâm nhập.

Đại ý những lời họ nói là như vậy đó. Anh chàng người Hoa không hề tỏ ra xúc động quá mức. Nhưng Bardik, thường ngày điềm đạm là thế, hết sức điềm tĩnh là thế trong mọi tình huống, tỏ vẻ bị giày vò bởi một nỗi kinh hãi thực sự, mà Cyprien không thể hiểu nổi.

“Các chiến binh rất hung tợn, cậu ta vừa nói vừa đảo qua đảo lại cặp mắt to, các chiến binh ghét người trắng và sẽ khiến họ ‘chết rất dã man’!...”

Đó là cụm từ mà mọi dân nam Phi nửa văn minh đều hiểu, khi họ muốn diễn đạt về cái chết thê thảm.

Làm gì đây? Có nên coi trọng sự cố này không? hẳn nhiên là không. Những chiến binh ấy mặc dù đông đến khoảng ba chục người, theo lời kể của Bardik và anh chàng người Hoa, nhưng bọn họ tập kích mà không có vũ khí và đã không gây hại gì và cũng chẳng có ý định cướp bóc. Lời đe dọa của họ hẳn nhiên không phải là những lời vô bổ, vì những cư dân hoang dã khá đề phòng người lạ. Chỉ cần vài lời nói và hành động lễ độ đối với vị

thống lĩnh Tonaia, vài lời giải thích thành thật về ý định thúc đẩy ba kẻ da trắng đến vùng này, là đủ để làm tiêu tan những hoài nghi của ông ta, nếu có, và đảm bảo lòng từ tâm của ông ta.

Thống nhất với nhau xong, họ đồng ý cùng lên đường. Hy vọng sớm đuổi kịp Matakít và lấy lại viên kim cương bị đánh cắp khiến họ quên hết những lo lắng khác.

# CHƯƠNG 15: MỘT ÂM MÙU

Đi tiếp chừng được một tuần lễ, đoàn xe vừa đến một vùng đất không hề giống những vùng đã đi qua trước đây kể từ biên giới của Griqualand. Lúc này họ đến được dãy núi nơi mà tất cả thông tin có được về Matakít đều cho rằng có khả năng đây là điểm đích cậu ta muốn đến. Việc sắp đến gần vùng cao nguyên, cũng như nhiều sông ngòi đổ ra từ đó để rồi hòa vào dòng Limpopo, được báo hiệu bởi một hệ động thực vật hoàn toàn khác với vùng đồng bằng.

Một trong số những thung lũng đầu tiên xuất hiện trước mắt ba lữ khách, mở ra một cảnh tượng tươi tắn nhất và đẹp mắt nhất, ngay trước lúc mặt trời lặn.

Một dòng sông, trong veo đến nỗi ở đâu ta cũng thấy đáy, chảy dài giữa hai đồng cỏ mướt xanh màu ngọc lục bảo. Những cây ăn quả, có tán lá đa dạng nhất, phủ kín các sườn đồi bao quanh lưu vực này. Trên khung cảnh chan hòa ánh nắng đó, dưới tán cây bao bắp to lớn, từng đàn linh dương đỏ, ngựa vằn cùng trâu đang bình yên gặm cỏ. Xa xa, một con tê giác trắng lê bước nặng nề băng qua khoảng rừng thưa rộng, đi chậm rãi về bờ sông rồi vui sướng gầm vang với ý nghĩ sẽ khuấy tung nước bằng cách đâm thân mình đầy đà của nó trong đó. Họ nghe thấy tiếng một loài thú dữ không thấy mặt, đang chán chường ngáp ngáp dài trong khu rừng bị đốn chặt nào đó. Một con ngựa lừa bị buộc dây kéo vào và từng bầy khi đuổi bắt nhau trên cành cây.



Cyprien và hai bạn đồng hành của chàng dừng chân trên đỉnh đồi để chiêm ngưỡng rõ hơn cảnh tượng thật quá mới mẻ với họ ấy. Họ nhận thấy cuối cùng họ đã đến một trong những vùng còn nguyên sơ, nơi đây động vật

hoang dã - vẫn là kẻ trị vì không thể chối cãi của mặt đất - sống thật hạnh phúc và tự do đến mức chúng thậm chí không ngờ là có mối nguy. Điều gây ngạc nhiên không chỉ là số lượng và vẻ bình thản của những con vật ấy, mà còn là sự đa dạng tuyệt vời của hệ động vật có trong phần lãnh thổ này của châu Phi. Ta có thể ví như đây là một trong những bức tranh kỳ lạ, trên đó người họa sĩ vui đùa tập hợp trong một bức khung chật hẹp tất cả những loài chính của giới động vật.

Vả lại có rất ít dân. Thật ra, giữa những chôn mênh mông này, những người da đen nam Phi, chỉ có thể sống rải rác trên bề mặt. Đây là sa mạc hay có vẻ như thế.

Cyprien, được thỏa mãn với bản năng bác học và nghệ sĩ của mình, chàng tưởng như được trở về thời tiền sử của động vật hóa thạch và những loài thú khác từng tồn tại trước đại hồng thủy.

“Chỉ còn thiếu lũ voi để bữa tiệc được trọn vẹn!” chàng kêu lên.

Thế nhưng, Lee đã dang rộng cánh tay chỉ cho chàng thấy ngay giữa một khoảng rừng trống rộng lớn, nhiều khối thịt xám. Từ xa, có lẽ ta cho đó là những tảng đá vì sự bất động cũng như vì màu sắc. Thực ra đó chính là một đàn voi. Đồng cỏ giờ như là lấm chấm trên bề mặt trải rộng vài dặm.

“Rõ là cậu hiểu rõ về voi nhỉ?” Cyprien hỏi anh chàng người Hoa trong lúc đó họ chuẩn bị trạm dừng chân buổi đêm.

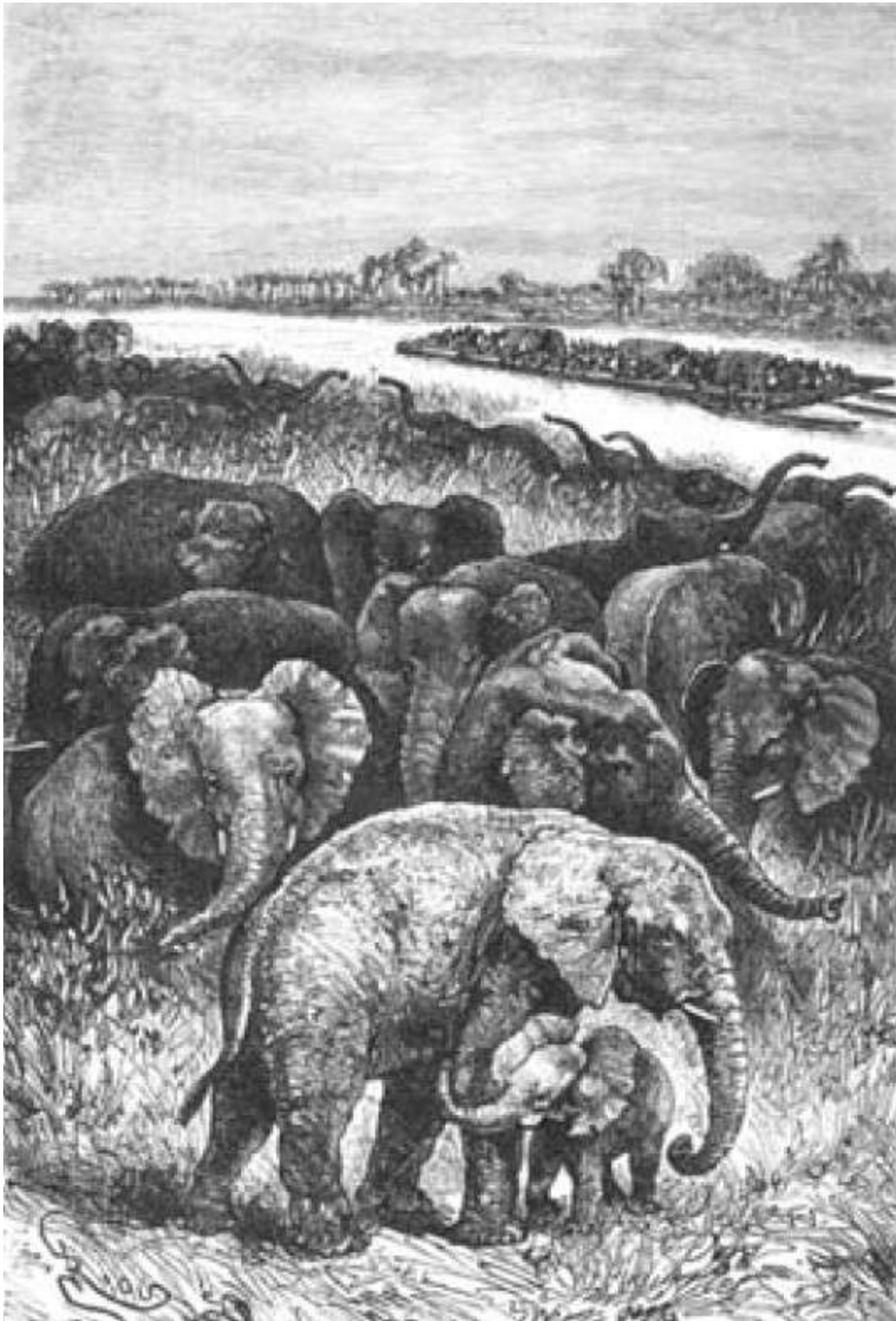
Lee nheo đôi mắt xé nhỏ xíu của mình.

“Tôi đã sống hai năm ở đảo Ceylan với công việc phụ tá thợ săn, anh ta trả lời một cách đơn giản cùng với vẻ dè dặt thấy rõ mỗi khi nói về đòi tư của mình.

“Chà! Sao chúng ta không hạ một vài con nhỉ!” James Hilton kêu lên. Sẽ là một cuộc săn bắn rất vui thú đây...



“Đúng vậy, và trong cuộc săn bắn ấy con thú cũng giá trị ngang bằng lượng thuốc súng nhé!” Annibal Pantalacci nói thêm. “Hai chiếc ngà voi sẽ trở thành món chiến lợi phẩm đẹp đấy, và chúng ta có thể dễ dàng đặt ba hoặc bốn tạ thứ ấy ở sau xe!... Này các bạn hữu, các anh biết đấy, không cần gì hơn thế để trang trải cho chuyến đi!”



“Nhưng đây là một sáng kiến, hay đó!” James Hilton hét lên. “Tại sao chúng ta không thử nhỉ, vào sáng mai, trước khi chúng ta lên đường?”

Họ thảo luận vấn đề ấy. Tóm lại, họ đã quyết định sẽ nhổ trại vào lúc tờ mờ sáng, rồi họ sẽ đi cầu may ở phía thung lũng nơi vừa trông thấy đàn voi.

Mọi chuyện được thống nhất như vậy, và bữa tối diễn ra nhanh gọn rồi mọi người rút lui vào dưới bạt che xe, ngoại trừ James Hilton là người canh gác đêm ấy phải ngồi gần đồng lửa.

Anh ta ngồi một mình đã hai giờ liền, và đúng lúc bắt đầu thiu thiu ngủ thì anh cảm thấy một cú huých nhẹ ở khuỷu tay. Anh mở mắt ra. Annibal Pantalacci lại ngồi gần anh.

“Tôi không ngủ được, và tôi nghĩ thà đến ngồi cùng anh còn hơn,” gã Napôli nói.

“Anh thật đáng mến, nhưng với tôi, ngủ một vài giờ sẽ không làm tôi chán đâu!” James Hilton vừa đáp vừa vờn vai. “Nếu anh muốn, chúng ta có thể dàn xếp thoải mái! Tôi sẽ vào ngủ ở chỗ anh dưới bạt, còn anh thế chỗ tôi ở đây!”

“Không!... Anh cứ ở đây!... Tôi cần nói chuyện với anh!” Annibal Pantalacci thì thào.

Gã liếc nhìn xung quanh để chắc rằng chỉ hai người họ, rồi nói tiếp:

“Anh đã săn voi rồi chứ?”

“Phải, hai lần rồi,” James Hilton trả lời.

“Tốt rồi! Anh đã biết đó là một cuộc săn nguy hiểm xiết bao! Con voi thông minh thế, ranh mãnh thế, trang bị tốt thế! Không phải không có lúc con người sẽ yếu thế trong cuộc chiến với nó!”

“Được rồi! Anh đang nói giúp những kẻ vụng về!” James Hilton đáp. “Nhưng với một khẩu cacbin thiện xạ nạp đầy đạn nổ thì chẳng việc gì phải sợ cả!”



“Đây cũng là điều tôi nghĩ,” gã Napôli đáp. “Tuy nhiên, cũng có khi xảy ra tai nạn!... Giả dụ ngày mai sẽ có một tai nạn xảy đến với anh chàng người Pháp kia, đó sẽ là nỗi bất hạnh thực sự cho khoa học!”

“Nỗi bất hạnh thực sự!” James Hilton nhắc lại. Và anh ta phá lên cười vẻ nham hiểm.

“Với chúng ta, bất hạnh ấy chẳng hoàn toàn quan trọng đến vậy! bị kích động bởi nụ cười của bạn mình,” Annibal Pantalacci nói tiếp. “Chúng ta sẽ chỉ còn hai người đuổi theo Matakít và viên kim cương của hắn!... Thế mà, với hai người, ta luôn có thể dàn xếp ổn thỏa...”

Cả hai gã lặng yên nhìn chăm chăm vào những mẫu củi cháy dở, tâm tưởng lạc trong mưu đồ tội lỗi của mình.

“Đúng vậy!... Với hai người, ta luôn có thể dàn xếp!” gã Napôli nhắc lại. “Ba người sẽ khó hơn!”

Thêm một lát im lặng.

Đột nhiên, Annibal Pantalacci ngẩng phát đầu lên rồi nhìn dò xét màn đêm bao phủ quanh gã.

“Anh không nhìn thấy gì chứ?” gã hỏi giọng thì thào. “Hình như tôi thấy có cái bóng thấp thoáng sau cây bao bắp kia!”

Đến lượt James Hilton nhìn; nhưng dù mắt anh ta có tinh đến đâu thì cũng không nhìn thấy gì khả nghi xung quanh trại.

“Chẳng có gì đâu! anh ta nói. Chỉ là áo quần mà tên người Hoa giặt phơi dưới sương!”

Cuộc nói chuyện giữa hai kẻ đồng mưu tiếp tục sau chốc lát, nhưng lần này là với giọng thì thầm.

“Tôi có thể tháo ống đạn ra khỏi súng hắn ta, mà hắn không cảnh giác!” Annibal Pantalacci nói. “Sau đó, lúc tấn công một con voi, tôi sẽ bắn một phát sau lưng hắn ta, để con thú nhìn thấy hắn đúng lúc ấy... và sẽ không kéo dài đâu!”

“Việc anh đề nghị có lẽ rất nhạy cảm đấy!” James Hilton phản đối yếu ớt.

“Ôi dào! cứ để tôi làm và anh sẽ thấy chuyện tự nhiên đến!” gã Napôli đáp.

Một giờ sau, khi gã quay lại chỗ bên cạnh những người đang ngủ dưới bạt xe, Annibal Pantalacci cẩn thận thấp diêm lên để chắc rằng không ai cựa quậy. Nhờ thế gã nhìn thấy Cyprien, Bardik và tên người Hoa đang ngủ say sưa.

Ít nhất thì họ đều có vẻ đang ngủ say. Thế nhưng, giá mà gã Napôli để ý kỹ hơn, có lẽ gã đã nhận ra trong tiếng ngáy của Lee điều gì đó giả tạo và vờ vĩnh.

Ngay lúc trời sáng, mọi người đều đứng dậy. Annibal Pantalacci biết lợi dụng lúc Cyprien đi ra suối gần đó để làm vệ sinh buổi sáng, và gã đã lấy cấp ống đạn trong súng của chàng. Việc ấy mất chừng hai mươi giây. Gã ta chỉ có một mình. Trong lúc này, Bardik pha cà phê, anh chàng người Hoa gom áo quần phơi dưới sương đêm trên sợi dây nổi tiếng của mình chằng ngang giữa hai cây bao bắp. Hẳn nhiên, chẳng ai nhìn thấy gì.

Dùng cà phê xong, họ lên ngựa đi, để xe và súc vật lại cho Bardik canh giữ.

Lee xin đi theo các kỵ sĩ và chỉ mang theo con dao sẵn của chủ mình.

Chưa đầy nửa giờ sau, cánh thợ săn đến đúng nơi mà chiều hôm trước họ đã thấy đàn voi. Nhưng ngày hôm ấy, phải đi xa hơn một chút thì mới gặp được chúng và đến tận khoảng rừng thưa rộng lớn mở ra giữa chân núi và hữu ngạn của dòng sông.

Trong không khí tươi sáng và mát mẻ rạng rỡ dưới ánh mặt trời mọc, trên thảm cỏ mịn bao la vẫn còn ẩm sương, một bộ tộc voi - ít nhất là hai hay ba trăm con - đang ăn bữa sáng. Lũ voi con điên cuồng nhảy nhót quanh mẹ chúng hoặc đang lặng yên nằm bú. Đám lớn hơn, đầu cúi xuống đất, tung vòi theo nhịp, đang gặm cỏ mọc dày trên đồng. Hầu hết bọn chúng phe phẩy những chiếc tai bự của mình tựa như mấy chiếc áo măng tô bằng da, lật qua lật lại như những chiếc quạt punka<sup>[22]</sup> ở Ấn Độ.

Trong cảnh yên bình của niềm hạnh phúc này có điều gì đó rất đổi thiêng liêng, có thể nói là, nó thiêng liêng đến mức Cyprien xúc động sâu sắc, và đề nghị các bạn chàng từ bỏ cuộc săn đã định.

“Giết chết bọn thú vô hại này phỏng có ích gì?” chàng nói. “Nên chẳng là để chúng bình yên trong nơi chốn hiu quạnh của chúng?”

Thế nhưng, lời đề nghị này, vì nhiều lý do động cơ, không thể khiến Annibal Pantalacci thích thú.



“Có ích gì ư?” gã vừa đáp vừa cười khẩy, nhưng là để kiếm đầy túi tiền chúng ta, bằng cách kiếm về cho chúng ta vài tạ ngà! Có phải mấy con thú to lớn kia làm anh sợ không, hả anh Méré?”

Cyprien nhún vai, không muốn đập lại sự xúc xược kia. Thế nhưng, khi chàng thấy gã Napôli cùng bạn tiếp tục tiến sâu vào rừng thưa, chàng cũng làm như họ.

Giờ đây cả ba người chỉ còn cách bảy voi hai trăm mét. Nếu những con vật thông minh kia, với thính giác rất nhạy, khi thức thì nhanh nhẹn đến thế, mà vẫn chưa nhận thấy ba kẻ đi săn đang tiến lại gần, chính bởi vì bọn chúng ở nơi ngược hướng gió, mặt khác chúng còn được bao bọc bởi những vạt cây bao báp dày đặc.

Tuy nhiên, một trong số những con voi bắt đầu phát những dấu hiệu lo lắng và gơ cao vòi nó thành hình dấu hỏi.

“Đây chính là lúc đó,” Annibal Pantalacci nói thì thào. “Nếu muốn đạt một kết quả nghiêm túc, chúng ta phải giãn cách nhau ra và mỗi người chọn một súng, sau đó, cùng đồng loạt bắn khi có tín hiệu ước định, bởi vì , ngay sau phát súng đầu tiên, cả bảy sẽ chạy trốn.”

Vì ý kiến này được thông qua, James Hilton tách ra về cánh phải. Cùng lúc ấy, Annibal Pantalacci đi về phía cánh trái, và Cyprien ở ngay giữa. Sau đó cả ba người bắt đầu rón rén đi về phía rừng.

Ngay lúc này, Cyprien rất ngạc nhiên vì cảm thấy có hai cánh tay bỗng ôm siết chàng rất chặt, vừa hay giọng của Lee thì thào vào tai chàng:

“Tôi đây!... Tôi vừa nhảy lên yên ngựa sau lưng ông!... Ông đừng nói gì cả!... Chốc nữa ông sẽ hiểu tại sao!”

Khi đó Cyprien đã đến bìa rừng và chỉ còn cách bảy voi khoảng ba mươi mét. Chàng đã lên cò súng trường để sẵn sàng trong mọi tình huống, lúc ấy

anh chàng người Hoa nói thêm với chàng:

“Súng của ông đã bị tháo đạn!... Ông đừng lo ngại!... Sẽ ổn thôi!... Sẽ ổn thôi!”

Ngay lúc ấy vang lên tiếng còi dưng để báo hiệu đồng loạt tấn công, và gần như cùng lúc, một phát súng - duy nhất một phát - bắn ra từ phía sau Cyprien.

Chàng nhanh chóng quay lại nhìn và thấy Annibal Pantalacci đang cố lẩn trốn sau thân cây. Thế nhưng, gần như ngay lúc đó có một việc còn trầm trọng hơn khiến chàng chú ý.

Một con voi trong bầy, hẳn nhiên là bị thương và trở nên điên dại vì vết thương của mình, đang lao về phía chàng. Những con khác, như gã Napôli đã báo trước, vội vã chạy trốn với những bước giầy xéo khùng khiếp làm mặt đất rung chuyển đến khoảng hai nghìn mét bán kính.

“Chúng ta bắt đầu nào!” vẫn bám chặt vào Cyprien, Lee hét to. “Vào lúc con thú sắp đâm vào ông, hãy cho con Templar nhảy sang bên!... Sau đó ông hãy chạy vòng quanh bụi cây kia và để cho con voi đuổi theo ông!... Tôi sẽ phụ trách việc còn lại!”

Cyprien chỉ còn kịp thực hiện gần như máy móc những chỉ dẫn ấy. Vòi giơ cao, hai mắt vằn tia máu, miệng há ngoác, hai ngà chĩa về trước, con thú da dày khổng lồ lao vào chàng với tốc độ nhanh không ngờ.

Con ngựa Templar tỏ ra rất lão luyện. Tuân theo sự điều khiển bằng những cú thúc đầu gối của người kỵ sĩ với độ chính xác đáng nể, nó thực hiện đúng thời điểm cú nhảy giật về bên phải. Phải chăng vì thế nên con voi, dù lao tới hết sức nhanh, đến ngay chỗ con ngựa và chàng kỵ sĩ chỉ mới vừa phi qua, mà không đụng được họ.

Tuy nhiên, anh chàng người Hoa, sau khi rút dao găm ra khỏi bao mà không nói lời nào, đã trượt mình xuống đất, và bằng động tác nhanh nhẹn, lao vào sau bụi cây mà anh đã chỉ cho chủ mình.

“Kia!... Kia!... Ông hãy phi quanh bụi cây kia!... Để cho nó đuổi theo ông!” anh chàng hét thêm lần nữa.

Con voi quay lại phía họ, càng hung tợn hơn nữa vì đã không thành công trong lần tấn công thứ nhất. Cyprien, dù không biết rõ mục đích cuộc rượt đuổi do Lee chỉ dẫn này, vẫn thực hiện một cách chính xác. Chàng phi xung quanh bụi cây, theo sau là con thú đang hỏn hển, và bằng cú né xa bất ngờ của con ngựa chàng đánh lừa thêm hai lần tấn công của nó nữa. Nhưng chiến lược này có thể thành công lâu dài không? Có phải Lee hy vọng làm con thú mất sức?

Đó chính là điều Cyprien băn khoăn mà không thể tìm ra câu trả lời thỏa đáng, đúng lúc ấy, trước sự ngạc nhiên vô cùng của chàng, con voi đột nhiên khuyu gối xuống.



Lee, chớp lấy thời điểm thuận lợi này với vẻ khéo léo vô song, trượt dài trên cỏ tới tận hai chân của con thú, và chỉ bằng một nhát dao sắc duy nhất, anh đã cắt đứt gân chân của nó, nơi người ta thường gọi, trên cơ thể người, là gân gót chân.

Người Hin-đô thường hành động như vậy trong những chuyến săn voi, và anh chàng người Hoa có lẽ thường dùng chiến thuật này ở Ceylan, bởi lẽ anh ta đã thực hiện với độ chính xác và sự điềm tĩnh tuyệt vời.

Gục xuống đất và bất lực, con voi nằm bất động, đầu cuộn trong lớp cỏ dày. Một dòng máu tuôn ra từ vết thương của nó có vẻ như làm nó yếu dần.

“Ôi ôi!... Hoan hô!...” Annibal Pantalacci tức thì la lên và James Hilton cũng xuất hiện trong màn kịch chiến đấu này.

“Phải kết liễu nó bằng một viên đạn vào mắt!” James Hilton nói tiếp, anh ta hình như muốn chứng tỏ một nhu cầu khó cưỡng là phải làm gì đó và phải đóng một vai chủ động trong thảm kịch này.

Nói đoạn, anh ta tì súng vào vai rồi bắn.

Trong giây lát, họ nghe thấy trong thân thể khổng lồ của con thú bốn chân ấy tiếng đạn nổ. Nó co giật khủng khiếp, sau đó nằm bất động, trông giống một tảng đá màu xám nào đó rớt xuống đất.





“Hoàn thành!” James Hilton vừa hét lớn vừa phi ngựa đến sát con thú để nhìn nó rõ hơn.



“Ông đợi đã!... Ông đợi đã!...” ánh mắt của anh chàng người Hoa dường như muốn nói vậy với chủ mình.

Không phải đợi lâu cho đoạn kết khủng khiếp nhưng khó lường của cảnh tượng này.

Quả nhiên, khi vừa mới đến gần con voi, James Hilton cúi xuống bên bàn đạp chân ở yên ngựa, và để chế giễu, anh ta thử nâng một cái tai khổng lồ của nó lên. Nhưng rồi, bằng một cử động bất ngờ, con thú nâng cao vòi trở lại rồi giáng mạnh xuống anh chàng thợ săn bất cẩn, quật gãy cột sống anh ta và nghiền nát đầu anh ta, trước khi những kẻ đang chứng kiến, kinh hãi vì kết cục này, kịp báo hiệu cho anh ta. James Hilton chỉ có thể hét lên một tiếng sau cùng.

Trong vòng ba giây, anh ta chỉ còn là đồng thớt be bét máu, rồi con voi ngã nhào trên đồng ấy không còn gượng dậy nữa.

“Tôi đã đoán chắc anh ta sẽ tan xác!” anh chàng người Hoa vừa lắc đầu vừa nói vẻ trịnh trọng. “Loài voi không bao giờ bỏ lỡ dịp làm vậy khi có cơ hội!”

Điều văn tiền James Hilton là vậy đấy. Chàng kỹ sư trẻ, vẫn còn choáng váng vì âm mưu phản bội mà thiếu chút nữa chàng thành nạn nhân, không thể ngăn mình xem đây là sự trừng phạt công bằng dành cho một trong những kẻ khôn kiếp muốn để mặc chàng vô phương tự vệ trước cơn điên dại của con thú đáng gờm đến thế.

Về phần gã Napôli, cho dù gã nghĩ gì, gã cũng xét thấy chỉ nên giữ cho riêng mình.

Tuy nhiên, anh chàng người Hoa đã lo đào một cái hố giữa đồng cỏ bằng con dao săn ở trong đó, được Cyprien phụ giúp, anh nhanh chóng chôn thi thể biến dạng của kẻ thù.

Những việc đó tốn khá thời gian, và lúc ba người đi sẵn lên đường về trại, mặt trời đã lên cao đằng chân trời.

Khi về đến nơi, họ thực sự lo ngại vì cái gì nào?... Bardik không còn đây nữa.

# CHƯƠNG 16: SỰ PHẢN BỘI

Vậy chuyện gì đã xảy ra khi Cyprien và hai bạn hữu vắng trại? Thật khó mà nói có chuyện gì, chừng nào cậu bé nam Phi chưa quay trở lại.

Thế nên họ đợi Bardik, họ gọi cậu ta, họ tìm cậu ta tứ phía. Chẳng phát hiện được bất kỳ dấu vết nào của cậu. Bữa ăn trưa mà cậu chuẩn bị để gần lò lửa đã tắt đường như cho thấy cậu biến mất cách đây chỉ khoảng hai hay ba tiếng.

Cyprien buộc phải đưa ra những phỏng đoán về điều đã khiến cậu ta biến mất, nhưng những phỏng đoán ấy, chẳng gì có thể làm sáng tỏ được. Rằng cậu bé nam Phi bị thú dữ tấn công, điều này ít có khả năng lắm: chẳng có lấy một dấu vết của cuộc tấn công đẫm máu hay thậm chí của sự lộn xộn xung quanh. Rằng cậu bỏ trốn để quay về xứ cậu, như những người nam Phi thường làm, điều ấy còn khó xảy ra hơn với một cậu bé tận tụy đến vậy, và chàng kỹ sư trẻ kiên quyết không chấp nhận giả thiết do Annibal Pantalacci đưa ra này.

Tóm lại, sau nửa ngày tìm kiếm, vẫn chưa tìm thấy cậu bé nam Phi, và sự biến mất của cậu là việc hoàn toàn không thể giải thích.

Vậy là Annibal Pantalacci và Cyprien hội ý. Sau cuộc thảo luận, họ quyết định chờ đến sáng hôm sau mới nhổ trại. Có thể, trong khoảng thời gian ấy, Bardik sẽ trở về chăng, nếu như cậu chỉ đơn giản là lạc đường khi truy đuổi mấy con thú săn, đã kích thích ham muốn săn bắn của cậu.

Thế nhưng, khi nhớ lại đám người nam Phi đã ghé thăm một trong số những lần cắm trại trước đó, và nhớ lại cả những câu họ đã hỏi Bardik và Lee, cả nỗi sợ họ biểu lộ khi thấy người nước ngoài, những người có thể là gián điệp, thám hiểm trên xứ sở của Tonaia, ta có thể tự hỏi, không phải

không có lý, liệu Bardik có rơi vào tay những dân bản địa ấy hay không, phải chăng cậu bị đưa đi đến tận thủ phủ của bọn họ.

Một ngày kết thúc buồn bã và buổi tối càng sâu thẳm hơn. Hình như một luồng gió xui xẻo đã thổi lên đoàn viễn chinh. Annibal Pantalacci lẩn tránh và câm lặng. Hai đồng bọn của gã là Friedel và James Hilton hiện đã chết, và giờ đây gã một mình đối mặt với anh chàng đối thủ trẻ của mình, nhưng hơn bao giờ hết gã cương quyết loại bỏ một kẻ cầu hôn mà gã không muốn có kẻ cả trong phi vụ kim cương cũng như cuộc đua tranh kết hôn. Và với gã, đây chỉ thực sự là những phi vụ làm ăn.

Về phần Cyprien - đã nghe Lee kể tường tận chuyện nghe lỏm được về vụ tháo ống đạn - giờ đây, chàng phải cảnh giác bạn đồng hành cùng chàng cả ngày lẫn đêm. Thực ra thì anh chàng người Hoa định gánh một phần nhiệm vụ này.

Cyprien và Annibal Pantalacci hút thuốc cùng nhau trong đêm gần đông lửa, lặng lẽ, và rồi lui vào trong toa xe che bạt, thậm chí không nói với nhau một câu chúc ngủ ngon. Đến phiên Lee canh chừng gần đông lửa nhóm lên để đuổi thú dữ.

Ngày hôm sau, khi trời sáng, cậu bé nam Phi vẫn không trở lại trại.

Lẽ ra Cyprien muốn đợi thêm hai mươi bốn tiếng nữa hòng cho người giúp việc chàng một cơ hội cuối cùng để trở lại, nhưng gã Napôli thúc giục lên đường ngay lúc ấy.

“Ta có thể hoàn toàn chẳng cần đến Bardik,” gã nói, “và chậm trễ tức là mạo hiểm vì không thể đuổi kịp Matakít nữa!”

Cyprien thuận theo, và anh chàng người Hoa bắt tay vào việc gom bò về để khởi hành.

Thêm một thất vọng mới và còn là nghiêm trọng nhất. Đàn bò, chúng cũng vậy, không thấy chút tăm hơi. Đêm trước, chúng vẫn còn ngủ trong đám cỏ cao xung quanh trại!... Nhưng giờ thì không thể tìm thấy một con nào.

Chính vì vậy mà họ có thể đo lường mức độ thiệt hại chuyển đi khi thiếu vắng Bardik! Giá như cậu giúp việc thông minh ấy làm đúng phận sự của mình, mỗi cậu hiểu rõ những thói quen của giống bò nam Phi, cậu sẽ không quên cột những con vật nghỉ ngơi cả ngày trời ấy vào các thân cây hoặc các chân cọc. Thông thường, khi đến những trạm dừng chân sau một ngày dài đi đường, sự đề phòng là vô ích: đàn bò, kiệt sức vì mệt, chỉ nghĩ chuyện quần quanh gần xe, sau đó ban đêm chúng ngủ và lúc tỉnh dậy thì chỉ cách chừng hơn một trăm mét. Thế nhưng, sau một ngày nghỉ ngơi và no nê thì lại là chuyện khác.

Hẳn nhiên, mối quan tâm đầu tiên của những con vật này khi thức dậy là đi tìm loại cỏ ngon lành hơn thứ chúng đã ăn chán chê đêm trước. Với bản tính ưa ngao du, chúng dần dần đi xa để trại khuất khỏi tầm mắt thế rồi bị thúc đẩy bởi bản năng tìm về chuồng trại, có khả năng bọn chúng, con này đi theo con kia, đơn giản là ngược trở lại đường đi Transvaal.

Đây là một thảm họa, không phải hiếm trong các chuyến du hành qua vùng trũng châu Phi ấy, dù vậy vẫn cứ là thảm họa nghiêm trọng nhất, vì nếu không có con vật thắng xe, toa xe trở nên vô dụng, mà toa xe, đối với một lũ hành châu Phi vừa là nhà, vừa là cửa hàng vừa là pháo đài.

Nỗi thất vọng thật quá lớn cho Cyprien và Annibal Pantalacci, vì sau một cuộc tìm kiếm miệt mài kéo dài hai hay ba giờ lần theo dấu vết đàn bò, họ đành thừa nhận rằng phải từ bỏ hy vọng bắt được chúng.

Tình hình trở nên đặc biệt nghiêm trọng, và một lần nữa, lại phải hội ý.

Thế nhưng, hầu như chỉ có một giải pháp tình thế cho lúc này: bỏ toa xe lại, mang theo những thực phẩm dự trữ, đạn dược trong khả năng họ có thể, và tiếp tục cuộc hành trình bằng ngựa. Nếu gặp tình huống thuận lợi, có thể họ

sẽ sớm thương thảo được với một tộc trưởng nam Phi để đổi một khẩu súng hoặc vài ống đạn lấy một cỗ xe bò mới. Phần Lee, anh chàng sẽ cưới con ngựa của James Hilton, ta biết rồi đấy, nó không còn chủ nữa.

Vậy là họ phải bắt tay vào chặt những cành cây tua tủa gai để che phủ cái toa xe sao cho nó như được giấu dưới một bụi cây gai giả. Thế rồi, mỗi người họ dồn hết vào các túi, trong những xách nào áo quần, nào thức ăn đóng hộp nào đạn dược càng nhiều càng tốt. Anh chàng người Hoa phải bỏ lại cái rương đồ của mình, vốn dĩ quá nặng, trong sự tiếc nuối lớn lao; nhưng vì không thể quyết định bỏ lại sợi dây nên anh chàng quấn nó quanh hông, dưới vạt áo dài, như một chiếc thắt lưng.

Những bước chuẩn bị này đã xong, sau khi nhìn lần cuối thung lũng, nơi xảy ra nhiều sự việc bi thảm đến nhường ấy, ba người cưới ngựa đi lên con đường dốc. Con đường ấy, cũng như những con đường trong vùng, chỉ đơn giản là một lối mòn do bọn thú dữ tạo nên, gần như lúc nào cũng là hướng đi trực tiếp nhất dẫn đến chỗ có nước uống.

Khi đó đã quá Ngọ, và dưới ánh nắng như thiêu như đốt, Cyprien, Annibal Pantalacci và Lee thúc ngựa đi nhanh cho đến lúc chập tối, sau đó, khi đã dựng trại ở một khe sâu trong núi, dưới sự che chắn của một tảng đá lớn, ngồi quanh đồng lửa to đốt từ củi khô giòn, họ nói với nhau rằng rốt cuộc thiệt hại về toa xe không phải là không thể bù đắp được.

Trong hai ngày tiếp đó, họ cứ đi tiếp như thế, chẳng chút nghi ngờ liệu họ có theo đúng dấu vết của kẻ họ đang truy lùng hay không. Quả nhiên, vào buổi tối của ngày đi đường thứ hai, vào lúc chập tối, trong lúc họ đi chậm chậm về phía một lùm cây mà họ định sẽ qua đêm ở đó, Lee đột nhiên thất thanh kêu lên.

“Ồi!” anh ta vừa la lên vừa chỉ tay về phía chòm đen nhỏ đang di chuyển đằng chân trời nơi có những luồng sáng cuối cùng của hoàng hôn.





Ảnh mắt của Cyprien và Annibal Pantalacci tự nhiên nhìn theo hướng tay Lee chỉ.

“Một kẻ du hành!” gã Napôli hét lớn.

“Chính là Matakít!” Cyprien nói rồi vội vàng đưa ống nhòm lên mắt. “Tôi nhìn thấy rất rõ cỗ xe của cậu ta và con đà điểu!... Chính là cậu ta rồi!”

Và chàng chuyển ống nhòm cho Pantalacci, đến lượt gã cũng tin chắc chắn là thế.

“Các anh nghĩ xem, lúc này cậu ta đang cách chúng ta khoảng cách bao nhiêu?” Cyprien hỏi.

“Ít nhất khoảng bảy đến tám dặm, nhưng có thể là mười dặm,” gã Napôli đáp.

“Vậy là chúng ta phải từ bỏ hy vọng đuổi kịp cậu ta hôm nay trước khi nghỉ chân ư?”

“Chắc chắn rồi,” Annibal Pantalacci đáp. “Nửa giờ nữa, trời sẽ tối mịt, và không thể nghĩ đến việc đi thêm bước nào về hướng kia đâu!”

“Thôi được! ngày mai chúng ta chắc chắn đuổi kịp cậu ta, nếu khởi hành sớm!”

“Tôi hoàn toàn đồng ý.”

Cuối cùng mấy kỵ sĩ cũng đến lùm cây, và họ đặt chân xuống đất. Theo thói quen thường kỳ, đầu tiên họ bắt đầu vuốt ve ngựa rồi kỳ cọ chúng cẩn thận, trước khi cột vào cọc để chúng gặm cỏ. Trong thời gian ấy, anh chàng người Hoa phụ trách nhóm lửa.

Buổi tối trôi qua cùng các công việc ấy. Bữa ăn tối hôm ấy có lẽ vui hơn một chút so với ba ngày qua. Nhưng khi bữa tối chỉ vừa mới xong, ba kẻ du hành, cuộn mình trong chăn, nằm cạnh đồng lửa được nhóm cho cả đêm, đầu kê trên yên ngựa của mình, đã chuẩn bị đi ngủ ngay. Quan trọng là phải

khởi hành trước khi trời sáng để có thể tranh thủ thời gian và đuổi kịp Matakít.

Cyprien và anh chàng người Hoa nhanh chóng ngủ say - điều này với họ có lẽ là không thận trọng lắm.

Gã Napôli thì không vậy. Đã hai hay ba giờ qua, gã cựa mình trong chăn, như người đang bị ám ảnh bởi ý nghĩ nào đó. Rắp tâm gây tội ác lại dâng lên trong gã.

Cuối cùng, không chịu được nữa, gã đứng dậy rất lặng lẽ, đi về phía mấy con ngựa, thàng yên vào con của gã; sau đó, cởi dây con Templar và con ngựa của anh chàng người Hoa, kéo chúng bằng dây buộc rồi dắt chúng đi. Cỏ mềm mọc đầy trên đất đã át đi hoàn toàn tiếng vó của ba con ngựa, chúng cam chịu đến ngu ngốc để mặc bị dắt đi, hoàn toàn lơ đãng vì bị đánh thức đột ngột như thế. Annibal Pantalacci dắt chúng đi xuống sâu dưới thung, ngay sườn đồi của chỗ dừng chân, cột chúng vào một cái cây rồi trở lại trại. Không ai trong hai người đang ngủ cựa quậy.

Thế là gã Napôli gom chăn, súng trường, đạn và một số đồ hộp; sau đó, lạnh lùng, cương quyết, gã ta bỏ lại hai bạn đường của mình ngay giữa sa mạc này.

Ý nghĩ cứ ám ảnh gã từ lúc trời sập tối chính là nếu mang theo hai con ngựa, gã sẽ khiến Cyprien và Lee không thể đuổi kịp Matakít. Do đó gã sẽ nắm chắc phần thắng. Bản chất bỉ ổi của sự phản bội ấy, sự đê hèn mà gã dùng để lấy cắp của những bạn đồng hành với mình như thế, những người chỉ mang đến cho gã điều tốt, chẳng gì ngăn cản được gã khôn nạn ấy nữa. Gã leo lên yên ngựa, và kéo theo sau mình hai con ngựa đang phì phò ồn ào nơi gã cột chúng, gã phi nước kiệu xa dần, dưới ánh sáng của vầng trăng đang hiện ra trên đồi.

Cyprien và Lee vẫn ngủ. Mãi đến ba giờ sáng, anh chàng người người Hoa mới mở mắt rồi ngắm những ngôi sao đang mờ đi phía đằng Đông.

“Đến lúc pha cà phê rồi!” anh tự nhủ.

Và, không chân chừ hơn nữa, hất tung chăn đang đắp ra, anh đứng lên rồi bắt đầu việc vệ sinh buổi sáng, một việc mà anh chẳng hề bỏ qua dù ở sa mạc hay thành thị.

“Pantalacci đâu nhỉ?” anh chợt tự hỏi.

Bình minh vừa ló dạng, và mọi vật xung quanh trại trở nên rõ ràng hơn.

“Cả bọn ngựa cũng không còn ở kia nữa!” Lee tự nhủ. “Lẽ nào anh bạn tử tế kia...”

Và, nghi ngờ có chuyện xảy ra, anh chạy lại phía cọc nơi tối hôm trước anh đã thấy mấy con ngựa được cột chặt, anh đi vòng quanh trại, trong chớp mắt, anh chắc chắn rằng mọi hành lý của gã Napôli đã biến mất cùng gã ta.

Sự việc đã rõ mười mươi.

Một người da trắng có lẽ sẽ không kiềm chế nhu cầu hết sức tự nhiên mà đánh thức Cyprien ngay lúc ấy để thông báo việc nghiêm trọng này. Nhưng anh chàng người Hoa là một người da vàng và anh nghĩ rằng, nếu phải báo chuyện bất hạnh thì không gì phải vội vã. Thế nên anh bình tĩnh bắt tay vào pha cà phê.

“Kẻ ranh mãnh kia vẫn tốt bụng chán vì còn để lại đồ dự trữ cho chúng ta!” anh tự nhắc lại.

Lee rót đầy cà phê, được lọc kỹ qua một túi vải thô mà anh tự may vá dành riêng cho việc này, hai chiếc ly được cất ra từ vỏ trứng đà điều mà anh vẫn thường treo nơi khuyết áo; sau đó anh lại gần Cyprien vẫn đang ngủ.

“Cà phê của ông đã sẵn sàng đây, thưa ông trẻ,” anh vừa lịch sự nói với chàng vừa lay vai chàng.

Cyprien mở một mắt, vươn vai duỗi dài tay chân, mỉm cười với anh chàng người Hoa rồi ngồi dậy và uống thức uống nghi ngút kia.

Chỉ đến lúc ấy, chàng mới nhận ra sự vắng mặt của gã Napôli, chỗ nằm của gã ta trống trơn.

“VẬy Pantalacci đâu?” chàng hỏi.

“Đi rồi, ông trẻ ạ!” Lee trả lời với giọng thản nhiên nhất, như thể đó là một chuyện đã được thỏa thuận.

“Sao cơ?... Đi à?”

“Vâng, ông trẻ ạ, đi cùng ba con ngựa!”

Cyprien tung chăn rồi nhìn khắp lượt xung quanh, chàng đã hiểu ra mọi chuyện.

Nhưng chàng lại có tâm hồn quá kiêu hãnh nên chẳng biểu lộ chút lo ngại và khinh bỉ nào.

“Khá đấy, chàng nói, thế nhưng gã khốn nạn này không nghĩ rằng nên để lại lời nhắn cuối cùng à!”

Cyprien đi dọc đi ngang năm sáu bước, tập trung tư tưởng, suy nghĩ nên quyết định như thế nào.

“Phải đi ngay giờ này thôi! chàng nói với anh chàng người Hoa. Chúng ta sẽ để lại đây yên ngựa này, bộ cương này cùng những gì công kèn hoặc nặng nề, và chỉ mang theo súng và số thức ăn còn lại của chúng ta! Nếu đeo chân, chúng ta cũng có thể đi nhanh như hấn, và có thể đi những con đường tắt hơn!”

Lee vội vã làm theo. Trong vài phút, mấy tấm chăn được quấn lại, những túi xách được đeo lên vai: sau đó, những thứ họ buộc phải bỏ lại nơi ấy

được gom lại thành một đồng giầu dưới bụi cây dày rậm, và họ nhanh chóng lên đường.

Cyprien đã có lý khi cho rằng về mặt nào đó, có lẽ đi bộ sẽ tiện hơn. Khi làm vậy chàng có thể đi con đường ngắn nhất, bằng cách vượt qua các đỉnh đồi dựng đứng mà không có con ngựa nào có thể leo lên, thế nhưng cái giá phải trả là bao nhiêu nhọc nhằn!

Hai người đi đến sườn phía Bắc của dãy núi mà họ men theo đã ba ngày nay, lúc ấy độ chừng một giờ trưa. Theo những hướng dẫn của Lopèpe, hẳn là họ không còn xa thủ phủ của Tonaïa. Thật không may, những chỉ dẫn về đường đi được nói bằng tiếng betchouana quá mơ hồ, và những ý niệm về khoảng cách quá khó hiểu, đến nỗi khó mà biết trước, phải cần hai hay năm ngày đi bộ để đến nơi.

Trong lúc Cyprien và Lee đi xuống sườn của thung lũng thứ nhất vốn đang trải ra trước mắt họ, sau khi đã băng qua đoạn đỉnh đồi, Lee bật ra tiếng cười giòn khe khẽ. Rồi anh chàng nói:

“Bầy hươu cao cổ kia!”

Cyprien nhìn xuống phía dưới chân mình và quả nhiên thấy khoảng hai chục con hươu đang gặm cỏ dưới lòng thung lũng. Không gì duyên dáng hơn khi nhìn thấy, từ xa, những chiếc cổ dài của chúng, dựng đứng như cột, hoặc trải dài như rấn trong cỏ, cách thân mình lốm đốm chấm vàng nhạt của chúng đến ba hay bốn mét.

“Ta có thể bắt một con trong bầy hươu cao cổ này rồi dùng nó thay cho con Templar,” anh chàng người Hoa nhận xét.

“Cưỡi hươu cao cổ ư! này! Đã ai thấy chuyện như thế bao giờ chưa,” Cyprien thốt lên.



“Tôi không biết liệu đã ai thấy vậy chưa, nhưng chỉ cần ông muốn nhìn thấy, anh chàng người Hoa đáp, ông cứ để tôi thử xem nào!”

Cyprien, vì chẳng bao giờ bắt đầu một việc mới lạ với mình bằng cách cho rằng không thể làm được, tuyên bố chàng sẵn sàng giúp Lee trong việc này.

“Chúng ta đang ở ngược hướng gió với bọn hươu cao cổ,” anh chàng người Hoa nói, “điều này rất may, vì chúng có mũi rất thính và chúng có thể đã ngửi thấy chúng ta rồi! Vậy nên, phiền ông lôi kéo chúng về phía bên phải, sau đó dọa chúng bằng một phát súng, để dồn chúng về phía tôi và không cần làm gì nữa, tôi sẽ lo chuyện còn lại!”

Cyprien vội vàng để xuống đất mọi thứ có thể làm vướng cử động của chàng, và, chuẩn bị khẩu súng trường, chàng bắt đầu có thể thực hiện động tác do anh chàng giúp việc hướng dẫn.

Anh này không chút chần chừ. Anh chạy vội xuống sườn dốc của thung lũng cho đến khi tiến gần đến con đường đất nằm phía cuối thung lũng. Đây đương nhiên chính là đường đi của hươu cao cổ, có thể suy đoán nhờ vô số dấu móng chúng để lại. Tại đây, anh chàng người Hoa chọn vị trí sau một cây lớn, tháo cuộn dây dài mà anh chẳng bao giờ rời nửa bước rồi cắt nó làm đôi, anh làm thành hai đoạn dây mỗi đoạn ba mươi mét. Sau đó, khi đã gút chặt một đầu của mỗi sợi dây bằng một viên đá to - tạo thành cái thòng lọng hoàn hảo - anh cột chặt đầu kia vào những cành lá trên thân cây. Cuối cùng, anh cẩn thận quấn hai đầu còn lại của hai sợi dây ấy vào cánh tay trái của mình rồi nấp sau thân cây chờ đợi.

Chưa đầy năm phút trôi qua thì một phát súng vang lên cách đó một quãng. Ngay sau đó, có tiếng giậm chân vội vã, âm thanh của nó, tựa như tiếng của một đội kỵ binh, lớn dần từng giây từng giây, báo hiệu bầy hươu cao cổ đang chạy trốn đúng như Lee đã dự đoán. Bọn chúng đang chạy thẳng về phía anh theo con đường đất mà không hề nghi ngờ có kẻ thù đang ở ngược chiều gió.

Đám hươu cao cổ ấy thật tuyệt vời với những chiếc mũi héch lên trong gió, những khuôn mặt nhỏ xíu hốt hoảng, những chiếc lưỡi thè ra. Về phần Lee, anh chàng chẳng nghĩ gì đến chuyện nhìn chúng. Chỗ anh đứng được chọn rất hợp lý, nó gần nút thắt của con đường, ở đấy mấy con thú này chỉ có thể đi qua từng đôi một, và anh chỉ việc chờ đợi mà thôi.

Anh để ba hay bốn con đi qua trước tiên; sau đó, nhắm một con trong đám còn lại có thân hình tuyệt hảo, anh quăng sợi thòng lọng thứ nhất. Sợi dây rít lên, tròn quanh cổ con thú, nó còn đi được thêm vài bước; nhưng rồi đột nhiên sợi dây căng ra, thắt chặt thanh quản nó, và nó đứng lại.

Anh chàng người Hoa không phí thêm thời gian nhìn nó. Khi vừa nhìn thấy thòng lọng thứ nhất tròn đúng đích, anh liền cầm sợi thứ hai lên tay rồi lại quăng tiếp nhắm một con hươu cao cổ khác.

Lần này cũng không tệ hơn chút nào. Mọi việc diễn ra chưa đầy nửa phút. Cả bày kinh hãi chạy dạt ra tứ phía; nhưng hai con hươu cao cổ, gần như bị siết cổ và thở hổn hển, thì bị cột lại.

“Đến đây nào, ông trẻ!” anh chàng người Hoa lớn tiếng gọi Cyprien, chàng đang chạy lại chỗ anh ta, lòng chẳng mấy tin vào việc bắt giữ này.

Tuy nhiên, cũng phải công nhận là đúng. Ở đấy có hai con vật tuyệt vời, cao lớn, khỏe mạnh, đầy đà, chân cao kều, mông nhẵn nhụi. Nhưng Cyprien dù có ngấm nghĩa và ngưỡng mộ chúng thì ý nghĩ dùng con vật ấy để cười với chàng hình như không mấy khả thi.



“Quả thật, làm sao ngồi vững trên đường xương sống đồ về phía sau với độ nghiêng ít nhất sáu mươi xentimet thế kia?” chàng vừa cười vừa nói.

“Nhưng nếu ngồi như cưỡi ngựa thì ta ngồi trên hai vai chứ không phải hai bên mạn sườn của con vật,” Lee đáp. “Hơn nữa, kê một chiếc chăn cuộn lại dưới phần sau của yên ngựa có khó gì đâu?”

“Chúng ta không có yên ngựa.”

“Lát nữa tôi sẽ đi lấy cái của ông.”

“Vây dây cương nào cho mấy cái mồm đó?”

“Chốc nữa ông sẽ thấy.”

Anh chàng người Hoa luôn có lời giải mọi thứ, và với anh ta, hành động đi đôi với lời nói.

Giờ ăn tối còn chưa đến thì với một phần của sợi dây của mình, anh chàng đã làm xong hai cái vòng cổ rất chắc, tròng vào cổ mấy con hươu. Những con vật tội nghiệp vô cùng ngơ ngác vì sự không may của chúng, và hơn nữa với bản tính hiền lành là thế, chúng không hề có bất cứ sự kháng cự nào. Đầu kia của sợi dây được dùng làm dây cương.

Những công việc chuẩn bị ấy đã hoàn thành, không gì thoải mái hơn việc dắt hai con vật bắt được bằng dây. Cyprien và Lee liền thay đổi ý định, quay trở lại trại hôm trước để lấy yên ngựa cùng những đồ đạc họ đã bỏ lại.

Buổi tối kết thúc với việc bổ sung những sắp xếp ấy. Anh chàng người Hoa là một người khéo tay tuyệt vời. Anh không chỉ nhanh chóng chỉnh yên ngựa của Cyprien, sao cho có thể đặt nó nằm ngang được trên lưng con hươu cao cổ, mà anh còn lấy cành cây bện thành một cái yên; sau đó, với tinh thần cảnh giác cao độ, suốt thời gian còn lại của đêm anh phá tan ý định kháng cự mới chớm của hai con hươu cao cổ bằng cách leo lên hết con này đến con kia và cho chúng biết, với giọng điệu kiên quyết, rằng phải tuân theo anh.

# CHƯƠNG 17: ĐUA NGỰA VƯỢT RÀO KIỂU CHÂU PHI

Dáng vẻ của hai kỵ sĩ, khi họ khởi hành vào buổi sáng hôm sau, vẫn khá chấp vá. Không chắc Cyprien thích tham dự vào đoàn xe thể này trước mặt tiểu thư Watkins nơi đường cái quan rộng lớn ở Vandergaart. Thế nhưng tùy cơ ứng biến. Họ đang ở trên sa mạc, và hươu cao cổ không phải là con vật cưỡi quái dị hơn loài lạc đà một bướu nhiều. Thậm chí hình dáng chúng có gì đó tương đồng với hình dáng những “con tàu sa mạc” ấy. Nó vô cùng cứng, và thực sự có kiểu đi rập rình lác lư, ban đầu gây hiệu ứng hơi say sóng cho hai lữ khách.

Nhưng chỉ sau vòng hai hay ba giờ, Cyprien và anh chàng người Hoa cảm thấy khá thích nghi. Hơn nữa vì hươu cao cổ đi nhanh và tỏ ra rất ngoan ngoãn sau một vài kháng cự nhanh chóng bị trấn áp, mọi chuyện đều sẵn sàng cho kết quả tốt nhất.

Giờ đây, với khả năng di chuyển hết sức nhanh, phải bù lại tất cả những thời gian đã mất trong ba bốn ngày vừa qua của chuyến du hành. Matakít giờ này hẳn cũng đã đi khá xa! Annibal Pantalacci liệu đã đuổi kịp cậu ta chưa? Cho dù thế nào, Cyprien cũng quyết không từ bỏ điều gì để đạt được mục đích của chàng.

Ba ngày đi đường đã đưa những kỵ sĩ, hay nói chính xác hơn, những “Người cưỡi hươu cao cổ” đến vùng đồng bằng. Giờ đây họ men theo hữu ngạn một dòng sông khá khúc khuỷu, chính xác chảy lên hướng Bắc - chắc hẳn là một trong những nhánh phụ của dòng Zambèze. Bọn hươu cao cổ, vì đã hoàn toàn bị chế ngự, hơn nữa đã yếu đi sau đoạn đường dài và một phần không kém nữa là vì bị Lee cương quyết cho ăn ít, đành để mình bị



điều khiển hoàn toàn dễ dàng. Bây giờ, Cyprien, có thể thả lơ dây cương của con vật chàng cưỡi và chỉ điều khiển bằng cách thúc đầu gối.

Phải chăng vì loại bót được mỗi bận tâm ấy, nên khi rời khỏi những vùng đất hoang sơ và sa mạc chàng vừa mới đi qua, chàng thực sự thích thú với việc nhận biết các dấu vết của một nền văn minh đã phát triển ở khắp nơi. Từng quãng từng quãng một, những cánh đồng sắn hoặc khoai sọ được quy hoạch đều đặn, có hệ thống tưới tiêu bằng tre nối tiếp nhau lấy nước từ sông, những con đường rộng và nhiều người qua lại - rớt cuộc nhìn chung có vẻ thịnh vượng ; tiếp đó, những túp lều trắng hình tổ ong, trên những sườn đồi nhấp nhô đằng chân trời, là nơi sinh sống của một bộ phận dân cư rất thưa thớt.

Tuy nhiên, họ cảm thấy vẫn còn ở biên giới của sa mạc, phải chăng chính vì có vô số động vật hoang dã khác thường, loài nhai lại hay các loài khác, đang sinh sống trên đồng bằng ấy. Đó đây, vô số đàn chim, đủ mọi kích cỡ và đủ mọi giống loài, bay mù trời. Họ thấy từng bầy linh dương gazen hay linh dương băng ngang qua đường ; thi thoảng, một con hà mã khổng lồ ngẩng đầu lên khỏi mặt sông, rống inh ỏi rồi lại đắm mình xuống nước gây ra tiếng ồn như thác xối.

Hòa mình hoàn toàn vào cảnh tượng ấy, Cyprien ít ngờ đến điều mà sự tình cờ dành cho chàng tại một trong những khúc ngoặt của ngọn đồi nhỏ nơi chàng theo chân bạn đồng hành tiến vào.

Cũng không kém gì Annibal Pantalacci, vẫn trên lưng ngựa, và lao nhanh đuổi theo cho kịp Matakít. Gã chỉ còn cách cậu ta nhiều nhất là một dặm, nhưng Cyprien và anh chàng người Hoa còn cách cậu ta ít nhất là bốn dặm.

Dưới ánh mặt trời rạng rỡ ấy với những tia nắng chiếu gần như thẳng đứng, trên đồng bằng trơ trụi ngập tràn thứ ánh sáng chói chang kia, trong làn khí quyển ấy được gột rửa bởi cơn gió bắc từ phía Đông thổi qua như thế, thì chẳng còn gì phải e ngại nữa.



Cả hai đều vui thích vì khám phá này đến nỗi động thái đầu tiên của họ là ca tụng nó bằng trò múa súng trên mình ngựa kiêu ả Rập. Cyprien thốt lên tiếng reo hoan hỉ, Lee thì một tiếng “ồ!” có cùng ý nghĩa ấy. Rồi, họ thúc hươu cao cổ của mình phi nước kiệu thật nhanh.

Hẳn nhiên, Matakít đã nhìn thấy gã Napôli đang bắt đầu đuổi kịp cậu; nhưng cậu không thể nhìn thấy ông chủ cũ và anh bạn của mình hồi còn ở Kopje, họ còn ở quá xa nơi biên giới của đồng bằng.

Phải chăng vì thế, khi nhìn thấy Pantalacci, người sẽ không tha cho cậu, người không cần một lời giải thích nào, sẽ giết cậu như giết một con chó, cậu bé nam Phi cố hết sức thúc cổ xe kéo đà điều của mình chạy càng nhanh càng tốt. Con vật nhanh nhẹn ấy, như người ta nói, chạy như bay. Nó lao nhanh đến mức đột ngột húc phải một tảng đá lớn. Cú va chạm mạnh đến nỗi trục xe, vốn đã bào mòn vì chuyển đi dài ngày và nhọc nhằn ấy, gãy gục. Một trong các bánh xe lập tức long ra khỏi trục, Matakít và xe của mình, người ôm lấy xe, ngã sõng soài ngay giữa đường.

Cậu chàng nam Phi tội nghiệp bị thương nặng vì cú ngã. Nhưng nỗi khiếp sợ kia đang ngự trị trong cậu thì bất chấp cú va chạm mạnh đến thế, chỉ chực nhân đôi lên. Tin chắc tai ương sẽ ụp lên mình nếu để gã Napôli ác độc ấy đuổi kịp, cậu bèn đứng dậy ngay tức thì, chỉ một nháy mắt đã tháo con đà điều ra khỏi xe rồi nhảy phóc lên ngồi trên mình nó và thúc nó phi nước đại.

Thế là đã diễn ra một cuộc đua ngựa vượt rào chóng mặt mà người ta chưa từng chứng kiến kể từ sau các buổi biểu diễn nơi đấu trường thời La Mã, khi đó những cuộc đua đà điều và hươu cao cổ cũng tham gia vào chương trình.



Quả thật, trong khi Annibal Pantalacci truy đuổi Matakít, Cyprien và Lee lao vào tìm kiếm dấu tích của cả người này lẫn kẻ kia. Có ích hơn chẳng là họ nên bắt giữ cả hai, cậu bé nam Phi, để kết thúc chuyện viên kim cương

bị ăn cắp, chặn gã Napôli khôn kiếp lại, để trừng trị gã như gã đáng phải thế?

Phải chăng bọn hươu cao cổ, đang lao đi như bay với những người cưỡi chúng, vốn đã thấy trước tai nạn, thế nên chúng chạy cũng nhanh như ngựa thuần chủng, những chiếc cổ dài của chúng đưa về trước, miệng há to, tai dựng ngược, bị thúc bằng đỉnh thúc, bị quất roi, bị buộc phải chạy hết tốc lực.

Về phần chú đà điểu của Matakit, tốc độ của nó quả là kỳ diệu. Không một kẻ vô địch giải Derby hoặc vô địch giải Đua ngựa Paris nào có thể đọ với nó. Đôi cánh ngắn, chẳng giúp nó bay được, tuy vậy lại giúp nó tăng tốc trong cuộc chạy đua. Những thứ ấy đã kích thích tới mức, chỉ trong chưa đầy vài phút, cậu bé nam Phi đã cách một quãng đáng kể so với kẻ đang đuổi theo cậu.

Ra vậy! Khi dùng đà điểu, Matakit đã chọn đúng con vật để cưỡi! Chỉ cần có thể giữ được phong độ như vậy trong khoảng mười lăm phút nữa, cậu nhất định sẽ vượt khỏi tầm truy đuổi và thoát khỏi móng vuốt của gã Napôli.

Annibal Pantalacci hiểu rõ rằng chỉ cần hơi chậm trễ một chút cũng làm gã mất hết lợi thế của mình. Khoảng cách giữa gã và kẻ trốn chạy đã tăng dần. Qua bên kia cánh đồng ngô nơi đang diễn ra cuộc truy đuổi này, một quãng rừng dày toàn cây nhũ hương và sung Ấn Độ, lay mạnh vì gió bắc, đang trải dọc bìa rừng u tối xa hút tầm nhìn. Nếu Matakit đến được nơi ấy, chắc hẳn sẽ không thể tìm thấy cậu ở đó, vì ta sẽ không thể nhìn thấy cậu được nữa.

Trong lúc chạy nước đại, Cyprien và anh chàng người Hoa dõi theo cuộc chiến ấy với một mối quan tâm dễ hiểu. Cuối cùng họ cũng đến được chân đồi, họ băng qua cánh đồng nhưng vẫn còn cách xa kẻ đang truy đuổi kia hoặc kẻ bị truy đuổi đến ba dặm.

Tuy vậy, họ có thể thấy gã Napôli, với một nỗ lực phi thường, đã lấy lại chút ít lợi thế so với kẻ chạy trốn. Có thể do con đà điểu bị kiệt sức, có thể do nó bị thương vì húc phải gốc cây hoặc tảng đá, nên tốc độ nó giảm đáng kể. Annibal Pantalacci sắp sửa chỉ còn cách cậu bé nam Phi ba trăm piê.

Nhưng Matakit cuối cùng cũng vừa đến được bìa rừng cây; rồi cậu ta đột nhiên biến mất vào trong ấy, và đúng lúc này, Annibal Pantalacci lại bị ngã ngựa rất mạnh, lăn tròn dưới đất, còn con ngựa của gã chạy băng qua đồng thoát thân.

“Matakit thoát khỏi chúng ta rồi!” Lee hét lên.

“Đúng vậy, nhưng ta lại tóm được gã láu cá Pantalacci này!” Cyprien đáp.

Và cả hai thúc nhanh hươu cao cổ của họ.

Nửa tiếng sau, khi đã vượt qua gần hết cánh đồng ngô, họ chỉ còn cách nơi gã Napôli vừa ngã năm trăm bước chân. Họ tự hỏi liệu Annibal Pantalacci có thể gượng dậy và đi đến rừng cây nhũ hương chẳng, hay gã đang nằm bẹp dưới đất, bị thương rất nặng sau cú ngã - có khi đã chết rồi cũng nên!

Tên khôn kiếp vẫn còn kia. Khi còn cách gã một trăm bước, Cyprien và Lee dừng lại. Thì ra sự việc đã xảy ra như sau: gã Napôli, vốn đang hăng máu truy đuổi, đã không nhìn thấy một tấm lưới rộng do người dân nam Phi giăng, để bẫy bọn chim chóc liên tục đến gây hại mùa màng của họ. Thế mà, chính Annibal Pantalacci vừa bị mắc trong tấm lưới ấy. Và đây không hề là tấm lưới nhỏ! nó rộng ít nhất là năm mươi mét mỗi bề và đã giăng được vài nghìn con chim đủ thể loại, kích cỡ, kiểu lông, trong đám đó còn có khoảng nửa tá chim điều râu khổng lồ cao tầm một mét rưỡi, loài này cũng không từ bỏ những vùng đất nam Phi.

Cú ngã của gã Napôli, ngay giữa một rừng chim ấy, hẳn nhiên làm bọn chúng òn ã cả lên. Annibal Pantalacci, thoát đầu hơi choáng vì cú ngã, đã có

gượng đứng dậy ngay. Nhưng hai chân, hai tay gã vướng chặt vào các mắt lưới đến nỗi gã chẳng thể thoát ra ngay được.

Tuy vậy, không còn thời gian để mất nữa rồi. Phải chăng vì thế nên gã vung những cú giật mạnh, kéo hết sức mình trên tấm lưới, kéo nó lên, giật nó ra khỏi cọc néo xuống đất, trong lúc đó lũ chim, cả lớn lẫn nhỏ, cũng làm tương tự để thoát thân.

Thế nhưng, gã Napôli càng giãy giụa thì lại càng bị quây chặt trong các mắt lưới lớn khủng khiếp đó.

Tuy vậy còn một điều sỉ nhục sau chót dành cho gã. Một trong hai con hươu cao cổ vừa chạy đến chỗ gã, người cưỡi nó, không ai khác chính là anh chàng người Hoa. Lee nhảy xuống đất, và với vẻ tinh ranh lạnh lùng, anh không vội làm gì hơn là nhỏ cái cọc ở gần phía mình với ý đồ gấp mắt lưới này chồng lên mắt lưới kia vì nghĩ rằng cách tốt nhất để bắt kẻ bị dính lưới chính là để hắn bị nhốt mãi trong lưới.

Chính vào khoảnh khắc ấy thành linh diễn ra một chuyển biến bất ngờ nhất.

Lúc ấy, gió bắt đầu nổi cơn thịnh nộ quá mức, khiến tất cả cây cối xung quanh đổ rạp, ví như một vòi rồng khủng khiếp nào đó quét qua sát mặt đất.

Thế mà, Annibal Pantalacci, bằng những nỗ lực trong tuyệt vọng, đã nhô lên nhiều chiếc cọc đóng giữ phần diềm dưới của lưới.

Thấy cảnh mình sắp bị bủa vây là không tránh khỏi, gã càng giãy giụa kịch liệt hơn bao giờ hết.

Đột nhiên, trong một đợt dâng lên mãnh liệt của cơn bão, tấm lưới bị nhỏ tung. Các mấu nối cuối cùng, vốn giữ cái mớ dây nhợ rộng lớn ấy, bị đứt lìa, và tập đoàn chim chóc bị mắc trong lưới liền bay nháo nhào trong tiếng ồn đinh tai. Những loài chim nhỏ bay thoát ra được; nhưng những loài chim lớn phải xoay trở với thân thể không lồ, lúc bộ cánh to lớn của chúng đập

tự do thì móng chúng vẫn bị mắc trong tấm lưới. Nào những khung xương biết bay được huy động, nào những cơ ngực, với nhiều cử động cùng lúc, cộng thêm với gió lốc dữ dội, tạo nên một sức mạnh khổng lồ, đến mức một trăm kilô trọng lượng cũng nhẹ tựa lông hồng.





Thế nên, tấm lưới bị hất lên, quán lại, siết chòng chéo quanh thân nó, cuốn theo cơn vũ bão, rồi bất chợt bị tung lên đến hai lăm hay ba mươi mét cách mặt đất, cùng với Annibal Pantalacci bị mắc kẹt cả hai chân và hai tay.

Cyprien đến nơi đúng lúc, và chàng chỉ có thể nhìn kẻ thù bị bốc lên tầng mây cao.

Vào lúc ấy, lũ điều râu, tàn sức vì cố gắng đầu tiên ấy, rõ ràng có chiều hướng rơi xuống vẽ nên một đường parabol dài. Chỉ trong vòng ba giây, nó rơi ngay ở bìa rừng cây nhũ hương và cây sung Ấn Độ trải dài ở phía Tây cánh đồng ngô. Sau đó, khi đã lướt qua những ngọn cây và còn cách mặt đất ba hay bốn mét, nó lại văng lên không một lần sau chót nữa.

Cyprien và Lee kinh hãi nhìn gã bắt hạnh bị treo trên lưới, lần này, bởi sự gắng sức tột cùng của những con chim khổng lồ ấy, trợ lực thêm bởi cơn bão, gã lại bị tung lên cao hơn một trăm năm mươi piê.

Thình lình, một vài mắt lưới bị rách ra vì sức ép của gã Napôli. Họ nhìn thấy trong giây lát, gã bị móc tay treo trên lưới, và cố gắng bấu vào dây lưới... Thế nhưng hai bàn tay gã nhả ra, gã buông tay, rớt xuống thành một đồng bầy nhày trên mặt đất.

Mảnh lưới, loại bỏ được trọng lượng ấy, nảy lên không trung một lần cuối, rồi bay ra xa chừng vài dặm, trong khi ấy đám điều râu bay về vùng trời cao.

Khi Cyprien chạy lại để cứu giúp gã thì kẻ thù của chàng đã chết... chết trong tình trạng tệt hại!

Và giờ đây, chàng là người duy nhất còn sống sót trong số bốn đối thủ đã từng đi xuyên qua những đồng bằng Transvaal hòng đạt được cùng một mục đích kia.

# CHƯƠNG 18: ĐÀ ĐIỀU NÓI TIẾNG NGƯỜI

Cyprien và Lee, sau thảm họa kinh hoàng ấy, chỉ còn một ý nghĩ: chạy khỏi nơi sự việc vừa diễn ra.

Thế nên họ quyết tâm đi dọc lùm cây lên mạn Bắc, sau hơn một giờ đi đường, rốt cuộc họ cũng đến lòng một dòng thác gần như cạn nước, tạo thành khoảng trống trong khu rừng rậm toàn cây nhũ hương và sung Ấn Độ, từ đây họ có thể đi vòng quanh khu rừng.

Tại đây, một bất ngờ mới đang đợi họ. Dòng thác ấy đổ xuống một hồ nước khá rộng lớn, bên bờ hồ mọc lên một thảm thực vật um tùm, che khuất hồ cho đến tận lúc này.

Cyprien những muốn quay trở lại bằng cách đi dọc theo bờ hồ; nhưng bờ dốc dựng đứng ở chỗ này chỗ kia nên chàng phải sớm từ bỏ ý định ấy. Mặt khác, đi ngược lại con đường chàng vừa đi sẽ làm chàng mất mọi hy vọng tìm được Matakít. Dầu vậy, bên phía bờ đối diện nhấp nhô nhiều đồi núi nối tiếp bằng một dãy núi cao trùng điệp. Cyprien nghĩ rằng nếu lên đến đỉnh núi, có lẽ chàng sẽ có cơ may nhìn bao quát hơn và kẻ đó vạch ra một kế hoạch.

Thế là Lee và chàng lại bắt đầu đi vòng qua hồ. Hành trình này rất khó nhọc vì không có bất cứ lối đi nào, đặc biệt vì thỉnh thoảng nhất thiết họ phải kéo hai con hươu cao cổ bằng dây cương. Vậy nên họ phải mất hơn ba giờ để đi một quãng bảy đến tám cây số đường chim bay.

Cuối cùng, khi họ đến được, bằng cách đi vòng qua hồ, vị trí gần tương ứng với điểm xuất phát ở bên bờ đối diện, màn đêm sắp ập xuống. Rã rời vì mệt, họ quyết định cắm trại tại điểm ấy. Thế nhưng, với một ít đồ đạc họ

có, việc cắm trại không hề thuận lợi. Tuy vậy, Lee đảm trách việc ấy với nhiệt tâm thường có của anh ta; rồi khi công việc hoàn thành, anh đến gặp chủ mình.

“Ông trẻ, anh nói với chàng giọng dịu dàng và vững tâm, tôi thấy ông mệt rồi đấy! Đồ dự trữ của ta sắp hết sạch! Ông cứ để tôi đi tìm một làng nào đó, nơi ấy người ta sẽ không từ chối giúp đỡ chúng ta đâu.”

“Anh rời tôi mà đi hả Lee?” thoát tiên Cyprien quát lên.

“Phải vậy thôi, ông trẻ à!” anh chàng người Hoa đáp. “Tôi sẽ cưỡi một trong hai con hươu cao cổ để đi lên mạn Bắc!... Giờ thì thủ phủ của Tonaia, mà Lopèpe đã kể với chúng ta, không xa đây lắm nữa, và tôi sẽ dàn xếp để người ta đón tiếp ông niềm nở. Rồi sau đó, chúng ta sẽ quay trở về Griqualand, ở đó chúng ta chẳng còn phải sợ những kẻ khốn kiếp kia nữa, ba bọn họ đều đã mất mạng trong chuyến du hành này!”

Chàng kỹ sư trẻ suy nghĩ về đề xuất của anh chàng người Hoa tận tụy. Một mặt, chàng hiểu rằng nếu có thể tìm lại cậu bé nam Phi thì chủ yếu là chỉ có thể ở trong vùng này nơi họ đã thoáng trông thấy cậu ngày hôm trước và quan trọng là không được đi khỏi đây. Mặt khác, cần phải tích trữ lại những món đồ đặc biệt đang thiếu thốn. Thế nên Cyprien quyết định, dù trong lòng rất tiếc, để Lee đi một mình, và họ thống nhất rằng chàng sẽ đợi anh, ngay tại nơi này, trong khoảng bốn mươi tám tiếng. trong vòng bốn mươi tám tiếng, anh chàng người Hoa, cưỡi trên lưng hươu cao cổ, có thể đi xuyên qua vùng này, rồi quay trở lại trại.

Thống nhất xong mọi việc, Lee không muốn để lỡ một giây nào. Về vấn đề nghỉ ngơi, anh không quan tâm lắm! Anh biết cách bỏ qua giấc ngủ! Vậy nên anh từ biệt Cyprien, hôn tay chàng, sau đó dắt hươu của mình ra nhảy phóc lên mình nó rồi biến mất sau màn đêm.

Lần đầu tiên kể từ lúc khởi hành ở Vandergaart-Kopje, Cyprien ở một mình ngay giữa sa mạc. Chàng cảm thấy buồn vô hạn và không ngăn nổi bản

thân, khi đã cuộn mình trong chăn, buông thả theo những dự đoán bi thảm nhất. Cô đơn, thực phẩm và đạn dược hầu như cạn kiệt, chàng sẽ thế nào nơi xứ sở xa lạ này, cách những vùng đất văn minh vài trăm dặm? Đuổi kịp Matakit giờ đây là cơ hội quá nhỏ nhoi! Có lẽ nào cậu ta đang ở cách chàng chỉ nửa cây số, mà chàng chẳng hề nghi ngờ gì? Cố nhiên, chuyến đi này thật thảm hại và chỉ được tô điểm bằng những sự việc bi thương! Trước đó gần như cứ mỗi một trăm dặm đi qua lại được đánh đổi bằng một mạng người tham gia! Giờ đây người duy nhất còn lại... là chàng...! Lẽ nào chàng cũng sẽ kết thúc thảm hại như những kẻ kia?

Đó chính là những tâm tư phiền muộn của Cyprien, tuy vậy chàng cũng chìm được vào giấc ngủ.

Sự trong trẻo của ban mai khi chàng tỉnh dậy và sự nghỉ ngơi chàng vừa tận hưởng đã khiến tâm trí chàng có thêm niềm tin. Trong khi chờ đợi anh chàng người Hoa trở về, chàng quyết định leo lên đồi cao, ngọn đồi nơi chàng đang dừng chân ở ngay dưới. Như vậy chàng sẽ có tầm nhìn thăm dò bao quát một vùng rộng lớn và có thể phát hiện dấu vết nào đó của Matakit bằng ống nhòm của mình. Nhưng để làm điều ấy, nhất định phải để con hươu cao cổ của chàng lại, chưa có nhà tự nhiên học nào liệt con thú bốn chân này vào họ leo núi.

Thế là Cyprien bắt đầu tháo chiếc vòng cổ mà Lee đã rất tài tình làm cho con vật; sau đó, chàng cột một đầu dây vào khuỷu chân nó rồi cột đầu kia vào một cái cây xung quanh dày rậm cỏ, chàng để chừa một khoảng dây đủ dài để nó có thể gặm cỏ theo ý thích. Thực ra thì, nếu ta có cộng thêm vào đoạn dây độ dài chiếc cổ của nó, thì phạm vi hoạt động của con vật dễ thương ấy cũng không phải quá rộng rãi.

Khi đã chuẩn bị đâu ra đấy, Cyprien đeo súng lên một vai, tấm chăn khoác lên vai kia rồi sau khi từ giã con hươu của mình bằng cú vỗ thân thiện, chàng bắt đầu leo đồi.

Việc leo ấy thật lâu và gian khó. Cả ngày trời chàng cứ phải leo những đoạn dốc dựng đứng, đi vòng qua những tảng đá và những đỉnh nhọn không thể leo thẳng qua, rồi từ phía Đông hay phía nam lại bắt đầu lại một nỗ lực đã thử mà không có kết quả ở bên mạn Bắc hay mạn Tây.

Đêm đến, Cyprien mới chỉ lên đến giữa sườn đồi, và chàng phải đợi đến hôm sau để tiếp tục việc leo đồi của mình.

Lại ra đi vào sáng sớm, sau khi nhìn kỹ và chắc chắn rằng Lee vẫn chưa về đến trại, cuối cùng chàng cũng lên đến đỉnh đồi vào khoảng mười một giờ.

Một nỗi thất vọng tàn nhẫn đã đợi sẵn chàng ở nơi đây. Bầu trời giăng kín mây. Tầng đám mù dày đặc bồng bềnh nơi mé sườn dưới thấp. Cyprien đã cố công vô ích nhìn xuyên qua màn sương để thăm dò các thung lũng kế bên. Cả vùng đất biến mất dưới làn hơi nước bất định hình, khiến ta không thể nhìn rõ cái gì bên dưới nó.

Cyprien vẫn ngoan cố, chàng đợi, lòng luôn hy vọng khi trời quang mây tạnh sẽ trả lại chàng những chân trời rộng lớn mà chàng muốn nhìn bao quát: chỉ vô ích thôi. Càng về trưa, có vẻ như mây càng dày nặng hơn, và đến sắp tối, hẳn nhiên trời chuyển mưa.

Thế nên chàng kỹ sư trẻ lãnh đủ với hiện tượng thời tiết thông thường ngay trên đỉnh một cao nguyên trơ trụi, chẳng có lấy một bóng cây, chẳng có một tảng đá có thể làm chỗ trú. Không gì ngoài đỉnh đồi trọc và khô cằn, và xung quanh đó, đêm dần buông, kéo theo mưa phùn nhỏ, dần dần làm ướt tất cả, chăn, áo quần và thấm cả vào da.

Tình hình càng lúc càng nguy kịch, và tuy nhiên vẫn phải chấp nhận. Leo xuống trong những điều kiện ấy quả là điên rồ. Thế nên Cyprien vẫn quyết định để mặc cho mình bị thấm lạnh thấu xương, với ý nghĩ sẽ hong khô mình vào ngày hôm sau, dưới ánh mặt trời ấm áp.



Khoảnh khắc náo động đầu tiên trôi qua, Cyprien, nhằm tự an ủi cho sự không may của mình, tự nhủ cơn mưa ấy - làm dịu mát cơn hạn hán nhiều ngày trước - chẳng có gì khó chịu, nhưng một trong những hậu quả khó chịu nhất của nó là buộc chàng phải ăn bữa tối hoặc là ăn sống hoàn toàn, hoặc ít nhất thì cũng phải ăn đồ ăn lạnh. Không thể nghĩ đến việc nhóm lửa hay đơn giản chỉ là quẹt diêm trong thời tiết thế này. Thế nên chàng đành mở một hộp thịt bò hầm rồi ngẫu nhiên ăn nó nguyên trạng như thế.

Một hoặc hai giờ sau đó, tê cóng vì hơi lạnh của cơn mưa, chàng kỹ sư trẻ cũng ngủ thiếp đi, đầu gối trên một tảng đá to phủ tấm chăn ướt sũng. Khi thức giấc vào sáng hôm sau, chàng vật vờ vì một cơn sốt dữ dội.

Hiểu rằng chàng sẽ toi mạng, nếu còn phải chịu đựng tiếp trận tắm mưa thế này - bởi rằng mưa vẫn đổ như thác không ngừng - Cyprien cố gượng đứng dậy rồi chống cây súng trường như một chiếc gậy, chàng bắt đầu xuống leo.

Làm sao xuống đến dưới ấy bây giờ? Chính bản thân chàng cũng khó nói được điều này. Khi thì lăn tròn xuống những sườn dốc sũng nước, khi thì mặc cho mình bị trượt dài theo những triền đá ướt át, thân mình bầm dập, thở hổn hển, hoa mắt, kiệt sức vì cơn sốt, tuy vậy chàng vẫn đi tiếp quãng đường của chàng, và đến khoảng giữa ngày thì chàng về được đến trại nơi chàng đã cột con hươu cao cổ của mình.

Con thú ấy đã đi rồi, chắc nó hết kiên nhẫn vì cô độc và có lẽ bị thúc bách bởi cơn đói, vì cỏ đã bị gặm sạch trại trong khu vực phạm vi giới hạn của sợi dây. Thế nên rút cuộc nó gặm luôn sợi dây cột giữ nó, và sau khi đã gặm hết, nó biến thành con vật tự do.



Nếu ở trong trạng thái sức khỏe bình thường, Cyprien có lẽ đã cảm nhận sâu sắc vụ mất mát tài sản mới này; thế nhưng cơn mệt mỏi cao độ cùng với sự rã rời làm chàng không còn sức để cảm nhận điều ấy. Khi về đến

nơi, chàng chỉ kịp lao đi lấy ba lô chống ướn của mình, còn may là chàng tìm ra nó, thay áo quần khô, rồi ngã vật xuống vì mệt, nằm bẹp dưới lùm cây bao báp che phủ phía trên trại.

Thế là trong chàng diễn ra một quá trình khác lạ nửa mê nửa tỉnh, sốt cao, mê sảng, trong thời gian ấy mọi khái niệm đều lẫn lộn, thời gian, không gian, khoảng cách không còn hiện thực nữa. Là đêm hay ngày, nắng hay mưa? Chàng ở đó đã mười hai giờ đồng hồ hay sáu mươi giờ? Chàng còn sống hay đã chết? Chàng chẳng còn hay biết gì cả. Những giấc mơ đẹp và những cơn ác mộng kinh khủng nối tiếp nhau không ngừng trên sân khấu trí tưởng tượng của chàng. Paris, Trường Mỏ, nhà của ba mẹ chàng, trang trại Vandergaart-Kopje, tiểu thư Watkins, Annibal Pantalacci, Hilton, Friedel và những đàn voi, Matakít và từng đàn chim bay, cứ tuôn ra không ngớt trên bầu trời, mọi ký ức, mọi cảm giác, mọi ác cảm, mọi thiện cảm giằng xé nhau trong não chàng như một cuộc chiến rời rạc. Thỉnh thoảng có những ấn tượng bên ngoài tác động thêm vào các trạng thái do cơn sốt. Điều khủng khiếp nhất là trong cơn bão âm thanh của chó rùng rủa, mèo rùng kêu, của linh cầu cười khây khẩy, kẻ bệnh mất ý thức ấy vẫn miệt mài đắm trong chuỗi những hoang tưởng của bản thân và ngỡ đã nghe thấy tiếng súng nổ tiếp sau là quãng im lặng dài. Sau đó, bản hòa âm quỷ quái lại tiếp diễn dữ dội hơn và kéo dài cho đến khi trời sáng.

hẳn nhiên, trong cơn hoang tưởng ấy, Cyprien có lẽ, dù không ý thức được, sẽ đi từ hiện tượng sốt sang trạng thái yên nghỉ vĩnh viễn, nếu chuyện ly kỳ nhất, ngông cuồng nhất, xét theo bề ngoài, không xảy ra làm xáo trộn dòng chảy tự nhiên của sự việc.

Trời sáng, mưa đã thôi rơi, và mặt trời đã mọc lên ở chân trời. Cyprien vừa hé mắt. Chàng nhìn, nhưng không vì tò mò, một con đà điểu cao lớn, con vật ấy, sau khi tiến lại gần chàng, đang dừng cách chàng vài ba bước chân.

“Phải chăng là đà điểu của Matakít?” vẫn mang định kiến của mình, chàng tự hỏi.

Chính con chim cao cẳng tự mình trả lời chàng, và hơn thế nữa, nó trả lời chàng bằng thứ tiếng Pháp rất chuẩn.

“Mình không hề nhầm!... Cyprien Méré!... Anh bạn đồng môn đáng thương, anh làm quái gì ở đây thế?”

Một con đà điểu biết nói tiếng Pháp, một con đà điểu biết cả tên chàng, ở đây hẳn có điều khiến một người thông minh bình thường và lý trí điềm tĩnh phải sửng sốt. Thế mà Cyprien chẳng hề kinh ngạc chút nào trước hiện tượng huyền hoặc ấy và xem nó hoàn toàn tự nhiên. Chàng đã thấy nhiều chuyện khác ngay trong giấc mơ đêm hôm trước rồi! Điều này xem ra chỉ đơn thuần là hậu quả của chứng rối loạn tâm thần của chàng.

“Bà không hề lịch sự chút nào, thưa bà đà điểu!” chàng đáp. “Sao bà lại xưng hô thân hữu với tôi như vậy?”

Chàng nói với giọng đặc trưng của người bị sốt, cụt ngủn, đứt quãng khiến người ta không thể nghi ngờ gì về tình trạng của chàng - điều ấy làm con đà điểu tỏ vẻ xúc động.

“Cyprien à!... Anh bạn tôi ơi!... Anh bị bệnh lại một thân một mình giữa sa mạc này!” con đà điểu vừa la to vừa quỳ xuống gần chàng.

Điều này cũng là một hiện tượng sinh lý không kém phần kỳ quái hơn khả năng nói tiếng người của loài chim cao cẳng, bởi lẽ thông thường về bản chất, quỳ gối với chúng chính là hành động cảm kỵ. Thế nhưng, trong cơn sốt, Cyprien vẫn khăng khăng không chịu kinh ngạc. Chàng thậm chí thấy con đà điểu kẹp bên dưới cánh trái của nó một bình da đầy nước mát, pha thêm cô nhấc, và đang ghé cổ chai vào miệng chàng.

Điều duy nhất khiến chàng bắt đầu ngạc nhiên, chính là lúc con vật kỳ lạ đứng dậy để trút bỏ một dạng vỏ bọc, lớp vỏ bọc của những con cò già, có vẻ giống lớp lông vũ tự nhiên của nó, rồi đến chiếc cổ cao nối liền với đầu chim. Và thế là, rũ bỏ bộ mã vay mượn, con đà điểu hiện ra trước mặt

chàng với hình dáng của chàng trai cao lớn, vũng chãi, khỏe mạnh, chẳng ai khác ngoài Pharamond Barthès, anh chàng thợ săn tài ba trước mặt Chúa và trước mặt những con người.





“Ừ! Đây này! Chính là tôi!” Pharamond kêu lên. “Anh không nhận ra giọng tôi ngay những câu đầu tiên tôi nói với anh sao?... Anh ngạc nhiên vì bộ



cánh nhỏ nhặng của tôi à?... Đây là một mẹo lừa địch tôi học được từ dân nam Phi để có thể đến gần bọn đà điều thật và để phóng lao vào chúng dễ dàng hơn!... Nhưng nói chuyện anh đi, anh bạn đáng thương của tôi!... Sao anh lại đến đây, ốm đau mà lại bị bỏ rơi thế này?... Thật là tình cờ tôi nhìn thấy anh trong lúc đi rong ruổi bên vùng này, tôi thậm chí còn không biết anh đang ở vùng này đây!”

Cyprien, vì không đủ sức nói chuyện lâu, chỉ có thể cho bạn mình những giải thích rất sơ sài về bản thân chàng. Hơn nữa, Pharamond Barthès hiểu rằng việc gấp nhất mình cần làm là phải có những biện pháp cứu chữa còn thiếu với người bệnh vào lúc này, anh bèn bắt tay vào đốc sức chữa trị cho bạn.

Kinh nghiệm sống ở sa mạc của anh chàng thợ săn táo bạo này vô cùng dày dặn, và anh đã học được từ người nam Phi một phương pháp vô cùng hiệu quả để trị chứng sốt rét mà người bạn tội nghiệp của anh nhiễm phải.

Thế nên Pharamond Barthès bắt đầu đào một cái hố dưới đất rồi chắt đầy củi vào đó, sau khi đã chừa một lỗ nhằm lấy không khí từ bên ngoài vào. Lượng củi ấy, một khi được nhóm lên và bị đốt cháy, sẽ nhanh chóng biến cái hố thành một cái lò thực thụ. Pharamond Barthès, sau khi quân người chàng cẩn thận chỉ chừa lại phần đầu nhô ra ngoài không khí, đặt Cyprien nằm vào trong đó. Chưa đầy mười phút mà mồ hôi chàng đã vã ra như tắm - vị bác sĩ bất đắc dĩ đã kích thích cho mồ hôi vã ra bằng năm sáu tách trà thuốc sắc anh tự chế từ các thảo dược mà bản thân anh đã rành rẽ.

Cyprien phút chốc ngủ thiếp trong lò xông ấy và đây là một giấc ngủ trị bệnh.

Đến lúc mặt trời lặn, khi mở mắt ra, người bệnh cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm nên chàng đòi ăn tối. Anh bạn tài ba của chàng ứng phó được với mọi tình huống: anh mang ngay đến cho chàng một bát canh tuyệt vời được nấu từ những vật phẩm tinh tế nhất do anh săn được và một vài loại rễ các cây khác nhau. Thêm vào đó là một cánh gà sếu rô ti, một tách nước pha cô

nhắc, bữa ăn ấy mang lại cho Cyprien chút sức lực và giúp giải tỏa những hư ảo làm mù mị đầu óc chàng.

Sau bữa ăn chữa bệnh khoảng một giờ, Pharamond Barthès, đến lượt anh cũng đã ăn uống thích hợp, đến ngồi gần chàng kỹ sư trẻ, và kể cho chàng nghe làm sao anh đến nơi đây, một thân một mình, cùng với đoàn người kỳ lạ kia.

“Anh biết tôi có khả năng gì để thử một chuyến đi săn mới rồi đây!” anh nói với chàng. “Thế mà, trong vòng sáu tháng nay, tôi đã hạ nhiều voi, ngựa vằn, hươu cao cổ, sư tử và những con khác thuộc mọi loại lông thú và lông vũ - không quên kể thêm con đại bàng ăn thịt vốn là niềm tự hào trong bộ sưu tập của tôi - đến mức một ý tưởng nông cuồng nhằm đa dạng hóa thú vui săn bắn của bản thân đã xuất hiện trong tôi cách đây vài ngày! Cho đến tận đây, tôi chỉ du hành cùng những người Bassouto hộ tống - chừng ba mươi trai tráng quả cảm, những người sẵn sàng lao vào lửa vì chúa tể và vị chủ của họ, hàng tháng tôi trả lương họ bằng một gói hạt thủy tinh. Thế nhưng vừa qua tôi nhận được sự đón tiếp ân cần ở nhà Tonaïa, vị thống lĩnh vĩ đại của vùng ấy, và để được ông ta cấp quyền săn bắn trên lãnh thổ của mình - đặc quyền mà kể cả một huân tước Anh cũng thèm muốn - tôi chấp thuận cho ông ta mượn những người Bassouto của tôi, cùng với bốn khẩu súng, nhằm phục vụ một chuyến chinh phạt ông ta đã dự định chống lại một trong những hàng xóm của mình. Sự vũ trang ấy giúp ông ta trở nên bất khả chiến bại, và ông đã có chiến thắng lẫy lừng nhất trước kẻ thù. Từ đây một tình bạn sâu sắc được thắt chặt bằng việc đổi máu, tức là chúng tôi cùng nhau liếm vết chích nhỏ trên cẳng tay người kia! Thế nên, từ nay, giữa Tonaïa và tôi là cùng sống cùng chết! Từ nay tôi chắc chắn không còn lo ngại gì nữa trong những vùng đất ông sở hữu, hôm kia, tôi đã đi săn cọp và đà điểu. Nói đến cọp, tôi đã thích thú vì hạ được một con vào đêm trước, và tôi rất ngạc nhiên nếu anh không hề nghe thấy mớ âm thanh inh ỏi dạo đầu cho cuộc săn bắn ấy. Anh nên nhớ là tôi đã dựng một căn lều nhẹ gần ngay xác một con trâu mới bị giết hôm qua, với hy vọng chắc chắn sẽ gặp được con cọp tôi hằng mơ ước vào lúc nửa đêm! Quả nhiên, bị mùi thịt sống thu

hút, con thú không ngần ngại đến điếm hện; nhưng vận rủi cũng xui khiến cả hai hay ba trăm con chó rừng, linh cẩu và mèo rừng cũng cùng chí hướng với nó! Thế nên, một hợp âm loạn nhịp nhất có lẽ đã vọng đến tai anh!”

“Tôi tin chắc mình đã nghe thấy!” Cyprien đáp. “Thậm chí tôi đã tưởng bọn chúng tụ họp lại để vinh danh tôi!”

“Không hề, anh bạn can đảm của tôi ơi!” Pharamond Barthès kêu lên. “Chính là chúng đổ về phía xác con trâu đày, ở dưới đáy thung lũng này mà anh nhìn thấy về cánh phải. Khi trời sáng, chỉ còn lại vài mẫu xương của loài thú nhai lại khổng lồ ấy! Tôi sẽ chỉ anh xem chỗ đó! Quả đúng là một cuộc phan thây ngoạn mục!... Anh cũng sẽ thấy con cọp của tôi, con thú đẹp nhất tôi hạ được kể từ khi đi săn ở châu Phi! Tôi đã lột da nó, và bộ da lông nó đang được phơi khô trên một thân cây!”

“Nhưng sao anh lại mặc hóa trang kỳ quái như sáng nay vậy?” Cyprien hỏi.

“Đó là bộ áo đà điểu. Như tôi đã nói với anh, người nam Phi thường sử dụng mẹo này để đến gần lũ chim cao cánh, vốn rất đa nghi và khó phóng lao trúng nếu không có thứ ấy!... Anh sẽ nói tôi đã có khẩu súng trường tuyệt vời!... Đúng vậy, nhưng anh còn muốn gì đây? Tính ngông cuồng khiến tôi thích săn theo kiểu nam Phi, và chính điều ấy đã khiến tôi may mắn gặp anh rất đúng lúc, không phải sao?”

“Quả thật rất đúng lúc, anh Pharamond à!... Tôi tin chắc nếu không có anh, tôi có lẽ không còn trên đời nữa!” Cyprien vừa đáp vừa thân ái siết tay anh bạn của mình.

Giờ đây chàng đã ra khỏi hố xông hơi và nằm êm ái trên chiếc giường lót bằng lá cây mà anh bạn chàng đã xếp dưới gốc cây bao báp.

Anh bạn dũng cảm không muốn ở yên đây. Anh muốn đi sang thung lũng kế bên tìm cái lều nhẹ anh vẫn luôn mang theo trong chuyến đi, và mời

lăm phút sau, anh đã dựng lên ngay phía trên chỗ người bạn ốm của mình đang nằm.

“Và bây giờ, anh nói, ta nghe chuyện của anh nào, bạn Cyprien thân mến, nếu việc kể lại cho tôi nghe không khiến anh mệt mỏi quá!”

Cyprien cảm thấy đủ khỏe để thỏa mãn trí tò mò rất tự nhiên của Pharamond Barthès. Chàng kể anh nghe, một cách khá tóm lược, về những việc xảy ra ở Griqualand, về lý do chàng rời vùng ấy đuổi theo Matakít cùng viên kim cương của chàng, những sự kiện chính trong chuyến đi của chàng, ba cái chết của Annibal Pantalacci, Friedel và James Hilton, sự mất tích của Bardik, và cuối cùng chàng đã chờ anh chàng Lee giúp việc của chàng về trại như thế nào.

Pharamond Barthès lắng nghe vô cùng tập trung. Khi được hỏi, liệu anh có gặp chàng trai nam Phi, có dấu hiệu như Cyprien mô tả về Bardik, anh bạn trả lời không.

“Nhưng, anh nói thêm, tôi tìm thấy một con ngựa bị lạc, rất có thể là ngựa của anh đấy!”

Và anh kể một mạch cho Cyprien nghe tình huống khiến con ngựa lại rơi vào tay anh.

“Cách đây hai ngày,” anh nói, “tôi đang đi săn cùng ba người Bassouto của tôi tại vùng núi phía nam, bỗng nhiên tôi thấy từ một con đường trống trải có một con ngựa tuyệt vời màu xám chạy lao ra, nó hoàn toàn trần trụi, chỉ có một vòng cổ cùng một sợi dây dắt mà nó kéo lê theo sau. Con vật ấy hẳn nhiên có vẻ do dự xem nó sẽ làm gì; nhưng tôi đã gọi nó, đưa cho nó một nắm đường, và thế là nó chạy về phía tôi! Con ngựa bị bắt như vậy đấy - một con vật tuyệt vời, rất gan dạ và rất chiến, đã “Nhiễm muối” mẫn như một miếng giấm bông...”

“Chính là ngựa của tôi!... Chính là Templar!” Cyprien kêu lên.

“Vậy thì anh bạn à, Templar sẽ trở về với anh,” Pharamond Barthès đáp, “và tôi thực sự vui lòng trả nó lại cho anh! Thôi nào, chúc anh buổi tối tốt lành, giờ anh ngủ lại đi! ngay sáng sớm ngày mai, chúng ta sẽ rời khỏi cõi thần tiên này!”

Sau đó, theo lời khuyên dành cho bạn mình, Pharamond Barthès cuộn mình trong chăn rồi ngủ thiếp đi cạnh Cyprien.

Ngày hôm sau, anh chàng người Hoa trở về trại cùng một số đồ dự trữ. Thế nên, trước khi Cyprien thức dậy, Pharamond Barthès, sau khi kể toàn bộ sự việc cho Lee, đã giao cho anh ta trông chừng cậu chủ, trong lúc ấy anh đi dắt con ngựa mà chàng kỹ sư trẻ đã rất tiếc nuối khi để mất.

# CHƯƠNG 19: HANG HUYỀN

## DIỆU

Buổi sáng hôm sau, khi thức giấc, Cyprien đã nhìn thấy đúng là con Templar đang đứng trước mặt chàng. Đây là một trong những cuộc tái ngộ tình cảm nhất. Ta có thể nói con ngựa đường như cũng hài lòng không kém gì người cưỡi nó khi gặp lại người bạn đường trung thành của mình.

Sau bữa ăn sáng, Cyprien cảm thấy đủ khỏe để lên yên ngựa và khởi hành ngay. Vậy là Pharamond Barthès chắt tất cả hành lý lên lưng sau của Templar, dắt con vật bằng dây cương, rồi họ bắt đầu lên đường đi đến thủ phủ của Tonaïa.

Trên đường đi, Cyprien kể cho bạn mình nghe chi tiết hơn về những biến cố chính trong chuyến đi của chàng từ lúc xuất phát ở Griqualand. Khi kể đến đoạn bị mất dấu Matakít lần cuối, chàng đã miêu tả dấu hiệu nhận biết cậu bé, Pharamond Barthès bật cười:

“À! Giả dụ nhé!” anh nói, “thêm lần này nữa, tôi tin chắc tôi sẽ có thể cho anh những thông tin về kẻ trộm của anh, nếu không phải là về viên kim cương của anh!”

“Ý anh muốn nói gì?” Cyprien rất ngạc nhiên hỏi.

“Cậu chàng ấy,” Pharamond Barthès đáp, “đã bị những người Bassouto của tôi bắt làm tù binh cách đây khoảng hai bốn giờ, một cậu bé nam Phi lưu lạc trong vùng, và họ đã giao cậu ta, với tay chân bị trói chặt, cho ông bạn Tonaïa của tôi rồi. Tôi tin chắc ông bạn này, có lẽ bạc đãi hẳn lắm rồi, vì ông ta rất sợ những kẻ gián điệp, và cậu chàng nam Phi, hẳn nhiên thuộc một bộ tộc kẻ thù của ông ta, chỉ có thể bị buộc tội gián điệp mà thôi! nhưng cho đến giờ, họ vẫn để cậu ta sống! Thật may cho cậu chàng tội



nghiệp đáng thương, cậu ta biết một vài chiêu ảo thuật và tự xưng có thể làm thầy bói...”

“Này! Giờ tôi không còn nghi ngờ gì nữa, đó là Matakít!” Cyprien hét lên.

“Vây thì tốt! Cậu ta có thể tự đắc vì thoát chết trong gang tấc,” anh bạn thợ săn đáp! “Ông bạn Tonaïa đã nghĩ ra một loạt các kiểu nhục hình khác nhau dành cho kẻ thù của ông ta, chúng không hề nhẹ nhàng chút nào! nhưng, tôi nhắc lại, anh có thể không phải lo ngại về người giúp việc cũ của anh nữa! Cậu ta được bảo vệ nhờ vào tài bói toán và chúng ta sẽ gặp lại cậu ta, ngay tối hôm nay thôi, trong trạng thái hoàn toàn khỏe mạnh!”

Không cần nhấn mạnh về điểm này rằng thông tin ấy đặc biệt khiến Cyprien hài lòng. Chắc chắn rằng mục đích của chàng đã đạt được, và chàng không nghi ngờ gì việc Matakít sẽ đồng ý trả lại viên kim cương của John Watkins nếu cậu ta vẫn giữ nó.

Hai người bạn tiếp tục trò chuyện thân mật như vậy suốt cả ngày trời, khi đi qua đồng bằng nơi Cyprien từng băng qua trên lưng hươu cao cổ vài ngày trước đó.

Ngay tối hôm ấy, thủ phủ của Tonaïa đã hiện ra, có hình đài vòng nằm lưng chừng trên gò nhấp nhô ở đằng chân trời phía Bắc. Đây thực sự là một đô thị có mười đến mười lăm nghìn dân, có những đường sá làm sẵn thoáng đãng và gần như vắng vẻ, mang dáng vẻ thịnh vượng và sung túc. Riêng cung điện của vua đã chiếm một phần tư tổng diện tích của thành phố, bao quanh bởi những hàng giậu cao và có chiến binh da đen cầm giáo canh gác.

Pharamond Barthès chỉ cần ra mặt thì mọi hàng rào lính gác đều cúi rạp trước anh, và anh cùng với Cyprien được đưa ngay đi qua một loạt khoảng sân rộng lớn đến phòng khánh tiết nơi “kẻ bất khả chiến bại” đang ngồi giữa một rừng trợ thủ, trong đó không thiếu binh sĩ cũng như lính canh.



Tonaia có lẽ chừng bốn mươi tuổi. Ông ta cao lớn và mạnh mẽ. Đầu đội một loại mũ quân vương làm từ nanh heo rừng chải chuốt, bộ trang phục

của ông gồm một áo vạt dài màu đỏ, không có ống tay áo cùng một tấm áo choàng cùng màu, kết dày đặc cườm thủy tinh. Ông đeo nhiều lắc đồng ở tay và chân. Hình dáng bề ngoài thông minh và thanh tao, nhưng mưu mô và cứng rắn.

Ông đón tiếp rất niềm nở Pharamond Barthès, người bạn ông đã không gặp mặt mấy ngày hôm nay, và bởi lòng tôn trọng, ông đón tiếp cả Cyprien, người bạn của đồng minh trung thành với ông.

“Bạn của bạn ta chính là bạn của ta”, ông nói như lời một vị tư sản vùng Marais từng nói.

Và khi biết được vị khách mới của mình đang ốm, Tonaïa vội vã sai người chuẩn bị cho chàng một trong những phòng đẹp nhất cung điện của ông và sai người mang đến cho chàng một tô cháo ngon tuyệt.

Theo ý của Pharamond Barthès, họ sẽ không đề cập ngay chuyện Matakít, mà để sang ngày hôm sau.

Quả thật, ngày hôm sau, Cyprien, rõ ràng đã hồi phục sức khỏe, có thể xuất hiện trước mặt nhà vua. Vậy là cả triều đình được tập hợp lại trong căn phòng lớn của cung điện. Tonaïa và hai vị khách ngồi chính giữa vòng tròn. Pharamond Barthès bắt đầu ngay việc thương lượng bằng ngôn ngữ địa phương mà anh ta nói khá rành.

“Người Bassouto của tôi gần đây đã nộp cho ngài một cậu bé nam Phi tù binh của họ, anh ta nói với đức vua. Thế nhưng, cậu chàng nam Phi kia chính là người hầu của bạn tôi, nhà hóa học tài ba Cyprien Méré, anh ta đến đây xin ngài rộng lòng trả lại cậu bé cho anh ta. Chính vì vậy, tôi, bạn của anh ta và cũng là bạn ngài, tôi dám ủng hộ yêu cầu chính đáng của anh ta.”

Ngay những câu đầu, Tonaïa đã nghĩ nên dùng thái độ ngoại giao.

“Người thông thái da trắng là khách quý!” ông ta đáp. “Thế nhưng anh ta có gì làm tiền chuộc đổi lấy tù binh của ta?”

“Một khẩu súng trường tuyệt hảo, mười lần mười ống đạn và một gói cườm thủy tinh”, Pharamond Barthès đáp.

Một tiếng trầm trồ thì thầm lan khắp khán phòng, ấn tượng mạnh mẽ vì vật dâng biểu huy hoàng ấy. Duy chỉ có Tonaïa, vẫn luôn khôn khéo, vờ như không bị lóa mắt.

“Tonaïa là thái tử vĩ đại, ông ta vừa nói vừa ngồi lên ngai của mình, và các Thánh Thần bảo vệ ta! Một tháng trước, các ngài đã cử Pharamond Barthès và những chiến binh gan dạ cùng những khẩu súng trường tới giúp ta thắng đối thủ! Do vậy, nếu bạn Pharamond Barthès muốn, tên hầu kia sẽ được bảo toàn mạng sống trở về với chủ hắn!”

“Vậy giờ hắn ở đâu?” anh bạn thợ săn hỏi.

“Trong hang thiêng, nơi hắn được canh giữ ngày đêm!” Tonaïa trả lời với giọng cường điệu hợp tình huống, phù hợp với một trong những vị thống lĩnh mạnh nhất của xứ sở nam Phi.

Pharamond Barthès vội tóm tắt những câu trả lời cho Cyprien nghe, và xin phép đức vua được đi cùng bạn mình tới đón tên tù binh trong hang vừa nhắc đến ấy.

Nghe những lời ấy, một tiếng phản đối thì thầm lan khắp cử tọa. Yêu sách của những người châu Âu ấy có vẻ quá đáng. Chưa bao giờ, với bất kỳ lý do nào, một người nước ngoài được phép đến hang động huyền bí ấy. Một truyền thuyết được tôn kính cho rằng, ngày nào người da trắng biết bí mật về nơi đó, để chế Tonaïa sẽ tan thành tro bụi.

Thế nhưng đức vua không muốn triều đình xen vào bất kỳ quyết định nào của ông. Thế nên, bởi ý thích thất thường của kẻ độc tài, tiếng phản đối thì

thâm ấy, đã khiến ông chấp nhận điều mà lẽ ra ông rất có thể từ chối, mà không có sự bùng nổ cảm xúc trong cử tọa.

“Tonaïa ta đã hòa máu cùng người anh em Pharamond Barthès,” ông ta đáp với giọng kiên quyết, “và ta chẳng còn gì phải giấu anh cả! Bạn anh và anh, các anh có biết giữ lời thề không?”

Pharamond Barthès ra hiệu là có.

“Tốt rồi! vị vua da đen nói tiếp, hãy thề không chạm vào bất cứ thứ gì các anh nhìn thấy trong động ấy!... Hãy thề, khi đã ra khỏi đó, các anh sẽ cư xử trong mọi tình huống như thể chưa từng biết đến sự tồn tại của động!... Hãy thề không bao giờ tìm cách vào lại động, thậm chí cũng không cố tìm hiểu để biết lối vào động!... Cuối cùng hãy thề không bao giờ nói với ai về chuyện các anh đã nhìn thấy!”

Pharamond Barthès và Cyprien, tay đưa ra, lặp lại từng từ của câu thề mà họ phải theo.

Ngay sau đó Tonaïa hạ giọng ra lệnh, cả triều đình đứng dậy, và các chiến binh xếp thành hai hàng. Một vài người hầu mang đến mấy mảnh vải dùng để bịt mắt hai người nước ngoài; sau đó, đức vua đích thân ngồi giữa hai người họ trên một cái cáng rom lớn do chừng vài chục người nam Phi khiêng trên vai, và đoàn người bắt đầu đi.

Chuyến đi khá lâu - ít nhất hai giờ đường. Cảm nhận được bản chất những cú lắc lư của cáng, Pharamond Barthès và Cyprien tin rằng họ được đưa đi qua một vùng núi.

Rồi một làn không khí mát mẻ cùng tiếng vọng những bước chân của đoàn hộ tống, dội lại từ những thành vách rất gần nhau, cho thấy họ đang đi xuống lòng đất. Cuối cùng, mùi khói nhựa thông, xộc thẳng vào mũi giúp hai người bạn hiểu rằng bọn họ đang đốt đuốc để soi đường cho cả đoàn.

Tiếp tục đi thêm mười lăm phút nữa; sau đó cãng được đặt xuống đất. Tonaïa đỡ những vị khách xuống khỏi cãng rồi ra lệnh tháo bịt mắt cho họ.

Do bị chói mắt vì đột ngột nhìn lại ánh sáng, sau một khoảng thời gian ngưng chức năng thị giác kéo dài, Pharamond Barthès và Cyprien thoát đầu tưởng mình bị mắc phải một loại chứng ảo giác xuất thần, vì cảnh tượng hiện ra trước mắt họ vừa huy hoàng vừa khó ngờ.





Cả hai đang ở chính giữa một hang động mênh mênh. Nền hang phủ một lớp cát mịn và lấp lánh vàng. Vòm hang, trông cao như mái vòm một nhà

thờ kiến trúc gô tích, cao ngút đến độ mắt thường nhìn không tới. Các vách của khối cấu trúc tự nhiên ấy được phủ kín bằng nhũ đá, đa dạng về màu sắc và phong phú lạ thường, trên ấy ánh đuốc chiếu vào tạo nên những ánh cầu vồng, hòa lẫn vào những tia lửa hồng sáng rực, vào những bức xạ buổi rạng đông miền địa cực. Những màu sắc óng ánh nhất, những hình thù kỳ lạ nhất, những kích cỡ đáng kinh ngạc nhất, làm nên đặc tính của vô số những kết tinh. Không phải là kiểu sắp xếp theo phiến của đá thạch anh, như trong phần lớn các hang động, được tạo thành từ sự đồng nhất vô cùng đơn điệu của một loại đá. Ở đây, thiên nhiên tha hồ phóng tác hình như thích thú với việc khai thác hết mọi sự kết hợp màu sắc và hiệu ứng, hết sức hợp với hiện tượng thủy tinh hóa của nhiều loại khoáng vật.

Những khối thạch anh tím, những thành vách thạch anh mã não, những khối băng hồng ngọc, những chòm nhọn ngọc lục bảo, những cột ngọc lam sâu và thanh mảnh như rừng thông, những núi băng trôi ngọc biếc, những chùm đèn treo lam ngọc, những tấm gương ngọc mắt mèo, những khe thạch hồng và đá da trời vân vàng - tất cả những gì quý giá nhất, hiếm nhất, trong sáng nhất, rực rỡ nhất, mà sự kết tinh có thể mang lại, đều được dùng làm chất liệu cho khối kiến trúc gây sửng sốt này. Còn hơn thế nữa, mọi hình thù, thậm chí cả hình thù của giới thực vật, hình như cũng đóng góp thêm vào một tạo tác ngoài năng lực sáng tạo của con người. Những thảm rêu khoáng cũng êm như loại thảm cỏ mềm mịn nhất, những kết tinh khoáng vật hình cành cây lúc liu hoa trái đá quý gợi nhớ đây đó những khu vườn thần tiên được phác thảo vô cùng hồn nhiên trên các bức tranh nhật. Xa hơn một chút, một hồ nước nhân tạo, hình một viên kim cương dài hai mươi mét, lồng trên khung cát, tựa như một vũ đài đã sẵn sàng cho những người trượt băng nô đùa. Những dinh điện trên không bằng đá khoáng thạch anh, những vọng lâu và tháp chuông bằng ngọc lục bảo hay hoàng ngọc, xếp chồng từng lớp cho đến một điểm mà thị giác không thể tiếp tục nhìn thấu vì đã chán chê những hình ảnh huy hoàng. Cuối cùng, sự biến đổi của tia sáng thông qua hàng nghìn lăng kính ấy, tạo nên những chùm pháo hoa xòe ra mọi phía và tỏa xuống từng chùm, tạo nên sự hợp phối đáng kinh ngạc nhất về ánh sáng và màu sắc có thể làm choáng ngợp mắt người.

Cyprien Méré giờ đây không còn chút nghi ngờ gì nữa. Chàng được đưa đến một trong những hang động huyền bí ấy mà bấy lâu nay chàng đã ngờ đến sự tồn tại, trong sâu thẳm nơi ấy thiên nhiên cần cỗi đã tích tụ và kết tinh thành khối những loại đá quý kia, và chỉ nhường cho con người, trong những mỏ được ưu ái nhất, những mẫu thừa tách biệt và rời rạc. Trong phút chốc, cố không tin vào hiện thực mà chàng nhìn thấy trước mắt, nhưng chỉ cần, đi ngang qua một vỉa đá kết tinh, cọ xát lên đấy chiếc nhẫn chàng đang đeo để thấy chắc chắn nó không bị trầy xước. Đấy chính là những kim cương, hồng ngọc, lam ngọc bao kín cái hốc lớn ấy và đóng khối lớn đến mức, giá trị của nó, với giá mà con người ước tính cho những khoáng chất ấy, có lẽ vượt ngoài mọi tính toán!

Chỉ có thể phỏng chừng giá trị của nó là một số lượng lớn không đếm xuể, dù vậy cũng khó mà đánh giá được. Quả nhiên, ở đấy, chôn vùi dưới lòng đất, không được biết đến và không mang lại lợi nhuận, có đến tỉ tỉ và triệu tỉ tỉ của hàng tỉ giá trị!

Tonaïa liệu có ngờ gì về sự giàu sang phi thường mà ông ta sở hữu trong tay hay không? Ít có khả năng ấy, vì rằng ngay cả Pharamond Barthès, ít am hiểu về những vật chất kia, cũng không có vẻ nghi ngờ một giây nào rằng những kết tinh kia chính là các loại đá quý. Hẳn nhiên, vị vua da đen chỉ nghĩ đơn giản rằng ông ta làm chủ và canh giữ một hang động đặc biệt kỳ thú, mà thánh thần hoặc sự mê tín truyền thống cấm không được tiết lộ bí mật.

Điều có vẻ xác thực ý kiến ấy, chính là Cyprien sớm nhìn thấy một số lượng lớn xương người chất đống ở một số góc trong hang. Liệu đây có phải là nơi mai táng của bộ tộc không, hoặc - một giả thiết ghê rợn hơn nhưng có vẻ giống thật - đây là nơi từng được dùng, và hiện vẫn còn được dùng để thực thi một vài bí ẩn rùng rợn nào đó, nơi họ dâng máu người, có lẽ phục vụ cho hủ tục ăn thịt người?

Pharamond Barthès thiên về suy đoán cuối cùng này, anh quay sang thăm thì với bạn mình.

“Thế mà Tonaïa đã khẳng định với tôi là từ khi ông ta lên ngôi, chưa từng có nghi lễ nào như thế diễn ra!” anh nói thêm. “Nhưng thú thật, cảnh tượng những đồng xương người đó đặc biệt làm lung lay lòng tin của tôi!”

Anh chỉ một đồng xương lớn, dường như mới hình thành chưa lâu, và trên những khung xương ấy họ thấy những dấu ấn rõ rệt của việc nung chín.

Cảm giác ấy chỉ được khẳng định trọn vẹn hơn vài giây sau đó.

Đức vua và hai vị khách vừa đến cuối hang, trước cửa một động lồi tương đương với một trong những gian ngách, thường được dựng ở bên hông các nhà thờ lớn. Phía sau song gỗ đóng ở lối vào, một tù nhân bị nhốt trong lồng gỗ, vừa đủ lớn để hắn ở tư thế quỳ gối, để vồ béo hăn cho bữa ăn sắp đến nào đấy - điều này thì quá rõ ràng.

Đúng Matakit rồi.

“Ông trẻ!... Ông ơi!... Ông trẻ ơi!” cậu bé nam Phi bắt hạnh hét lên ngay khi trông thấy và nhận ra Cyprien. “Ôi! Ông hãy mang tôi theo!... Hãy giải thoát cho tôi!... Tôi thà trở về Griqualand, thà chịu bị treo cổ, hơn là ở trong lồng gà này, chờ đợi một cực hình man rợ mà kẻ tàn bạo Tonaïa dành cho trước khi ăn thịt tôi!”

Giọng van xin thảm thiết đến nỗi Cyprien hoàn toàn mù lòng khi nghe kẻ khốn khổ tội nghiệp nói.

Được thôi, Matakit! chàng trả lời cậu ta. Ta có thể xin tự do cho cậu, nhưng cậu chỉ ra khỏi lồng kia khi nào cậu trả lại viên kim cương...

“Ôi ông trẻ, kim cương à!” Matakit kêu lên. “Kim cương ư!...”



“Tôi chẳng giữ nó!... Tôi chưa hề lấy nó!... Tôi thề với ông đấy!... Tôi xin thề ạ!”

Cậu bé nói điều này với giọng thực thà đến nỗi Cyprien hiểu rõ rằng chàng không thể nghi ngờ lòng trung thực của cậu ta. Hơn nữa, ta cũng thừa biết Cyprien luôn thấy khó mà tin Matakít là chủ mưu một vụ trộm thế kia.

“Nhưng vậy thì, chàng hỏi cậu ta, nếu không phải cậu đã lấy cắp viên kim cương ấy, tại sao cậu lại chạy trốn?”

“Ông còn hỏi tại sao ư?” Matakít đáp. “Thì vì bởi khi bạn bè tôi tham gia cuộc điều tra bằng đũa, người ta đã cho rằng kẻ trộm chỉ có thể là tôi, rằng



tôi đã gian trá đánh lạc hướng mọi nghi ngờ! Thế nhưng, ở Griqualand, nếu liên quan đến một người nam Phi, ông thừa biết rằng người ta sẽ nhanh chóng buộc tội rồi đem treo cổ mà chẳng hề xét hỏi!... Cho nên, tôi sợ quá, và tôi đã chạy trốn qua tỉnh Transvaal như một kẻ phạm tội!”

“Tôi cho rằng điều thẳng bé đáng thương kia nói là thực đấy,” Pharamond Barthès nhận xét.

“Tôi cũng không nghi ngờ điều này nữa,” Cyprien đáp, “và có thể cậu bé không sai khi trốn tránh luật pháp của Griqualand!”

Rồi chàng quay về phía Matakít:

“Được rồi,” chàng nói với cậu ta, “ta không nghi ngờ sự vô tội của cậu trong vụ trộm người ta đã cáo buộc cậu! nhưng, ở Vandergaart-Kopje, họ có thể sẽ không tin chúng ta nếu ta nói cậu vô tội! Vậy cậu vẫn muốn có dịp trở về nơi ấy ư?”

“Vâng ạ!... Bất chấp tất cả... vì tôi không muốn ở đây lâu hơn nữa!” Matakít, hình như bị ám ảnh bởi sự man rợ kinh động nhất, kêu lên.

“Chúng ta sẽ thương lượng vụ này,” Cyprien đáp, “và Pharamond Barthès bạn ta đây sẽ lo việc ấy!”

Và, trên thực tế, anh bạn thợ săn không để mất thêm thời gian, anh đã hội ý với Tonaïa rồi.

“Tôi xin hỏi thẳng nhé!... Phải trao đổi tù binh của ngài bằng gì ạ?” anh ta hỏi vị vua da đen.

Vị này suy nghĩ chốc lát rồi cuối cùng lên tiếng:

“Ta muốn bốn khẩu súng, mười lần mười ống đạn cho mỗi khẩu và bốn gói cườm thủy tinh. - Chắc không quá đáng, phải không?”



“Quá đáng quá ấy chứ, nhưng Pharamond Barthès là bạn ngài, tôi sẽ làm mọi thứ để ngài vui!”

Đến lượt mình, anh ta ngưng một lát rồi nói tiếp:

“Hãy nghe tôi, ngài Tonaïa. Ngài sẽ có bốn khẩu súng, bốn trăm ống đạn và bốn gói cườm thủy tinh. Nhưng về phía ngài, ngài sẽ cấp cho chúng tôi một cỗ xe bò để chở những người kia đi qua tỉnh Transvaal, cùng với lương thực thiết yếu và một đoàn tùy tùng danh dự!”

“Trao đổi được chấp thuận!” Tonaïa đáp với giọng hoàn toàn thỏa mãn.

Sau đó, ghé vào tai Pharamond, ông ta nói thêm giọng bí mật:

“Lũ bò đã được tìm thấy!... Chính là đàn bò của hai người kia, lính của ta gặp khi chúng tìm đường về chuồng và bọn họ đã lừa chúng về làng ta!... Ta thắng bằng cách chính đáng, đúng không nhỉ?”

Tù binh nhanh chóng được trao trả; và, sau khi nhìn nhanh lần cuối vẻ rục rĩ của hang động, Cyprien, Pharamond Barthès, Matakít, phải ngoan ngoãn chịu bịt mắt để quay lại cung điện của Tonaïa, ở đấy một lễ hội lớn đã diễn ra để mừng thành công của vụ trao đổi.

Cuối cùng, họ quyết định rằng Matakít không xuất hiện ngay khi về đến Vandergaart-Kopje, mà cậu sẽ ở gần đâu đấy và chỉ quay về làm việc cho chàng kỹ sư trẻ khi nào chàng thấy cậu sẽ không còn gặp nguy hiểm nữa. Ta sẽ thấy, điều này chẳng hề là một sự đề phòng vô ích.

Ngày hôm sau, Pharamond Barthès, Cyprien, Lee và Matakít lên đường về Griqualand cùng một đoàn hộ tống hoành tráng. Nhưng giờ chẳng còn hy vọng gì nữa! Viên *Ngọc Phương Nam* đã mất không tìm lại được, và ngài Watkins không thể chuyển nó đến trung bày ở tháp Luân Đôn giữa những viên đá quý đẹp nhất của nước Anh!

## CHƯƠNG 20: TRỞ VỀ

Chưa khi nào John Watkins khó chịu tới vậy kể từ khi bốn chàng cầu hôn con gái ông lên đường truy tìm Matakít. Mỗi ngày, mỗi tuần trôi qua như khiến ông ngày một khó chịu thêm nữa và làm giảm dần cơ hội mà ông tin rằng sẵn có để tìm lại được viên ngọc quý. Thêm việc ông nhớ đám bạn ngồi chung bàn James Hilton, Friedel, Annibal Pantalacci, và cả Cyprien nữa, những người mà ông đã quen thấy họ gần bên. Thế nên ông ngất ngưỡng bên hũ rượu gin và cần phải nói rõ là những thứ rượu chè mà ông tự chuốc vào kia hoàn toàn không được tạo ra để làm dịu đi cái tính khí của ông!

Hơn nữa, ở trang trại, mọi người hoàn toàn đúng khi lo lắng cho số phận những người sống sót sau cuộc hành trình. Thực ra, Bardik, đã bị nhóm người da đen bắt cóc - Những bạn đồng hành của cậu cũng giả định như thế - đã bỏ trốn thành công vài ngày sau đó. Trở về Griqualand, cậu báo cho ngài Watkins về cái chết của James Hilton và Friedel. Đây thực sự là một điềm gở cho những người còn sống của hành trình tìm kiếm, Cyprien Méré, Annibal Pantalacci và anh chàng người Hoa.

Alice cũng vô cùng đau khổ. Nàng không còn ca hát nữa, cây đàn dương cầm của nàng bật hẳn tiếng. Có chăng bọn đà điểu còn làm nàng quan tâm chút ít. Bản thân con Dada cũng không tài nào làm nàng cười bởi tính háu ăn của nó nữa, nó nuốt vô tội vạ, mà không hề bị cản, những thứ hỗn tạp nhất.

Tiểu thư Watkins giờ đang mang hai nỗi sợ cứ lớn dần trong trí tưởng tượng của nàng: một là Cyprien không bao giờ trở về từ cuộc viễn chinh đáng nguyên rủa này; hai là Annibal Pantalacci, người nàng căm ghét nhất trong ba người cầu hôn nàng, sẽ đem *Ngọc Phương Nam* về và ra giá cho công trạng của hắn. Ý nghĩ nàng có thể bị buộc trở thành vợ của tên người

Napôli độc ác và gian xảo này gợi lên trong nàng sự buồn chán không thể nào cưỡng lại được - Nhất là kể từ khi nàng gặp và yêu mến một chàng trai thực sự tuyệt vời như Cyprien Méré. Nàng nghĩ đến chàng mỗi sáng, mơ về chàng mỗi đêm, và đôi má tươi tắn của nàng đang tái xanh đi, cặp mắt xanh kia đang bị một đám mây ngày càng u ám che phủ.

Vậy mà đã ba tháng nàng ngóng đợi như thế trong im lặng và buồn bã. Tối hôm đó, nàng đang ngồi dưới chao đèn, gần bên cha nàng đang ngà ngà ngủ bên hũ rượu. Đầu nghiêng xuống tấm vải thêu mà nàng đang thực hiện để bỏ khuyết vào âm nhạc bị lãng quên, nàng buồn rầu nghĩ ngợi.

Một tiếng gõ cửa nhẹ vang lên bất linh thình cật ngang giấc mơ dài của nàng.

“Mời vào,” nàng nói, hơi ngạc nhiên và tự hỏi ai lại có thể đến vào giờ này.

“Chỉ có thể là tôi, tiểu thư Watkins!” một giọng nói trả lời khiến nàng run rẩy - giọng nói của Cyprien.

Và chàng đã thực sự trở về, xanh xao, gầy gò, rám nắng, với bộ râu dài khiến người ta không nhận ra chàng, bộ quần áo sờn đi vì hành trình dài, nhưng luôn hoạt bát, lịch thiệp, luôn là ánh mắt rạng rỡ và khóe miệng tươi vui.

Alice đứng dậy thốt lên một tiếng đầy ngạc nhiên và hạnh phúc. Một tay nàng dùng để kìm nén nhịp đập của trái tim; tay kia nàng đưa về chàng kỹ sư trẻ tuổi, chàng nắm chặt lấy tay nàng, ông Watkins thoát khỏi trạng thái lơ mơ, ông liền mở mắt và hỏi điều có gì mới mẻ chẳng.



Phải mất tới vài ba phút thì ông chủ trang trại mới nhận thức được thực tại. Nhưng, một chút tỉnh táo vừa trở lại với ông thì cũng là lúc ông kêu lên, tiếng kêu thốt lên từ trái tim.

“Thế viên kim cương đâu?”

“Viên kim cương, than ôi! nó không quay về.”

Thế là Cyprien kể vắn tắt những thăng trầm của chuyến đi. Chàng nói về cái chết của Friedel, Annibal Pantalacci và James Hilton, cuộc truy lùng Matakít và việc cậu bị giam cầm ở làng của Tonaïa - mà không đề cập gì đến việc cậu trở về Griqualand - Nhưng chàng nói rõ những căn cứ xác

đáng chúng tỏ sự vô tội của cậu bé nam Phi. Chàng không quên khen ngợi sự tận tâm của Bardik và của Lee, tình bạn của Pharamond Barthès, thuật lại tất cả những gì mà chàng nợ anh chàng thợ săn dũng cảm đó, và làm thế nào mà nhờ có anh ấy giúp chàng mới có thể quay về cùng hai người giúp việc của mình từ chuyến hành trình chết chóc ấy. Với cảm xúc mà câu chuyện bi kịch này gợi lên, chàng đã cố tình che đậy những tội lỗi và ác tâm của các đối thủ, vì chàng chỉ muốn xem họ như là những nạn nhân của một cuộc thám hiểm chung. Chàng kể mọi chuyện đã xảy ra, chỉ giữ lại chuyện chàng đã thề giữ bí mật, tức là chuyện về căn động huyền diệu cùng sự phong phú đá khoáng ở đây mà khi so sánh chúng mọi kim cương ở Griqualand chỉ còn là những viên sỏi vô giá trị.

Chàng nói để kết thúc: “Tonaïa đã giữ đúng cam kết. Hai ngày sau khi tôi đến thủ phủ của ông ta, mọi thứ đã sẵn sàng cho chuyến trở về của chúng tôi, thức ăn dự trữ, các cỗ xe và đoàn tùy tùng. Theo lệnh của đích thân nhà vua, khoảng ba trăm người da đen, mang đầy bột và thịt xông khói, đã tháp tùng chúng tôi đến tận nơi đóng trại, nơi chúng tôi đã để lại một toa xe trong tình trạng còn tốt, dưới đám bụi rậm đang phủ lên nó. Thế là chúng tôi cáo từ vị gia chủ đã tiếp đãi mình sau khi đã đưa cho ông ta năm cây súng thay vì bốn như ông ta đã tính - trên thực tế là người được tôn làm vị chúa tể đáng sợ nhất toàn vùng nằm giữa lưu vực dòng Limpopo và Zambèze!”

“Nhưng chuyến trở về của các anh bắt đầu từ chỗ đóng trại thì sao?...” tiểu thư Watkins hỏi.

“Hành trình trở về của chúng tôi bị chậm dù dễ dàng và không có tai nạn,” Cyprien trả lời. “Đoàn tùy tùng chỉ rời chúng tôi khi tới biên giới Transvaal, nơi Pharamond Barthès cùng những người của bộ lạc Bassouto đã chia tay chúng tôi để trở về Durban. Cuối cùng, sau bốn mươi ngày đi xuyên qua Veld, chúng tôi có mặt ở đây, không hơn không kém so với lúc ban đầu!”



“Nhưng tại sao Matakit lại bỏ trốn?” ông Watkins lên tiếng hỏi, ông đã vô cùng chăm chú lắng nghe câu chuyện mà không biểu lộ chút cảm xúc thái quá nào về việc ba người đàn ông không quay trở về nữa.

“Matakit chạy trốn vì cậu ta mắc bệnh sợ hãi!” chàng kỹ sư trẻ trả lời.

“Vậy thì không có công lý ở Griqualand hay sao?” ông chủ trang trại nhún vai trả lời.

“Ôi! Công lý thường quá sơ sài, ngài Watkins à, và thực ra là tôi không thể trách cậu bé nghèo khổ đáng thương, bị buộc tội nhầm kia, đã cố chạy trốn



ngay từ cảm xúc đầu tiên ập đến do sự biến mất khó hiểu của viên kim cương!”

“Tôi cũng thế!” Alice thêm vào.

“Dù sao, tôi nhắc lại với mọi người, cậu ta không có tội, và tôi tin rằng mọi người từ bây giờ sẽ để cậu ta yên!”

“Hừm!” John Watkins lên tiếng, dường như không có vẻ bị thuyết phục trước lời khẳng định đó. “Mọi người không tin là tên xảo trá Matakít ấy chỉ vì sợ hãi để thoát khỏi sự truy đuổi của cảnh sát ư?”

“Không!... Cậu ta vô tội!... Niềm tin của tôi vào chuyện này là tuyệt đối,” Cyprien đáp hơi sảng giọng, “tôi đã mua niềm tin đó, tôi nghĩ là với giá khá đắt!”

“À, anh cứ giữ lấy ý kiến của anh!” John Watkins nói lớn. “Còn ta, ta giữ ý kiến của ta!”

Alice cảm thấy cuộc thảo luận có nguy cơ chuyển thành tranh cãi, nàng vội vã nói sang việc khác.

“Nhân tiện, anh Cyprien Méré,” nàng nói, “anh có biết rằng, trong khi anh vắng mặt, hầm mỏ của anh đã trở nên vô cùng tuyệt vời và rằng người cộng sự của anh, Thomas Steel, đang trở thành một trong những người giàu có nhất trong số những người khai thác mỏ ở Kopje?”

“Tôi hoàn toàn không biết!” Cyprien trả lời thực thà. “Nàng là người đầu tiên tôi đến thăm, tiêu thư Watkins, tôi không biết chuyện gì đã xảy ra trong khi tôi vắng mặt!”

“Hình như anh chưa ăn tối?” Alice kêu lên với bản năng của một người nội trợ hoàn hảo vốn là bản chất của nàng.

“Thú thực là chưa!” Cyprien đỏ mặt trả lời, dù sao chuyện đó cũng chẳng to tát gì.

“Ôi, anh không thể đi như vậy mà không ăn gì, anh Méré! Cần lấy lại sức... sau chuyến hành trình quá cực khổ như vậy!... Hãy nghĩ xem, bây giờ đã mười một giờ tối rồi!”

Không cần nghe bất cứ lời phản đối nào, nàng chạy ngay xuống bếp rồi quay lại với một khay phủ vải trắng, trên khay là vài đĩa thịt nguội và bánh kem mút đào mà nàng tự làm.

Bộ dao đĩa mau chóng được sắp trước mặt Cyprien, đang vô cùng bối rối. Rồi, vì chàng có vẻ lưỡng lự trước khi cầm dao lên cắt miếng thịt khô “biltong” ngon tuyệt, một loại đà điều đóng hộp:

“Anh cần phải cắt nó ra chứ?” tiểu thư Watkins vừa nói vừa nhìn chàng với nụ cười tươi tắn.

Ngay sau đó ông chủ trang trại, cũng cảm thấy thèm ăn trước sự phô trương thức ăn này, về phần mình cũng muốn có một đĩa và một lát thịt khô. Alice không để ông chờ lâu, rồi hòa nhịp để theo hai quý ông, nàng bắt đầu nhấm nháp hạnh nhân.

Đây là bữa tiệc đêm ngẫu hứng đầy thú vị. Chưa bao giờ chàng kỹ sư trẻ cảm thấy ngon miệng tới vậy. Chàng ăn liền một mạch ba cái bánh kem mút đào, uống hai ly rượu vang Constance và tự thưởng cho chiến tích của mình bằng việc ưng thuận ném rượu gin của ông Watkins - Người không lâu sau đó lại ngủ thiếp đi.

“Còn nàng, ba tháng qua nàng làm gì?” Cyprien hỏi Alice. “Tôi e rằng nàng đã quên tất cả kiến thức hóa học rồi!”

“Không đâu, thưa anh, anh đã nhầm rồi!” tiểu thư Watkins trả lời với giọng hơi trách móc. “Ngược lại, tôi đã học rất nhiều, và thậm chí tôi tự cho phép

mình làm vài thí nghiệm trong phòng thí nghiệm của anh. Ôi, tôi đã không làm vỡ gì đâu, anh cứ yên tâm, tôi đã sắp xếp lại mọi thứ đâu vào đó! Tôi rất thích hóa học, chắc chắn là vậy. Thực lòng, tôi không hiểu tại sao anh có thể từ chối một môn khoa học hay như vậy để đi làm thợ mỏ rồi làm kẻ chạy đua xú Veld!”

“Nhưng nàng biết rõ vì sao ta từ bỏ hóa học mà, tiểu thư Watkins!”

“Tôi hoàn toàn không biết gì cả,” Alice đỏ mặt trả lời, “và tôi cảm thấy điều đó thật tệ! nếu là anh, tôi sẽ cố gắng làm ra kim cương! Điều đó lịch thiệp hơn là việc đào bới dưới đất!”

“Nàng ra lệnh cho tôi đấy ư?” Cyprien hỏi với một giọng hơi run run.

“Ồ không, tiểu thư Watkins cười đáp, đó là lời thỉnh cầu thì đúng hơn!...”

“Anh Méré,” nàng nói tiếp, “như muốn chữa lại những lời hờ hững của nàng, nếu anh biết là tôi đã đau buồn nhường nào khi biết anh phải chịu đựng tất cả những mệt nhọc, những nguy hiểm vừa trải qua! Tôi không biết cụ thể là gì, nhưng tôi tin ít nhất mình đoán được nhiều chuyện trong đó! Một người đàn ông như anh, tôi tự hỏi, uyên bác như vậy, được trang bị nhiều kiến thức để làm những công việc tốt đẹp đến vậy, để tạo ra những phát minh vĩ đại, liệu anh ta có phải chịu chết một cách bi thảm nơi hoang mạc, vì một vết rắn cắn hay bởi nanh vuốt của cọp, mà chẳng công hiến gì cho khoa học và nhân loại?... Nhưng, việc để anh ta đi là một tội ác!... Và rằng tôi đã có lý!... Vì cuối cùng, chẳng phải là điều kỳ diệu sao khi anh đã trở về với chúng tôi? Và nếu không có bạn anh, anh Pharamond Barthès, người sẽ được Chúa ban phúc lành cho, thì...”

Nàng chưa nói hết, nhưng hai giọt nước mắt, lăn trên khóe mắt nàng, đã nói hộ suy nghĩ của nàng.

Cyprien cũng hết sức cảm động.

“Đôi với tôi, hai giọt nước mắt này còn quý hơn mọi viên kim cương trên thế giới, nó làm tôi quên hết nỗi mệt nhọc khác!” chàng nói bình dị.

Với cách cư xử tế nhị thường ngày, tiểu thư phá vỡ bầu không khí im lặng bằng việc quay trở lại câu chuyện thí nghiệm hóa học của nàng.

Khi Cyprien quyết định trở về nhà thì trời đã quá nửa đêm, ở đây một đồng thư tín từ Pháp mà tiểu thư Watkins đã sắp xếp cẩn thận trên bàn làm việc đang chờ chàng.

Những lá thư này đến với chàng sau bao ngày vắng mặt, chàng hầu như không dám mở chúng ra. Liệu những bức thư sẽ mang đến cho chàng tin xấu nào chẳng!... Cha, mẹ và em gái Jeanne của chàng!... Biết bao nhiêu chuyện có thể đã xảy ra trong ba tháng!...

Chàng kỹ sư trẻ, sau khi đọc lướt qua và nhận thấy những bức thư này chỉ mang đến cho chàng sự hài lòng và niềm vui, liền thở phào nhẹ nhõm. Tất cả người thân của chàng đều khỏe mạnh. Từ bộ, người ta gửi tới chàng những lời khen nồng nhiệt nhất cho thuyết hình thành kim cương của chàng. Chàng có thể kéo dài thêm ba tháng quãng thời gian gian lưu lại Griqualand nếu chứng minh được lý thuyết đó có lợi cho khoa học. Vậy là mọi chuyện đang diễn ra hết sức tốt đẹp. Cyprien chìm vào giấc ngủ, và tới hôm đó chàng cảm thấy nhẹ nhõm hơn sau bao chuyện đã qua.

Sáng hôm sau trôi qua bằng việc đến thăm những người bạn của chàng, đặt biệt là thăm Thomas Steel, người rõ ràng đã tiến hành những khám phá tuyệt vời tại mỏ. Chàng trai quả cảm người Lancashire thân tình chào đón cộng sự của mình. Cyprien nhất trí với anh ta rằng Bardik và Lee sẽ làm việc trở lại như trước. Nếu họ may mắn trong việc tìm kiếm của mình, chàng định sẽ dành riêng một khoản để sớm tạo cho họ một số vốn nhỏ.

Về phần mình, chàng quyết định không tìm vận may trong hầm mỏ nữa, nơi chàng luôn gặp bất lợi, và theo lời thỉnh cầu của Alice, chàng quyết định một lần nữa quay lại với việc nghiên cứu hóa học của mình.

Cuộc trò chuyện với cô gái trẻ chỉ góp phần khẳng định thêm những suy nghĩ của riêng chàng. Đã từ lâu, chàng tự nhủ với mình rằng con đường thực sự dành cho chàng không phải là những công việc tay chân cũng không phải những cuộc viễn chinh khám phá. Vốn quá trung thực và kiên định với lời chàng đã hứa để có thể nghĩ đến việc lợi dụng lòng tin của Tonaia, nghĩ đến việc tận dụng hiểu biết về một cái hang rộng lớn đầy thể kết tinh kia, chàng tìm thấy trong điều xác thực đã qua trải nghiệm ấy lời xác nhận hết sức quý báu cho lý thuyết của chàng về đá quý mà khỏi phải nghiên cứu vất vả thêm.

Thế là Cyprien quay trở lại cuộc sống với những thí nghiệm của chàng một cách rất tự nhiên, nhưng chàng không muốn từ bỏ con đường mà chàng đã thành công và quyết định bắt đầu lại những nghiên cứu đầu tiên của mình.

Về việc này, chàng có một lý do, một trong những lý do nghiêm túc nhất, như người ta có thể nhận định về nó.

Thật ra, kể từ viên kim cương nhân tạo xem như bị biến mất vĩnh viễn, ngài Watkins, người từng có ý nghĩ sẽ ưng thuận đám cưới của Cyprien và Alice, giờ hoàn toàn không nói về chuyện đó nữa. Nhưng có lẽ, nếu chàng kỹ sư có thể làm lại một viên đá khác trị giá hàng triệu, thì ông chủ trang trại có thể quay lại suy nghĩ trước kia.

Do đó, giải pháp này được bắt đầu tiến hành không chậm trễ, và Cyprien không che giấu việc này đối với những thợ mỏ của Vandergaart-Kopje - có lẽ là không đủ.

Sau khi tìm được một cái ống mới chịu lực cao, chàng lại bắt đầu công việc trong cùng những điều kiện trước đây.

“Tuy nhiên, cái tôi còn thiếu để có được cacbon kết tinh, nghĩa là kim cương, chàng nói với Alice, đó là dung môi thích hợp, một chất mà thông qua hiện tượng bay hơi hoặc làm lạnh, thúc đẩy cacbon kết tinh. Người ta đã tìm thấy dung môi này cho nhôm ôxít trong khí cacbon lưu huỳnh. Vì

vậy vấn đề là cần tìm ra chất này, bằng phép loại suy, cho cacbon hay thậm chí cho những chất tương tự, như bo hay silic điôxít.”

Tuy nhiên, dù không có được dung môi này, Cyprien vẫn tích cực tiến hành công việc của mình. Do vắng Matakit vốn chưa trình diện ở khu mỏ, vì thận trọng, Bardik là người được giao việc giữ lửa cả đêm lẫn ngày. Nhiệm vụ này, cậu đã hoàn thành với tất cả lòng hăng hái như người tiền nhiệm.

Trong khi đó, vì được báo trước rằng sau kỳ gia hạn lưu trú này ở Griqualand, chàng có thể sẽ bị buộc trở về châu Âu, Cyprien muốn làm một việc nằm trong dự định của mình mà chàng chưa thể thực hiện: đó là xác định hướng chính xác của một vùng đất trũng, nằm ở Đông Bắc cao nguyên - chỗ trũng mà chàng nghi trước đây vốn là nơi dòng chảy của nước đi qua, và là nơi bắt đầu việc hình thành kim cương của khu vực.

Vì vậy, năm hay sáu ngày sau khi trở về từ TranVaal, chàng bận rộn với việc xác định hướng này với độ chính xác mà chàng thường thực hiện trong mọi hành động. Từ một giờ nay, chàng đặt cột mốc và ghi lại các điểm định vị trên một cái sơ đồ hết sức chi tiết mà chàng kiếm được ở Kimberley, và điều đặc biệt là chàng luôn nhận thấy trong những con số có độ sai lệch lớn hay ít nhất là không ăn khớp với tấm bản đồ này. Cuối cùng, chàng không thể phủ nhận sự thật hiển nhiên là: bản đồ đã bị định hướng sai; kinh độ, và vĩ độ của nó đều sai.

Cyprien vừa sử dụng, vào đúng giữa trưa, một chiếc thời kế thật tốt, được chỉnh theo Đài Thiên văn Paris, để xác định kinh độ của địa điểm. Thế nhưng, vì hoàn toàn chắc chắn về tính chính xác của la bàn và cây compa đo độ nghiêng của mình, chàng không hề do dự khi nhận định rằng tấm bản đồ mà chàng đã dùng để kiểm tra mọi ghi chép của mình, đã hoàn toàn sai do một lỗi nghiêm trọng trong việc xác định hướng.

Thực ra thì hướng Bắc của bản đồ này, được đánh dấu bằng một mũi tên chéo chữ X, theo cách sử dụng của người Anh, lại nằm đúng phía Bắc-Tây



Bắc chuẩn, hay gần như thế. Vì thế mà mọi thông số trên bản đồ là hoàn toàn sai về tỉ lệ.



“Ta biết là vậy mà!” chàng kỹ sư trẻ đột nhiên hô to. “Đám lừa ngu ngốc dựng lên kiệt tác này đơn giản đã không tính đến độ lệch từ trường của kim chỉ nam châm! Độ lệch ở đây không nhỏ hơn hai chín độ Tây!... Kết quả là tất cả những thông số vĩ độ và kinh độ, để được chính xác, phải vẽ ra một vòng cung hai chín độ từ Tây sang Đông quanh tâm của bản đồ!... Phải tin rằng, để làm những công việc này, nước Anh đã không hề cử ra những nhà hình học giỏi nhất của mình!”

Rồi chàng cười một mình về sai lầm ngớ ngẩn này!

“Được rồi! nhân vô thập toàn!” chàng nói tiếp. “Dù chính làm lỗi ấy đã buộc tội những người đo đạc quả cảm, những người lẽ ra trong đời mình không bao giờ nhầm lẫn, dù chỉ là một lần duy nhất!”

Tuy nhiên, Cyprien không có lý do nào để che giấu việc cải chính nên làm này để định hướng những vùng đất kim cương của hạt. Vì thế, ngay trong hôm đó, khi trở về trại, chàng gặp Jacobus Vandergaart và nói cho ông biết về chuyện này.

“Thật lạ là,” chàng thêm vào, “một lỗi về đo đạc lớn như vậy làm ảnh hưởng đến tất cả các sơ đồ của hạt, lại chưa được phát hiện ra! Lỗi này là một trong những lỗi lớn nhất cần chỉnh sửa trên tất cả bản đồ vùng.”

Người thợ ngọc già nhìn Cyprien với một ánh mắt kỳ lạ.

“Cậu nói thật chứ?” ông la lên.

“Chắc chắn mà!”

“Và cậu sẵn sàng chứng nhận việc này trước tòa án chứ?”

“Dù có phải làm chứng trước mười tòa án cũng được!”

“Và sẽ không thể tranh cãi về luận cứ của anh chứ?”

“Chắc chắn không, bởi vì tôi chỉ cần trình bày nguyên nhân gây lỗi. Tất nhiên là nó khá rõ ràng! Đó là việc bỏ qua độ lệch từ trường trong quá trình tính toán xác định vị trí!”

Jacobus Vandergaart bỏ đi mà không nói lời nào, và Cyprien đã sớm quên sự quan tâm đặc biệt mà ông dành cho việc lỗi đo đạc đã làm sai lệch tất cả bản đồ của hạt.

Nhưng hai hay ba ngày sau đó, khi Cyprien đến thăm người thợ ngọc già, thì chàng thấy cánh cửa đóng kín.

Trên phiên đá đen treo nơi then cài cửa có dòng chữ, vừa được viết bằng phấn: “*Đi công tác xa.*”

# CHƯƠNG 21: CÔNG LÝ KIỂU VENICE

Trong nhiều ngày sau đó, Cyprien tích cực theo dõi các giai đoạn khác nhau trong thí nghiệm mới của mình. Do một vài thay đổi trong việc xây dựng lò phản xạ, nhờ có sự thông gió được điều chỉnh tốt hơn, việc chế tạo kim cương - ít ra chàng cũng hy vọng thế - sẽ được thực hiện trong khoảng thời gian ngắn hơn nhiều so với lần đầu.

Khỏi phải nói tiểu thư Watkins quan tâm tới thí nghiệm lần hai này đến nhường nào, thí nghiệm mà nàng là một phần cảm hứng, phải thừa nhận là vậy. Vì vậy, nàng thường theo chàng kỹ sư trẻ đến cái lò mà chàng lui tới nhiều lần trong ngày, và ở đó, ánh mắt dán chặt vào khối gạch xây, nàng thích thú quan sát cường độ của lửa đang gào thét bên trong.

John Watkins cũng quan tâm tới việc chế tạo kim cương không kém con gái mình, nhưng với một lý do khác. Ngài mong mỗi trở thành người sở hữu mới của viên đá trị giá có thể lên tới con số hàng triệu. Mọi lo lắng của ngài nằm ở chỗ cuộc thí nghiệm không thành công lần hai, và rằng sự tình cờ là phần chiếm ưu thế trong thành công của lần đầu.

Nhưng, nếu như ông chủ trang trại và tiểu thư Watkins động viên người làm thí nghiệm theo đuổi, hoàn thiện việc chế tạo kim cương, thì không vì thế mà anh ta nhận được sự đồng lòng của những người thợ mỏ ở Griqualand. Dù Annibal Pantalacci, James Hilton, herr Friedel không còn ở đây, nhưng vẫn còn những cộng sự của bọn họ, vốn suy nghĩ hoàn toàn giống họ về vấn đề này. Phải chăng thế nên, bằng những vận động ngầm, tay Do Thái Nathan không ngừng kích động cánh thợ mỏ chống lại chàng kỹ sư trẻ. Nếu việc chế tạo nhân tạo này bước vào thực tiễn thì việc buôn bán kim cương thiên nhiên và các loại đá quý khác coi như tiêu tủng. Người ta đã chế tạo

được đá xa phía trắng hay đá kết tinh nhôm ôxít corundum, thạch anh tím, hoàng ngọc và thậm chí cả ngọc lục bảo, tất cả các loại đá này chỉ là kết tinh của nhôm ôxít, được nhuộm màu khác nhau bởi các axit kim loại. Giá trị thương mại của những viên đá thật ấy đang có xu hướng giảm đã là chuyện rất đáng lo ngại. Nếu kim cương được chế tạo một cách phổ biến, đó sẽ là sự sụp đổ của việc khai thác kim cương ở tỉnh Cap và nhiều nơi sản xuất khác nữa.

Tất cả điều ấy từng được nhắc đi nhắc lại ngay sau thí nghiệm đầu tiên của chàng kỹ sư trẻ, và lần này được nhắc lại gay gắt hơn, dữ dội hơn. Giữa cánh thợ mỏ diễn ra những cuộc họp bí mật báo trước những điều không thuận lợi sẽ xảy ra với công việc của Cyprien. Tuy nhiên, chàng Cyprien chẳng mấy may lo ngại về chuyện này, vẫn quyết tâm theo đuổi thí nghiệm của mình tới cùng, dù người ta có thể nói hay làm gì chẳng nữa. Không! Chàng sẽ không lùi bước trước dư luận liên quan tới khám phá của mình, chàng sẽ chẳng giữ bí mật gì cả, bởi phát minh này chỉ làm lợi cho mọi người.

Nhưng, nếu như chàng tiếp tục công việc nặng nhọc này, không lương lự, không sợ hãi thì tiểu thư Watkins, người biết tất cả những gì đang diễn ra, lại bắt đầu thấy lo thay cho chàng. Nàng tự trách mình đã cổ vũ chàng dấn thân vào con đường này. Tin tưởng vào cảnh sát của Griqualand để bảo vệ chàng là tin tưởng vào một sự bảo vệ ít hiệu quả. Một đòn chơi xấu xảy ra rất nhanh, và trước khi người ta có thể can thiệp, Cyprien có thể phải trả giá bằng tính mạng của mình cho thiệt hại mà công việc của chàng đang chực gây ra cho những người thợ mỏ ở nam Phi.



Alice vì thế rất lo lắng và không thể che giấu nỗi lo lắng của mình với chàng kỹ sư trẻ. Chính chàng ra sức trấn an nàng đồng thời cảm ơn nàng về động cơ khiến nàng như vậy. Chàng thấy trong sự quan tâm mà cô gái trẻ dành cho mình minh chứng của một tình cảm âu yếm hơn, dù đó không còn là bí mật giữa hai người. Cyprien, không cần gì hơn thế, mừng vì kế hoạch của chàng đã gợi nên ở tiểu thư Watkins một sự thổ lộ tình cảm nồng ấm hơn... và chàng vẫn dừng cảm tiếp tục công việc của mình.

“Những gì tôi đang làm, tiểu thư Alice ạ, là cho hai chúng ta!” chàng lặp lại.



Nhưng tiểu thư Watkins, do nghe được những gì cánh thợ mỏ rỉ tai nhau, sống trong cảnh lo sợ không nguôi.

Và chuyện ấy không phải là không có lý do! Có một sự phản đối kịch liệt đang chống lại Cyprien, không chỉ dừng lại ở những lời đả kích, càng không phải chỉ là đe dọa suông, mà thậm chí có thể là một cuộc thanh toán.

Quả thật, một buổi tối, khi trở lại thăm lò, Cyprien nhận ra nơi đó bị đập phá. Trong lúc Bardik vắng mặt, một nhóm người, lợi dụng đêm tối, đã phá hủy chỉ trong vòng vài phút công trình được làm trong nhiều ngày. Phần xây bị phá hủy, lò bị đập vỡ, lửa bị dập tắt, các dụng cụ bị gãy vỡ và bị ném tứ tung. Không còn chút gì từ đồng vật dụng mà chàng kỹ sư đã phải tốn biết bao công sức, cực nhọc. Tất cả phải bắt đầu lại - Nếu như chàng là người không chịu nhượng bộ trước sức mạnh - Hoặc phải từ bỏ cuộc chơi.

“Không!” chàng la lớn, “Không! Ta sẽ không chịu thua, và ngày mai, ta sẽ đi kiện lũ khốn khiếp đã phá hủy tài sản của ta! Rồi ta sẽ xem có công lý ở Griqualand hay không!”

Vẫn có một thứ công lý - Nhưng không phải cái công lý mà chàng kỹ sư trẻ tin tưởng.

Không nói gì với ai, thậm chí không đến báo cho tiểu thư Watkins biết những gì đã xảy ra bởi chàng sợ sẽ khiến nàng càng kinh hãi hơn, Cyprien trở lại lều rồi đi ngủ, quyết tâm ngày mai đi kiện đến tận ngài thống đốc của tỉnh Cap.

Chàng ngủ được hai hay ba giờ thì tiếng động của cánh cửa bị mở toang làm chàng giật mình tỉnh giấc.



Năm người đàn ông, bịt kín mặt bằng mặt nạ màu đen, trang bị vũ khí với súng lục và súng trường, đột nhập vào phòng của chàng. Họ được trang bị các loại đèn bóng lồi mà ở Anh người ta gọi là *Bull's eyes*, mắt bò - và đứng sắp thành hàng xung quanh giường trong im lặng.

Cyprien không có lấy một giây nào coi cuộc biểu tình ít nhiều có vẻ thảm kịch này là nghiêm túc. Chàng tưởng đó chỉ là một trò đùa cợt và bắt đầu cười, mặc dù nói thật, chàng không hề muốn và thấy cực ghét kiểu pha trò này.

Nhưng một bàn tay hung tợn đặt lên vai chàng, và một trong những người đàn ông đeo mặt nạ đen, mở một tờ giấy mà hắn cầm trên tay, đọc bằng một

giọng không lấy gì là đùa cợt, nội dung sau:

“Cyprien Méré,”

“Cái này để báo anh rằng tòa án mật của trại Vandergaart, với hai mươi hai thành viên và hành động nhân danh sự giải thoát chung, ngày hôm nay, vào lúc không giờ hai lăm phút, nhất trí kết án anh tội chết.”

“Anh bị buộc tội và kết án vì đã có một phát minh không đúng lúc và gian lận, đe dọa lợi ích và cuộc sống của họ, gia đình họ, tất cả mọi người hoặc ở Griqualand, hoặc ở nơi khác, từng tham gia ngành công nghiệp nghiên cứu, chế tác và buôn bán kim cương”

“Với sự thận trọng của mình, Tòa án đã phán quyết rằng một phát minh như vậy phải bị triệt tiêu, và rằng cái chết của một người tốt hơn là cái chết của hàng nghìn người.”

“Tòa quyết định anh có mười phút để chuẩn bị chết, anh có quyền lựa chọn cái chết cho mình, và tất cả giấy tờ của anh sẽ bị đốt, ngoại trừ ân huệ mà tòa dành cho anh quyền thông báo cho những người thân của anh và chỗ ở của anh sẽ bị san bằng.”

“Khung hình phạt này dành cho tất cả những kẻ phản bội!”

Trong khi nghe buộc tội như vậy, Cyprien bắt đầu thấy niềm tin ban đầu của chàng lung lay mạnh mẽ, và chàng tự hỏi phải chăng cái trò hề tai hại xuất phát từ thứ luật rừng của xứ sở này chẳng hề nghiêm túc hơn những gì chàng từng nghĩ.

Gã đàn ông đang giữ vai chàng, được giao nhiệm vụ dẹp bỏ những nghi ngờ cuối cùng của chàng về vấn đề này.

“Đứng dậy ngay, hỡi ta nói thô bạo, chúng ta không có thời gian đâu!

“Thế này là giết người!” Cyprien vừa trả lời vừa nhảy bật khỏi giường để mặc quần áo vào người.

Chàng phần nộ hơn là xúc động và tập trung mọi sức lực vào suy nghĩ về những gì đang xảy ra với chàng, với sự lạnh lùng mà lẽ ra chàng có thể dùng nó để nghiên cứu một vấn đề toán học. Những người này là ai? Chàng không thể đoán ra, thậm chí là giọng nói. Không nghi ngờ gì, những người chàng quen biết, nếu có nằm trong đám người này, cũng đang giữ im lặng một cách thận trọng.

“Anh chọn xong hình thức chết cho mình chưa?...” gã đàn ông đeo mặt nạ nói tiếp.

“Ta không có lựa chọn nào cả và ta chỉ có thể phản kháng chống lại tội ác bỉ ổi mà các người là kẻ thủ ác!” Cyprien trả lời bằng giọng quả quyết.

“Cứ việc phản kháng, nhưng anh cũng không thoát khỏi tội treo cổ đâu! Anh có điều gì trần trời để viết không?”

“Ta chẳng có gì thổ lộ với những kẻ giết người cả.”

“Thế thì tiến hành thôi!” tên cầm đầu ra lệnh.

Hai tên sấn tới bên chàng kỹ sư trẻ, đám người sắp lại hàng ngũ để tiến về phía cánh cửa.

Nhưng, đúng vào thời khắc ấy, một việc hết sức bất ngờ xảy ra. Có một người vừa nhảy nhào tới giữa mấy tên đại diện công lý của Vandergaart-Kopje ấy.

Đó là Matakít. Cậu bé da đen nam Phi, người thường lảng vảng trong đêm xung quanh trại, nghe theo bản năng nên đã lần theo những kẻ đeo mặt nạ, lúc họ tiến về lều của chàng kỹ sư trẻ để phá cửa. Ở đó, cậu đã nghe thấy tất cả những gì người ta nói với nhau, cậu hiểu nguy hiểm đang đe dọa chủ nhân của mình. Ngay lúc ấy, không chút lưỡng lự, dù điều gì có thể xảy đến

với cậu chẳng nữa, cậu gạt mấy tên thợ mỏ qua một bên rồi quỳ dưới chân của Cyprien.

“Ông trẻ à, tại sao những người này lại muốn giết ông?” cậu vừa hét lên vừa bám vào chủ nhân của mình, bắt cháp những nỗ lực của đám người đeo mặt nạ nhằm tách cậu ra.

“Bởi vì ta đã làm ra một viên kim cương nhân tạo!” Cyprien vừa trả lời vừa nghẹn ngào siết chặt đôi bàn tay Matakít, người không muốn buông chàng ra.

“Ôi ông trẻ, con thật bất hạnh và xấu hổ về những gì con đã làm,” cậu nhỏ da đen vừa khóc vừa lặp lại.

“Cậu muốn nói gì?” Cyprien nói.

“Vâng, con sẽ thừa nhận tất cả, bởi vì người ta muốn đưa ông vào chỗ chết!” Matakít la lớn. “Vâng!... Là con phải chết... vì chính con đã đặt viên kim cương lớn kia vào trong lò!”

“Tách cái thứ bò rống này ra!” tên cầm đầu lên tiếng.

“Tôi nhắc lại với các người rằng chính tôi đã đặt viên kim cương vào trong máy!” Matakít vừa nói lại vừa giãy giụa. “Vâng!... Chính tôi đã lừa ông trẻ!... Chính tôi đã muốn làm ông ấy tin rằng thí nghiệm của ông đã thành công!...”

Cậu nhỏ kháng cự với một nguồn năng lượng mạnh mẽ tới độ người ta cuối cùng cũng phải nghe cậu nói.

“Cậu nói thật sao?” Cyprien hỏi, vừa ngạc nhiên vừa thất vọng vì những gì chàng nghe thấy.

“Vâng!... Một trăm lần vâng!... Con nói sự thật!”

Giờ đây cậu đã ngồi bệt dưới đất, và tất cả cùng lắng nghe cậu, vì những gì cậu nói sẽ thay đổi gốc rễ nhiều điều!

“Vào hôm xảy ra vụ lở lớn, cậu nói, lúc tôi bị chôn vùi dưới đồng đồ nát là khi tôi vừa tìm thấy viên kim cương khổng lồ đó!... Tôi đang cầm nó trên tay và nghĩ cách giấu nó thì bức tường đổ ụp xuống người tôi như để trừng phạt tôi về suy nghĩ tội lỗi này!... Khi thoát chết, tôi lại thấy viên đá này trên giường nơi ông trẻ thu xếp cho tôi nằm nghỉ!... Tôi đã muốn trả nó cho ông chủ, nhưng lại xấu hổ khi phải thừa nhận rằng mình là một kẻ trộm, và tôi đã đợi dịp thích hợp!... Sau đó một thời gian, cũng đúng dịp ông muốn thử chế tạo kim cương và ông giao cho tôi nhiệm vụ khơi lửa!... Ngày thứ hai, khi tôi đang một mình trong phòng thí nghiệm, cái máy đã nổ tung với một tiếng nổ khủng khiếp, và suýt chút nữa thì tôi đã bị giết chết bởi những mảnh vụn đó!... Vì vậy, tôi nghĩ rằng ông trẻ sẽ đau khổ vì cuộc thí nghiệm của mình đã thất bại!... Thế nên, tôi đã đặt vào trong nòng súng nút toác viên kim cương lớn được bao bọc kỹ bằng một nắm đất rồi vùi vàng sửa lại mặt ngoài cái lò để ông trẻ không phát hiện ra!... Sau đó, tôi chờ đợi mà không nói lời nào, và khi ông trẻ tìm thấy viên kim cương, ông đã rất vui!”

Một tràng cười lớn vang lên do năm người đàn ông đeo mặt nạ không kìm nén được khi nghe những lời vừa rồi của Matakít.

Cyprien thì hoàn toàn không cười và mím môi bực bội. Không thể hiểu nhằm được qua giọng kể của cậu bé nam Phi! Câu chuyện của cậu rõ ràng là thật! Cyprien có lục tìm trong trí nhớ và trong tưởng tượng của mình những động cơ để nghi ngờ câu chuyện của cậu và thậm chí bác chuyện đó thì cũng vô ích! Chàng có tự nhủ:

“Một viên kim cương tự nhiên, để ở nhiệt độ như nhiệt độ trong lò, sẽ bốc hơi ấy chứ...”

Chiều hướng hay ho và đơn giản ấy đáp lại cho chàng rằng, do được lớp vỏ bọc đất sét bảo vệ, viên đá có thể tránh khỏi sức nóng hay chỉ chịu một



phần sức nóng thôi! Có thể chính vì cái nhiệt này mà viên ngọc chuyển màu đen! Có lẽ nào nó đã bay hơi rồi kết tinh trở lại trong vỏ bọc của nó!

Tất cả những suy nghĩ này tích tụ trong đầu chàng kỹ sư trẻ, rồi chúng kết hợp lại với tốc độ chóng mặt. Thật đáng kinh ngạc!

“Ta nhớ rất rõ đã thấy hòn đất trong tay của cậu bé da đen nam Phi vào cái ngày sập hầm, một trong những người đàn ông nêu nhận xét khi tiếng cười lắng xuống. Và thậm chí, cậu ta còn siết chặt nó trong những ngón tay co quắp, tới nỗi không thể lấy nó ra khỏi tay cậu ta!”

“Chà! Không còn mảy may nghi ngờ nữa!” một tên khác trả lời. “Liệu có thể sản xuất ra kim cương không? Trên thực tế, chúng ta đã quá ngu ngơ khi tin vào chuyện này!... Nó cũng gần giống như việc tìm cách chế tạo ra một ngôi sao ấy chứ!”

Và cả đám lại cười.

Cyprien đau đớn vì bọn họ vui cười hơn là vì sự thô bạo của đám bọn họ vừa nãy.

Rốt cuộc, sau khi năm người đàn ông thảo luận thâu đêm với nhau, tên cầm đầu nói tiếp:

“Chúng ta đã thống nhất, hấn ta nói, hoãn lại việc thi hành bản án xử tội anh, Cyprien Méré! Anh được tự do! nhưng hãy nhớ là bản án này luôn treo trên đầu anh! Chỉ một lời, một dấu hiệu hé răng với cảnh sát thì anh sẽ bị trừng phạt một cách tàn nhẫn đấy!... Ai hiểu được thì ắm vào thân!”

Hấn nói rồi theo đồng bọn của mình đi về phía cửa.

Căn phòng lặng chìm trong bóng tối. Cyrien tự hỏi rằng có phải mình mới vừa trở thành nạn nhân của một cơn ác mộng thường thấy hay không? nhưng những tiếng nức nở của Matakít, người vẫn đang nằm dài trên đất

mà khóc lóc âm ỉ, hai tay ôm đầu, đã khiến chàng tin rằng tất cả những gì vừa xảy ra không phải là mơ.

Đúng vậy, đó là thật! Chàng vừa thoát chết, nhưng với giá phải trả là sự nhục nhã cay đắng nhất! Chính chàng, kỹ sư ngành mỏ, sinh viên trường Đại học Bách Khoa, nhà hóa học ưu tú, nhà địa chất học đã có tiếng tăm, lại mắc bẫy thứ mưu mẹo xoàng của một cậu bé da đen khốn khổ! hay đúng hơn chính tính kiêu căng của chàng cùng lòng tự phụ nực cười đã khiến chàng mắc phải sai lầm không tên này! Chàng đã mù quáng tiến đến việc tìm ra một lý thuyết về hiện tượng kết tinh kim cương của mình!... Chẳng gì nực cười hơn thế! Chẳng phải đã qua nhiều thế kỷ chỉ duy có thiên nhiên mới có thể theo đuổi những công trình như thế hay sao?... Tuy nhiên ai mà chẳng làm Vì vẻ bề ngoài đó chứ? Chàng hy vọng thành công, đã chuẩn bị tất cả để đạt được điều đó và phải tin tưởng một cách logic rằng chàng đã đạt được nó!... Liệu có phải cái kích cỡ bất thường của viên kim cương được tạo thành để nuôi dưỡng cái ảo mộng này!... Một nhà bác học Despretz nào đó có lẽ đã chia sẻ ảo mộng này cùng anh!... Những lầm lẫn tương tự chẳng phải xảy ra mỗi ngày sao?... Chưa ai thấy những nhà nghiên cứu tiên cổ lão làng nhất lại đi chấp nhận những huy chương giả là thật sao?

Cyprien cố gắng tự trấn an mình như thế. Nhưng đột nhiên, một suy nghĩ khiến chàng hoảng sợ:

“Còn luận án của ta ở Viện hàn lâm!... Miễn sao những kẻ vô lại đã không chiếm lấy nó!”

Chàng đốt nến lên. Không! nhờ trời, luận án của chàng vẫn còn đó! Không ai thấy nó cả!... Chàng chỉ thở phào sau khi đã đốt nó.

Tuy nhiên, nỗi buồn của Matakít quá thống thiết đến nỗi chàng phải đích thân trấn an cậu. Cũng chẳng khó gì mấy. Vừa nghe những lời khoan dung đầu tiên của ông trẻ, cậu bé khốn khổ liền như được hồi sinh. Nhưng

Cyprien trấn an cậu rằng chàng không giận cậu và tha thứ cho cậu với điều kiện là cậu không được tiếp tục làm vậy nữa.

Matakit hứa với chàng nhân danh những gì thiêng liêng nhất, và chủ nhân của cậu lại đi ngủ tiếp, cả cậu cũng vậy.

Như vậy là kết thúc cái màn kịch mà suýt chút nữa trở thành bi kịch!

Nhưng, nếu màn kịch kết thúc đã kết thúc đối với chàng trai trẻ, thì đối với Matakit lại không phải vậy.

Quả vậy, ngày hôm sau, khi người ta biết *Ngọc Phương Nam* không là gì khác ngoài một viên kim cương tự nhiên, rằng viên kim cương này do một người da đen nam Phi tìm ra, người biết rất rõ giá trị của nó, thì mọi nghi ngờ về cậu bé lại xuất hiện mạnh mẽ hơn. John Watkins thì hét toáng lên. Chỉ có thể Matakit là tên trộm viên đá vô giá này! Sau khi nghĩ đến việc lấy được viên đá lần đầu - chẳng phải nó đã thừa nhận chuyện đó sao? - chắc chắn chính nó đã lấy trộm viên đá trong phòng tiệc.

Cyprien có phản đối bằng cách bảo lãnh cho tính trung thực của cậu bé da đen cũng chẳng ích chi, người ta không nghe chàng - có quá nhiều điều chứng minh rành rành rằng Matakit, vẫn luôn thề thốt rằng mình hoàn toàn vô tội, có vô vàn lý do để bỏ trốn và sai lầm biết mấy khi quay trở lại Griqualand.

Nhưng chàng kỹ sư trẻ không muốn từ bỏ việc này, chàng đưa ra một lý lẽ mà người ta không hề chờ đợi, và trong suy nghĩ của mình, chàng phải cứu Matakit.

“Tôi tin vào sự vô tội của cậu nhỏ,” chàng nói với John Watkins, “và, nếu có tội chẳng nữa thì điều này chỉ liên quan tới tôi! Dù là thiên nhiên hay nhân tạo, viên kim cương thuộc về tôi, trước khi tôi tặng nó cho nàng Alice...”

“Ôi! nó thuộc về anh sao?” Ông Watkins trả lời bằng một giọng nhạo báng.

“Dĩ nhiên là thế,” Cyprien trả lời. “Chẳng phải nó là do Matakít, người làm việc cho tôi, tìm ra trên mỏ của tôi sao?”

“Không có gì đúng hơn,” ông chủ trang trại trả lời, “và do đó nó là của tôi, theo những điều khoản trong hợp đồng của chúng ta, bởi lẽ ba viên kim cương đầu tiên được tìm thấy trong mỏ nhượng quyền của anh, phải được giao lại cho ta toàn quyền sở hữu!”

Nghe xong, Cyprien choáng váng, không biết trả lời gì nữa.

“Đòi hỏi của ta đưa ra là chính đáng chứ?” Ông Watkins hỏi.

“Hoàn toàn chính đáng,” Cyprien trả lời.

“Thế nên ta sẽ buộc anh phải thừa nhận quyền lợi của ta bằng giấy trắng mực đen, trong trường hợp chúng ta có thể làm cho tên ranh mãnh kia trả lại viên kim cương mà hắn ta đã trộm một cách trâng tráo!”

Cyprien cầm lấy tờ giấy trắng rồi viết:

*“Tôi thừa nhận viên kim cương do một người da đen làm việc cho tôi tìm thấy trên mỏ, theo các điều khoản hợp đồng chuyển nhượng của tôi, thuộc quyền sở hữu của ngài John Stapleton Watkins.*

*Cyprien Méré.*”

Thế đấy, họ sẽ thỏa thuận như vậy, một tình huống khiến giấc mơ của chàng kỹ sư trẻ tiêu tan. Thật vậy, nếu như viên kim cương không bao giờ xuất hiện trở lại, nó thuộc về, không phải với danh nghĩa là món quà, mà là của riêng của John Watkins, và thêm một hố sâu ngăn cách đã hình thành giữa Alice và Cyprien mà phải mất nhiều triệu mới bù đắp nổi.

Tuy nhiên, nếu như yêu sách của ông chủ trang trại làm tổn hại đến lợi ích của đôi bạn trẻ thì nó còn ảnh hưởng rõ hơn đối với Matakít! Bây giờ cậu bé đã gây thiệt hại cho John Watkins!... Chính John Watkins là người bị mất viên ngọc!... Và John Watkins không phải là người từ bỏ việc truy tố một khi ông tin đã tóm được kẻ trộm.

Cậu bé đáng thương đã bị bắt giữ và nhốt lại, và mười hai giờ sau sẽ bị treo cổ dù chẳng bị xét xử, bất chấp mọi cố gắng của Cyprien để nói tốt cho cậu nhỏ... nếu cậu không thể tự quyết định hoặc không thể trả lại viên *Ngọc Phương Nam*.

Thực tế là cậu bé không thể nào trả lại viên ngọc bởi vì cậu chưa bao giờ lấy nó, vụ việc đã quá rõ ràng và Cyprien cũng không biết phải làm gì nữa để cứu cậu bé bất hạnh mà chàng một mực tin không phải là thủ phạm.

# CHƯƠNG 22: MỎ KIM CƯƠNG

## KIỀU MỚI

Tuy nhiên, tiểu thư Watkins đã biết tất cả những chuyện xảy ra, biết rõ màn kịch của những người đàn ông đeo mặt nạ cũng như nỗi thất vọng tràn trề bất ngờ xảy đến với chàng kỹ sư trẻ.

“Anh Cyprien,” nàng nói với chàng, ngay khi chàng cho nàng biết mọi chuyện, “mạng sống của anh không đáng giá bằng tất cả viên kim cương trên thế giới sao?”

“Alice thân mến...”

“Chúng ta đừng nghĩ tới những điều đó nữa, từ giờ anh hãy từ bỏ kiểu thí nghiệm đó đi!”

“Tiểu thư ra lệnh cho tôi sao?...” Cyprien hỏi.

“Đúng thế!” cô gái đáp. “Tôi ra lệnh cho anh dừng lại, như tôi đã ra lệnh cho anh bắt đầu... bởi vì anh thích nhận mệnh lệnh từ tôi!”

“Vì tôi muốn thực hiện tất cả mệnh lệnh đó!” Cyprien vừa trả lời vừa nắm lấy bàn tay mà tiểu thư Watkins chìa cho chàng.

Nhưng khi Cyprien thông báo cho nàng bản án vừa áp lên đầu Matakít, nàng rụng rời tay chân - Nhất là khi biết cha nàng là người đã kết án.

Cả nàng cũng vậy, nàng không tin chuyện cậu bé da đen đáng thương kia phạm tội! nàng cũng đồng tình với Cyprien, nàng muốn làm tất cả để cứu cậu! nhưng biết phải làm sao đây, - Nhất là để thuyết phục John Watkins,



người trở nên cực kỳ cố chấp trong việc kết tội cậu nhỏ bất hạnh trong vụ này, chính ngài đã đưa ra những cáo buộc vô lý nhất!

Cũng phải nói thêm là ông chủ trang trại không nhận được bất kỳ lời thú tội nào từ Matakít, kể cả khi cho cậu thấy giá treo cổ được dựng sẵn cho cậu, kể cả khi cho cậu hy vọng về một đặc ân nếu như cậu nói ra. Vì mất hết hy vọng tìm lại được *Ngọc Phương Nam*, ông trở nên căm giận. Không ai có thể bắt chuyện với ông được nữa. Tuy nhiên con gái ông muốn thử gắng một lần cuối cùng với cha mình.

Ngày hôm sau của buổi kết án, ông Watkins, được bệnh gút nương tay hơn ngày thường một chút, đã tận dụng thời gian nghỉ ngơi này để sắp xếp ngăn nắp đóng giấy tờ. Ngồi trước cái bàn lớn hình trụ bằng gỗ mun được khảm gỗ dát vàng - một vật rất thú vị còn sót lại từ thời thuộc địa hà Lan, từ những thăng trầm của xứ Griqualand hẻo lánh này - ông kiểm tra kỹ lưỡng các giấy tờ chứng thực quyền sở hữu, những hợp đồng và thư tín của mình.

Phía sau ông, Alice cặm cụi khâu thùa mà không để tâm nhiều đến con đà điểu Dada đang đi đi lại lại trong phòng nàng với vẻ nghiêm trang thường lệ của nó - khi thì nhìn liếc qua cửa sổ, khi thì chăm chú nhìn với cặp mắt to như mắt người của nó, những cử động của ông Watkins và con gái của ông.

Bỗng một tiếng kêu thất thanh của ông chủ trang trại khiến tiểu thư Watkins ngẩng đầu lên nhìn:

“Con vật này thật không thể chịu nổi!” ông nói. “Nó vừa mới lấy mất mảnh giấy da của ta!... Dada!... Ở đây!... Trả nó cho ta ngay lập tức!”

Những từ này vừa tuôn ra thì một tràng chửi rủa đã nối tiếp ngay.

“Con vật kinh tởm này đã nuốt tờ giấy!... Một tài liệu rất quan trọng!... Bản gốc sắc lệnh cho phép khai thác mỏ Kopje của ta. Thật không thể tha thứ được!... Nhưng ta sẽ bắt nó phải nôn ra - phải bóp cổ nó...”



Ông đuổi theo con đà điểu, nó chạy hai hay ba vòng quanh phòng rồi cuối cùng nhảy qua cửa sổ - vốn nằm ngang mặt đất.

“Cha à,” Alice nói, “con lấy làm tiếc về việc làm ngu ngốc của con vật kia, cha hãy bình tĩnh, con xin cha! hãy nghe con nói!... Cha sẽ làm cha phát bệnh mất!”

Nhưng con thịnh nộ của ông Watkins đã lên đến đỉnh điểm. Việc con đà điểu chạy trốn càng làm ông thêm bực tức.

“Không!” Ông nói, giọng nghẹn lại, “quá lắm rồi!... Phải kết thúc chuyện này!... Ta không thể từ bỏ một trong những tài sản quan trọng nhất của ta

như vậy được!... Một viên đạn vào đầu sẽ là xứng đáng cho tên trộm này. Ta sẽ lấy lại mảnh giấy da của ta, ta dám khẳng định chuyện này đó!”

Alice mắt đăm lẹ, đi theo ông.

“Cha ơi, con xin cha, hãy tha cho con vật đáng thương này,” nàng nói. “Sau rốt, mảnh giấy đó quan trọng hơn tất cả sao? Chúng ta không thể có một bản sao thứ hai ư?... Cha muốn làm con đau khổ bằng việc giết Dada tội nghiệp trước mặt con chỉ vì một chút lỗi vậy sao?”

Nhưng John Watkins không muốn nghe gì cả, ông nhìn khắp mọi nơi, tìm kiếm nạn nhân của mình.

Cuối cùng ông cũng phát hiện ra nó đang trốn cạnh lều của Cyprien Méré. Ngay lập tức, nâng súng lên, ông chủ trang trại ngắm bắn nó; nhưng con Dada, như thể đoán trước những kế hoạch ngầm chống lại mình, vừa thoáng thấy động tác đó đã vội vàng trốn vào trong nhà.

“Đợi đó!... Đợi đó!... Ta sẽ bắt được mày, con vật đáng nguyên rủa kia!” John Watkins vừa hét vừa tiến về con vật.

Alice, mỗi lúc một thêm sợ hãi, liền lập tức đuổi theo cô gắng thuyết phục cha.

Hai cha con đến trước nhà của chàng kỹ sư trẻ và đi một vòng quanh nhà! Không thấy con đà điểu nữa! Không nhìn thấy John Watkins, đỏ mặt vì giận dữ, phát khùng lên rồi đứng phắt dậy. Dada nữa! Tuy nhiên, không thể có chuyện nó đã chạy xuống đồi rồi vì nếu vậy thì họ phải thấy nó ở quanh trại. Vậy nên hẳn là nó đã cố tìm một chỗ trú trong lều, sau cánh cửa hay cửa sổ mở ra phía sau.



Đó là điều John Watkins tự nhủ. Ông vội vàng quay trở lại rồi gõ cửa chính.

Cyprien ra mở cửa.

“Ngài Watkins?... Tiểu thư Watkins?... Hân hạnh tiếp hai người tại nhà tôi!...” chàng nói và hơi ngạc nhiên về chuyến viếng thăm bất ngờ này.

Ông chủ trang trại tất tưởi giải thích nhanh cho chàng về vụ việc trong tâm trạng rất phần nộ!

“À ra vậy, chúng ta sẽ cùng đi tìm thủ phạm!” Cyprien vừa trả lời vừa mời John Watkins và Alice vào nhà.

“Và ta cho anh biết là việc của nó sẽ sớm được giải quyết thôi!” ông chủ trang trại lặp lại, tay vung cây súng như một cây rìu của người da đỏ.

Cùng lúc ấy, ánh mắt van lơn của cô gái trẻ như nói với Cyprien tất cả nỗi sợ hãi đang đè nặng lên nàng vì ý định hành quyết này. Quyết định của chàng được đưa ra nhanh chóng và rất đơn giản: chàng quyết không tìm thấy con đà điểu.

“Lee,” chàng nói bằng tiếng Pháp với anh chàng người Hoa vừa bước vào, “tôi nghi là con đà điểu ở trong phòng anh đó! hãy bắt lấy nó, và cố gắng cho nó trốn ra theo cách nào thật khéo, trong lúc đó ta sẽ dẫn ngài Watkins ra phía đối diện!”

Không may là kế hoạch tuyệt vời đã mắc lỗi cơ bản. Con đà điểu rõ ràng đã lánh nạn trong căn buồng đầu tiên nơi việc tìm kiếm bắt đầu được thực hiện. Nó ở đó, rõ ràng đã cố thu nhỏ toàn thân lại, đầu giấu dưới một cái ghế, nhưng cũng dễ nhìn ra như mặt trời giữa buổi trưa.

Ông Watkins lao bỏ vào nó.

“A, con ranh kia, mày tính toán tốt đấy!” ngài nói.

Thế mà, tuy vẫn còn đang rất hung hăng, ông dừng lại một chút trước hành động quá đáng này: bắn một phát súng ngay sát gần trong căn nhà mà ít nhất tạm thời thì không còn là của ông.

Alice vừa ngoảnh mặt đi vừa khóc để không thấy việc này. Chính sự lo âu tột độ của nàng làm nảy ra trong chàng kỹ sư trẻ một ý tưởng sáng suốt.

“Ngài Watkins,” đột nhiên chàng nói, “ngài chỉ muốn có lại mảnh giấy của ngài thôi phải không? ... Như vậy, hoàn toàn không cần phải giết Dada để lấy lại nó! Chỉ cần mở dạ dày của nó ra thôi, tài liệu này chưa thể trôi qua dạ dày của nó đâu. Hay ngài cho phép tôi thực hiện cuộc phẫu thuật? Tôi đã

theo khóa học về động vật học tại bảo tàng, và tôi nghĩ mình đủ khéo để thực hiện ý định phẫu thuật này!”

Hoặc viễn cảnh của việc giải phẫu sống này làm dịu lại bản năng báo thù của ông chủ trang trại, hoặc là cơn giận của ông đã bắt đầu giảm xuống hay ông cảm nhận được, dù không muốn, nỗi đau thực sự của con gái mình, ông đã mềm lòng và đồng ý chấp nhận cách thức này.

“Nhưng ta không muốn mất tờ giấy!” ông tuyên bố. “Nếu nó không được tìm thấy trong dạ dày, chúng ta sẽ tìm kiếm chỗ khác! Phải tìm thấy nó bằng mọi giá!”

Cuộc phẫu thuật cũng không hề dễ dàng như người ta tưởng lúc ban đầu nếu xét thái độ cam chịu của con Dada đáng thương. Một con đà điểu, dù nhỏ, cũng có một cơ thể mà sức mạnh thực sự đáng gờm. Chỉ cần lướt nhẹ con dao phẫu thuật vào thôi là con vật đã nhảy dựng lên rồi, nó sẽ nổi nóng và giãy giụa điên cuồng. Vì thế Lee và Bardik được triệu tập để giúp Cyprien.

Mọi người thống nhất trước tiên là trói con đà điểu lại. Để làm việc này thì đồng dây thừng mà Lee có trong phòng được trưng dụng. Sau đó, một hệ thống xích chân và dây được buộc vào chân và mỏ của con Dada đáng thương, con vật không thể làm gì dù là hành động kháng cự nhỏ nhất.

Cyprien không đòi hỏi gì hơn thế. Để xoa dịu nỗi xúc động của tiểu thư Watkins, chàng muốn giảm tối đa đau đớn cho con đà điểu của nàng, chàng bao lấy đầu con đà điểu bằng miếng gạc tẩm thuốc mê. Sau đó, chàng bắt đầu tiến hành phẫu thuật, không phải không lo lắng về hậu quả của nó.

Alice, xúc động trước công việc chuẩn bị này, mặt tái xanh đi như người chết, tạm lánh sang phòng bên cạnh.

Cyprien bắt đầu đưa tay vào sờ từ phần dưới cổ của con vật để biết rõ vị trí của mê. Đó không phải việc khó vì mê tạt nên ở phần cao nhất của vùng



ngực một khối rất lớn, rắn, chắc, mà ngón tay cảm thấy rõ ràng giữa các bộ phận mềm bên cạnh. Da cổ được rạch cẩn thận bằng con dao nhíp. Nó khá to và chùng như da gà tây và có phủ lớp lông tơ màu xám, tách được ra dễ dàng. Vết cứa này gần như không làm chảy máu và được thấm sạch bằng một chiếc khăn ướt.

Trước hết Cyprien nhận ra vị trí của hai hay ba động mạch quan trọng, chàng cẩn thận tách chúng ra bằng mấy cái móc nhỏ bằng dây thép và để Bardik giữ. Sau đó, chàng mở một mô màu trắng, có ánh xà cừ, bịt lại một lỗ rộng trên phần xương đòn và sớm tiếp cận được mề của con đà điểu.

Ta cứ hình dung mề một con gà, gấp gần một trăm lần về thể tích, độ dày, trọng lượng, thì sẽ hình dung khá chính xác về cái bể chứa này.

Mề của con Dada có vẻ trông như một cái túi màu nâu, căng phồng do thức ăn và những thứ mà con vật háu ăn này đã nuốt trong ngày hay thậm chí là trong nhiều ngày trước đó. Chỉ cần nhìn bộ phận toàn thịt, khỏe khoắn, lành lặn này là đủ hiểu sẽ chẳng có nguy hiểm nào đe dọa nó cả.

Sẵn trong tay con dao sẵn mà Lee đặt vào tay chàng, sau khi đã đưa cho chàng phần lưỡi dao trước, Cyprien rạch một vết sâu trên khối thịt này.

Sau khi đã có vết mổ thì dễ dàng cho tay vào sâu tận đáy cái mề.

Tài liệu mà ông Watkins rất muốn lấy lại kia ngay tức khắc được tìm thấy và lôi ra. Nó bị cuộn tròn lại, hẳn nhiên là hơi nhàu nhưng hoàn toàn còn nguyên.

“Còn một cái khác nữa,” Cyprien nói rồi lại thọc tay vào trong mề rồi rút ra một viên bi bằng ngà.

“Viên bi của tiêu thư Watkins!” chàng kêu lên. “Thế mà ta nghĩ là con Dada đã nuốt nó từ hơn năm tháng nay! Rõ ràng là nó đã không thể lọt qua yết hầu!”

Sau khi đưa viên bi cho Bardik, chàng tiếp tục lục bên trong như một nhà khảo cổ học làm việc với những gì còn sót lại từ trại La Mã.

“Một chân nến bằng đồng!” chàng vừa kinh ngạc kêu lên vừa lấy ra gần như ngay lập tức một trong những dụng cụ nhỏ đã bị nghiền nát, bẹp rúm và ôxy hóa, tuy nhiên vẫn còn nhận ra được này.

Tiếng cười của Bardik và Lee trở nên ồn ào tới độ Alice, vừa mới vào phòng, không thể cưỡng được lại liền tiến tới chỗ hai người.

“Tiền xu!... Một cái chìa khóa!... Một cái lược sừng!...” Cyprien tiếp tục bản thống kê của mình.

Đột nhiên, chàng tái mặt đi. Ngón tay chàng vừa chạm vào một vật có hình dạng đặc biệt!... Không!... Không thể nghi ngờ gì nữa!... Tuy nhiên, chàng không dám tin vào một sự tình cờ đến vậy!

Cuối cùng, chàng rút tay khỏi cái mề rồi giơ cao cái vật chàng vừa nắm lấy...

Tiếng kêu thốt ra từ miệng John Watkins!

“*Ngọc Phương Nam!*”

Đúng vậy!... Viên kim cương nổi tiếng này đã được tìm thấy nguyên vẹn, không hề mất đi độ óng ánh của mình, và nó rạng ngời dưới ánh sáng ban ngày bên cửa sổ như một chòm sao!

Chỉ duy nhất một điều đặc biệt đập vào mắt các nhân chứng của cảnh tượng này - viên ngọc đã đổi màu.

Từ màu đen trước đây, *Ngọc Phương Nam* đã biến thành màu hồng - một màu hồng quỳên rũ, càng làm tăng thêm nếu có thể, độ trong trẻo và lộng lẫy của nó.

“Anh không nghĩ rằng việc này làm giảm giá trị của nó sao?” Ông Watkins liền hỏi, ngay khi ngài có thể cất lời, vì sự ngạc nhiên và niềm vui vừa rồi thoát tiên đã cắt đứt hơi thở của ông.



“Không hề giảm đi chút nào!” Cyprien trả lời. “Ngược lại là những viên ‘kim cương đổi màu’ quý hiếm! Rõ ràng là hình như trong mề của Dada không bị lạnh, bởi vì đây là hiện tượng biến đổi đẳng khác, càng gây tò mò hơn thì nó càng được xếp vào gia đình vô cùng, đột ngột về nhiệt độ dẫn tới những thay đổi màu sắc của các viên kim cương màu này, điều thường được giới nghiên cứu đưa ra!”

“Ôi!... Nhờ trời, mày đã được tìm thấy rồi, viên ngọc đẹp đẽ của ta!” ông Watkins vừa lặp lại vừa siết chặt viên kim cương trong tay, như để đảm bảo là mình không nằm mơ. Mày đã khiến ta vô cùng lo lắng vì đã bỏ đi, viên ngọc bội bạc à, giờ thì ta không bao giờ để mày trốn khỏi ta nữa!”

Ông đưa nó ra trước mắt mình, nhìn nó âu yếm, và dường như sẵn sàng nuốt lấy nó giống như con Dada!

Tuy nhiên, Cyprien nói Bardik đưa cho chàng một cái kim khâu có xỏ một sợi chỉ to, rồi cẩn thận khâu lại mề của con đà điểu; tiếp đó, sau khi khâu lại bằng một đường khâu nổi chỗ rạch ở cổ, chàng tháo các sợi dây buộc đã làm nó trở nên bất lực.

Dada, vì quá kiệt sức, cúi đầu và dường như không hề mảy may có ý định chạy trốn.

“Anh nghĩ nó sẽ hồi phục được không anh Cyprien?” Alice hỏi, xúc động vì sự đau đớn của con vật yêu quý hơn là việc viên kim cương tái xuất.

“Tất nhiên rồi tiểu thư Watkins, tôi tin nó có thể hồi phục được!” Cyprien trả lời. “Nàng nghĩ rằng tôi dám thử phẫu thuật nếu như mình không chắc về điều đó ư?... Không! Trong ba ngày tới, nó sẽ không thể nhúc nhích. Ta không cho phép Dada sau hai tiếng lại lấp đầy cái túi mà chúng ta vừa lấy hết đồ đạc ra đâu.”

Được trấn an bằng lời hứa này, Alice dành cho chàng kỹ sư trẻ ánh mắt biết ơn như trả công cho tất cả những nhọc nhằn mà chàng vừa trải qua.

Lúc này, ông Watkins, người rất cuộc đã tin rằng mình đang hoàn toàn tỉnh táo và thực sự đã tìm lại được viên ngọc tuyệt diệu của mình, rời chỗ cửa sổ.

“Anh Méré, ngài nói, với một giọng uy nghiêm và trang trọng, anh đã làm cho ta một việc vô cùng lớn, và ta không biết làm sao để trả công anh đây!”

Tim của Cyprien bắt đầu đập rộn ràng.

Trả công!... A, ngài Watkins có một cách cực kỳ đơn giản! Việc giữ lời hứa với ngài khó vậy sao, lời hứa gả con gái cho kẻ nào mang về cho ngài *Ngọc Phương Nam*! Và, trên thực tế, chẳng phải đó như thể là chàng vừa mang viên ngọc về từ lòng đất của Transvil?

Đó là những gì chàng đang tự nhủ thầm, nhưng chàng quá kiêu hãnh để nói suy nghĩ này thành lời và vả lại, chàng tin chắc rằng ý tưởng này sẽ tự nảy ra trong đầu ông chủ trang trại thôi.

Tuy nhiên, John Watkins không hề nói gì về chuyện đó, và sau khi ra hiệu cho cô con gái đi theo, ông rời túp lều và trở về nhà.

Khỏi phải nói, chỉ ít lâu sau, Matakít được thả tự do. Chỉ chút nữa thôi là cậu bé đáng thương phải trả giá bằng mạng sống của mình cho thói háu ăn của con Dada và thực tế là cậu đã thoát nạn.

# CHƯƠNG 23: CHÂN DUNG NGÀI CHỈ HUY

Kẻ may mắn John Watkins, giờ là chủ trang trại giàu nhất vùng Griqualand, sau khi thiết đãi bữa tiệc đầu tiên mừng sự ra đời của *Ngọc Phương Nam*, không thể làm gì tốt hơn là thiết đãi lần thứ hai, mừng cho sự tái sinh của viên ngọc. Chỉ có điều, lần này, người ta có thể chắc chắn rằng việc canh phòng sẽ được thắt chặt để viên kim cương không biến mất - và con Dada không hề được mời đến bữa tiệc.

Thế nên, buổi tiệc, vào buổi chiều hôm sau, đã hoàn toàn mang dáng vẻ lộng lẫy của nó.

Từ sáng sớm, John Watkins đã đi mời tất cả khách quen của mình, đặt mua thịt tại các cửa hàng của hạt, có lẽ đủ nuôi cả một binh đoàn, mua dòn về văn phòng mình đủ thứ thức ăn, mọi loại thực phẩm đóng hộp, mọi thứ rượu vang và rượu thơm ngoại mà các quán ăn quanh vùng có thể cung cấp.

Từ bốn giờ chiều, bàn ăn được xếp đặt trong gian phòng lớn, nhiều bình lọ được sắp xếp ngăn nắp trên tủ chén đĩa, và nhiều tảng thịt bò và thịt cừu thì đang được rô ti.

Đúng sáu giờ, khách mời đến dự tiệc xúng xính những trang sức rực rỡ nhất. Đến bảy giờ, tiếng nói chuyện ồn ào đến mức tiếng kèn hiệu cũng khó mà át sự huyên náo này. Ở đây có Mathis Pretorius, đã lại được yên thân, từ dạo anh không còn phải sợ những trò xấu của Annibal Pantalacci nữa, Thomas Steel rạng rỡ vẻ mạnh khỏe, tay môi giới Nathan, nhiều chủ trang trại, nhiều thợ mỏ, nhiều lái thương, nhiều cảnh sát.

Cyprien, theo lệnh của Alice, không thể từ chối tham dự buổi tiệc, bởi chính cô gái trẻ cũng buộc phải có mặt. Nhưng cả hai đều rất buồn bã - điều



này quá rõ ràng vì đức ông Watkins, trở nên giàu sụ gấp năm mươi lần, không còn nghĩ đến việc gả con gái mình cho một chàng kỹ sư quen “Người thậm chí còn chẳng biết chế tạo kim cương!” Vậy đấy, ông già ích kỷ đối xử với chàng học giả trẻ đến mức ấy, mà đáng nhẽ ông phải mang ơn chàng vì số tài sản mới đó.

Buổi tiệc cứ thế tiếp diễn trong niềm phấn khích không giấu giếm của thực khách.

Trước mặt ông chủ trang trại hạnh phúc - lần này không phải ở đằng sau nữa, viên *Ngọc Phương Nam* lấp lánh dưới ánh nến, được đặt trên một tấm đệm nhỏ bằng nhung xanh, dưới hai lớp bảo vệ, một lồng khung bằng kim loại và một bầu thủy tinh.

Mọi người nâng cốc đến hàng chục lần để mừng vẻ đẹp, độ trong trẻo tuyệt đối, vẻ rạng rỡ vô song của viên đá.

Bầu không khí lúc ấy nóng hừng hực.

Lẻ loi và khép mình giữa đám náo nhiệt, tiểu thư Watkins dường như không nghe thấy điều gì. Nàng nhìn Cyprien, người cũng trĩu lòng như nàng, và đôi mắt nàng như đang ngẩn lệ.

Đột nhiên, có ba tiếng đập mạnh lên cửa, làm tiếng nói chuyện ồn ào và tiếng cụng ly canh cách ngưng bật.

“Mời vào!” Ông Watkins hét lớn bằng giọng khàn khàn của mình. “Dù anh là ai, nếu anh đang khát, anh đến đúng lúc đấy!”

Cánh cửa mở ra:

Hình dáng cao và gầy của Jacobus Vandergaart hiện lên trên thềm cửa.

Tất cả thực khách nhìn nhau rất ngạc nhiên trước sự xuất hiện bất ngờ này. Khắp vùng, người ta đều biết những nguyên do của mối thù chia rẽ hai

người láng giềng John Watkins và Jacobus Vandergaart, họ biết rõ đến nỗi một chuỗi rì rào đang âm thầm lan quanh bàn tiệc. Ai cũng nghĩ sắp có điều gì đó nghiêm trọng.

Im lặng bao trùm. Mọi ánh mắt đổ dồn về phía người thợ ngọc già cả tóc bạc. Ông đứng thẳng, khoanh hai tay, đầu đội mũ, khoác áo dài đen dành cho những dịp long trọng, ông thậm chí có dáng vẻ muốn trả thù.

Ông Watkins tự cảm thấy một nỗi khiếp sợ mơ hồ xâm chiếm và cơn ớn lạnh ngấm trong người. Mặt ông tái đi dưới lớp da đỏ lựng ở hai gò má vì thói quen rượu chè. Tuy vậy ông chủ trang trại cố kìm nén cảm giác khó tả ấy, cảm giác mà ông không thể nhận biết.

“Ôi! Lâu quá rồi mới có vinh hạnh đón tiếp ông ở nhà tôi, ông láng giềng Vandergaart nhỉ, ông là người đầu tiên lên tiếng với Jacobus. Ngọn gió lành nào đưa ông đến đây tối nay thế?”

“Ngọn gió công lý đây, thưa bạn láng giềng Watkins!” ông già lạnh lùng đáp. “Tôi đến cho ông hay luật pháp rốt cuộc sẽ chiến thắng và gỡ rối vấn đề, sau bảy năm vắng bóng! Tôi đến báo ông rõ rằng thời khắc khôi phục đã điểm, rằng tôi về lại trên đất của tôi, rằng khu mỏ Kopje, vốn dĩ luôn mang họ tôi, từ giờ thuộc về tôi một cách hợp pháp, như nó vẫn từng thế trước pháp luật công minh!... John Watkins, ông đã cướp đi của cải thuộc về tôi!... Hôm nay, chính luật pháp sẽ cướp đi của cải của ông và buộc ông hoàn trả lại những gì đã lấy của tôi!”

Thoạt đầu John Watkins thấy ớn lạnh bao nhiêu trước xuất hiện đột ngột của Jacobus Vandergaart và trước mọi nguy hiểm mơ hồ đi kèm với nó, thì với bản tính nóng nảy và bạo lực, ông sẵn sàng mặt đối mặt với cơn nguy trực tiếp và cụ thể bấy nhiêu.

Thế nên, sau khi ngả người tựa vào lưng ghế bành, ông phá lên cười với vẻ khinh miệt nhất.

“Lão già điên rồi!” ông nói với các thực khách. “Tôi luôn nghĩ sợ lão bị nứt!... Nhưng hình như, từ ít lâu nay, chỗ nứt ấy càng to ra thì phải!”



Cả bàn tiệc vỗ tay tán dương sự lỗ mãng ấy. Jacobus Vandergaart không hề nhú mày.

“Cười người hôm trước hôm sau người cười!” ông vừa nghiêm nghị đáp vừa rút trong túi ra một tờ giấy. “Này John Watkins, ông nhớ phiên xử quyết định có mặt cả hai bên, được xử lại ở phiên phúc thẩm, đến cả nữ hoàng cũng không thể hủy bỏ phiên ấy, đã cấp cho ông những lô đất ở vị trí phía Tây của góc hai mươi lăm độ kinh Đông của kinh tuyến gốc Greenwich và cấp cho tôi những lô ở phía Đông kinh tuyến này chứ?”

“Chính xác là thế,” ông già lẩm cẩm đáng kính của tôi! John Watkins quát lên. “Vậy nên nếu đang ốm thì ông nên đi ngủ thì tốt hơn là đến quấy nhiễu những vị khách chính trực đang dự tiệc vốn chẳng liên quan gì đây!”

Jacobus Vandergaart mở tờ giấy ra.

“Đây là một thông cáo,” ông nói tiếp bằng giọng nhẹ nhàng hơn, “bản thông cáo của Ủy ban địa chính, do tổng đốc ký và đăng ký tại bang Victoria vào ngày hôm kia - xác nhận một sai sót kỹ thuật tồn tại đến tận ngày nay trên tất cả các bản đồ của vùng Griqualand. Sai sót này, do các nhà đo địa chính bận rộn mắc phải trong quá trình đo đạc trong hạt cách đây mười năm, vì đã không tính đến độ lệch từ trường trong việc xác định đúng hướng chính Bắc, và tôi có thể nói, lỗi ấy đã làm sai lệch tất cả bản đồ và bản vẽ có sử dụng thống kê của họ. Dựa trên cải chính mới có hiệu lực gần đây, đặc biệt là vị trí kinh độ thứ hai mươi lăm được lùi lại hơn ba dặm về phía Tây trên đường vĩ tuyến. Sự sửa đổi này, từ nay được áp dụng hợp pháp, trả lại cho tôi khu đồi Kopje vốn được giao cho ông trước đây - bởi rằng, theo ý kiến của tất cả những nhà cố vấn pháp lý và ngài chánh án trưởng, thư phán quyết sẽ không hề mất đi hiệu lực! Đây, ông John Watkins, đó là điều tôi đến để nói với ông.”

Hoặc giả ông chủ trang trại chỉ hiểu không trọn vẹn hoặc giả ông muốn dứt khoát từ chối hiểu rõ vấn đề, ông vẫn cố trả lời ông thợ ngọc già bằng một tràng cười giễu cợt.

Nhưng lần này, tràng cười kia đã gượng gạo, và nó không nhận được sự hưởng ứng của mọi người quanh bàn.

Những ai chứng kiến cảnh ấy, đều kinh ngạc nhìn Jacobus Vandergaart chăm chăm, và họ dường như ấn tượng sâu sắc trước sự nghiêm nghị, vẻ tự tin trong lời nói, sự vững vàng không thể lay chuyển toát ra từ con người ông.

Chính tay môi giới Nathan là người đầu tiên nói lên cảm xúc chung.

“Thoạt tiên, xem ra việc ông Vandergaart nói không hề vô lý, anh ta nhận xét với John Watkins. Suy cho cùng, sai sót về kinh độ ấy hoàn toàn có thể mắc phải, và có thể tốt hơn hết, trước khi tuyên bố, nên chờ những thông tin đầy đủ hơn chẳng?”

“Chờ đợi thông tin ư!” Ông Watkins vừa quát vừa đập mạnh xuống bàn. “Ta cứ luôn phải có thông tin!... Ta cóc cần thông tin!... Ta đang ở đây, ở tại nhà ta, đúng hay không? Có phải ta vẫn duy trì quyền sở hữu Kopje theo một phán xét cuối cùng, mà ngay đến lão cá sấu già kia cũng đã công nhận hiệu lực?... Vậy tốt rồi! Cái còn lại có quan trọng gì với ta chứ?... Nếu các người muốn ta lo lắng về của cải của mình, ta sẽ làm những gì ta đã từng làm, ta sẽ kiện ra tòa, chúng ta sẽ thấy ai là người chiến thắng.”

“Các phiên tòa đã truy xét trên mọi khía cạnh,” Jacobus Vandergaart đáp với sự đúng mực không thể lay chuyển. “Mọi chuyện giờ đây xoay quanh một câu hỏi: kinh độ thứ hai mươi lăm đi qua hay không đi qua đường ranh giới được xác định trên bản đồ địa chính? Thế nhưng, giờ đây, sai sót về điểm này đã chính thức được xác nhận, và kết luận không thể khác đi là khu đất Kopje thuộc về tôi.”

Nói đến đây, Jacobus Vandergaart chìa tờ giấy xác nhận chính thức mà ông đang cầm trên tay, và tờ giấy ấy đã được đóng dấu và dán tem đầy đủ.

Con khó ở của John Watkins tăng lên trông thấy. Ông ngọ nguậy trên ghế, cố gắng cười khẩy nhưng không nổi. Trong khoảnh khắc ấy, ánh mắt ông tình cờ nhìn xuống viên *Ngọc Phương Nam*. Ánh nhìn này dường như mang lại niềm tin mà ông ta đang dần mất đi.

“Dù chuyện ấy có thể sẽ xảy ra, ông kêu lên, nếu đi ngược lại mọi công lý, ta sẽ phải từ bỏ khu đất vốn đã được giao cho ta một cách hợp pháp và ta đã yên ổn hưởng thụ nó trong bảy năm qua, rốt cuộc thì có gì quan trọng với ta nào! Chẳng phải ta đã có thứ để tự an ủi mình đấy sao, chẳng phải chỉ cần

có viên ngọc quý giá này, ta có thể mang theo trong túi áo gi lê và tránh khỏi mọi điều ngạc nhiên đây sao?

“Ông lại sai nữa rồi, ông John Watkins,” Jacobus Vandergaart trả lời gãy gọn. “Viên *Ngọc Phương Nam* kể từ giờ là tài sản của tôi cũng như tất cả mọi thành phẩm từ khu đất Kopje nằm trong tay ông, cũng như đồ đạc trong nhà này, rượu trong các chai này, thịt còn lại trong đĩa này!... Ở đây, mọi thứ đều là của tôi, bởi lẽ mọi thứ đều là của cái ông đã lừa tôi!... Và ông đừng lo, ông ta thêm vào, tôi đã chuẩn bị cả rồi.”

Jacobus Vandergaart vỗ hai bàn tay dài gân guốc của ông.

Vừa lúc ấy, mấy viên cảnh sát mặc sắc phục đen xuất hiện ở cửa, theo ngay sau là một viên chức đại diện Quận trưởng, nhanh nhẹn bước vào và đặt tay lên một cái ghế.

“Nhân danh luật pháp,” ông nói, “tôi tuyên bố tịch thu tạm thời tất cả tài sản và mọi giá trị của cái chung bất kỳ trong ngôi nhà này!”

Mọi người đều đứng dậy, ngoại trừ John Watkins. Ông chủ trang trại, mệt mỏi rã rời, ngã ngửa vào chiếc ghế bành gỗ lớn của mình, như thể vừa bị sét đánh.

Alice chạy lại ôm cổ cha và tìm cách trấn an ông bằng những lời dịu dàng.

Tuy nhiên, Jacobus Vandergaart vẫn không rời mắt khỏi ông ta. Ông thậm chí thấy thương hại ông ta nhiều hơn là oán hận, đồng thời ông nhìn chăm chăm viên *Ngọc Phương Nam* tỏa sáng rực rỡ hơn bao giờ hết giữa tai ương này.

“Thế là hết...! Hết thật rồi...!”

Giờ đây duy chỉ có những lời ấy thốt ra từ đôi môi run rẩy của ông Watkins.



Đúng lúc ấy, Cyprien đứng lên, cất giọng nghiêm trang:



“Thưa ngài Watkins, bởi sự thịnh vượng của ngài bị đe dọa bởi một tai họa không thể cứu vãn, trong hoàn cảnh này, xin cho phép tôi chỉ nhìn thấy khả năng được xích lại gần tiểu thư con gái ngài!... Tôi xin hân hạnh được cầu hôn tiểu thư Alice Watkins!”

# CHƯƠNG 24: VIÊN KIM CƯỜNG VÕ VỤN

Lời cầu hôn ấy của chàng kỹ sư trẻ có tác dụng chuyển biến bất ngờ. Bất chấp bản chất bán hoang dã chẳng mấy nhạy cảm của họ, tất cả các khách mời của John Watkins không khỏi tán dương nồng nhiệt những lời ấy.

Alice đứng lặng lẽ bên cạnh cha nàng, mặt cúi gằm, tim đập phồng, nàng có lẽ là người duy nhất không hề tỏ vẻ ngạc nhiên trước lời đề nghị của chàng trai trẻ.

Ông chủ trang trại khốn khổ, lòng còn nặng trĩu bởi tai họa khủng khiếp vừa giáng xuống, ngẩng đầu nhìn lên. Thực ra, ông biết khá rõ Cyprien để yên tâm rằng nếu gả con gái cho chàng, ông vừa đảm bảo cho Alice cả tương lai lẫn hạnh phúc, nhưng ông chưa muốn, thậm chí bằng một cử chỉ, thể hiện rằng ông không còn phản đối đám cưới nữa.

Giờ đây, Cyprien lại thấy bối rối vì cách thể hiện trước đám đông do sự nồng nhiệt của tình cảm xui khiến, cả chàng cũng vậy, cảm thấy thế là lập dị, và bắt đầu tự trách mình vì đã không kiểm chế bản thân hơn một chút.

Chính trong tình huống bối rối chung và dễ hiểu ấy, Jacobus Vandergaart tiến một bước về phía ông chủ trang trại. Ông nói:

“Này ông John Watkins, tôi không thích lợi dụng chiến thắng của mình, và tôi không phải loại người thích khinh miệt đối thủ đã thua dưới tay mình! nếu tôi có đòi lại quyền lợi của tôi đó là vì bản phận một con người luôn phải làm điều ấy. Nhưng, bằng kinh nghiệm, tôi biết điều mà luật sư của tôi nói, vẫn biết đôi khi luật pháp nghiêm minh lại đồng nghĩa với sự bất công, và tôi không muốn người vô tội phải gánh lấy hậu quả của những sai lầm mà họ không gây ra!... Vả lại, tôi chỉ còn một mình trên cõi đời này và sắp

sửa xuống mồ đến nơi! Sự giàu có này có ích gì với tôi, nếu tôi không thể chia sẻ với ai đó?... Ông John Watkins này, nếu ông đồng ý tác hợp cho đôi trẻ, tôi mong chúng sẽ nhận viên *Ngọc Phương Nam* này làm của hồi môn, viên ngọc ấy tôi chẳng giữ để làm gì... ngoài ra, tôi hứa để chúng là người thừa kế tài sản của tôi và như vậy, trong khả năng có thể, tôi đền bù cho những thiệt hại ngoài ý muốn tôi đã gây ra cho cô con gái xinh đẹp của ông!”

Những lời ấy tạo nên cái gọi là “làn sóng hưởng ứng” trong các thực khách, như trong các biên bản đàm phán thường ghi. Mọi ánh mắt đổ dồn về phía John Watkins. Đôi mắt ông chột ngân ngấn, đôi tay run run ôm lấy mặt.

“Jacobus Vandergaart!...” rớt cuộc ông ta kêu lên, khó lòng kiềm chế cảm xúc tràn ngập đang khuấy động ông. “Quả thật!... Ông là một người nhân hậu, và ông trả thù cho điều ác tôi đã gây ra cho ông một cách cao cả, ông mang lại hạnh phúc cho con trẻ!”

Cả Alice và Cyprien đều không thể thốt nên lời nào nhưng ánh mắt đã trả lời thay cho họ.

Ông già chìa tay về phía địch thủ và ông Watkins nồng nhiệt nắm lấy.

Mọi người đang có mặt đều như muốn khóc, thậm chí viên cảnh sát già tóc hoa râm, vốn khô khan như bánh quy vùng Amiraute, mắt cũng ngấn lệ.

Về phần John Watkins, ông đã thực sự có biến chuyển. Nét mặt ông giờ đây vừa khoan dung vừa hiền lành, hơn hẳn vẻ cứng nhắc và hung dữ lúc nãy. Còn Jacobus Vandergaart, gương mặt khắc khổ của ông đã lấy lại vẻ nhân từ thanh thản nhất như mọi khi.

“Chúng ta hãy quên mọi chuyện,” ông nói lớn, “và nếu ngài sĩ quan của Quận trưởng cho phép dùng số rượu mà ngài đã tịch thu, chúng ta hãy uống mừng hạnh phúc của đôi bạn trẻ này.”

“Một sĩ quan cảnh sát đôi khi có nghĩa vụ ngăn cản việc mua bán thức uống có kiểm soát,” viên cảnh sát vừa nói vừa cười, “nhưng anh ấy chưa hề phản đối việc tiêu thụ chúng.”

Thế theo những lời nói hài hước ấy, những chai rượu cứ thế xoay vòng và môi thân tình khăng khải nhất lại lan rộng khắp phòng ăn.

Jacobus Vandergaart ngồi bên phải John Watkins và bàn với ông những kế hoạch trong tương lai.

“Chúng ta sẽ bán tất cả, và theo bọn trẻ đến châu Âu!” ông nói. “Chúng ta sẽ sống ở nông thôn, gần bên chúng, và chúng ta sẽ vẫn còn những ngày tươi đẹp phía trước!”

Alice và Cyprien ngồi cạnh nhau, thì thầm bằng tiếng Pháp, cuộc chuyện trò đó có vẻ không kém phần thú vị nếu xem qua vẻ sôi nổi ở hai người họ.

Thời tiết bỗng trở nên nóng hơn bao giờ hết. Một hơi nóng ngọt ngào và hùng hực khiến những đôi môi kẻ miệng ly khô rát và biến các thực khách thành những cái máy điện sẵn sàng hút sạch rượu. Có mở toang tất cả cửa sổ và cửa ra vào cũng vô ích. Không có mảy may lấy một cơn gió nào làm lay động ngọn nến.

Ai nấy đều cảm thấy chỉ có một giải pháp cho bầu không khí bức bối ấy là cơn mưa giông, kèm theo sấm sét và những trận mưa như trút nước, vốn là sự kết hợp của các nhân tố thiên nhiên ở miền nam Phi này. Cơn giông ấy, ai nấy đều ngóng đợi nó, đều hy vọng nó đến, như để giải khuây.

Bất thành linh, một tia chớp vụt lóe lên khiến mặt ai cũng tái xanh, và gần như trong chớp mắt, sấm sét ì ầm trên cao nguyên, báo hiệu cơn cuồng nộ sắp bắt đầu.



Ngay lúc ấy, một trận cuồng phong bất chợt ủa vào gian phòng khiến nến tắt hết. Sau đó, không hề có một sự chuyển tiếp nào, mưa như thác đổ từ trên trời và cơn đại hồng thủy bắt đầu.

“Quý vị có nghe thấy tiếng động nhỏ gãy gọn và như có đồ gì vỡ ngay sau tiếng sét không?” Thomas Steel hỏi, trong khi mọi người vội vàng đóng cửa sổ và thấp lại nến. Nghe như tiếng một bầu thủy tinh bị vỡ!

Theo bản năng, mọi ánh mắt ngay lập tức hướng về viên *Ngọc Phương Nam*...

Viên kim cương đã biến mất.

Thế nhưng, cả lồng sắt và bầu thủy tinh bao quanh nó, không hề bị dịch chuyển, rõ ràng không một ai có thể chạm vào nó được.

Một hiện tượng xem ra thật kỳ lạ.

Cyprien, nhào người về phía trước, nhận ra trên tấm lót nhung xanh, nơi đặt viên kim cương, xuất hiện một loại bụi màu xám. Chàng không tìm được tiếng thét sững sốt và giải thích sơ lược điều vừa mới xảy ra.

“Viên *Ngọc Phương Nam* đã nổ tung!” chàng nói.

Mọi người ở Griqualand đều biết, đây là một chứng bệnh kỳ lạ của kim cương vùng này. Không ai nói ra vì nó sẽ làm giảm đáng kể giá trị kim cương của họ; nhưng sự thật là, sau một phản ứng phân tử chưa giải thích được, thỉnh thoảng những viên đá quý nhất nổ tung như một quả pháo bình thường. Trong tình huống ấy, nó chẳng còn gì ngoài một nhúm bụi, chỉ có giá trị cho một số ứng dụng công nghiệp.

Chàng kỹ sư trẻ bận tâm nhiều đến những khía cạnh khoa học của vụ tai nạn hơn là việc mất mát to lớn mà viên ngọc ấy gây ra cho chàng.

“Điều kỳ lạ ở đây, chàng nói giữa đám đông đang sững sờ, không phải vì viên đá bị nổ trong những điều kiện này mà vì mãi đến hôm nay nó mới nổ tung! Thông thường, những viên kim cương nổ sớm hơn, hoặc ít ra là trong vòng mười ngày sau khi được gọt đẽo phải không bác *Vandergaart*?”

“Hoàn toàn chính xác! Đây là lần đầu tiên trong đời ta thấy một viên kim cương bị nổ ba tháng sau khi gọt đẽo!” ông lão thở dài nói. “Thôi nào! Số phận đã định *Ngọc Phương Nam* chẳng ở cùng ai! ông nói thêm. Ta nghĩ lẽ ra chỉ cần phết lên viên đá một lớp mỡ mỏng để ngăn chặn thảm họa này là đủ...”

“Thật sao?” Cyprien thỏa mãn hét lớn khi cuối cùng đã tìm ra lời giải đáp cho một vấn đề hóc búa. “Trong trường hợp này mọi thứ đều dễ hiểu!



Không nghi ngờ gì nữa, viên ngọc mỏng manh có lẽ đã nhờ một lớp màng mỏng bảo vệ ở trong bụng của Dada, chính điều này giúp nó kéo dài sự tồn tại tới ngày hôm nay! Lẽ ra nó đã phải bị nổ tung cách đây bốn tháng để chúng ta khỏi phải trải qua cả một chặng đường xuyên suốt tỉnh Transvaal!”

Lúc này, mọi người mới nhận thấy John Watkins dường như đang bút rút và ngọ nguậy liên hồi trên chiếc ghế của ông, rồi ông nói, mặt đỏ bừng đầy phần nộ.

“Làm sao mà các người có thể coi một thảm họa thế này nhẹ nhàng đến thế? Các người đến đây bàn tán về năm mươi triệu tan thành mây khói cứ như thể đấy chỉ là một điều thuốc bình thường!”

“Điều đó cho thấy rằng chúng tôi là những nhà triết học!” Cyprien trả lời. “Khi sự thông thái trở nên cần thiết, ta phải là nhà thông thái.”

“Các người cứ làm triết gia đến bao lâu tùy các người!” ông chủ trang trại vặc lại, “nhưng năm mươi triệu là năm mươi triệu chứ chẳng phải là cái móng ngựa!... Nay Jacobus, hôm nay ông đã cho tôi một điều tuyệt vời mà chẳng cần suy nghĩ gì! Bản thân tôi cũng vậy, tôi đã nghĩ nếu *Ngọc Phương Nam* còn là của tôi thì tôi cũng sẽ nổ bung ra như một hạt dẻ mất thôi.”

“Ngài còn muốn gì nữa?” Cyprien vừa trả lời vừa âu yếm nhìn khuôn mặt tươi tắn của tiểu thư Watkins đang đứng cạnh chàng. “Ngay tối nay, tôi đã chinh phục được một viên kim cương quý giá nhất và sự biến mất của bất kỳ viên đá nào khác sẽ không tác động đến tôi được nữa!”

Vậy đấy, con đường danh vọng của viên kim cương chế tác lớn nhất mà cả thế giới chưa từng biết đến đã kết thúc chỉ trong chớp mắt, xứng tầm với câu chuyện của nó, rất gọn ghẽ và thật hoành tráng.

Đúng như mọi người nghĩ, một kết thúc như vậy góp phần không nhỏ vào việc khẳng định những quan điểm mê tín về viên đá đang lan truyền khắp

Griqualand. Hơn bao giờ hết, những người da đen cũng như cánh thợ mỏ càng như được đảm bảo rằng những viên đá lớn đến thế chỉ có thể mang lại điều bất hạnh.

Jacobus Vandergaart tự hào vì đã chế tác nó, còn Cyprien từng nghĩ sẽ tặng nó cho bảo tàng Trường Mỏ Địa chất, thực ra giờ lại cảm thấy buồn phiền hơn là muốn thừa nhận vì kết cuộc bất ngờ này. Nhưng nhìn chung mọi người vẫn đi đúng con đường mình đã chọn và người ta chỉ biết nói là đã mất đi rất nhiều trong vụ này.

Tuy nhiên, tất cả sự kiện dồn dập này, cảm giác đau xót, việc mất đi của cái cùng với việc mất *Ngọc Phương Nam* đã khiến John Watkins vô cùng đau đớn. Ông nằm liệt giường, héo mòn một vài ngày rồi ra đi. Sự săn sóc tận tình của cô con gái và Cyprien hay thậm chí là lời động viên đầy mạnh mẽ của Jacobus Vandergaart, người luôn túc trực nơi đầu giường và ra sức an ủi ông cũng không thể làm dịu bớt cú sốc tồi tệ đó. Tất cả đều vô ích dù người đàn ông tuyệt vời này đã trò chuyện với ông về những kế hoạch trong tương lai, nói về *Kopje* như một tài sản chung, hỏi ý kiến ông về những giải pháp cần làm và luôn kéo ông tham dự vào những dự định của mình. Ông chủ trang trại già đã bị đánh vào lòng kiêu ngạo, vào nỗi ám ảnh của cái, vào thói ích kỷ và vào những thói quen của mình; ông cảm thấy tuyệt vọng.

Một tối, ông kéo Alice và Cyprien lại rồi đặt tay họ lên nhau mà không nói lời nào rồi trút hơi thở cuối cùng. Ông đã ra đi sau mười lăm ngày kể từ ngày viên ngọc yêu quý của ông biến mất.

Trên thực tế, dường như có một mối liên hệ chặt chẽ giữa sự giàu sang của con người này và số phận của viên đá kỳ lạ kia. Ít nhất thì trong một phạm vi nào đó mà không chứng minh bằng lý lẽ, nhiều sự trùng hợp ngẫu nhiên đã giải thích ý kiến mê tín bao trùm lên Griqualand. Sự xuất hiện của viên đá có một không hai trên thế giới *Ngọc Phương Nam* đã mang tới “điều bất hạnh” cho chủ nhân của nó và đánh dấu thời kỳ suy tàn của ông chủ trang trại già.

Nhưng điều mà những tay ngòi lê đôi mách không nhìn thấy đó là nguồn gốc thực sự của bất hạnh này chính do những sai lầm của John Watkins - Như một định mệnh, những sai lầm đó là mầm mống dẫn đến bất hạnh và cảnh sạt nghiệp. Nếu chúng ta đi đến tận cùng mọi việc thì nhiều nỗi bất hạnh trên thế giới này vốn dĩ được cho là sự thiếu may mắn huyền bí, lại chỉ có cơ sở duy nhất chính là những hành vi của những người gánh chịu nó. Và có cả những nỗi bất hạnh không đáng có, nghĩa là vô số những lôgic tuyệt đối được suy ra từ những tiền đề mà chủ thể đặt ra, như kết luận của một tam đoạn luận. Nếu như John Watkins bớt ham lợi lộc, nếu ông không quá coi trọng và cả nhanh chóng tham gia tổ tụng liên quan tới những tinh thể cacbon kia vốn thường được gọi là kim cương thì việc khám phá và biến mất của *Ngọc Phương Nam* có thể sẽ khiến ông thờ ơ - Như nó đã làm với Cyprien - sức khỏe, thể trạng và tinh thần của ông sẽ không phó mặc cho một tai nạn kiểu như vậy. Nhưng ông đã đặt trọn tâm trí của mình vào những viên kim cương: chính vì kim cương mà ông phải chết.

Vài tuần sau đó, đám cưới của Cyprien Méré và Alice Watkins được tổ chức đơn giản và ngập tràn niềm vui của mọi người. Alice giờ là vợ của Cyprien... nàng còn đòi hỏi gì hơn nữa ở thế giới này?

Vả lại, còn chàng kỹ sư giàu có hơn nàng tưởng, thế nhưng bản thân chàng cũng không tin vào điều đó.



Quả thật, sau khi khám phá ra *Ngọc Phương Nam*, khu mỏ của chàng đã thu được một giá trị đáng kể mà chính chàng cũng không ngờ. Trong chuyến xuyên Transvaal của chàng, Thomas Steel tiếp tục việc khai thác ở đây. Việc khai thác này mang đến rất nhiều lợi nhuận và các lời đề nghị đổ về liên tục để mua phần hùn vốn của chàng. Chàng đã bán được hơn một trăm ngàn franc trước khi đi châu Âu.

Alice và Cyprien nhanh chóng rời Griqualand để trở lại Pháp. Họ đi khi đã yên tâm về số phận của Lee, Bardik và Matakít - công việc béo bở mà Jacobus Vandergaart muốn cộng tác với họ.

Thật ra thì ông thợ ngọc già vừa bán Kopje cho một công ty do cựu môi giới Nathan điều hành. Sau khi thanh lý thành công, ông về Pháp đoàn tụ với những đứa con nuôi của mình, những người con đã được đảm bảo về của cải cũng như hạnh phúc sau này nhờ vào công việc của Cyprien, công trạng của chàng và sự đón tiếp của giới học giả dành cho chàng khi trở về.

Về phần Thomas Steel, anh quay lại Lancashire với hai mươi nghìn bảng Anh rồi lập gia đình, đi săn cáo như một quý ông, mỗi tối đều uống rượu Porto; đó chẳng phải là những gì anh làm tốt nhất hay sao.

Vandergaart-Kopje vẫn chưa cạn kiệt. Nó tiếp tục cung cấp trung bình mỗi năm một phần năm lượng kim cương xuất khẩu từ tỉnh Cap nhưng từ đó không tay thợ mỏ nào có được may mắn hoặc bất hạnh tìm lại ở nơi đây một viên *Ngọc Phương Nam* nào khác nữa.

**HẾT**

**nha nam** **kinh điển**

**N**gọc Phương Nam xứng đáng được độc giả hâm mộ tác phẩm Jules Verne quan tâm nhiều hơn, vì tuy không nổi tiếng bằng *Tám mươi ngày vòng quanh thế giới*, *Hai vạn dặm dưới đáy biển* hay *Năm tuần trên kính khí cầu*, nhưng Ngọc Phương Nam lại chứa đựng một số phương diện hiếm thấy ở ngòi bút nhà văn vĩ đại của dòng văn chương khoa học viễn tưởng. Tác phẩm đưa ta vào thế giới kỳ bí, vừa hoang sơ vừa hùng tráng, vừa thô mộc vừa diễm lệ của những viên kim cương, đưa ta vào công việc lao động chân tay và cuộc sống chất phác, lao khổ của người thợ mỏ kim cương, cuộc sống ấy được đặt bên cạnh và tương phản mãnh liệt với tính chất phù phiếm tột cùng của thế giới đá quý. Lẽ dĩ nhiên, Jules Verne cũng đặt màu da đen của người Phi đối lập với những người da trắng chủ mỏ. Và trên tất cả, Ngọc Phương Nam cho ta thấy ngay cả người sáng lập dòng văn chương khoa học viễn tưởng hiển hách cũng không thể tránh có lúc bần tẻ (và bần rất hay) về tình yêu.



Giá: 76.000đ







# CHÚ THÍCH

[1] Cụm từ gốc “costume de voyage”: cụm từ chỉ một loại trang phục nam giới giữa thế kỷ 19, bao gồm váy và áo choàng dài hình nón. (Mọi chú thích không có lưu ý gì thêm đều là của người dịch.)

[2] Một dặm Anh bằng 1609 mét. (Chú thích của tác giả)

[3] Nguyên bản “By Jove!”: từ cảm thán tiếng Anh thời Trung Cổ diễn đạt sự ngạc nhiên. Jove nghĩa là Jupiter, vua của các vị thần La Mã.

[4] Phần lớn người Boër hoặc nông dân gốc Hà Lan ở Nam Phi đều có gốc Pháp, sau khi “Chỉ dụ Nantes” bị hủy, họ sang Hà Lan, rồi di cư sang Tỉnh Cap thuộc địa. (Chú thích của tác giả)

“Chỉ dụ Nantes” do vua Henri IV (Pháp) ký năm 1598, công nhận quyền tự do tôn giáo với các tín đồ Tin Lành và chấm dứt cuộc chiến tranh tôn giáo ở Pháp. (Chú thích của người dịch)

[5] Cụm từ gốc “Arche de Noé” nghĩa là “Con tàu của Noé”: theo Kinh Cựu Ước, đó là một chiếc thuyền lớn nổi trên nước, được làm ra theo lệnh của đức Chúa, nhằm cứu Noé, gia đình và các chủng loại động vật khỏi nạn Đại Hồng Thủy.



[6] Mỗi piê có độ dài khoảng hơn 30 cm.

[\[7\]](#) 10.000 franc.

[\[8\]](#) 2.250 franc.

[9] Bằng 0,053 gram.

[\[10\]](#) Chính xác là 0,2052 gram. (Chú thích của tác giả)

[11] Attila (406-453), là Vua của đế chế Hung Nô (434-453), đã tạo dựng một đế chế của người Hung trải dài từ Đức đến sông Ural, rồi từ sông Danube tới biển Baltic. Đối với nền văn minh phương Tây, vị vua này hiện thân cho sự hủy diệt.



[12] Người Boër này tên là Jacobs. Một thương nhân Hà Lan mang họ Niekirk, du hành đến nơi ấy cùng một thợ săn đà điểu tên O'Reilly, đã nhìn thấy trên tay của lũ con nhà Jacobs đang chơi đùa một viên kim cương mà anh ta mua với giá vài xu và bán lại giá mười hai nghìn năm trăm franc cho ngài Philip Woodehouse, thống đốc tỉnh Cape. Viên đá ấy lập tức được chế tác và gửi đến Paris để trưng bày tại Triển Lãm Hoàn Vũ ở Champ de Mars, vào năm 1867. Từ đấy, trung bình mỗi năm đất Griqualand cung cấp sản lượng kim cương trị giá bốn mươi triệu franc. Một tình huống khá ly kỳ, đó là sự tồn tại của các mỏ kim cương ở vùng này từng được biết đến trước đây, rồi bị lãng quên. Các bản đồ cổ thế kỷ mười lăm có ghi tại điểm ấy: *Here Diamonds "Ở đây có kim cương"*. (Chú thích của tác giả)

[13] Đơn vị đo trọng lượng tương đương nửa kilôgam.

[14] Cách gọi những người tới tìm những mỏ khoáng chất hay đá quý hoặc bằng cách phó mặc cho may rủi, hoặc bằng cách tiến hành những thăm dò có hệ thống. (Chú thích của tác giả)

[15] Người Phi sống ở những vùng nhiều cây bụi.

[16] Một loại roi gồm cán tay cầm bằng gỗ dài 30 đến 40 cm, một đầu cán gỗ gắn chín sợi dây da bền dài 40-60 cm, ở mỗi một đầu di động của dây da được thắt nút hoặc có gắn một móng kim loại. Loại roi này được dùng để xử phạt trong quân đội Anh. Năm 1838 hình phạt này bị loại bỏ khỏi quân đội, sau đó được sử dụng lại, rồi hoàn toàn xóa bỏ kể từ năm 1870.

[17] 1 put Anh bằng 27mm. (Chú thích của người dịch)



[18] Người Nam Phi gốc Âu.

[19] Một tỉnh của Thụy Sĩ.

[20] Nguyên bản dùng từ “pouce”, đơn vị đo lường cũ bằng khoảng 27mm.

[21] Nguyên bản dùng từ “aune”, đơn vị đo lường cũ bằng 1,18 đến 1,20m.

[22] Một loại quạt Ấn Độ, làm từ lá cọ, thường do các người hầu đứng quạt.